

BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG BẮC THÁI

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
TỈNH BẮC THÁI**

TẬP 1



*Từ căn cứ đặt tại linh ta, Bác Hồ đã cùng với Trung ương Đảng và Chính phủ
lãnh đạo toàn dân kháng chiến chống thực dân Pháp.*

1949:

“Sau hai năm ra sức bám lấy Bắc Kạn, ngày nay giặc Pháp đã bị đuổi ra khỏi căn cứ quan trọng ấy.

“Trong cuộc kháng chiến trường kỳ của ta, lần này là lần đầu tiên một thị xã quan trọng đã được giải phóng. Cuộc thắng lợi này sẽ làm đà cho những thắng lợi khác to lớn hơn, vẻ vang hơn”.

1964:

“Tỉnh ta có nhiều điều kiện rất thuận lợi, toàn thể đồng bào và cán bộ phải ra sức làm cho Thái Nguyên trở thành một trong những tỉnh giàu có, phồn vinh nhất ở miền Bắc nước ta”.

HỒ CHÍ MINH

LỜI GIỚI THIỆU

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Bắc Thái đã phát huy truyền thống tốt đẹp, đoàn kết một lòng, kiên trì phấn đấu, liên tiếp giành được những thắng lợi to lớn. Những thắng lợi ấy góp phần quan trọng xây dựng nên lịch sử đấu tranh cách mạng rất vẻ vang của toàn Đảng, toàn dân.

Tổng kết kinh nghiệm và ôn lại lịch sử truyền thống là những phương pháp tốt để nhận thức hiện tại và phát huy thế mạnh về chính trị. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ ba (tháng 9 năm 1960) cũng như Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ tư (tháng 12 năm 1976) đều nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác tổng kết kinh nghiệm. Gần đây, trong nghị quyết “về kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam, kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, kỷ niệm lần thứ 35 ngày thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa”. Bộ Chính trị Trung ương Đảng giao nhiệm vụ: trong hai năm 1979- 1980, “các tỉnh, hoàn thành việc nghiên cứu biên soạn sơ thảo lịch sử Đảng bộ”.

Thực hiện nghị quyết của Trung ương, Ban thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái đã chỉ đạo việc nghiên cứu lịch sử Đảng bộ. Đây là một công tác mới mẻ và có không ít khó khăn. Tuy vậy, có sự ủng hộ của đồng bào các dân tộc, của cán bộ, đảng viên, đặc biệt là các đồng chí cách mạng lãnh thành, việc nghiên cứu lịch sử Đảng đã đạt được những kết quả bước đầu.

Để giúp cán bộ, đảng viên và đồng bào các dân tộc trong tỉnh ôn lại nhưng trang sử vẻ vang từ khi có Đảng lãnh đạo, trong dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 1980 và chào mừng Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ ba, Ban thường vụ Tỉnh ủy quyết nghị xuất bản tập I “Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái”.

Ban thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy Đảng, các đoàn thể quần chúng thông qua việc tổ chức cho cán bộ đảng viên và đồng bào các dân tộc ôn lại những trang sử vẻ vang của tỉnh và củng cố hơn nữa lòng tin ở sự lãnh đạo của Đảng, phát huy hơn nữa truyền thống yêu nước và cách mạng, nhằm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ trong giai đoạn mới là đẩy mạnh sản xuất, ổn định và bảo đảm đời sống; tăng cường quốc phòng và an ninh, sẵn sàng chiến đấu chống xâm lược bảo vệ Tổ quốc; kiên quyết đấu tranh khắc phục những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội.

Bản sơ thảo “Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái” gồm hai tập. Tập I từ khi xây dựng các cơ sở Đảng đầu tiên đến kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Tập II từ năm 1954 đến nay. Do khó khăn về tài liệu, do trình độ và năng lực của cán bộ có hạn, chắc chắn cuốn sách còn nhiều thiếu sót. Ban thường vụ Tỉnh ủy mong rằng các đồng chí cán bộ, đảng viên hoạt động lâu năm và bạn đọc tham gia nhiều ý kiến, để sớm xây dựng được một cuốn lịch sử chính thức cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY BẮC THÁI

Bí thư

Vũ Ngọc Linh

Chương mở đầu

TỈNH BẮC THÁI

Theo sử cũ, thuở dựng nước, các vua Hùng chia đất đai làm mười lăm bộ. Tỉnh ta thời ấy là đất bộ Vũ Định. Cũng như các bộ khác, bộ Vũ Định do một lạc tướng đứng đầu. Khoảng đầu công nguyên, chế độ lạc tướng chấm dứt. Bộ chuyển thành huyện. Riêng tên vũ Định vẫn giữ như cũ.

Dưới các triều đại Lê, Lý, tỉnh ta là đất châu Thái Nguyên rồi châu Vũ Lặc. Năm 1397, nhà Trần đổi châu Vũ Lặc thành trấn Thái Nguyên. Năm Quang Thuận thứ bảy (1466) Lê Thánh Tông chia nước làm mười hai đạo. Ba năm sau (1469), trên cơ sở định lại bản đồ hành chính, nhà Lê chia nước làm mười hai thừa tuyên. Đạo Thái Nguyên được đổi thành thừa tuyên Ninh Sóc. Năm Hồng Đức thứ hai mươi một (1490), lấy lại tên cũ và gọi là xứ Thái Nguyên. Xứ Thái Nguyên thời Hồng Đức bao gồm ba phủ là Phú Bình, Thông Hóa và Cao Bằng.

Cuối thế kỷ mười sáu, cuộc tranh giành quyền lực giữa các tập đoàn phong kiến (Mạc, Trịnh, Nguyễn) dẫn đến tình trạng cát cứ và xung đột liên miên. Từ năm 1592 cho đến những năm bảy mươi của thế kỷ mười bảy, xứ Thái Nguyên bị chia cắt, phần phía bắc thuộc nhà Mạc, phần phía nam thuộc họ Trịnh, Tỉnh ta là nơi thường xuyên xảy ra các cuộc giao chiến quyết liệt nên trên thực tế đơn vị hành chính cấp xứ không tồn tại.

Sau chiến tranh Lê - Mạc (1677), Cao Bằng trước thuộc Thái Nguyên được tách ra để lập một đơn vị hành chính trực thuộc triều đình phong kiến trung ương gọi là trấn Cao Bằng. Trấn Thái Nguyên chỉ còn lại phần đất hai phủ Phú Bình và Thông Hóa. Thủ phủ của trấn đặt Bình Kỳ (nay là Đa Phúc).

Đầu thời Nguyễn (1807), Gia Long cắt phần đất phía nam về Bắc Ninh, Thủ phủ Thái Nguyên chuyển về Đồng Mỗ (nay thuộc thành phố Thái Nguyên). Năm 1831 Minh Mệnh đổi trấn thành tỉnh. Tỉnh Thái Nguyên lúc

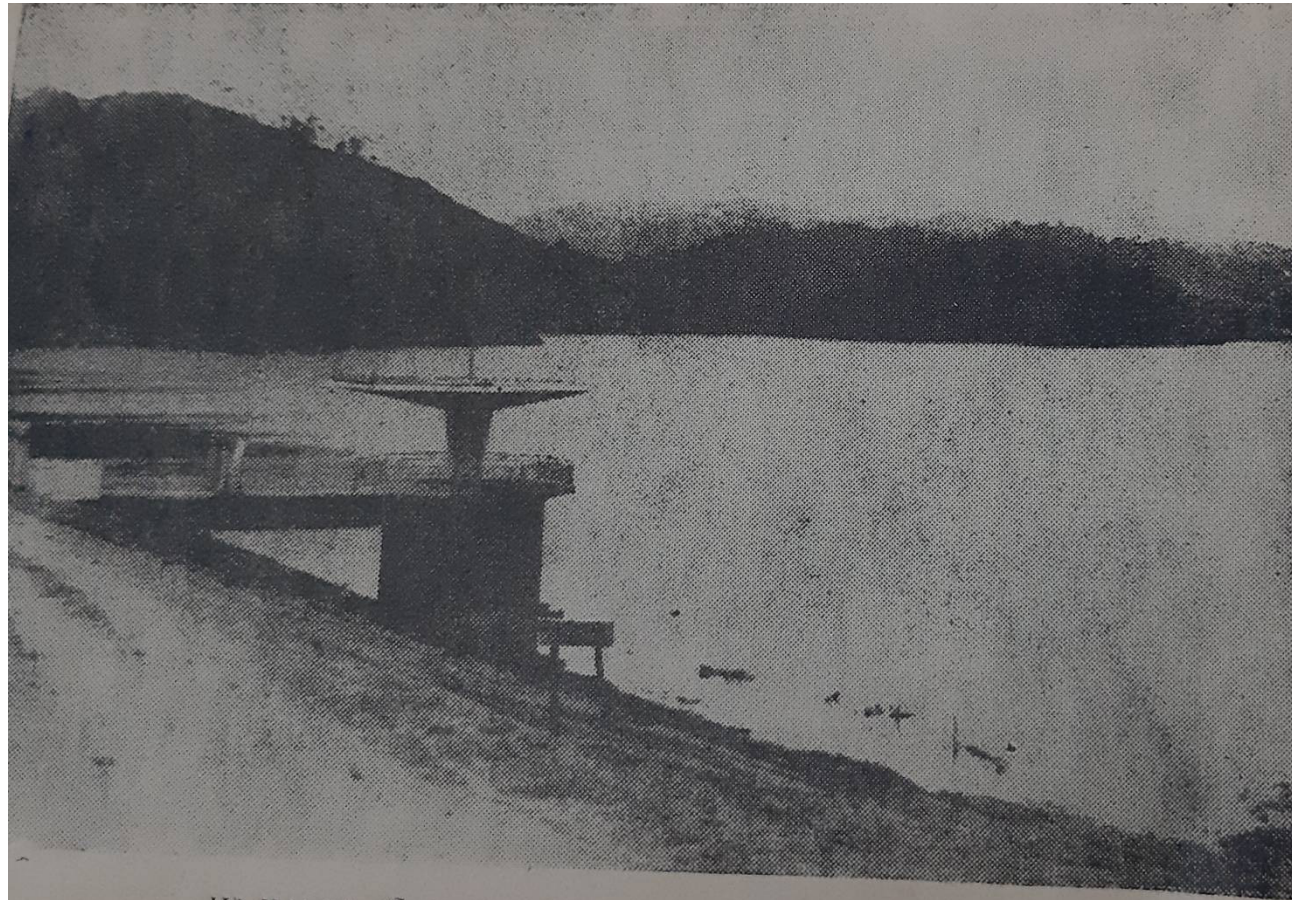
đầu vẫn gồm hai phủ là Phú Bình và Thông Hóa, Năm 1835 Minh mệnh tách một số châu, huyện thuộc phủ Phú Bình để lập một phủ mới gọi là Tông Hóa. Riêng các châu, huyện vẫn giữ như cũ, phủ Phú Bình có châu Võ Nhai, các huyện Đồng Hỷ, tư Nông (nay là Phú Bình có châu Võ Nhai, các huyện Đồng Hỷ, Tư Nông (nay là Phú Bình), Phổ Yên và Bình Tuyên (nay thuộc Vĩnh Phú), Phủ Tông Hóa có Châu Định Hóa, các huyện Phú Lương, Đại Từ và Văn Lãng (nay là vùng bắc sông Công thuộc huyện Đại Từ). Phủ Thông Hóa có châu Bạch Thông (nay là đất các huyện Bạch Thông, Chợ Đồn và huyện Chợ Rã thuộc tỉnh Cao Bằng): huyện Cẩm Hóa (nay là đất huyện Na Rì, vùng Phủ Thông của huyện Bạch Thông và huyện Ngân Sơn thuộc tỉnh Cao Bằng).

Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, tỉnh ta lại bị chia cắt một lần nữa. Ngày 14 tháng 1 năm 1900, chúng lấy phần đất thuộc phủ Thông Hóa để lập một tỉnh mới gọi là Bắc Cạn. Tỉnh Thái Nguyên chỉ còn lại phần đất hai phủ Phú Bình và Tông Hóa.

Bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, do nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, hai tỉnh Thái Nguyên, Bắc Cạn được hợp nhất. Các kiến nghị của Hội đồng nhân dân hai tỉnh được Quốc hội chính thức phê chuẩn ngày 21 tháng 4 năm 1965. Tỉnh mới gọi là Bắc Thái.

Ngày 29 tháng 12 năm 1978, theo đề nghị của Hội đồng Chính phủ, sau khi nghiên cứu ý kiến của Hội đồng nhân dân hai tỉnh Cao Lạng và Bắc Thái, kỳ họp thứ tư của Quốc hội khóa sáu nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết nghị sát nhập hai huyện Ngân Sơn và Chợ Rã của Bắc Thái vào tỉnh Cao Bằng, tỉnh Bắc Thái còn mười một đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện Na Rì, Bạch Thông, Chợ Đồn, Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương, Võ Nhai, Đồng Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên và Thành phố Thái Nguyên.

Tỉnh Bắc Thái có diện tích tự nhiên là 6552 km², bắc giáp Cao Bằng, đông giáp Lạng Sơn, và Hà Bắc, nam giáp Hà Nội, Vĩnh Phú, tây giáp Hà Tuyên.



Hồ Núi Cốc (Sông Công). Bên Khúc sông này từ 1941-1944
là nơi thực dân giam giữ tù chính trị - Cảng Bá Vạn

Là tỉnh miền núi và trung du, địa hình tỉnh ta mang tính đa dạng nằm về phía đông, đông bắc có khối núi đá vôi Bắc Sơn đồ sộ, bề thế. Nhưng hùng vĩ là hai cánh cung Ngân Sơn và Sông Gâm. Cánh cung Ngân Sơn chạy dài gần 100km từ nam Cao Bằng xuống đông Phú Lương có thể ví như là nóc nhà của tỉnh. Trên cánh cung này có nhiều khối núi lớn rộng hàng trăm ki lô mét vuông. Cao trung bình tám, chín trăm mét, cá biệt có ngọn cao gần 1200 mét như Cốc Sồ (thuộc xã Côn Minh huyện Na Rì). Cánh cung Sông Gâm (giải tả ngạn). Chạy dài từ Chợ Rã đến tây Định Hóa, sừng sững như một trường thành phía tây, tây bắc của tỉnh, với độ dốc thoải từ tây bắc xuống đông nam, tiếp các khối núi lớn là vùng núi thấp và đồi trung du, cao trung bình hai, ba trăm mét. Vùng đồng bằng của tỉnh tập trung ở phía nam thuộc các huyện Phú Bình, Phổ Yên, nhưng diện tích không lớn, đất đai kém phì nhiêu.

Sông, suối của tỉnh nhiều và phân bố tương đối đều khắp. Sông Cầu phát nguyên từ Bằng Phúc (Chợ Đồn) chảy qua địa phận bảy huyện, với độ dài gần 300km là sông chính, lớn nhất tỉnh ta. Sông Công có thượng nguồn là vùng rừng núi Diêm Mạc (Định Hóa), chảy qua các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Phổ Yên, dài gần bảy mươi ki lô mét, đó là chi lưu quan trọng nhất của sông Cầu. Bên cạnh hai sông chính, tỉnh ta còn có sông Chợ Chu, sông Na Rì, sông Dong và rất nhiều suối nhỏ khác. Mạng lưới sông suối này là nguồn cung cấp nước dồi dào cho nhu cầu phát triển nông nghiệp, công nghiệp và đặc biệt hứa hẹn nguồn thủy điện phong phú.

Do núi, sông hiểm trở nên trong lịch sử việc phát triển giao thông, vận tải ở tỉnh ta nhìn chung gặp nhiều khó khăn. Cho đến thế kỷ mười một để phục vụ cho nhu cầu quản trị đất nước, việc mở mang các đường giao thông, liên lạc ở tỉnh ta mới được đặt ra. Phong kiến nhà Lý có nhiều biện pháp tích cực khai thông sông Cầu, làm một số đường ngựa và đặt các nhà trạm ở các châu, huyện phía bắc như Bạch Thông, Cẩm Hóa...nhờ đó, “một giải sơn cước ở

Thái Nguyên dần dần có thể thông hành được”⁽¹⁾. Hiện nay, tuy mạng lưới giao thông của chúng ta chưa hoàn chỉnh nhưng cũng đã đáp ứng những nhu cầu cần thiết cho việc phát triển kinh tế, văn hóa...Quốc lộ số ba qua giữa tỉnh với độ dài gần 200km là trục giao thông chính, quan trọng nhất của địa phương. Ngoài ra, tỉnh ta còn có hơn 50km đường sắt (Thái Nguyên - Hà Nội; Thái Nguyên – Hà Bắc); quốc lộ 1B qua Đồng Hỷ, Võ Nhai lên Lạng Sơn; các đường ô tô liên tỉnh và nội tỉnh như đường qua Đại Từ đi Hà Tuyên; đường qua Đồng Hỷ, Phú Bình đi Hà Bắc; các đường nhánh từ quốc lộ số ba đi Na Rì, Chợ Đồn, Định Hóa.

Diện tích đất canh tác của tỉnh có 62243 héc ta. Trong đó, hơn sáu mươi phần trăm tập trung ở vùng trung du thuộc các huyện Phú Bình, Đồng Hỷ, Phổ Yên, Đại Từ và thành phố Thái Nguyên. Tuy một số bị bạc màu (hơn 9000 héc ta) nhưng nhìn chung đất canh tác của tỉnh thuận tiện cho việc phát triển một nền nông nghiệp phong phú và đa dạng. Đất đồi, núi chiếm chín mươi phần trăm diện tích đất tự nhiên (592 916 héc ta)⁽²⁾ Rừng tuy bị phá nhiều, nhưng với diện tích còn lại (gần 200 000 héc ta, vẫn là nơi tiềm tàng tài nguyên thiên nhiên. Theo số liệu điều tra trên diện tích hơn 60 000 héc ta, chưa kể chim, muông, thú hiếm, riêng trữ lượng gỗ, nứa, vầu đã có hàng trăm triệu cây, trong đó có nhiều loại gỗ quý có giá trị kinh tế cao.

Trong lòng đất, tài nguyên thiên nhiên càng dồi dào, phong phú. Thời phong kiến, mặc dầu nhiều mỏ quý chưa được thăm dò, khai thác nhưng tỉnh ta đã nổi tiếng là vùng đất giàu khoáng sản của Tổ quốc. Các mỏ sắt, bạc, vàng, chì, kẽm... từ lâu đã là nguồn hấp dẫn đối với nhiều người trong và ngoài nước. Theo sử cũ, thời kỳ từ giữa thế kỷ mười tám, riêng vùng châu Bạch Thông và huyện Cẩm Hóa đã có đến hai, ba vạn người Thiều Châu bên Trung Quốc đi lại làm mỏ⁽³⁾. Mỏ sắt ở đây có trữ lượng lớn, hàm lượng cao. Mỏ than cũng có trữ lượng khá, hơn thế bên cạnh thân gầy còn có than mỡ rất cần cho công nghiệp luyện kim.

(1) Nguyễn Trãi: Dư địa chí, Nhà xuất bản Sử học, Hà Nội. 1960. tr 48.

(2) Ty Nông nghiệp tỉnh Bắc Thái: Đất Bắc Thái, Xuất bản 1975, Phụ bản B 34

(3) Phan Huy Chú: Lịch triều hiến chương loại chí, tập I, Nhà xuất bản Sử học, Hà Nội, 1960, tr 123.

Thiên nhiên tỉnh ta phong phú và đa dạng. Chạy dài hơn một trăm ki-lô-mét từ bắc xuống nam (vĩ độ 22,1B- 21,2B), độ cao so với mặt biển giữa các vùng lại chênh lệch lớn, do đó tính chất nhiệt đới và á nhiệt đới đều đậm nét. Hàng năm chế độ gió mùa (đông bắc, đông nam) gây nên sự bất thường về thời tiết. Nhiệt độ trung bình tháng nóng lên tới trên dưới 27⁰C, trong khi nhiệt độ trung bình tháng lạnh xuống khoảng 13⁰C. Mùa đông hanh khô, vùng cao có băng giá, sương muối. Mùa hạ mưa nhiều và tập trung, độ ẩm cao. Ở đây, bên cạnh mặt thuận lợi là chủ yếu, địa hình miền núi và khí hậu nhiệt đới còn sản sinh ra sự khắc nghiệt như bão lũ, hạn hán, sâu bệnh...Để tồn tại và phát triển nhân dân các dân tộc, thế hệ sau kế tiếp thế hệ trước đã không ngừng đấu tranh khai thác mặt tích cực, chế ngự mặt tiêu cực của thiên nhiên. Trong quá trình lịch sử, cuộc đấu tranh ấy được kết tinh thành một trong những tài sản vô giá là truyền thống đấu tranh với thiên nhiên, nền tảng và cứu cánh của sự hình thành truyền thống kiên cường, bất khuất trong dựng nước, giữ nước và cải biến xã hội.

Làm chủ một tỉnh giàu khoáng sản, lâm sản, án ngữ giữa vùng rừng núi rộng lớn ở phía bắc và vùng châu thổ màu mỡ ở phía nam của Tổ quốc là các dân tộc anh em: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu, Sán Chí, Hoa, Cao Lan và Mèo.

Tính đến tháng 4 năm 1974, số dân toàn tỉnh là 714 340 người, tăng hơn mười lần năm 1884 và bằng gần bốn lần năm 1945.

Dân tộc Kinh (còn gọi là Việt) có số dân đông nhất (460.760 người), chiếm 64,4% số dân toàn tỉnh, cư trú rộng khắp từ vùng trung du phía nam, đến các vùng núi rừng hẻo lánh phía bắc, trong đó tập trung chủ yếu ở thành phố Thái Nguyên (116.090 người), các huyện Phở Yên (183.317 người); Phú Bình (81.201); Đại Từ (70.093 người); Đồng Hỷ (60.649 người). Trong Tổ quốc Việt Nam, dân tộc Kinh có số dân đông và có nền văn hóa phát triển cao nhất. Đặc trưng này cũng được thể hiện trong các mối quan hệ dân tộc ở tỉnh ta.

Các dân tộc khác có số dân là 253.670 người, chiếm 36% số dân toàn tỉnh. Tuy bao gồm tám dân tộc khác nhau nhưng về nhân chủng đều thuộc ngành Mông Cổ phương nam. Riêng về mặt ngôn ngữ chia thành ba nhóm khác nhau. Nhóm Tày -Thái có người Tày, người Nùng, Người Cao Lan. Nhóm Mèo -Dao có người Mèo, người Dao. Nhóm Hán có người Sán Dìu, San Chí, Hoa.

Trong các dân tộc thiểu số, người Tày có số dân đông nhất (138.872 người). Cũng như người Kinh, người Tày cư trú rộng khắp trong phạm vi toàn tỉnh, trong đó tập trung ở các huyện Định Hóa (24.224 người); Bạch Thông (22.397 người); Chợ Đồn (18.448 người); Phú Lương (17.365 người).

Cùng một nhóm ngôn ngữ với người Tày, nhưng người Nùng và Cao Lan mới chuyển cư đến tỉnh ta khoảng trên 200 năm. Hiện nay dân tộc Nùng có 46.233 người; dân tộc Cao Lan có 3.788 người. Người Cao Lan có số dân ít nên phạm vi cư trú không rộng, đồng bào tập trung ở một số xã thuộc các huyện Phú Lương, Võ Nhai, Đại Từ và Định Hóa. So với người Cao Lan, người Nùng có số dân đông hơn nên phạm vi cư trú cũng rộng hơn. Đến nay 170 xã toàn tỉnh có người Nùng cư trú, trong đó tập trung đông ở các huyện Võ Nhai (8.799 người); Đồng Hỷ (6.456 người); Na Rì (6.044 người); Đại Từ (5.974 người).

Dân tộc Dao có 29.272 người. Trước đây do cuộc sống du canh du cư nên địa vực cư trú của người Dao không ổn định. Chủ yếu chuyển cư từ phương bắc xuống, đồng bào tập trung đông ở các huyện phía bắc như Bạch Thông, Chợ Đồn, Na Rì, Võ Nhai. Theo các tài liệu thư tịch, các nhóm người Dao đầu tiên đã có mặt ở tỉnh ta từ bấy, tám trăm năm nay. Nhưng do thiếu những cơ sở kinh tế ổn định, nên trong khi những nhóm mới tiếp tục chuyển đến thì số đồng bào đến trước lại chuyển sang các tỉnh bạn.

Cùng một nhóm ngôn ngữ với người Dao còn có người Mèo, Với số dân hơn 100 người, đây là dân tộc ít người nhất, đồng thời cũng là thành viên có

mặt muện nhất trong gia đình các dân tộc tỉnh ta. Người Mèo cư trú ở một số xã thuộc Võ Nhai, Định Hóa và Na rì ⁽¹⁾

Dân tộc Sán Dìu có 16.437 người. Đồng bào cư trú rải rác ở gần bốn mươi xã trong đó tập trung ở các huyện Đông Hỷ (7.062 người); Phổ Yên (3.171 người); Phú Lương (2.294 người).

Dân tộc San Chí có 11.221 người. Tuy thuộc nhóm ngôn ngữ Hán, nhưng dân tộc này lại có quan hệ gần gũi về nhiều mặt với người Cao Lan. Hiện nay người San Chí tập trung ở ba huyện Phú Lương (4674 người); Định Hóa (3.681 người); Đại Từ (1.788 người).

Trong nhóm ngôn ngữ Hán, người Hoa có số dân không đông (hơn 6000) nhưng lại phân bố rộng khắp từ thành phố, thị trấn đến nhiều vùng nông thôn của tỉnh. Trừ một số ít mới chuyển cư đến trong những năm đầu thế kỷ này, đại bộ phận người Hoa đã cư trú ở đây từ hàng trăm năm nay.

Lịch sử phát triển của mỗi thành viên trong gia đình các dân tộc tỉnh ta có những nét riêng biệt. Có dân tộc cư trú ở đây từ lâu đời, có dân tộc mới từ các tỉnh chuyển đến sinh cơ, lập nghiệp vài ba đời. Mỗi dân tộc một bản sắc. Tuy vậy vượt qua những ranh giới do lịch sử để lại về mặt này hay mặt khác, các dân tộc ở tỉnh ta đã nỗ lực góp phần vun đắp nên một trong những tài sản vô giá là truyền thống đoàn kết. Chính là xuất phát từ truyền thống tốt đẹp này mà hình thành đặc trưng nổi bật về mặt phân bố dân tộc ở tỉnh ta là tại các huyện phía bắc cũng như ở thành phố và các huyện phía nam không có sự biệt lập về mặt địa vực theo dân tộc. Đặc biệt từ cách mạng tháng Tám đến nay, mức độ cư trú xen kẽ giữa các dân tộc ngày càng sâu sắc. Hiện nay, hầu hết các xã, hợp tác xã đều gồm nhiều dân tộc khác nhau. Trong đó có một số xã như Phần Mễ (Phú Lương), Định Biên (Định Hóa), Khe Mo (Đông Hỷ), La Hiên (Võ Nhai) có mặt hầu hết các thành phần dân tộc của tỉnh.

Gắn bó với nhau về địa vực cư trú, chung lưng đấu cật trong cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ nhằm chế ngự thiên nhiên và cải biến xã hội, nền văn hóa phong phú và đa dạng của các dân tộc kinh qua giao lưu mà loại trừ dân

⁽¹⁾ Số liệu tháng 12 năm 1979, dân số dân tộc Mèo tăng mười lần so với năm 1974 (tăng cơ học)

những mặt tiêu cực, phát huy mặt tích cực, trên cơ sở đó hình thành những đặc trưng chung tiêu biểu cả về sinh hoạt kinh tế và sinh hoạt xã hội cả về sinh hoạt vật chất và tục lệ đời sống. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, những tinh hoa ấy có điều kiện thuận lợi để phát huy. Từ ngày cách mạng Tháng Tám thành công nhất là từ năm 1954 đến nay, nhân dân các dân tộc tỉnh ta đang vươn lên xây dựng cuộc sống mới. Những thành quả của các cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, về khoa học kỹ thuật, về tư tưởng và văn hóa đã cơ bản xác lập trong tất cả các vùng, các dân tộc những cơ sở cần thiết của một nền văn hóa mới, nền văn hóa xã hội chủ nghĩa.

Trong lịch sử, tỉnh ta là địa đầu phía bắc, sông núi rất hiểm trở, nên nhiều thế hệ không những phải đối mặt với các thế lực ngoại bang luôn đe dọa nền độc lập của Tổ quốc, mà còn phải thường xuyên đối phó với các tầng lớp căn bản xã hội trong nước và ngoài nước luôn uy hiếp trật tự, an ninh. Do đó nhân dân các dân tộc sớm xây dựng cho mình bản lĩnh bất khuất, kiên cường trước họa ngoại xâm cũng như trước bất công xã hội.

Theo sử cũ, cuối thế kỷ thứ hai trước công nguyên, tranh thủ thời cơ quân nhà Hán (Trung Quốc) tiến đánh đất Nam Việt của Triệu Đà, nhân dân tỉnh ta đã theo Tây vu vương, nổi dậy nhằm khôi phục nền độc lập của Tổ quốc. Năm 40 sau công nguyên, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân tỉnh ta lại tập hợp dưới bóng cờ nghĩa của hai vị anh hùng dân tộc là Trưng Trắc và Trưng Nhị. Sau đó trong những năm dài dưới ách thống trị của phong kiến phương bắc, nhân dân ta đã nhiều lần nổi lên khởi nghĩa chống ách thống trị hà khắc và chính sách đồng hóa dân tộc rất nguy hiểm của chúng nhằm giành quyền độc lập, tự do cho Tổ quốc, bảo tồn bản sắc văn hóa cho dân tộc.

Đầu thế kỷ thứ mười nước nhà được độc lập. Từ đó, cho đến những năm ba mươi của thế kỷ mười lăm trong gần mười cuộc kháng chiến của Tổ quốc chống phong kiến phương bắc, nhân dân tỉnh ta tự hào vì đã có những đóng góp đáng kể sức người, sức của và trực tiếp tham gia đánh địch từ trận đầu khi chúng còn hung hăng càn dỡ, đến trận cuối khi chúng phải nhục nhã rút khỏi nước ta. Cùng với thời gian, các tư liệu còn lại không cung cấp đầy đủ

những đóng góp của nhân dân các dân tộc tỉnh ta vào các cuộc kháng chiến của Tổ quốc trong quá khứ. Tuy vậy qua các tư liệu tản mát cũng đủ để chúng ta tự hào về truyền thống đấu tranh của địa phương.

Đầu thế kỷ mười lăm, nhà Minh xâm lược và nô dịch nước ta. Dưới ách thống trị tàn bạo của quân Minh, nhân dân ta nhiều lần nổi lên khởi nghĩa. Năm 1410 trong khi nhân dân Trung bộ tập hợp dưới ngọn cờ của Trần Quý Khoáng thì ở tỉnh ta cũng bùng nổ một cuộc khởi nghĩa lớn. Nghĩa quân mặc áo đỏ, chiến đấu rất linh hoạt, dũng cảm. Từ trung tâm là tỉnh ta, cuộc khởi nghĩa nhanh chóng phát triển rộng khắp cả vùng miền núi Việt Bắc, Tây Bắc và miền tây Thanh Hóa – Nghệ An. Những năm 1419 -1420 nhân dân tỉnh ta tập hợp đông đảo dưới ngọn cờ khởi nghĩa của Lê Ngã, một cựu nô tỳ của nhà Trần. Nghĩa quân Lê Ngã, một cựu nô tỳ của nhà Trần. Nghĩa quân Lê Ngã phát triển nhanh, lực lượng lên tới hàng vạn người, làm chủ cả vùng núi rừng rộng lớn từ Việt Bắc đến Đông Bắc. Trong khi hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Lê Ngã, thì đồng thời nhân dân tỉnh ta cũng bí mật hưởng về cuộc khởi nghĩa của Lê Lợi, trong đó tiêu biểu là Lưu Nhân Chú và Phạm Cuồng

Lưu Nhân chú là một trong mười tám bạn chiến đấu cùng Lê Lợi tụ nghĩa từ năm 1416. Sau đó trong cả cuộc kháng chiến lâu dài của dân tộc ông là người có công lớn. Được Lê Lợi khen: “Tài năng như cây tùng cây bách: đồ dùng (cho nước) như ngọc “Phan” ngọc “đur”. Đương lúc nước nhà lấm nạn, lo lắng vương nghiệp không thể tạm yên một nơi. Linh Sơn đói khổ mấy tuần dẫn đo trong bụng; Ai lao muôn phần vất vả, không nghĩ đến mình. Cứu tộ phù suy, đem lại cơ đồ trong những ngày cháo đậu com hầm; trừ hung dẹp bạo, quét thanh trời đất khỏi nạn ngựa sắt giáo vàng. Trận đánh ở Bồ Đằng, Khả Lưu như trúc trẻ, tro bay; trận đánh ở Xương Giang, Chi Lăng như giá tan, ngói trút. Giúp nên nghiệp lớn càng rõ công to”⁽¹⁾. Ông được ban họ vua, được phong á thượng hầu, đứng đầu hàng võ.

Đầu thế kỷ mười sáu, nhà Lê suy vi. Các tập đoàn phong kiến tranh giành quyền lực. Trong gần một trăm năm, tỉnh ta là nơi diễn ra những cuộc

⁽¹⁾ Phan Huy Chú: Lịch triều hiến chương loại chí; tập I, nhà xuất bản Sử học, Hà Nội, 1960 tr 260,

hỗn chiến gay gắt. Tướng nhà Mạc chia nhau chiếm đóng tỉnh ta (Mạc Kính Dung chiếm đóng thành Thái Nguyên; Mạc Kính khoan chiếm đóng Đại Từ...). Quân Mạc ở tỉnh ta rất đông, nhưng cuối cùng bị tướng của họ Trịnh là Võ Công Kê đánh bại. Những năm chín mươi của thế kỷ mười sáu quân Mạc bị quân Trịnh đẩy lùi lên phía bắc. Năm 1596 sau trận giao tranh đẫm máu ở vùng hồ Ba Bể (Chợ Rã), về cơ bản chiến sự tạm thời chấm dứt, quân Mạc rút toàn bộ lên Cao Bằng. Vì chưa có điều kiện can thiệp bằng vũ lực, phong kiến Trung Quốc dùng thủ đoạn chính trị xảo quyệt phong sắc cho vua Lê, đồng thời ép nhà Lê cho nhà Mạc quản trị đất Cao Bằng và một bộ phận tỉnh ta, âm mưu duy trì mầm mống nội chiến nhằm tạo cơ cho các cuộc xâm lược về sau.

Phần vì chiến sự, phần vì quân lính các tập đoàn phong kiến cướp phá, từ thế kỷ mười sáu cho đến cuối thế kỷ mười tám, nhân dân ta vô cùng khổ cực. Nhà cửa bị đốt phá, ruộng vườn bỏ hoang, tình hình chính trị và xã hội hết sức rối ren. Vì thế nhân dân tỉnh ta đã nhanh chóng hưởng về cuộc khởi nghĩa Tây Sơn (1771), giúp đỡ nghĩa quân trong việc đánh đổ tập đoàn phong kiến Lê – Trịnh, cũng như đóng góp sức người, sức của vào cuộc kháng chiến chống cuộc xâm lược của nhà Thanh (1789). Với những nỗ lực của Quang Trung Nguyễn Huệ, đất nước được hòa bình, thống nhất. Rất tiếc tình hình đó không lâu bền. Tháng 7 năm 1802, nhà Nguyễn dựa vào sức mạnh của bọn tư bản phương tây khôi phục chế độ phong kiến phản đối trong cả nước.

Dưới ách thống trị của tập đoàn phong kiến nhà nguyên, nhân dân ta đã nhiều lần nổi lên chống lại. Năm 1806 Dương Đình Cúc phát cờ khởi nghĩa. Được đông đảo nhân dân hưởng ứng, nghĩa quân đã duy trì cuộc chiến đấu trong gần hai mươi năm. Cuộc khởi nghĩa này vừa bị đàn áp thì năm 1833 nhân dân ta lại hưởng ứng cuộc khởi nghĩa rộng lớn do Nông Văn Vân, một tù trưởng vùng Bảo Lạc (Cao Bằng) cầm đầu. Nghĩa quân làm chủ cả vùng Việt Bắc, chiếm tỉnh thành Thái Nguyên, bắt quan lại nhà Nguyễn, thích vào dòng chữ “quan tỉnh hay ăn hối lộ” rồi đuổi đi. Tại các căn cứ quân sự chủ yếu ở vùng châu Bạch Thông và huyện Cẩm Hóa, nghĩa quân đã đánh nhiều

trận rất oanh liệt bẻ gãy những cánh quân lớn của phong kiến nhà Nguyễn với hàng nghìn binh lính có voi và pháo trợ chiến. Nhà Nguyễn phải chật vật trong nhiều năm mới đàn áp được cuộc khởi nghĩa. Để trả thù quan quân triều đình đã tàn sát, cướp phá dã man nhiều vùng ở tỉnh ta, hy vọng dè bẹp tinh thần phản kháng của nhân dân. Nhưng bọn chúng đã lầm. Tiếp sau cuộc khởi nghĩa trên, nhân dân tỉnh ta lại nhiều lần nổi lên khởi nghĩa. Trong đó điển hình nhất là cuộc nổi dậy của hầu hết nhân dân các châu huyện phía nam hưởng ứng cuộc khởi nghĩa năm 1867 do Cai Vàng cầm đầu.

Phong kiến nhà Nguyễn đàn áp dã man các cuộc khởi nghĩa của nhân dân, nhưng bất lực trong việc bảo vệ Tổ quốc. Biên giới phía bắc gần như bỏ ngõ. Vì thế năm 1870 tàn quân của phong trào nông dân “Thái bình thiên quốc” (Trung Quốc) do Ngô Côn cầm đầu tràn vào tỉnh ta. Để chống lại một đội quân đói rách, nhân dân các dân tộc tỉnh ta lại tự vũ trang đứng lên bảo vệ quê hương, làng xã, lấy cớ truy kích quân Ngô Côn, phong kiến Trung Quốc đưa quân xâm phạm lãnh thổ nước ta. Các cuộc loạn chiến giữa quân Thanh, quân nhà Nguyễn, quân “Thái bình thiên quốc” cùng với việc cướp bóc kiếm sống của ba thứ quân này làm cho nhân dân các dân tộc tỉnh ta điêu linh, thảm khốc.

Tình hình trên đang tiếp diễn thì ngày 19 tháng 3 năm 1884 thực dân Pháp đưa quân đánh lên thành Thái Nguyên. Trước hiểm họa mới này, nhân dân ta vượt lên những khó khăn do hậu quả của ách thống trị của tập đoàn phong kiến nhà Nguyễn, một lần nữa đoàn kết đứng lên bảo vệ quê hương. Ngay từ trận đầu nhân dân ta đã chiến đấu rất dũng cảm bảo vệ từng tấc đất. Chính bọn thực dân phải thú nhận: ở thành Thái Nguyên quân Pháp đã “vấp phải sức kháng cự mãnh liệt của quân Việt Nam”⁽¹⁾

Phải đánh đi đánh lại nhiều lần, ngày 10 tháng 5 năm 1884 thực dân Pháp mới dám cho quân đóng lại trong thành Thái Nguyên. Triều đình nhà Nguyễn hàng giặc; tỉnh lỵ thất thủ, nhưng không vì thế mà quân và dân ta mất

⁽¹⁾ A Echinard: Lịch sử chính trị và quân sự tỉnh Thái Nguyên. Năm 1934 (tài liệu của Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Bắc Thái).

ý chí chiến đấu. Trong nhiều năm, mặc dù được phong kiến nhà Nguyễn tiếp tay, thực dân Pháp vẫn không bình định được vùng nông thôn tỉnh ta.

Tại các châu, huyện phía bắc, dưới sự lãnh đạo của Phùng Bá Chỉ (tức Bá Kỳ), nhân dân ta đã giáng trả quân xâm lược những đòn trừng trị đích đáng, trong đó tiêu biểu là trận Chợ Mới.

Ngày 17 tháng 1 năm 1889 thực dân Pháp đưa một đạo quân lớn gồm 924 tên (không kể 1200 người bị bắt đi vận tải lương thực, vũ khí) có pháo binh yểm trợ tấn công Chợ Mới (phủ Lương). Biết dựa vào điều kiện thiên nhiên núi sông hiểm trở, quân và dân ta đã chiến đấu quyết liệt từ sáng sớm đến chiều tối, bảo vệ từng tấc đất. Cuối cùng vì thiếu vũ khí quân ta phải thiêu hủy căn cứ rồi rút. Trong trận này gần 100 tên địch, với hàng chục sĩ quan và hạ sĩ quan, phải đền tội. Trận Chợ Mới như chính bọn giặc thú nhận, làm cho "chính phủ Pháp lo lắng trước những tổn thất lớn" ⁽²⁾

Tiếp theo phong trào do Phùng Bá Chỉ đứng đầu, nhân dân vùng này lại tập hợp dưới ngọn cờ của Mã Sinh Long (tức Mã Mang). Nghĩa quân Mã Mang đánh địch nhiều trận, làm cho bọn thực dân rất lúng túng. Ngày 10 tháng 1 năm 1897 nghĩa quân phục kích một đoàn vận tải của địch từ thị xã Thái Nguyên ngược sông Cầu lên Chợ Mới, đánh thiệt hai nặng đơn vị hộ tống, thu toàn bộ vũ khí và hàng hóa. Trong nửa đầu năm 1897 quân khởi nghĩa phát triển tới trên 300 người, liên tiếp đánh địch ở phía bắc thị trấn Chợ Mới, trong huyện lỵ, Phủ Lương, phía nam chợ Giang Tiên... trừng trị đích đáng lên giám binh Thái Nguyên, tên tri huyện Phủ Lương và hàng chục binh lính địch.

Đồng thời với phong trào kháng chiến của các châu huyện phía bắc, nhân dân các châu, huyện phía nam nhất loạt nổi lên hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Hoàng Hoa Thám. Theo báo cáo của địch, trong cả tám tổng, ba mươi làng ở Võ Nhai đồng bào ta bỏ làng, bản, chạy hết vào rừng theo nghĩa quân. Nhiều trận đánh quyết liệt đã diễn ra ở Võ Nhai, Phú Bình, Phở Yên, Đại từ ... Tính riêng vùng Đại Từ, trong những ngày đầu năm 1896, dưới sự

⁽²⁾ A Echinard: tài liệu đã dẫn.

chỉ huy của Đề Nguyên quân và dân ta đánh địch tất cả mười sáu trận, diệt hàng chục tên.

Phong trào sôi sục trong nhân dân tác động đến binh lính người Việt trong hàng ngũ giặc. Cuối năm 1892 binh lính do Cai Bát cầm đầu, đóng ở đồn Hùng Sơn (Đại Từ) nổi dậy làm binh biến. Dương cao ngọn cờ chống Pháp, nghĩa quân phát triển rất nhanh. Từ nòng cốt cũ là một số ít lính khổ đờ nổi dậy, đến tháng 3 năm 1894, lực lượng nghĩa quân đã lên tới 350 người. Dựa vào núi rừng hiểm trở vùng địa giới ba tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Vĩnh Yên, nghĩa quân cai Bát liên tiếp đánh địch từ năm 1892 đến năm 1896.

Bước sang đầu thế kỷ hai mươi, mặc dù bọn thực dân đã có thời gian để siết chặt ách thống trị lên đầu lên cổ nhân dân ta, nhưng phong trào chống Pháp vẫn phát triển liên tục, đều khắp. Vận dùng nhiều hình thức đấu tranh, đồng bào ta, từ vùng thấp đến vùng cao, nhiều lần nổi lên chống phu, chống thuế. Năm 1904 người Dao hai xã Tân Sơn và Cao Sơn (Bạch Thông) nổi lên chống chế độ thuế khóa nặng nề. Đặc biệt hai cuộc nổi dậy ở hai thị xã năm 1914 và năm 1917 đã có tiếng vang lớn, làm rung chuyển chế độ thuộc địa khắc nghiệt, góp phần duy trì ngọn lửa chống ách thống trị nước ngoài trong tình hình cả nước có nhiều khó khăn.

Ngày 11 tháng 10 năm 1914 những người tù ở Bắc Cạn do Lý Thảo Long cầm đầu, được một số lính khổ xanh yêu nước đồng tình, đã nổi dậy phá nhà lao, phá kho lầy vũ khí của địch trang bị và chủ động nổ súng kiềm chế bọn thực dân trong doanh trại, dinh thự của chúng. Bọn địch bị bất ngờ, hoang mang không dám đối phó. Nghĩa quân làm chủ thị xã từ sáng đến chiều. Cuối cùng, xét thấy chưa đủ lực lượng tiến công tiêu diệt bộ máy quân sự và chính trị của địch trong thị xã, Lý Thảo Long đưa các bạn chiến đấu của mình rút về vùng núi cao phía Na Rì.

Trong khi bọn thực dân ở Bắc Cạn chưa hết kinh hoàng thì ở thị xã Thái Nguyên một cuộc khởi nghĩa lớn bùng nổ. Đêm 30 rạng ngày 31 tháng 8 năm 1917, dưới sự chỉ huy của Lương Ngọc Quyến và Trịnh Văn Cấn, binh sĩ yêu nước phối hợp với những người tù trong trại giam thị xã, nổi dậy khởi nghĩa.

Được nhân dân đặc biệt là công nhân các mỏ quanh thị xã phối hợp, lực lượng nghĩa quân nhanh chóng phát triển tới trên 600 người (312 công nhân, 180 tù chính trị, 131 lính khố xanh).

Ngay sau khi làm chủ thị xã, những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa tuyên bố rõ những mục tiêu như: đánh đuổi thực dân Pháp; giành lại độc lập cho Tổ quốc; thành lập nước Việt Nam tự do và quân đội Việt Nam.. Được cổ vũ bởi những mục tiêu cao cả, quân khởi nghĩa chiến đấu rất dũng cảm chiếm nhà bưu điện, kho bạc, tiến công sở cảnh sát, trừng trị đích đáng nhiều tên thực dân đầu sỏ như giám binh, giám ngục..

Do tương quan lực lượng rất chênh lệch, sau năm ngày làm chủ thị xã, Trịnh Văn Cấn đưa nghĩa quân rút về vùng Tam Đảo dựa vào núi rừng hiểm trở tiếp tục cuộc chiến đấu đến tháng 3 năm 1918.

Vì nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, phần lớn các cuộc đấu tranh của nhân dân các dân tộc tỉnh ta đều bị kẻ thù dìm trong máu lửa, tuy vậy chung lại đã hun đúc nên truyền thống bất khuất, kiên cường. Đi vào bước ngoặt mới của lịch sử dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, truyền thống ấy ngày càng được phát huy.

Chương I

CƠ SỞ ĐẢNG ĐẦU TIÊN

I

SƠ LƯỢC VỀ HOÀN CẢNH XÃ HỘI TỈNH TA DƯỚI ÁCH THỐNG TRỊ CỦA THỰC DÂN PHÁP

Nhân dân tỉnh ta kiên cường, bất khuất, núi sông tỉnh ta hiểm trở. Mở rộng cuộc xâm lược lên tỉnh ta, thực dân Pháp vấp phải sự giáng trả mãnh liệt. Năm 1884 bọn thực dân đã chiếm xong thành Thái Nguyên, nhưng phải gần mười năm sau chúng mới đến được phủ lý Thông Hóa. Ở đây, cũng phải mất một số năm nữa bọn xâm lược mới đặt chân tới được các vùng cao, xa, hẻo lánh. Sau năm 1897, việc xâm chiếm đất đai coi như đã hoàn thành, nhưng thực tế quân giặc vẫn chưa ổn định được tình hình. Riêng vùng Định Hóa, tuy bọn Cờ vàng đã đầu hàng, nhưng dung dưỡng bọn này như một công cụ không chế nhân dân, bản thân bọn thực dân cũng phải hứng chịu những hậu quả nặng nề.

Tình hình trên mâu thuẫn với yêu cầu của bọn tư bản là cần có sự ổn định để vơ vét nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng và khả năng kinh tế nhiều mặt ở đây. Vì vậy, công việc quan trọng hàng đầu của bọn thực dân trong quá trình xâm lược và nô dịch nhân dân các dân tộc tỉnh ta là ráo riết xây dựng và thường xuyên tăng cường bộ máy đàn áp thành chỗ dựa cho chế độ thuộc địa của chúng. Rất nhiều đồn, bốt, điểm canh được dựng lên ngay trong các cuộc hành quân xâm lược. Tháng 1 năm 1889 xây đồn binh Hà Hiệu (Chợ Rã), tháng 2 cùng năm xây đồn binh Chợ Chu (Định Hóa), tháng 11 năm 1894 xây đồn binh Phủ Thông (Bạch Thông)... Hệ thống cứ điểm, mạng lưới đồn bốt, điểm canh ngày càng mọc lên dày đặc và rộng khắp trong phạm vi toàn tỉnh. Năm 1930 riêng vùng nông thôn bảy châu, huyện phía nam, chưa kể hàng chục đồn trại có quân chính quy đóng, đã có ba trăm bảy

mười hai điểm canh. Thanh niên bị bắt buộc phải cầm súng đánh thuê. Đội quân khủng bố ngày càng đông đảo. Năm 1926, kể cả Thái Nguyên Và Bắc Cạn, số dân chỉ có hơn mười vạn, nhưng lực lượng trong bộ máy đàn áp của chúng đã lên tới hàng ngàn tay súng. Chưa kể các lực lượng võ trang trá hình khác như kiểm lâm, thuế quan, mạng lưới chuyên dò xét, chỉ điểm trải ra rộng khắp và trên hai trăm lính cơ canh gác các phủ, huyện, riêng bộ máy quân sự do một viên giám binh người Pháp cầm đầu đã bao gồm một lực lượng to lớn: gần hai trăm lính Âu - Phi, hơn hai nghìn lính khố xanh, khố đỏ và gần hai nghìn đồng (dân binh). Với lực lượng quân sự này, thực dân Pháp đã kìm kẹp gắt gao và đàn áp đẫm máu các cuộc đấu tranh của nhân dân tỉnh ta.

Song song với việc tăng cường bộ máy đàn áp, bọn thực dân ra sức phá hoại truyền thống đoàn kết dân tộc, duy trì khuyến khích các quan điểm chính trị lạc hậu, phản động, ráo riết kiện toàn bộ máy thống trị các cấp và ngày càng siết chặt ách thực dân .

Chia để trị là một chính sách cổ truyền của thực dân Pháp. Lợi dụng sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc, các vùng, thực dân Pháp ra sức tuyên truyền xuyên tạc, nhằm làm cho các vùng, các dân tộc chia rẽ, đổ kỵ, luẩn quẩn trong vòng mâu thuẫn nội bộ. Đồng bào du canh du cư bị lừa bịp rằng nguyên nhân khổ cực là do người vùng thấp đã chiếm hết ruộng bãi; đến lượt người vùng thấp lại bị kích động oán thù dân buôn bán ở thành thị... Ngoài ra lợi dụng trình độ phát triển kinh tế, văn hóa còn thấp của đồng bào ta, bọn thực dân hết sức duy trì khuyến khích các quan điểm chính trị lạc hậu và phản động của nho giáo, phật giáo, thiên chúa giáo... nhằm ru ngủ và làm cho nhân dân các dân tộc yên bề cam chịu số phận nô lệ, công nhận ách thống trị thực dân của chúng.

Thời kỳ đầu, do phong trào kháng chiến mạnh mẽ của nhân dân ta, thực dân Pháp áp đặt chế độ quân quản. Sau đó, khi phong trào kháng chiến tạm thời lắng xuống, bọn chúng dần dần thay thế chế độ quân quản bằng một bộ máy mang hình thức dân sự. Bọn thực dân cáo già, trong đó có nhiều tên là sĩ quan trong các đội quân xâm lược, từng đàn áp đẫm máu cuộc kháng chiến

của đồng bào ta, nay khoác áo dân sự, nắm chặt lấy bộ máy thống trị hàng tỉnh. Viên công sứ, kẻ cầm đầu tỉnh, được giao quyền lực rộng rãi. Đứng đầu về quân sự và chính trị, công sứ cũng là kẻ đứng đầu về tư pháp, trực tiếp làm chánh án tòa án đệ nhất cấp (tư pháp đối với người Âu) và kiêm chức chánh án toàn án đệ nhị cấp (tư pháp đối với người bản xứ)

Hệ thống chính quyền thời phong kiến vẫn được giữ để làm chức năng tay sai và lừa bịp dư luận. Bộ máy tay sai từ tỉnh xuống cơ sở gồm có bốn cấp: tỉnh, châu (hoặc huyện), tổng và xã. Cũng như thời phong kiến, bộ máy từ tỉnh xuống cơ sở không có cơ quan lập pháp, bọn tay sai được giao cả quyền hành pháp và tư pháp. Bên cạnh bộ máy tay sai nói trên, để phục vụ cho chính sách chia để trị, thực dân Pháp còn đặt ra một thứ bánh vẽ mới, đó là hệ thống chính quyền riêng của một vài dân tộc thiểu số. Theo đó, người Dao được phép có động trưởng, chánh Mán ở cơ sở, quản chiểu, phó quản chiểu ở cấp châu... Bọn thực dân ra sức tuyên truyền cho bộ máy này, coi như là quyền tự trị dân tộc. Thế nhưng thực chất đó chỉ là sự lừa bịp, nhằm khơi sâu mâu thuẫn dân tộc, để chúng dễ bề cai trị và tăng cường vơ vét, bóc lột. Đồng bào các dân tộc ở vùng cao sống du canh, cư trú rải rác, phân tán và xen kẽ với các dân tộc khác, nên bản thân bộ máy mà bọn thực dân áp đặt cho họ không có lãnh thổ. Người dân lao động các dân tộc này vì vậy vừa phải chịu ách áp bức bóc lột dưới bộ máy tay sai nơi cư trú, vừa phải chịu nỗi thống khổ thông qua bộ máy chính quyền theo dân tộc.

Để cho bộ máy chính quyền của người bản xứ ngày càng trở thành công cụ đắc lực, việc đào tạo tay sai được bọn thực dân chú ý. Năm 1888, ngay trên đường hành quân xâm lược các châu, huyện phía bắc, bọn thực dân đã tuyển mộ trong đám lưu manh, buôn lậu một số tay sai dùng vào việc dẫn đường và sau đó giúp chúng thiết lập bộ máy ngục quyền đầu tiên. Nhiều tên tay sai đắc lực được bọn thực dân ưu đãi, cho làm tri châu, tuần phủ và cho thả sức vơ vét, cướp bóc làm giàu. Bên cạnh số tay sai nói trên, khi thiết lập xong chế độ thực dân, quân giặc có những thủ đoạn thâm độc và nham hiểm như tiến hành phân loại vùng, phân loại dân tộc để tiếp tục đào tạo tay sai. Do đó, trong khi

nhất quán thực hiện chính sách ngu dân, chúng đã đặc cách cho một số con em tầng lớp trên được ăn học, tham vọng đào tạo họ thành lớp tay sai mới, trung thành, vì mang ơn quan thầy nhưng hơn bọn tay sai xuất thân từ lưu manh là có học, khôn khéo và nhiều mảnh lói. Tính chung trong năm mươi năm (từ 1888 đến 1938) riêng Bắc Cạn chúng đã đào tạo gần mười quan lại từ bang tá đến tuần phủ. Với những tay sai đào tạo bằng nhiều hình thức khác nhau, với những thủ đoạn chính trị vừa trắng trợn đê hèn, vừa thâm hiểm xảo quyệt, thực dân Pháp xiết chặt ách thống trị hà khắc khắp các vùng, các dân tộc ở tỉnh ta. Thông qua bộ máy này chúng ra sức áp bức bóc lột nhân dân và vơ vét tài nguyên đất nước.

Ngay từ đầu, cùng với việc thiết lập ách thống trị thực dân, quân xâm lược đã đặt ra nhiều thứ thuế để bóp nặn nhân dân ta. Năm 1931, riêng Thái Nguyên tuy chỉ có hơn tám vạn dân, nhưng bọn chúng đã vơ vét tới 286.443 đồng tiền thuế các loại. Thời kỳ khủng hoảng kinh tế, hoặc vì một lý do nào đó cần tăng ngân sách thì biện pháp duy nhất là tăng thuế. Tính chung trong mười năm, từ 1920 đến 1930, mức thuế các loại đã tăng lên tới hơn hai lần. Riêng thuế thân, một trong những loại thuế dã man nhất, đánh trực tiếp vào tất cả đàn ông từ mười tám tuổi trở lên, thì từ 1921 đến 1944, bọn chúng điều chỉnh tới năm lần và mức thuế tăng lên tới trên hai lần. Trong nhiều trường hợp việc tăng thuế chưa đáp ứng được những thiếu hụt về ngân sách, bọn thực dân đã đặt ra các khoản phụ thu rất vô lý để vơ vét thêm. Ví dụ, năm 1931 do ngân sách liên bang thiếu hụt, bọn chúng đã đặt một khoản phụ thu mười lăm phần trăm đối với thuế thân và thuế điền (trừ ruộng đất người Âu) để vơ vét của hơn mười vạn dân tỉnh ta thêm một khoản tiền gần ba mươi nghìn đồng⁽¹⁾

Đồng thời với việc vơ vét thuế má, bọn thực dân đã trắng trợn cướp đất của nông dân để cấp cho đồng bọn lập đồn điền. Đầu năm 1887, ba năm sau

⁽¹⁾ Thời giá: - Gạo: Loại 1: 5,5 đồng/tạ
Loại 2: 5,0 đồng/ tạ
Loại 3: 4,6 đồng/tạ
- Thóc: Loại 1: 3,5 đồng/tạ
Loại 2: 3,2 đồng/tạ
Loại 3: 2,8 đồng/tạ

ngày quân xâm lược nô súng đánh thành Thái Nguyên, mặc dù bộ máy thống trị các cấp chưa được thiết lập, tên thực dân Boa đăm đã cướp không gần ba trăm héc ta ruộng đất của nông dân Phú Bình để lập đồn điền. Sau này, khi bộ máy thống trị đã ổn định, việc cướp đất lập đồn điền diễn ra ngày càng quyết liệt, nhất là ở khu vực các huyện phía nam. Những khu vực trù phú rộng hàng trăm, hàng nghìn héc ta lần lượt bị chính quyền thực dân khoanh lại để cấp cho đồng bọn. Trong đó, một số tên nhiều thế lực đã chiếm những vùng đất màu mỡ rộng hàng vạn héc ta. Tính riêng hai đồn điền của hai tên Rây nô và Ghi ôm đã chiếm một diện tích rộng lớn là 25.181 héc ta. Tình hình này dẫn đến hậu quả là trước đây người nông dân có riêng một ít ruộng đất để cày cấy, sinh sống thì nay nước mất, mảnh đất cuối cùng cũng bị tước đoạt. Nông dân tỉnh ta bị bán cùng hóa và phân hóa, Trong những khu vực đồn điền, đa số bị biến thành tá điền với hai bàn tay trắng và một cuộc sống đói nghèo; một số khác rời bỏ làng mạc vào các hầm mỏ, bán sức lao động cho bọn tư bản công nghiệp đòi lấy đồng lương rẻ mạt và bấp bênh.

Bên cạnh bọn điền chủ làm giàu bằng con đường nông nghiệp, nhiều tên thực dân lên tỉnh ta với tham vọng làm giàu bằng con đường vơ vét của cải giàu có trong lòng đất.

Thời phong kiến, mặc dù nhiều mỏ quý chưa được thăm dò, khai thác, nhưng tỉnh ta đã nổi tiếng là nơi giàu có khoáng sản. Các mỏ sắt, bạc, vàng... từ lâu đã là nguồn hấp dẫn đối với nhiều người trong và ngoài nước.

Trong sách Lịch triều hiến chương loại chí, nhà sử học Phan Huy Chú viết: thời chúa Trịnh (thế kỷ 18), ở Châu Bạch Thông và huyện Cẩm Hóa do “việc phòng cấm sơ sai, người Trung Quốc đi lại làm mỏ, không có hạn chế...” “chúng đều giữ tợn, ngang ngạnh, khinh nhờn pháp luật, đánh giết lẫn nhau không kiêng sợ gì”⁽¹⁾

Thèm khát nguồn tài nguyên phong phú ở đây, nên theo sau đội quân xâm lược, bọn tư bản công nghiệp đổ xô lên tỉnh ta, tiến hành thăm dò và khai thác khoáng sản. Các mỏ sắt (Đồng Hỷ), kẽm (Võ Nhai, Chợ Đồn), vàng

⁽¹⁾ Phan Huy Chú: Lịch triều hiến chương loại chí, tập I, nhà xuất bản Sử học, Hà Nội, 1960, tra 123.

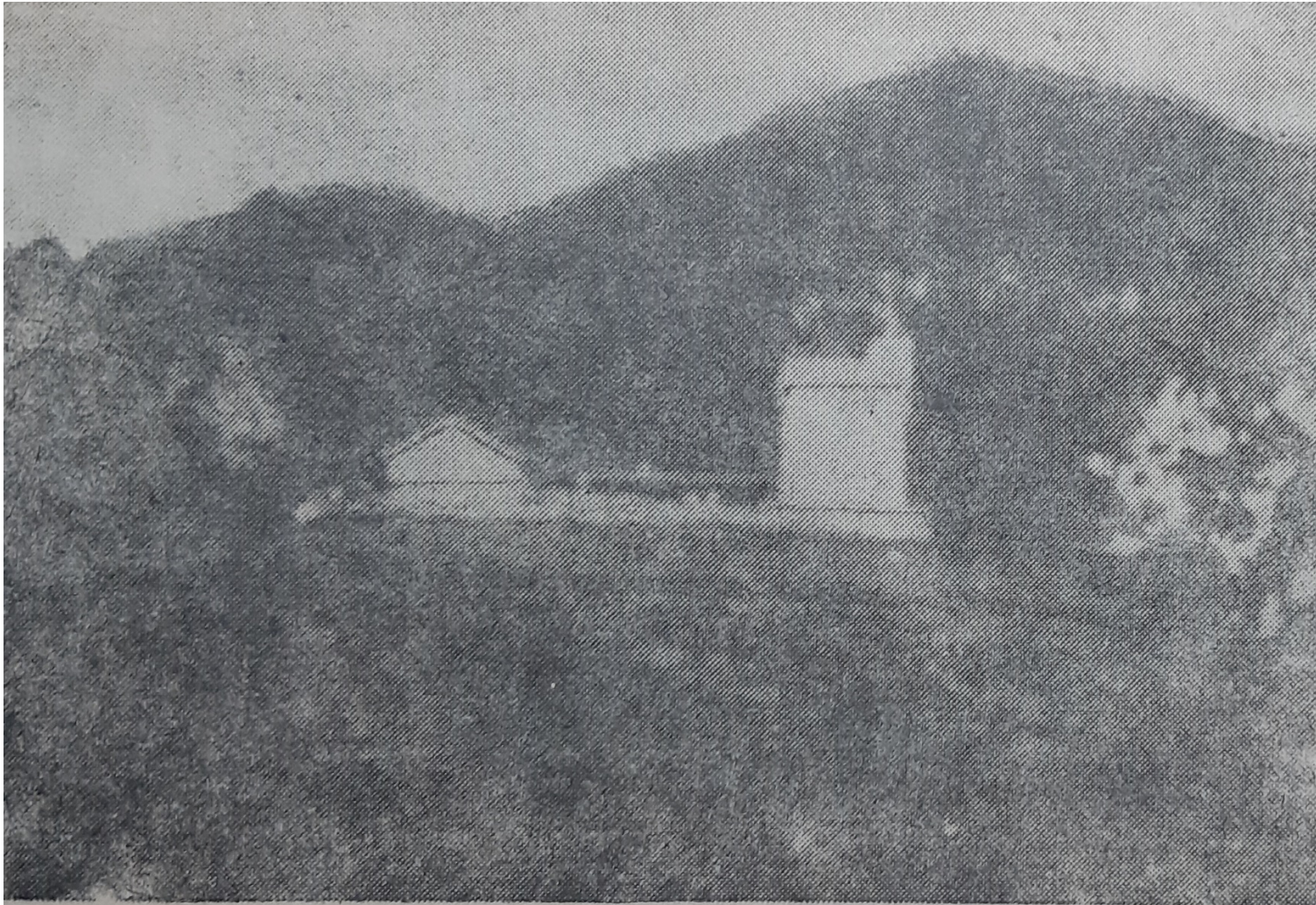
(Chợ Rã, Na Rì), than (Phú Lương, Đại Từ), bạc (Ngân Sơn, Chợ Đồn)...lần lượt bị đào bới một cách bừa bãi. Trong số hàng loạt mỏ có từ trước và mới thăm dò, bọn thực dân đặc biệt chú ý các mỏ có khoáng sản quý, hiếm, dễ khai thác, bán ra thu lãi lớn. Công việc khai thác được tiến hành ráo riết nhất trong vòng mười năm từ 1913 đến 1923. Thời kỳ này nhiều mỏ quý được bọn chúng đầu tư hàng chục triệu đồng tiền vốn. Những năm 1920 – 1925 Bắc Cạn được coi là tỉnh đứng đầu về hầm mỏ ở Bắc Kỳ. Trong số gần mười cơ sở khai thác khoáng sản thì năm cơ sở được chú ý là các mỏ vàng ở Ngân Sơn. Chợ Rã, các mỏ bạc ở Ngân Sơn. Chợ Đồn và mỏ kẽm Chợ Đồn. Riêng ở đây, theo số liệu chưa đầy đủ, bọn thực dân đã vơ vét một khối lượng lớn tài nguyên của nhân dân ta. Trong vòng hai mươi bảy năm (từ 1914 đến 1941) chúng đã mang đi 353 746 tấn quặng kẽm, trong ba năm (từ 1935-1937) chúng đã cướp mất 51.737 kg vàng. Đặc biệt, để phục vụ cho nhu cầu chiến tranh, riêng năm 1941 chúng đã vơ vét 168 tấn quặng mangan, 5.500 tấn quặng chì...

Mục đích của bọn thực dân là vơ vét, bóc lột để thỏa mãn cuộc sống sa hoa, trụy lạc, đồng thời ra sức kềm hãm nền kinh tế thuộc địa nên gần một trăm năm dưới ách thống trị của chúng, tài nguyên thiên nhiên bị tước đoạt, trong khi nền kinh tế tỉnh ta vẫn hết sức lạc hậu, nông nghiệp trì trệ, công nghiệp không phát triển, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp đình đốn.

Trong lĩnh vực quân sự, chính trị, kinh tế, bọn thực dân gây nên nhiều tội ác, nhưng ghê tởm hơn cả là những tội ác trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục. Gần một thế kỷ nô dịch nhân dân tỉnh ta là gần một thế kỷ chúng ráo riết thực hiện chính sách ngu dân; dùng biện pháp hành chính đầu độc dân ta bằng rượu cồn, thuốc phiện. Khuyến khích mê tín, dị đoan và các tệ nạn xã hội khác.

Kể từ ngày xâm chiếm tỉnh ta, trong một thời gian dài bọn thực dân không mở trường học. Sau này do nhu cầu đào tạo tay sai, chúng buộc phải mở một vài trường lớp ở một số thị xã, thị trấn, nhưng chỉ hạn chế trong khuôn khổ sơ học (cấp 1). Năm 1922, cả Bắc Cạn và Thái Nguyên có sáu

trường cấp một không toàn cấp, nhưng mười năm sau rút đi chỉ còn năm trường. Năm học 1932-1933, được coi là đỉnh cao nhất của nền giáo dục thực dân, tỷ lệ học sinh so với số dân cũng chỉ đạt 1,8%. Trong đó số trẻ em được đến lớp hầu hết là con cái



Nhà tù của hực dân Pháp tại thị trấn Chợ Chu



Nhà tù của thực dân Pháp tại thị xã Bắc Kạn

giai tầng thống trị, con em nhân dân lao động nhìn chung không được học hành. Hậu quả là ở nhiều vùng, nhiều dân tộc một trăm phần trăm số dân mù chữ.

Trong khi ra sức tìm hãm nền giáo dục, không mở mang trường lớp thì ngược lại bọn thực dân rất chú trọng xây dựng nhà tù. Từ năm 1903, một nhà tù lớn được xây dựng tại trung tâm thị xã Thái Nguyên, do viên công sứ trực tiếp phụ trách. Sau đó, nhất là thời kỳ phong trào cách mạng phát triển mạnh, nhiều nhà tù lớn lần lượt được mở rộng hoặc xây dựng mới. Hàng năm kinh phí giành cho xây dựng và tu bổ nhà tù thường lớn gấp hàng chục lần kinh phí giành cho giáo dục.

Năm 1931, tổng chi ngân sách của Thái Nguyên là 191.752 đồng. Trong đó chi cho xây dựng và tu bổ nhà tù là 23.553 đồng (chưa kể các khoản chi về giam giữ và khùng bỏ tù nhân); chi cho giáo dục là 2.335 đồng. Năm 1932, tổng chi ngân sách là 194.080 đồng. Trong đó chi cho xây dựng và tu bổ nhà tù là 17.250 đồng; chi cho giáo dục là 2.100 đồng.

Đồng thời với chính sách ngu dân và đàn áp đẫm máu, thực dân Pháp ráo riết đầu độc nhân dân ta bằng rượu cồn, thuốc phiện và các tệ nạn xã hội khác. Dưới áp lực của bộ máy hành chính, đồng bào ta bắt buộc phải tiêu thụ rượu cồn và thuốc phiện của chúng.

Riêng Thái Nguyên, năm 1910 phải tiêu thụ 43.626 lít rượu cồn và 710 kg thuốc phiện. Năm 1920 phải tiêu thụ 201.411 lít rượu cồn và 174 kg thuốc phiện. Những năm 1930, 1931 việc bán rượu và thuốc phiện không đạt mức quy định. Tình hình này làm cho bọn thực dân lo lắng. Để chấn chỉnh, số rượu cồn, thuốc phiện cần bán được đem phân bổ cho các cơ sở và giao cho chính quyền các cấp trực tiếp chịu trách nhiệm việc mua bán ấy. Trong báo cáo với cấp trên của chúng, viên công sứ viết: “Nhờ những hoạt động của bộ máy trừng trị và sự tham gia, giúp đỡ đắc lực của các quan lại, việc bán rượu lại được tiếp tục”⁽¹⁾. Bằng bạo lực, chỉ trong mấy tháng đầu năm, chúng đã bắt 81.076 người dân của tỉnh phải tiêu thụ 88.326 lít rượu cồn và 105 kg thuốc phiện.

⁽¹⁾ Tài liệu của Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Bắc Thái.

Bên cạnh rượu cồn và thuốc phiện, bọn thực dân còn ra sức khuyến khích mê tín, dị đoan, đình đám, cờ bạc, mả dâm...nhằm phá hoại thuần phong mỹ tục nói riêng và nền văn hóa dân tộc nói chung.

Với những chính sách thâm độc trên tất cả các lĩnh vực của bọn thực dân, nhân dân các dân tộc tỉnh ta bị đẩy vào thảm cảnh đói rét, dốt nát, bệnh tật...Nguyên cơ diệt tộc đã xuất hiện trong từng vùng, từng dân tộc và mức độ đe dọa của nguy cơ ấy ngày càng rộng lớn cùng với việc tăng cường các chính sách thực dân.

II

MÁY NÉT VỀ TÌNH HÌNH GIAI CẤP CÔNG NHÂN

Theo nhà sử học Phan Huy Chú, từ năm Vĩnh hựu thứ năm (1739), những người đến làm mỏ ở châu Bạch Thông và huyện Cẩm Hóa đã lên tới hàng vạn người ⁽¹⁾. Sang nửa cuối thế kỷ mười chín, do tình hình giặc cướp và chiến sự liên miên nên toàn bộ các mỏ ở đây đóng cửa. Nhưng phu mỏ, mà chủ yếu là từ Trung Quốc sang, phần về quê, phần tản mát vào các làng bản định cư với dân địa phương.

Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, với các cuộc khai thác thuộc địa của chúng, đội ngũ công nhân ở tỉnh ta ngày càng đông đảo. Kể từ năm 1887, khi những tên điền chủ đầu tiên cướp đất lập đồn điền thì đội ngũ những người công nhân cũng xuất hiện. Đó là những công nhân nông nghiệp, thường gọi là tá điền.

Quá trình cướp đất lập đồn điền diễn ra gay gắt vào những năm chín mươi của thế kỷ mười chín và tiếp tục kéo dài cho tới khi đại chiến thế giới lần thứ hai bùng nổ. Theo số liệu điều tra năm 1909, tại Thái Nguyên, riêng mười bốn tên điền chủ người Âu đã chiếm 36.500 héc ta ruộng đất. Bọn này tập trung kinh doanh hai loại hàng khan hiếm trên thị trường thế giới là lúa

⁽¹⁾ Phan Huy Chú: Lịch triều hiến chương loại chi, tập I. Nhà xuất bản Sử học, Hà Nội, 1960, tr 124

gạo và cà phê. Hàng năm các đồn điền này sản xuất khoảng 50.000 tấn gạo và 30 tấn cà phê. Đội ngũ tá điền do đó phát triển nhanh.

Việc tuyển mộ công nhân nông nghiệp được bọn điền chủ tiến hành bằng nhiều cách khác nhau. Có tên sau khi cướp đất cũng biến nông dân, người chủ thực sự của mảnh đất ấy thành tá điền. Ngược lại, cũng có tên vì muốn chiếm toán bộ tài sản trong vùng đã trắng trợn đuổi nông dân đi và mộ phu nơi khác đến. Năm 1932, tính chung gần hai mươi đồn điền lớn và 1144 tiểu đồn điền, số tá điền lên tới hàng chục nghìn người. Ở Phổ Yên thời kỳ này có bốn mươi ba ấp thì bốn mươi một ấp thuộc đồn điền. ở Phú Bình trong số năm mươi hai ấp thì chỉ còn ba ấp là “dân sù” (dân ngoài đồn điền). Theo số liệu năm 1932, số dân thuộc tám mươi chín ấp của hai huyện này đã lên tới trên 30.000 người.

Bên cạnh đội ngũ tá điền ngày càng đông đảo, công nhân công nghiệp, mà chủ yếu là công nhân mỏ, tăng nhanh trong những năm đầu thế kỷ hai mươi, thời kỳ cuộc khai thác khoáng sản ở đây được tiến hành ráo riết nhất. Họ là nông dân trong tỉnh bị bọn thực dân cướp đất và đuổi khỏi các làng mạc trù phú; họ là dân nghèo thành thị, nông dân các tỉnh miền xuôi vì bị bán cùng hóa mà phải bán mình cho bọn chủ mỏ. Theo thống kê chưa đầy đủ, riêng các khu mỏ lớn như mỏ Hích (Võ Nai), mỏ Phấn Mễ (Phú Lương), mỏ Bản Thi (Chợ Đồn), mỏ Linh Nham (Đồng Hỷ) đã có gần 8.000 công nhân.

Thực hiện quốc sách kìm hãm nền kinh tế thuộc địa, trong các đồn điền cũng như hầm mỏ, bọn thực dân đã duy trì điều kiện lao động và lối bóc lột thời phong kiến. Tại các đồn điền, bọn chúng ra sức làm sống lại hình ảnh kinh tế điền trang thái ấp. Trong phạm vi lãnh địa của chúng, quyền lực của đồn điền gần như tuyệt đối. Chúng có quy chế riêng, bộ máy hành chính và đàn áp riêng, kể cả nhà giam riêng. Bọn này thẳng tay áp bức, bóc lột tá điền, đồng thời khuyến khích tá điền chèn ép “dân sù”. Người dân ngoài đồn điền bị chèn ép không sống nổi phải bỏ ruộng vườn mà phiêu bạt hoặc trở thành tá điền. Trong cả hai trường hợp đất đai của đồn điền đều mặc nhiên được mở rộng.

So với người nông dân nói chung, tá điền tuy có được bọn điền chủ dung túng một số hành động như nấu rượu lậu, chèn ép, cướp bóc “dân sù”...nhưng bản thân họ còn cùng quẫn hơn người nông dân tự do. Kể từ khi bị tước mất mảnh đất cuối cùng, thực chất họ là người vô sản. Tuy vậy, do âm mưu thâm độc của bọn thực dân như duy trì nguyên trạng công cụ sản xuất, tập quán phong tục...nên về mặt ý thức hệ tư tưởng, họ không vượt lên được thành phần xuất thân. Người tá điền vẫn chỉ đơn thuần là người nông dân tự do bị phá sản, bị bán cùng hóa và gắn với đồn điền bởi cuộc sống cày thuê, cuốc mướn.

Tại các hầm mỏ, bọn tư bản công nghiệp trắng trợn kết hợp lối áp bức thời phong kiến với những phương pháp bóc lột xảo quyệt của chủ nghĩa tư bản. Ở đây, bên cạnh bộ máy đàn áp của chính quyền thực dân, bọn chủ mỏ có bộ máy đàn áp và kèm kẹp riêng. Lọt vào các hầm mỏ, những người công nhân trở thành một thứ công cụ trong tay bọn tư bản. Thời kỳ này, mặc dù trên thế giới khoa học kỹ thuật đã đạt được nhiều thành quả to lớn, nhưng để kìm hãm nền kinh tế nước ta và tận dụng nguồn nhân công dồi dào và rẻ mạt, toàn bộ các công việc khai thác khoáng sản tại tất cả các mỏ đều bằng phương pháp thủ công. Lao động ở đây mang tính chất khổ sai. Người công nhân phải lao động nặng nhọc dưới roi vọt của bọn thực dân để đổi lấy đồng lương rẻ mạt không đủ duy trì cuộc sống thấp kém của bản thân và gia đình. Ở mỏ Hích, những năm 1920-1923, số công nhân lên tới hơn 3000 người, nhưng không có một cơ sở phúc lợi nào. Người công nhân phải làm việc trong điều kiện đặc biệt gian khổ nhưng cơm không đủ no, đau ốm không được chạy chữa. Do đó, riêng một trận dịch năm 1923 đã có hàng trăm người thiệt mạng, trong đó có ngày có tới hơn hai mươi người chết. Ở mỏ Linh Nham hàng nghìn công nhân sống chui rúc trong các lán gianh, không chăn màn, không giường chiếu, áo quần rách rưới, mùa rét phải khoác khổ tải đi làm việc. Tình trạng đời sống rất tồi tệ, trong khi bọn chủ đặt mức khoán rất cao nên nói chung tiền công không đủ nuôi sống người thợ. Những năm mùa màng thất bát, giá cả thị trường về lương thực, thực phẩm lên cao thì tình cảnh người

công nhân càng bị thảm. Có ngày có hàng chục người chết bệnh, chết đói. Bọn chủ không thí cho người chết manh chiếu bó thây, xác họ bị xếp lên các xe bò và hất xuống các hố chôn chung.

Tuy vậy, điều kiện lao động có tính chất khổ sai, cuộc sống đói nghèo, bệnh tật, từng bộ phận chết đói, chết rét, chết bệnh vẫn chưa phải là tai hoa chung khủng khiếp nhất. Tội ác lớn nhất của bọn thực dân ở đây là các quyết định đột ngột về đình chỉ sản xuất, đóng cửa các mỏ. Có những thời kỳ việc này liên tiếp diễn ra. Ví dụ năm 1925 mỏ Hích đóng cửa; năm 1927 các mỏ bạc Ngân Sơn, Chợ rã ngừng hoạt động; năm 1931 mỏ vàng Chợ rã đình chỉ sản xuất... Trong tất cả các trường hợp cách giải quyết của bọn thực dân đều giống nhau là bỏ rơi toàn bộ công nhân trong thảm cảnh đói, rét, tật bệnh, không phương kế sinh nhai giữa những vùng núi rừng xa lạ, hẻo lánh và hiểm trở. Trong các cuộc khủng hoảng kinh tế, các mỏ còn duy trì sản xuất thì cũng sa thải hàng loạt công nhân. Ví dụ năm 1924 mỏ Phấn Mễ có hơn 2000 công nhân, nhưng năm sau do khủng hoảng kinh tế, bọn chủ mỏ đã sa thải 1650 người, chỉ giữ lại 350 công nhân khỏe mạnh.

Bị áp bức, bóc lột thậm tệ nên ngay trong những năm đầu thế kỷ hai mươi, công nhân tỉnh ta đã nhiều lần nổi lên đấu tranh. Cuộc đấu tranh lớn đầu tiên nổ ra tại khu mỏ tập trung đông công nhân nhất tỉnh ta là mỏ Hích. Cũng như các hầm mỏ khác, tại mỏ Hích việc cúp lương, đánh đập, sa thải công nhân... vẫn thường diễn ra. Hàng nghìn công nhân thường xuyên phải sống trong tình trạng quần bách về đời sống vật chất và o ép, bức bách về tinh thần nhưng bọn chủ mỏ vẫn chưa thỏa mãn. Để vơ vét được nhiều hơn, tháng 11 năm 1913 chúng lại trắng trợn hạ thấp hơn nữa đồng lương vốn đã rất rẻ mạt. Trước tình hình miếng cơm, manh áo cuối cùng bị tước đoạt, trên 3000 thợ mỏ bãi công làm cho bọn thực dân rất lúng túng. Trong năm 1913 bên cạnh cuộc bãi công của công nhân mỏ Hích còn có cuộc đấu tranh của công nhân mỏ than Phấn Mễ (Phú Lương) chống phạt vạ vô lý. Trong cuộc đấu tranh này anh chị em công nhân đã trừng trị đích đáng bọn cai xếp là những tên tay sai đắc lực của bọn chủ mỏ.

Do nhiều nguyên nhân, các cuộc đấu tranh thời kỳ này đều bị đàn áp đẫm máu và không đạt được kết quả. Thế nhưng trong quyết liệt của các cuộc đấu tranh, trình độ giác ngộ, ý thức giai cấp dần dần được nâng cao. Sự sống còn đòi hỏi người công nhân phải siết chặt đội ngũ. Thực tế cuộc sống giúp cho người công nhân ngày càng nhận rõ tội ác của kẻ thù. Do đó ngay trong thời kỳ này, bên cạnh một số cuộc đấu tranh về kinh tế, công nhân tỉnh ta còn hăng hái hưởng ứng các cuộc đấu tranh võ trang của đồng bào các dân tộc ở địa phương. Năm 1917, một số công nhân các mỏ xung quanh thị xã Thái Nguyên đã có sự liên hệ với các chính trị phạm bị giam giữ trong nhà tù ở đây. Cuối tháng tám năm 1917 các mỏ này đã tuyển lựa 312 công nhân bổ sung cho lực lượng khởi nghĩa do Lương Ngọc Quyến và Trịnh Văn Cấn lãnh đạo. Sau ngày cuộc khởi nghĩa quân vốn là thợ mỏ chiến đấu rất dũng cảm, ngoan cường, xứng đáng với vai trò và vị trí của giai cấp công nhân.

Sau năm 1925, với việc hàng loạt các mỏ đóng cửa, đội ngũ công nhân tỉnh ta giảm đi rất nhanh. Trong phạm vi toàn tỉnh, riêng công nhân mỏ chỉ còn lại khoảng trên dưới một nghìn người phân tán ở nhiều nơi, trong đó khu vực Bản Thi (Chợ Đồn) với 400 công nhân là đáng kể nhất.

Trong khi đội ngũ công nhân giảm đi thì ngược lại bộ máy kìm kẹp của địch ở những khu vực này vẫn giữ nguyên hoặc tăng lên. Ở Bản Thi, ngoài bộ máy do chủ mỏ điều khiển, chính quyền thực dân còn bố trí một đồn binh với một trung đội khố xanh được trang bị vũ khí đầy đủ.

Tình hình trên dẫn đến điều bất lợi cho phong trào là tại tất cả các mỏ, mọi hoạt động của công nhân đều dễ dàng bị địch phát hiện và đối phó. Đó là nguyên nhân chính mà các cơ sở Đảng đầu tiên ở tỉnh không xây dựng được trong các khu vực hầm mỏ, nơi tập trung công nhân, ngược lại xuất hiện ở các vùng nông thôn, miền núi là nơi bộ máy kìm kẹp của địch tương đối mỏng và yếu hơn.

III

XÂY DỰNG CƠ SỞ ĐẢNG ĐẦU TIÊN

Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, cùng với các cuộc khai thác thuộc địa của chúng, giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và ngày càng phát triển cả về số lượng cũng như chất lượng. Là đại diện cho sức sản xuất tiên tiến nhất, đồng thời cũng chịu áp bức, bóc lột thậm tệ nhất của thực dân, phong kiến và tư sản trong nước, nên ngay từ khi ra đời, giai cấp công nhân Việt Nam đã là giai cấp cách mạng nhất. Trong những năm đầu thế kỷ hai mươi, giai cấp công nhân Việt Nam đã đủ điều kiện để tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lê - nin, học thuyết cách mạng của giai cấp vô sản. Trong tình hình ấy, kể từ tháng 12 năm 1920, sau khi tham gia thành lập Đảng cộng sản Pháp và đứng hẳn về Quốc tế cộng sản, đồng chí Nguyễn Ái Quốc ra sức truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê - nin vào Việt Nam.

Để chuẩn bị cho việc thành lập Đảng mác xít - Lê nin nít, tháng 6 năm 1925, tại Quảng Châu (Trung Quốc), đồng chí Nguyễn Ái Quốc thành lập Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội. Nhờ hoạt động của đồng chí Nguyễn Ái Quốc và Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội, phong trào cách mạng Việt Nam nói chung và phong trào công nhân nói riêng ngày càng phát triển sâu rộng và mạnh mẽ. Việc thành lập một đảng cách mạng của giai cấp công nhân trở thành yêu cầu cấp bách khách quan. Đáp ứng tình hình đó đầu năm 1930 đồng chí Nguyễn Ái Quốc với tư cách là đại biểu của Quốc tế cộng sản đã triệu tập các nhóm cộng sản hoạt động ở Bắc Kỳ, Nam Kỳ và Trung Kỳ là Đông Dương cộng sản đảng (thành lập tháng 6 năm 1929); An Nam cộng sản đảng (thành lập tháng 10 năm 1929); Đông Dương cộng sản liên đoàn (thành lập tháng 1 năm 1930) sang Cửu Long (Trung Quốc) dự hội nghị thành lập Đảng. Ngày 3 tháng 2 năm 1930, dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, hội nghị nhất trí hợp nhất ba nhóm cộng sản nói trên thành

Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 10 năm 1930 đổi thành Đảng cộng sản Đông Dương).

Có Đảng mác xít - Lê nin nít lãnh đạo, phong trào cách mạng nước ta phát triển sôi nổi, rộng khắp mà điển hình là việc thành lập xô viết Nghệ Tĩnh (1930-1931).

Các sự kiện trọng đại nói trên đã tác động và cổ vũ nhân dân các dân tộc tỉnh ta. Tuy vậy, thời kỳ này tình hình cả ở Bắc Cạn và Thái Nguyên có nhiều khó khăn. Kể từ sau các cuộc nổi dậy ở hai thị xã vào những năm 1914 và 1917, để bảo vệ chặt chẽ hơn nữa các quyền lợi kinh tế quan trọng của đồng bọn giữa một vùng núi non hiểm trở, bọn thực dân tăng cường cao độ bộ máy đàn áp. Mật thám địch hoạt động ráo riết, phát hiện tất cả những người lạ mặt, bám sát các hầm mỏ, đồn điền, là những nơi tập trung đông công nhân... Để ngăn chặn phong trào đấu tranh của công nhân, lợi dụng cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933, bọn thực dân sa thải hàng loạt công nhân cũ, để tuyển lựa những người khỏe mạnh vào thay thế, thực hiện một cuộc xáo trộn lớn trong đội ngũ công nhân. Đội ngũ mỏng, liên tiếp bị xáo trộn và bị giám sát chặt chẽ, nên mặc dù càng bị bóc lột thậm tệ hơn, giai cấp công nhân tỉnh ta gặp khó khăn trong việc xây dựng và củng cố đội ngũ. Trong suốt thời gian từ năm 1929 đến năm 1933 tuy các cơ sở cách mạng của Đảng ở các tỉnh bạn có chú ý hướng hoạt động vào tỉnh ta nhưng nhìn chung đều gặp trở ngại. Năm 1929, nhân kỷ niệm cách mạng tháng Mười Nga bộ phận Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Bắc Giang tổ chức rải truyền đơn ở bến đò Hà Châu (Phú Bình) nhưng bị địch phát hiện nên không có ảnh hưởng gì đáng kể đối với phong trào địa phương. Tháng 9 năm 1933 cơ sở Đảng ở đồn điền Tú Tạo (Đa Phúc, Phúc Yên), giao cho một tá điền mang truyền đơn về làng Phù Lôi (Phổ Yên), nhưng cũng bị địch phát hiện và khủng bố. Rút kinh nghiệm ở các nơi khác, bằng việc tăng cường bộ máy đàn áp, nhất là trong các hầm mỏ, đồn điền, các thị xã, thị trấn, những vùng tiếp giáp các tỉnh bạn, bọn thực dân thống trị tỉnh ta âm mưu dựng lên những con đê ngăn chặn làn sóng cách mạng phát triển vào lãnh địa của chúng. Bên cạnh những yếu tố khách quan,

trong phạm vi toàn quốc, sau cuộc khủng bố trắng của địch, những năm 1931-1933 phong trào tạm thời lắng xuống. Đó là một vài lý do khách quan và chủ quan khiến cho tỉnh ta chưa xây dựng được các cơ sở cách mạng cần thiết. Những năm 1933 - 1935 tại tỉnh ta mới chỉ có một vài đảng viên bị địch khủng bố ở các tỉnh miền xuôi chạy lên như Vũ Hưng (tức Hai Cao). Nguyễn Đình Chiêm nhưng vì mất liên lạc và bị địch truy lùng nên chưa có hoạt động gì đáng kể. Phong trào cách mạng ở tỉnh chỉ được phát triển cả về nội dung và hình thức từ sau đại hội Đảng toàn quốc lần thứ nhất (tháng 3 năm 1935).

Trên cơ sở phong trào cách mạng toàn quốc dần dần hồi phục và phát triển sau thời kỳ tạm lắng (1931 – 1933), năm 1934 Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng được thành lập. Nhờ những hoạt động của ban lãnh đạo hải ngoại nhiều cán bộ được đào tạo, các cơ sở Đảng được hồi phục và phát triển, các đầu mối lãnh đạo của Đảng được thống nhất. Trên cơ sở này, ngày 27 tháng 3 năm 1935 Đại hội đại biểu Đảng cộng sản Đông Dương lần thứ nhất khai mạc tại Ma Cao (Trung Quốc). Đại hội nhận định: “Thắng lợi rất to lớn trong thời kỳ cải tạo khó khăn là Đảng đại khái đã khôi phục được hệ thống Đảng khắp toàn Đông Dương, đã khôi phục được các tổ chức của cơ quan chỉ đạo bị đế quốc phá tan hồi năm 1931. Đảng đã đào tạo được cán bộ mới để thay thế cho chiến sĩ bị chém giết, tù đầy”. “Tuy số đảng viên còn kém hồi cao trào cách mạng năm 1930-1931, nhưng thế lực của đảng hiện thời đã lan rộng đến các địa hạt hậu tiến các miền dân tộc thiểu số”⁽¹⁾ Bên cạnh những thành tích, Đại hội nêu rõ những khuyết, nhược điểm chính của các cấp ủy Đảng cơ sở là: chưa đặt trọng tâm công tác xây dựng Đảng, phát triển cơ sở cách mạng vào các xí nghiệp, hầm mỏ, đồn điền, các trung tâm kinh tế, văn hóa; trong Đảng, số đảng viên thành phần xuất thân là công nhân còn chiếm tỷ lệ thấp; chưa đưa được những đảng viên xuất thân từ giai cấp công nhân vào các cơ quan lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng; kỷ luật Đảng chưa chặt chẽ; mối liên hệ giữa các giai cấp chưa mật thiết...

⁽¹⁾ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng, tập 1, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1977, tra 481.

Trên cơ sở phân tích sâu sắc tình hình, đánh giá đúng thành tích và khuyết, nhược điểm. Đại hội quyết nghị: khôi phục các tổ chức Đảng đã bị địch phá; nối lại liên lạc với những đảng viên bị địch khủng bố, đưa họ trở lại hoạt động; ra sức xây dựng các cơ sở cách mạng và phát triển Đảng vào các xí nghiệp, hầm mỏ, đồn điền, các trung tâm kinh tế, văn hóa, các trục giao thông trọng yếu...

Thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ nhất, chi bộ hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương ở Long Châu (Trung Quốc) quyết định đưa cán bộ đảng viên về nước hoạt động.

Chi bộ hải ngoại của Đảng cộng sản Đông Dương thành lập tại Long Châu (Quảng Tây, Trung Quốc). Năm 1933 được đồng chí Lê Hồng Phong công nhận. Lúc đầu gồm các đồng chí Hoàng Đình Dong, Hoàng Văn Thụ và Hoàng Văn Nọn. Sau thêm các đồng chí Lương Văn Chi, Vi Đức Minh... Chi bộ làm nhiệm vụ đào tạo cán bộ và tham gia lãnh đạo phong trào cách mạng các tỉnh miền núi Việt Bắc ngày nay. Bí thư chi bộ là đồng chí Hoàng Đình Dong. Năm 1936 khi đồng chí Hoàng Đình Dong về nước thì bí thư chi bộ là đồng chí Hoàng Văn Thụ.

Quyết định của chi bộ hải ngoại của Đảng cộng sản Đông Dương ở Long Châu được triển khai giữa lúc tình hình thế giới và trong nước có những diễn biến thuận lợi. Dưới ánh sáng nghị quyết của Đại hội lần thứ bảy của Quốc tế cộng sản (tháng 7 năm 1935), sự nghiệp chống lại hiểm họa của chủ nghĩa phát xít nhanh chóng trở thành phong trào quần chúng sâu rộng trên phạm vi toàn thế giới. Trong phong trào ấy mặt trận bình dân Pháp, do Đảng cộng sản Pháp làm nòng cốt giành được thắng lợi lớn trong cuộc tuyển cử tháng 5 năm 1936. Với kết quả này một chính phủ tiến bộ lên cầm quyền ở Pháp. Để phù hợp với tình hình mới, bọn thực dân ở các thuộc địa buộc phải khoác chiếc áo dân chủ. Nới lỏng một số mặt không cơ bản trong quy chế khắc nghiệt của chế độ thuộc địa. Chớp lấy thời cơ thuận lợi này từ giữa năm 1936 đến đầu năm 1937, tất cả cán bộ, đảng viên chi bộ hải ngoại của đảng cộng sản Đông Dương ở Long Châu lần lượt lên đường về nước.

Tỉnh ta thời kỳ đó nổi tiếng là một miền kỹ nghệ, có nhiều hầm mỏ, đồn điền, tập trung đông công nhân nên được chỉ bộ hải ngoại của Đảng cộng sản Đông Dương ở Long Châu chú ý. Một đảng viên có năng lực vận động quần chúng là Đặng Tùng được cử về Thái Nguyên.

Đặng Tùng tên thật là Đinh Ngọc Đạt, ngoài ra còn có các tên: Luân, Con, Pạc Pản Lý (Lã Hồng Tú). Sinh quán tại Nà Phế xã Lê Trung (Hòa An, Cao Bằng), con một gia đình vào loại trung lưu nên còn nhỏ Đặng Tùng được theo học tại trường Pháp - Việt thị xã Cao Bằng. Tháng 8 năm 1932 anh được kết nạp vào Đảng cộng sản Đông Dương. Những năm 1933 - 1934 Đặng Tùng là đảng viên của Đảng bộ Hòa An (Cao Bằng), sinh hoạt và công tác ở địa phương. Trong cuộc khủng bố ngày 26 tháng 8 năm 1935 của địch. Đặng Tùng bị bắt tại thị xã Cao Bằng. Nhờ mưu trí và dũng cảm, đồng chí thoát được nhanh vượt giặc. Để bảo vệ một đồng chí đã bị lộ, đang bị địch truy lùng. Đảng bộ Cao Bằng bố trí cho Đặng Tùng tạm lánh ra nước ngoài. Cuối năm 1935 Đặng Tùng đến Long Châu. Quảng Tây, Trung Quốc) và được bố trí sinh hoạt trong chi bộ hải ngoại của Đảng cộng sản Đông Dương do đồng chí Hoàng Đình Dong làm bí thư. Các đồng chí lãnh đạo chi bộ bố trí cho Đặng Tùng ở nhờ một gia đình người Nùng từng sống ở Việt Nam, có nhiều bà con sinh cơ lập nghiệp tại Bắc Sơn (Lạng Sơn) và vùng La Bằng (Đại Từ).

Nhận nhiệm vụ do chi bộ hải ngoại của Đảng cộng sản Đông Dương ở Long Châu giao, Đặng Tùng bí mật vào Cao Bằng rồi đi công khai qua Bắc Cạn xuống Đại Từ. Gia đình họ Đường ở La Bằng đã đón tiếp Đặng Tùng như tiếp một người thân nên công tác của đồng chí có nhiều thuận lợi. Vốn là người có trình độ văn hóa, có năng lực và kinh nghiệm vận động quần chúng, chỉ một thời gian ngắn ở La Bằng, Đặng Tùng đã từ cảm hóa đến giác ngộ mấy anh em họ Đường. Đường Văn Hon (Nhất Quý) được Đặng Tùng kết nạp vào Đảng cộng sản Đông Dương. Cơ sở cách mạng đầu tiên của tỉnh được xây dựng ở vùng núi hẻo lánh phía tây.

Sau khi đạt được những kết quả bước đầu ở La Bằng (Đại Từ), Đặng Tùng lên quê chính của mấy anh em họ Đường ở Bắc Sơn (Lạng Sơn), cũng

như ở Đại Từ, tại Bắc Sơn, Đặng Tùng đã nhanh chóng xây dựng được các cơ sở cần thiết.

Sách lịch sử đấu tranh cách mạng huyện Bắc Sơn của Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh ủy Lạng Sơn do Ty văn hóa Lạng Sơn xuất bản năm 1974

viết: “Ngày 10-8 ta (25-9-1936) chi bộ đầu tiên ở Bắc Sơn được thành lập tại Mỏ Tát xã Vững Lãng”⁽¹⁾

Trong quá trình xây dựng và chỉ đạo hai cơ sở cách mạng ở Bắc Sơn và Đại Từ, Đặng Tùng chú ý đến các quan hệ gia đình và bạn bè của số cán bộ, đảng viên của hai cơ sở trên tại Võ Nhai. Được sự giúp đỡ của các cán bộ, đảng viên hai cơ sở nói trên, Đặng Tùng tuyên truyền có kết quả trong số thanh niên hăng hái ở Võ Nhai. Nhờ nhiều yếu tố cả về chủ quan và khách quan thuận lợi, chỉ sau một thời gian ngắn cơ sở cách mạng ở Võ Nhai đã phát triển khá. Bên cạnh việc tiếp tục bồi dưỡng những đồng chí đã giác ngộ, các đồng chí phụ trách ở đây còn khéo léo kết hợp các công việc hợp pháp như đặc điền, thầu gỗ...để tập hợp thanh niên. Những người tích cực được tuyên truyền đường lối cách mạng dân tộc, dân chủ, tiến lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản của Đảng ta, hình ảnh tươi sáng của cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga...Cơ sở cách mạng ở Võ Nhai tuy được xây dựng sau nhưng nhanh chóng phát triển rộng và vững chắc. Đầu năm 1937 Đặng Tùng ở hẳn Võ Nhai và từ trung tâm này chỉ đạo phong trào các nơi. Cơ sở cách mạng và phong trào cách mạng do các tổ chức Đảng lãnh đạo đạt được những thành tích đáng kể ở Bắc Sơn cũng như ở Đại Từ và Võ Nhai. Trên cơ sở những thành tựu bước đầu nhưng đáng chú ý này Đặng Tùng cho người sang Long Châu (Trung Quốc) báo cáo với đồng chí Hoàng Văn Thụ.

Đầu năm 1937, sau khi hầu hết cán bộ, đảng viên của chi bộ hải ngoại của đảng cộng sản Đông Dương ở Long Châu đã về trong nước hoạt động, đồng chí Hoàng Văn Thụ, bí thư chi bộ cũng lên đường về nước. Tháng 2 năm 1937 đồng chí về đến Thông Nông (Cao Bằng). Tại đây, bị mật thám Pháp phát hiện và vây lùng. Đồng chí Hoàng Văn Thụ lại phải

⁽¹⁾ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh ủy Lạng Sơn: Lịch sử đấu tranh cách mạng huyện Bắc Sơn, Ty văn hóa Lạng Sơn xuất bản, 1974, tr. 20.

tạm lánh sang Long Châu. Mùa hè năm 1937 đồng chí đi Hồng Công công tác. Khoảng cuối năm 1937 mới trở lại Long Châu.

Đầu năm 1938, đồng chí Hoàng Văn Thụ về nước. Tại Lạng Sơn và Thái Nguyên. Đồng chí Hoàng Văn Thụ đã kiểm tra các cơ sở cách mạng do Đặng Tùng xây dựng. Để giúp cán bộ, đảng viên ở địa phương nâng cao tri thức và giác ngộ cách mạng, tháng 4 năm 1938, trước khi lên đường về Hà Nội, đồng chí Hoàng Văn Thụ mở một lớp huấn luyện chính trị ở Võ Nhai cho những thanh niên địa phương đã giác ngộ cách mạng. Tại lớp huấn luyện này, đồng chí Hoàng Văn Thụ đã phân tích kỹ tình hình thế giới, trong nước và giới thiệu nhiệm vụ mới của cách mạng Việt Nam.

Nhận thấy vị trí quan trọng của các cơ sở ở một tỉnh nhiều đồn điền, hầm mỏ, lại án ngữ một chặng hiểm yếu trên con đường giao thông liên lạc có ý nghĩa chiến lược của cách mạng Việt Nam từ trong nước ra nước ngoài, ngay sau khi đồng chí Hoàng Văn Thụ về xuôi (lúc này Đặng Tùng cũng đã sang Trung Quốc) Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ lần lượt cử nhiều cán bộ lên giúp Võ Nhai cũng như Bắc Sơn. Mùa hè năm 1938 theo chỉ thị của đồng chí Hoàng Vĩnh Thụy (Hoàng Văn Nọn), bí thư Xứ ủy, đồng chí Lê Xuân Thụ, cán bộ Xứ ủy nhận nhiệm vụ lên xây dựng cơ sở và mở rộng phong trào cách mạng nhằm đánh thông con đường liên lạc của Đảng từ Hà Nội qua Thái Nguyên, Lạng Sơn ra nước ngoài. Ở Võ Nhai, tuy không được đồng chí bí thư Xứ ủy giao nhiệm vụ, nhưng nhận thấy chưa có cơ sở quần chúng, một trong những nhân tố cực kỳ quan trọng để triển khai chủ trương của Đảng, đồng chí Lê Xuân Thụ đã cùng với cơ sở Đảng xúc tiến việc thành lập Đoàn thanh niên dân chủ. Một số thanh niên hăng hái ở địa phương được thu hút vào tổ chức Đoàn. Trong đó, Nông Văn Cún (Thái Long), một trong những thanh niên đầu tiên ở tỉnh ta được kết nạp vào Đoàn thanh niên dân chủ, đã trở thành người giúp việc đắc lực, tin cậy của đồng chí phái viên Xứ ủy trong cả quá trình công tác nhằm đánh thông và mở rộng con đường liên lạc trên tuyến phía bắc.

Giúp việc đồng chí phái viên Xứ ủy, Nông Văn Cún hoạt động hăng hái.

Vì thế từ đầu năm 1939 đồng chí đã bị mật thám Lạng Sơn đề ý. Chúng

cho một tên chó săn là Nguyễn Văn Phúc bám sát, theo dõi Nông Văn Cún. Trong một lần công tác ở Hung Vũ, huyện Bắc Sơn (tháng 7 năm 1939). Nông Văn Cún sa vào tay giặc. Bị bọn mật thám tra tấn rất dã man, nhưng Nông Văn Cún một mực không khai, giữ vững khí tiết của người đoàn viên. Đoàn thanh niên dân chủ, người đảng viên Đảng cộng sản Đông Dương. Trước tòa án giặc ở Lạng Sơn, khi viên chánh án hỏi: “Nghe thầy đồ Thành tức Cao (đồng chí Lê Xuân Thụ - BNCLSĐBT) nói về thuyết cộng sản thì anh có hiểu và tán thành không?”. Nông Văn Cún đã trả lời khẳng khái: “Tôi hiểu và tán thành chủ nghĩa ấy!”⁽¹⁾

Sau khi đồng chí Lê Xuân Thụ lên, tháng 8 năm 1938 Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc kỳ lại cử đồng chí Nguyễn Văn Minh, Xứ ủy viên lên Võ Nhai. Thực hiện nhiệm vụ được giao, đồng chí Xứ ủy viên đã kiểm tra cơ sở, nắm tình hình phong trào, góp ý kiến với các đồng chí phụ trách địa phương. Để giúp cán bộ, đảng viên ở đây nâng cao trình độ và giác ngộ cách mạng, đồng chí Xứ ủy viên đã mở lớp huấn luyện chính trị. Gần mười cán bộ, đảng viên được chọn dự lớp huấn luyện có điều kiện nghiên cứu kỹ điều lệ Đảng cộng sản Đông Dương và lịch sử phong trào công nhân quốc tế.

Được sự quan tâm của Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc kỳ trong thời gian ngắn từ nửa cuối năm 1938 đến nửa đầu năm 1939, tổ chức Đảng, đoàn thể quần chúng cách mạng của tỉnh ta được củng cố và phát triển khá.

Tại Võ Nhai, cơ sở cách mạng và phong trào cách mạng từ Phú Thượng phát triển rộng ra Lâu Thượng, Tràng Xá, La Hiên... Riêng số đảng viên của các cơ sở này đã có gần ba mươi đồng chí. Vùng Đại Từ tuy cơ sở cách mạng và phong trào cách mạng không phát triển mạnh bằng Võ Nhai, nhưng tổ chức Đảng cũng đã có sáu đảng viên. Vùng Định Hóa, các đảng viên thoát khỏi các cuộc khủng bố của địch ở miền xuôi lên sinh sống, nối lại được liên lạc với Đảng, sinh hoạt thành một tổ gồm ba người. Giữa Võ Nhai, Đại Từ, Định Hóa tuy về danh nghĩa không hình thành một tổ chức thống nhất, nhưng thực tế đã có sự chỉ đạo thống nhất mà trung tâm là Võ Nhai. Vùng nam Phú

⁽¹⁾ Hồ sơ mật thám Pháp (vụ án Nông Văn Cún- 9.1939), tài liệu của Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Bắc Thái.

Bình, Phở Yên có một số cán bộ của Đảng bộ Bắc Giang và Xứ ủy Bắc Kỳ đi lại hoạt động xây dựng được một số cơ sở, nhưng chưa hình thành được tổ chức cần thiết. Các cuộc đấu tranh tiêu biểu của thời kỳ này vì vậy chủ yếu nổ ra ở Võ Nhai do cơ sở Đảng ở đây lãnh đạo.

Nghị quyết hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng tháng 3 năm 1938, trong khi nhất quán chĩa mũi nhọn vào chủ nghĩa phát xít đã “chủ trương đòi cho dân chúng Đông Dương được các quyền tự do dân chủ, cải thiện sinh hoạt...”⁽¹⁾. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ tiếp tục phát triển sôi nổi, rộng khắp trong cả nước.

Thực hiện chủ trương chung của Đảng, hưởng ứng cuộc đấu tranh của đồng bào các nơi, giữa năm 1938 Đảng bộ Võ Nhai tổ chức thắng lợi cuộc đấu tranh lớn đầu tiên của tỉnh. Đầu năm 1938, để hoàn thành gấp con đường chiến lược qua địa phương bọn thực dân ráo riết bắt phu. Nhân dân các dân tộc phải bỏ công việc đồng áng để lên công trường. Nhằm đẩy mạnh tiến độ thi công, bọn chúng thực hiện chế độ cưỡng bách làm việc đối với dân phu. Họ bị đánh đập tàn nhẫn trong khi số thù lao ít ỏi bị bớt xén, ăn chặn. Quyết định lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Đảng bộ đã tiến hành một cuộc vận động sâu rộng trong dân phu nhất loạt ký tên đòi cấm đánh đập phu, trừng trị bọn ăn chặn thù lao của phu, chống bắt phu trong ngày mùa...Mũi nhọn đã kích hướng vào tên tri châu gian ác và tham nhũng. Kế hoạch phát động cuộc đấu tranh bị lộ, nên cuộc đấu tranh nổ ra sớm hơn dự định. Trong khi đoàn đại biểu mang đơn và bản chữ ký của đồng bào các xã lên tòa sứ, hàng trăm dân phu mang theo sừng, cuốc nhất loạt kéo về châu lỵ. Trước quy mô và khí thế của cuộc đấu tranh bọn thực dân phải nhượng bộ. Việc làm đường phải hoãn, tên tri châu gian ác bị đổi đi nơi khác.

Cuộc đấu tranh lớn đầu tiên của Đảng bộ và nhân dân ta đạt được một thắng lợi có ý nghĩa. Bị ràng buộc bởi những chính sách có xu hướng tiến bộ của Mặt trận bình dân Pháp, bọn phản động thuộc địa phải dè dặt trong việc

⁽¹⁾ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng, tập II, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1977, tr 289.

đôi phó với các cuộc đấu tranh của nhân dân, không dám trắng trợn đàn áp như trước đây. Trước cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống việc làm đường ở Võ Nhai, bọn thực dân phải lùi bước. Tuy vậy, chúng chưa cam chịu thất bại. Cuối năm 1938 bọn thực dân lại ráo riết bắt phu, nhằm hoàn thành công việc phải bỏ dở do cuộc chống phu mùa hè. Phát huy thắng lợi trong cuộc chống phu lần trước, Đảng bộ lại phát động một cuộc đấu tranh mới. Trong cuộc đấu tranh này, đồng thời với việc vận động dân phu kéo lên châu ly đấu tranh, cử đại biểu mang kiến nghị về tỉnh, về Hà Nội. Đảng bộ còn tiến hành vận động lẫn công trên toàn công trường. Trước sự đấu tranh của nhân dân ta, bọn thực dân lại phải nhượng bộ. Chúng hứa tăng thù lao, thả những người bị bắt trong đấu tranh, cấm đánh đập dân phu...Cuộc đấu tranh tuy chưa đạt được yêu cầu tối đa là chống lại việc bắt phu làm đường, nhưng những kết quả trên nhiều mặt yêu sách đã có sức cổ vũ lớn đối với phong trào cách mạng của địa phương. Riêng đối với Đảng bộ, ý nghĩa thắng lợi vượt ra khuôn khổ những kết quả cụ thể từ các yêu sách. Đó là kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo và tập dượt cho quần chúng đấu tranh chống địch dưới những hình thức mới.

Trong thắng lợi của các cuộc đấu tranh, vai trò và vị trí của các cơ sở Đảng được nâng cao. Quần chúng hăng hái tham gia các cuộc vận động do Đảng bộ khởi xướng. Hội Tương tế, Ái hữu, nhằm tập hợp quần chúng dưới hình thức giúp đỡ lẫn nhau trong ma chay, cưới xin, vốn phù hợp với tục lệ tốt đẹp trong đồng bào các dân tộc, được hưởng ứng rộng rãi. Phong trào học văn hóa, các cuộc vận động lấy chữ ký đòi ân xá chính trị phạm, mua và đọc sách, báo công khai của Đảng... cũng được đẩy lên sôi nổi, rộng khắp. Riêng Võ Nhai, Đại Từ, Định Hóa đã thành lập được hàng chục tổ mua và đọc sách, báo. Các tổ này sinh hoạt đều và thu hút hàng trăm quần chúng. Chị em phụ nữ bị xã hội thực dân, phong kiến khinh rẻ, trước đây vốn an phận làm lưng, hầu chồng nuôi con, nay được thu hút vào các phong trào học văn hóa, đọc sách báo. Hưởng ứng các cuộc vận động do Đảng chủ trương, trình độ giác ngộ của đồng bào các dân tộc dần dần được nâng cao. Bước đầu các cơ sở Đảng đã thành công trong việc thức tỉnh và tập hợp những lực lượng tiềm

tàng, chuẩn bị cho bước phát triển mới của phong trào cách mạng ở địa phương.

Chương II

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

Ngày 1 tháng 9 năm 1939, đại chiến thế giới lần thứ hai bùng nổ. Bước vào vòng chiến, chính phủ Pháp liền trở mặt, khủng bố Đảng cộng sản cũng như các tổ chức tiên bộ khác ở chính quốc và thuộc địa. Tại Đông Dương, ngày 28 tháng 9 năm 1939, phủ toàn quyền ra nghị định giải tán và tịch thu tài sản của các hội Ái hữu; nghiệp đoàn, mở đầu cuộc khủng bố quyết liệt.

Để đối phó với tình hình mới, ngày 29 tháng 9 năm 1939, Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương ra thông cáo gửi các cấp bộ Đảng vạch rõ “con đường chính trị quốc tế hiện thời” và “chiến thuật Đảng cộng sản Đông Dương hiện tại”. Đảng chủ trương chinh đốn tổ chức và chuẩn bị đối phó với việc bắt lính mộ phu của bè lũ thực dân.

Đầu tháng 11 năm 1939, Ban chấp hành Trung ương họp tại Hóc Môn (Bà Điểm, Gia Định). Trên cơ sở phân tích tình hình thế giới và Đông Dương, hội nghị khẳng định: “Đảng ta phải thay đổi chính sách”. Hình thức “Mặt trận dân chủ thích hợp với hoàn cảnh trước kia, ngày nay không còn thích hợp nữa. Ngày nay phải thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương (M.T.T.N.D.T.P.Đ.Đ.D) để tranh đấu chống đế quốc chiến tranh, đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến thối nát, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập”⁽¹⁾ Trong tình hình mới “lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao”. Ban chấp hành Trung ương Đảng chủ trương thay khẩu hiệu cách mạng ruộng đất bằng khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của bọn thực dân và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc; thay khẩu hiệu chính phủ “xô viết công, nông, binh” bằng khẩu hiệu chính phủ “cộng hòa dân chủ”...

Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương tháng 11 năm 1939 (thường gọi là nghị quyết sáu) thể hiện sự nhạy bén trong quan hệ lãnh đạo và chỉ đạo

⁽¹⁾ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng, tập III, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản. Hà Nội, 1977, tr 56.

cách mạng của Đảng ta. Nhờ kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và sách lược nên trong tình hình mới, rất phức tạp, cách mạng nước ta có được phương hướng mới đúng đắn để phát triển mạnh mẽ.

Dưới ánh sáng nghị quyết sáu, các cơ sở cách mạng tỉnh ta kịp thời chuyển từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật. Đội ngũ cán bộ, đảng viên được bố trí, sắp xếp lại nhằm tránh mũi nhọn khủng bố của kẻ thù và tiếp tục lãnh đạo đồng bào các dân tộc trong tỉnh vươn lên đáp ứng tình hình và nhiệm vụ mới trong cao trào cứu nước.

I

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG CƠ SỞ CÁCH MẠNG VÀ PHONG TRÀO CÁCH MẠNG

Đại chiến thế giới lần thứ hai ngày càng lan rộng. Đế quốc Pháp nhanh chóng quỳ gối trước sức tiến công của phát xít Đức (22-6-1940).

Lợi dụng tình hình trên, phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương. Ngày 22 tháng 9 năm 1940, quân Nhật từ Trung Quốc tràn qua biên giới Trung -Việt, đánh chiếm Lạng Sơn. Quân Pháp bạc nhược nhanh chóng tan rã. Tàn quân Pháp vứt bỏ súng đạn rút chạy về xuôi. Nắm lấy thời cơ thuận lợi này, Đảng bộ Bắc Sơn (Lạng Sơn) đã phát động quần chúng nổi dậy. Ngày 27 tháng 9 năm 1940, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ.

Hưởng ứng cuộc khởi nghĩa ở một địa phương vốn có quan hệ mật thiết về nhiều mặt, Đảng bộ và nhân dân Võ Nhai đã kịp thời đẩy mạnh hoạt động mở rộng cơ sở, cử cán bộ, đảng viên lên Bắc Sơn tham gia chiến đấu.

Khởi nghĩa Bắc Sơn nổ ra giữa lúc tình hình thế giới và trong nước có nhiều khó khăn nên bị kẻ thù đàn áp đẫm máu. Tuy vậy, tiếng súng Bắc Sơn đã có sức cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng cả nước, trong đó, trực tiếp nhất là phong trào cách mạng tỉnh ta.

Có sự lãnh đạo chặt chẽ, sát sao của Ban thường vụ Trung ương và Xứ ủy Bắc kỳ, căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai dần dần hình thành và được củng cố. Nhiều cán bộ có trình độ chính trị và năng lực vận động quần chúng của một số địa phương được Đảng điều động tăng cường cho Bắc Sơn - võ Nhai. Đặc

biệt, đầu năm 1941, trên đường đi dự hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ



Hang Nì Kháo (Võ Nhai),
một trong những căn cứ của Cứu quốc quân

tám tại Pác Bó (Hà Quảng, Cao Bằng), các đồng chí lãnh đạo của Đảng đã dừng lại ở Võ Nhai và Bắc Sơn để trực tiếp chỉ đạo phong trào. Thực hiện chỉ thị của Đảng duy trì tiếng súng Bắc Sơn để góp phần cổ vũ phong trào cách mạng cả nước, đội du kích ra đời trong cuộc khởi nghĩa được xây dựng thành lực lượng võ trang đầu tiên của Đảng.

Đơn vị ra mắt quân chúng trong một cuộc mít tinh trọng thể vào ngày 1 tháng 5 năm 1941, tại Khuổi Nọi xã Vũ Lễ (Bắc Sơn – Lạng Sơn), đồng chí Lương Văn Chi làm chỉ huy trưởng, Sau hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ tám tháng 5 năm 1941, đồng chí Phùng Chí Kiên, ủy viên Trung ương Đảng được cử về làm chỉ huy trưởng đơn vị và căn cứ Bắc Sơn – Võ Nhai. Đội du kích đầu tiên này về sau được đặt tên là trung đội Cứu quốc quân thứ nhất (hay Cứu quốc quân một).

Phong trào cách mạng tại vùng rừng núi phía đông tỉnh ta phát triển làm cho thực dân Pháp hoảng hốt. Vì vậy, sau khi quỳ gối dâng Đông Dương cho Nhật, chúng quay lại âm mưu dập tắt phong trào cách mạng của đồng bào ta. Liên tiếp trong hai tháng 6 và 7 năm 1941, thực dân Pháp huy động hàng trăm quân, mở nhiều cuộc vây càn vào căn cứ. Riêng tại Võ Nhai, trong nửa đầu tháng 7 năm 1941, quân địch bắt 25 người, gồm cán bộ đảng viên và quân chúng trung kiên. Đặc biệt, trong các trận càn đầu tháng 8 năm 1941 chúng thu được một “sổ tay chiến sĩ”, có ghi danh sách “đệ nhất trung đội du kích” nên càng hoảng hốt và điên cuồng phản ứng. Địch huy động thêm quân chủ lực (gồm lê dương và khố đỏ) đến khu vực Bắc Sơn – Võ Nhai và liên tiếp mở các cuộc càn quét, khủng bố. Rất nhiều đồng bào ta bị chúng dồn vào các trại tập trung và kiểm tỏa gắt gao.

Trước tình hình diễn biến phức tạp, nhằm tránh mũi nhọn khủng bố của kẻ thù và bảo vệ cho cách mạng một lực lượng võ trang đã được thử thách, các đồng chí lãnh đạo căn cứ Bắc Sơn – Võ Nhai quyết định rút bộ đội lên biên giới Việt -Trung.

Thực hiện quyết định trên, ngày 16 tháng 8 năm 1941, đơn vị chia làm hai bộ phận, theo hai ngả, hành quân lên biên giới. Cuộc rút lui được tiến

hành bí mật, khẩn trương, do do vòng vây của địch dày đặc nên bộ phận theo đường qua Bắc Cạn lên Cao Bằng bị tổn thất lớn. Trong trận phá vây ngày 22 tháng 8 năm 1941 tại Khau Pàn (xã Đức Vân huyện Ngân Sơn) đồng chí chỉ huy trưởng hy sinh, đồng chí chỉ huy phó bị địch bắt.

Tại căn cứ, tuy lực lượng võ trang của ta đã rút đi, nhưng cuộc khủng bố của địch vẫn tiếp diễn khốc liệt. Tiểu đội được phân công ở lại căn cứ tiếp tục lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống khủng bố bị tổn thất lớn. Căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai đứng trước tình thế hết sức nghiêm trọng.

Trong hoàn cảnh đó, trước khi lên đường về xuôi, các đồng chí trong Ban thường vụ Trung ương đã có nhiều ý kiến chỉ đạo quý báu đối với Đảng bộ và lực lượng Cứu quốc quân hoạt động ở Võ Nhai. Đó là vấn đề củng cố lực lượng; xây dựng quyết tâm chống địch, bảo vệ căn cứ và giữ vững liên lạc với Trung ương ở miền xuôi; xây dựng và củng cố cơ sở cách mạng và phong trào cách mạng; trừ gian, diệt phản động, binh vận... Trung ương yêu cầu phải tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đẩy mạnh việc huấn luyện quân sự cho Cứu quốc quân và nhân dân địa phương; đề cao cảnh giác, tuyệt đối giữ bí mật chủ trương, đường lối của Đảng cũng như cơ sở cách mạng ở địa phương.

Đồng chí Hoàng Quốc Việt, ủy viên Ban thường vụ Trung ương Đảng, ở lại căn cứ một thời gian để giúp Đảng bộ Võ Nhai quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng trong giai đoạn mới và tổ chức lực lượng nhằm đối phó với cuộc khủng bố ngày càng quyết liệt của địch vào căn cứ.

Thực hiện chủ trương trên, ngày 25 tháng 8 năm 1941 tại Vân Bàng xã Tràng Xá (Võ Nhai) đồng chí Hoàng Quốc Việt đã truyền đạt tinh thần nghị quyết Trung ương lần thứ tám, chương trình, điều lệ Việt Minh cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ Cứu quốc quân và tự vệ các xã lân cận.

Đối với Đảng bộ Võ Nhai và bộ phận Cứu quốc quân ở lại căn cứ, nghị quyết mới của Trung ương là ánh sáng soi dọi con đường đi tới, là nguồn cổ vũ lớn lao trong cuộc đấu tranh một mất một còn với kẻ thù hung bạo.

Ngay sau khi học tập, cán bộ, đảng viên và chiến sĩ Cứu quốc quân chia thành các nhóm nhỏ về cơ sở ổn định tư tưởng, vận động đồng bào giúp đỡ, hỗ trợ nhau trong lúc giặc giã, hướng dẫn và chuẩn bị tư tưởng cho quần chúng trước khi bước vào cuộc đấu tranh với bè lũ thực dân.

Ở những nơi bị địch khủng bố, cán bộ, đảng viên và chiến sĩ Cứu quốc quân đã dày công xây dựng và củng cố lại phong trào. Ngoài ra, để chuẩn bị cho cuộc chiến đấu, Đảng bộ còn chú ý xây dựng mới các cơ sở cách mạng trên vùng cao.

Do những hoạt động tích cực, khẩn trương của cán bộ, đảng viên và chiến sĩ Cứu quốc quân, nhiều cơ sở cách mạng đã được xây dựng và củng cố. Giữa nanh vuốt giặc, quần chúng vẫn một lòng tin, theo và ủng hộ cách mạng.

Trên nền tảng là phong trào cách mạng của quần chúng được giữ vững, ngày 15 tháng 9 năm 1941, tại rừng Khuôn Mánh xã Tràng Xá, trung đội Cứu quốc quân thứ hai được chính thức thành lập. Đơn vị gồm bốn mươi bảy nam, nữ chiến sĩ. Trong đó, bên cạnh một số thanh niên trung kiên là những đồng chí từng tham gia từ những ngày đầu cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, đã chiến đấu trong trung đội Cứu quốc quân thứ nhất, đã bảo vệ thắng lợi đoàn cán bộ của Đảng đi dự hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ tám.

Tại buổi lễ thành lập, thay mặt Ban thường vụ Trung ương Đảng, đồng chí Hoàng Quốc Việt đã công nhận và giao nhiệm vụ cho Cứu quốc quân. Trong điều kiện địch khủng bố quyết liệt, trước hết Đảng yêu cầu Cứu quốc quân phải giữ vững căn cứ, bảo vệ lực lượng, bảo vệ cơ sở cách mạng; đồng thời, duy trì “tiếng súng Bắc Sơn” để cổ vũ phong trào cách mạng cả nước và thiết thực góp phần ủng hộ công cuộc chống phát xít của nhân dân thế giới mà Liên Xô là chiến sĩ xung kích.

Được Đảng lãnh đạo sát sao, được nhân dân đùm bọc, lại có truyền thống của khởi nghĩa Bắc Sơn và trung đội Cứu quốc quân thứ nhất cổ vũ, cán bộ, chiến sĩ trung đội Cứu quốc quân thứ hai phấn khởi, tin tưởng, chung một quyết tâm sắt đá: tiến lên giết giặc, bảo vệ căn cứ, trả thù cho gia đình, đồng bào bị địch khủng bố, trả thù cho đồng chí đã hy sinh.

Với niềm phấn khởi và khí thế mới, ngày 16 tháng 9 năm 1941, một tổ Cứu quốc quân đã phục kích địch ở đèo Bấp, bắn chết một tên tay sai đắc lực của giặc, có nhiều nợ máu với nhân dân.

Phát huy thắng lợi bước đầu, Cứu quốc quân đẩy mạnh hoạt động. Một tiểu đội được phân công lên Bắc Sơn chấp nối liên lạc. Các tiểu đội khác cũng triển khai hoạt động như quấy rối địch, vận chuyển lương thực, điều tra tin tức...

Cứu quốc quân ra đời và đẩy mạnh hoạt động làm quần chúng cách mạng phấn khởi; ngược lại, kẻ địch rất hoảng hốt và càng lòng lộn điên cuồng.

Nhằm đối phó với phong trào cách mạng nói chung và Cứu quốc quân nói riêng, quân địch bao vây chặt ba xã; Tràng Xá, Phú Thượng, Lâu Thượng, âm mưu “triệt quân du kích tận gốc”.

Tình hình ngày càng khẩn trương và khó khăn, nhưng Cứu quốc quân không chùn bước.

Ngày 2 tháng 10 năm 1941, địch cho hai trung đội lê dương càn quét Khuôn Kẹn (Tràng Xá). Cứu quốc quân đã đánh trả địch rất quyết liệt. Ngày 15 tháng 10, địch cho một trung đội lính khố đỏ càn quét vùng Khuôn Xóm (Tràng Xá). Mặc dù lực lượng rất chênh lệch. Cứu quốc quân đã dũng cảm đánh địch. Sở mật thám Pháp thú nhận, trong trận này, Cứu quốc quân diệt một lính khố đỏ và bắn bị thương nhiều tên khác. Trên đà thắng lợi đã giành được, ngày 25 tháng 10, bốn cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân rất mưu trí và dũng cảm đã đánh lại một trung đội. Cuối cùng, với chín tên chết và bị thương, bọn chúng phải rút.

Để giúp đỡ Cứu quốc quân trong cuộc đấu tranh không cân sức với quân thù, Ban Thường vụ Trung ương Đảng thường xuyên theo dõi tình hình Bắc Sơn - Võ Nhai, kịp thời chỉ đạo và tăng cường cán bộ cho đơn vị. Ngay sau khi đồng chí Hoàng Quốc Việt về xuôi, Trung ương Đảng lại cử cán bộ lên căn cứ, đem theo ý kiến chỉ đạo mới của Đảng.

Thực hiện chỉ thị mới của Trung ương, Cứu quốc quân tiến hành chỉnh đốn tổ chức, biên chế lại lực lượng. Ủy ban quân sự - chính trị ra đời, làm nhiệm vụ lãnh đạo khu căn cứ và Cứu quốc quân. Chi bộ Đảng trong đơn vị Cứu quốc quân được củng cố. Chi bộ có các tổ đảng làm nòng cốt cho các tiểu đội.

Ủy ban quân sự - chính trị trên cơ sở nghiên cứu các chỉ thị nghị quyết của Trung ương, đã đề ra một số nhiệm vụ trọng yếu nhằm xây dựng đơn vị và mở rộng căn cứ.

Thực hiện chủ trương trên, cứu quốc quân tiến hành học tập chương trình, điều lệ Việt Minh và chiến thuật đánh du kích. Riêng đảng viên học tập thêm nghị quyết tám và thông cáo ủng hộ Liên Xô chống phát xít của Trung ương Đảng. Việc huấn luyện quân sự được chú trọng. Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ được chú ý. Ủy ban quân sự - chính trị đã tổ chức thi một số khoa mục quân sự cho các cán bộ tiểu đội.

Về đánh địch, Ủy ban quân sự - chính trị yêu cầu Cứu quốc quân phải chủ động tiến công, triệt để trừ gian diệt phản, đồng thời mở đường cho chúng lập công chuộc tội.

Bên cạnh nhiệm vụ đánh địch và xây dựng phong trào trong khu căn cứ. Ủy ban quân sự - chính trị còn chủ trương mở rộng hoạt động của Cứu quốc quân ra ngoài căn cứ Võ Nhai. Thực hiện chủ trương này, ngày 19 tháng 11 năm 1941, một tổ Cứu quốc quân vượt vòng vây địch về Đại Từ, Định Hóa, tham gia hoạt động với các cơ sở cách mạng ở địa phương. Tiếp đó, các tổ khác lần lượt lên đường đến Phú Lương, Đồng Hỷ và Yên Thế, Hữu Lũng (Bắc Giang).

Tại căn cứ, với tinh thần phấn khởi mới, Cứu quốc quân đánh địch nhiều trận rất dũng cảm. Ngày 12 tháng 12 năm 1941, một tổ Cứu quốc quân giao chiến với khoảng sáu mươi tên địch, bắn chết và làm bị thương hơn mười tên, buộc bọn chúng phải rút.

Đồng thời với việc chủ động diệt địch trong các trận chúng cần quét vào căn cứ, Cứu quốc quân còn tổ chức quấy rối, uy hiếp các đồn, bót, phục kích

trừng trị bọn ác ôn và mật thám. Đêm 31 tháng 12 năm 1941, ta quấy rối đồn Trảng Xá; ngày 12 tháng 1 năm 1942 phục kích ở Suối Bùn, diệt tại chỗ một tên đội và một tên mật thám...

Để phân hóa và phá cơ sở của địch. Cứu quốc quân dựa vào sự theo dõi của quần chúng, lập danh sách những tên phản động có nhiều nợ máu với nhân dân. Bằng những danh sách này và nhất là trước gương nhiều tên ngoan cố bị trừng trị, bọn chó săn phải chùn lại. Một số tên hoang mang xin làm giấy cam đoan hứa lập công chuộc tội. Bọn ngoan cố phải chạy trốn vào các đồn bót. Về cơ bản âm mưu dùng bọn tay sai địa phương chống phá cách mạng của bè lũ thực dân mất tác dụng.

Công tác vận động binh lính địch cũng là một trong những mặt công tác được Ủy ban quân sự - chính trị chú ý. Bằng truyền đơn, khẩu hiệu, thông qua quần chúng trong các trại tập trung... Cứu quốc quân khơi lên trong hàng ngũ giặc nỗi nhớ gia đình, quê hương, tình cảm bị khinh rẻ, áp bức của lính ngự, sự hèn nhát của bọn Pháp trước phát xít Nhật... Kết quả, nhiều lính ngự tỏ thái độ trung lập hoặc thiện cảm với cách mạng, cá biệt có trường hợp lính địch can ngăn đồng bọn gây tội ác.

Hình thức đấu tranh chính trị của quần chúng còn đơn giản và thiếu kinh nghiệm nhưng cũng đã đạt được những kết quả đáng kể. Với nhiều hình thức đấu tranh linh hoạt như nổi trống, mõ, đưa đơn kiện khi bị lính địch vợ vét, cướp bóc tài sản, thực tế đã làm cho bọn chúng lúng túng. Riêng trong các trại tập trung, nội dung đấu tranh với địch là dựa vào phong tục, tập quán dân tộc đòi nói lỏng sự kìm kẹp, đòi trở về làng cũ và giúp đỡ những gia đình gặp khó khăn vì địch khủng bố.

Trong phong trào đấu tranh của quần chúng. Cứu quốc quân đẩy mạnh việc xây dựng và củng cố các đoàn thể trong Mặt trận Việt Minh như phụ nữ Cứu quốc, thanh niên Cứu quốc.

Trước những hoạt động có hiệu quả của Cứu quốc quân và các hình thức đấu tranh ngày càng phong phú của đồng bào các dân tộc, thực dân Pháp và tay sai rất lúng túng. Tuy vậy, chúng chưa cam chịu thất bại. Từ đầu tháng 2

năm 1942, địch thực hiện nhiều thủ đoạn khủng bố man rợ mới. Giặc đốt hàng chục nóc nhà của đồng bào ta, đe dọa giết hại những thân nhân của Cứu quốc quân, lập thêm đồn bốt, tăng cường vây càn..

Do vòng vây của địch ngày càng dày đặc và siết chặt hơn nên liên lạc giữa căn cứ với Trung ương Đảng ở miền xuôi và với các tổ công tác ở Đại Từ, Định Hóa bị cắt đứt. Để nối lại liên lạc, báo cáo và xin chỉ thị của Trung ương về phương hướng hoạt động của Cứu quốc quân trong tình hình mới, ngày 22 tháng 2 năm 1942, đồng chí chủ nhiệm Ủy ban quân sự - Chính trị lên đường về xuôi. Nhưng trên đường đi đồng chí sa vào tay giặc. Trong tình hình ấy, ngày 27 tháng 2 năm 1942, thực dân Pháp sử dụng một lực lượng lớn lính lê dương càn sâu vào căn cứ, bao vây suối Bùn, tiến đến tận suối Dương. Tình thế tại căn cứ trở nên vô cùng nghiêm trọng.

Đồng thời với việc bao vây, tiến công điên cuồng vào căn cứ, địch ra sức phong tỏa kinh tế, đẩy mạnh việc tuyên truyền, xuyên tạc, đàn áp dã man quần chúng trong các trại tập trung, kể cả việc giết hại những thân nhân của Cứu quốc quân và đào bới mồ mả tổ tiên của các cán bộ chủ chốt.

Tình hình chủ quan và khách quan ngày càng bất lợi, do đó, ngày 14 tháng 3 năm 1942 Ban lãnh đạo Cứu quốc quân đã họp và quyết định tạm rút đơn vị lên biên giới Việt -Trung.

Thực hiện chủ trương trên, ngày 18 tháng 3 năm 1942, một tiểu đội tiến về vùng Cây thị (Đồng Hỷ) rồi đi sang Bắc Giang nhằm đánh lạc hướng theo dõi của địch, còn bốn mươi hai cán bộ, chiến sĩ bí mật rời căn cứ tiến lên biên giới.

Cuộc chiến đầu đầy gian khổ, hy sinh của quân dân Võ Nhai đến tháng 3 năm 1942 tạm thời dừng lại Cứu quốc quân rút đi, phong trào cách mạng ở địa phương lắng xuống. Tuy vậy, cuộc chiến đấu của Cứu quốc quân đã để lại lòng tin và niềm hy vọng trong nhân dân địa phương, để lại những ý nghĩa to lớn và bài học quý báu cho cách mạng. Trong cuộc họp từ ngày 25 đến 28 tháng 2 năm 1943, Ban thường vụ Trung ương Đảng nhận định: “Đảng chú ý nhất trong phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Đông Dương trong

mười tám tháng lại đây là cuộc võ trang chống Nhật - Pháp của đội quân du kích Bắc Sơn, Đình Cả...ở châu Võ Nhai, Thái Nguyên (Bắc Kỳ)...cuộc chiến đấu anh dũng này chứng tỏ rằng:

1. Nhân dân Đông Dương có thể đánh du kích chống nhau với Nhật – Pháp mặc dù chúng có máy bay, trái phá.
2. Mặt trận dân tộc chống phát xít Nhật - Pháp đã thực hiện ngay trên trường đấu tranh võ trang.
3. Cầm khí giới chống nhau với phát xít, đội quân du kích Bắc Sơn, Đình Cả đã thực tế ủng hộ Liên Xô kháng chiến.

Sau tám tháng chiến đấu làm cho quân địch phải chật vật và thiệt hại, quân ta không đủ điều kiện tấn công, đã phá vòng vây của Pháp, tạm rút lui và để lại cho ta một bài học quý báu. Nó dạy ta muốn thắng:

- a. Phải làm cho chiến tranh du kích sinh sôi nảy nở thành cuộc khởi nghĩa của nhân dân toàn xứ.
- b. Phải luôn luôn tấn công quân địch và giữ địa vị chủ động.
- c. Phải phối hợp với dân chúng quấy rối sau lưng quân địch không để cho chúng bao vây về kinh tế cũng như về quân sự ⁽¹⁾

Trong khi phong trào cách mạng tại Võ Nhai gặp khó khăn thì ở vùng phía nam các huyện Phú Bình, Phổ Yên, cơ sở cách mạng và phong trào cách mạng đang trên đà phát triển mạnh.

Tại Phổ Yên, từ cuối năm 1939 nhờ có nhiều cán bộ của Trung ương và Xứ ủy về hoạt động, sau thời kỳ tạm lắng do địch khủng bố, phong trào lại dần dần phục hồi và phát triển. Khoảng giữa năm 1940, lực lượng tự vệ đầu tiên của huyện được thành lập tại Tiên Thù. Tuy điều kiện luyện tập và hoạt động gặp nhiều khó khăn nhưng được sự giúp đỡ tích cực của các phái viên của Trung ương và Xứ ủy, lực lượng tự vệ Phổ Yên đã hoàn thành nhiệm vụ được giao. Vừa hoạt động vừa tăng cường đội ngũ. Cuối năm 1940 riêng tự vệ tổng Tiên Thù đã phát triển thành một trung đội. Cán bộ và đội viên tự vệ

⁽¹⁾ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng, tập III, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1977 tra 331,332.

đem truyền đơn rải dọc quốc lộ số ba kêu gọi quần chúng đấu tranh và tháng 8 năm 1941 cắm cờ đỏ búa liềm trên đồi Thông Hạc, nhằm khích lệ quần chúng cách mạng và góp phần thức tỉnh những người chưa giác ngộ.

Nhận thấy phong trào Phô Yên phát triển khá nên cuối năm 1941, Ban thường vụ xứ ủy Bắc Kỳ đã chọn vùng Tiên Thù (nay thuộc xã Tiên Phong) làm địa điểm mở hội nghị cán bộ học tập nghị quyết tám của Trung ương. Lớp học bị địch phát hiện, nhưng nhờ có quần chúng bảo vệ nên đồng chí Tổng bí thư và các cán bộ khác của Đảng đều thoát khỏi cuộc vây quét của địch một cách an toàn.

Trong phong trào cách mạng của quần chúng, đội ngũ cán bộ của Phô Yên trưởng thành rõ rệt. Vì thế năm 1942 một số đồng chí được kết nạp vào Đảng Cơ sở Đảng của Phô Yên ra đời đánh dấu bước ngoặt mới của phong trào cách mạng vùng phía nam tỉnh ta.

Cùng với Phô Yên, sau năm 1939 phong trào cách mạng ở Phú Bình phát triển khá. Từ Kha Sơn Hạ phong trào nhanh chóng phát triển rộng sang các xã khác như Kha Sơn Thượng, Mai Sơn...

Đầu năm 1942, được sự giúp đỡ của cơ sở cách mạng địa phương, Xứ ủy Bắc Kỳ đã tổ chức hội nghị học tập nghị quyết của Trung ương tại Kha Sơn Hạ. Sau hội nghị này các tổ chức phản đế ở địa phương chuyển thành các đoàn thể Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh.

Dưới ánh sáng nghị quyết tám, nhân dân Phú Bình liên tiếp nổi dậy đấu tranh mà điển hình là các cuộc chống phu, chống thuế. Đầu năm 1942 tá điền trong bốn mươi tám ấp thuộc đồn điền Tác ta ranh đấu tranh chống việc tăng tô ruộng, tô trâu; chống bắt phu làm đường Hà Châu - Nhã Nam...Để góp phần bảo vệ và thúc đẩy phong trào cách mạng của quần chúng, công tác xây dựng lực lượng tự vệ được chú trọng. Cuối năm 1942, tại Kha Sơn Hạ, hơn mười thanh niên khỏe mạnh được tuyển lựa tham gia lực lượng tự vệ đầu tiên của huyện. Từ đơn vị nòng cốt này, lực lượng tự vệ Phú Bình phát triển nhanh. Trong thời gian ngắn từ cuối năm 1942 đến đầu năm 1943 có thêm nhiều hơn vị tự vệ khác lần lượt ra đời ở Kha Sơn Thượng, Mai Sơn... Ngay

từ khi ra đời các đơn vị tự vệ đã đảm nhiệm nhiều trọng trách như bảo vệ cán bộ của Đảng



Chùa Mai Sơn (Phú Bình)
nơi Xứ ủy Bắc Kỳ đặt cơ sở in

hoạt động ở địa phương; bảo vệ an toàn các cuộc mít tinh của quần chúng; đảm nhiệm thông tin, liên lạc...

Để đảm bảo lãnh đạo phong trào cách mạng của quần chúng ngày càng phát triển cao, tháng 3 năm 1943 chi bộ Đảng cộng sản Đông Dương đầu tiên ở Phú Bình được xây dựng.

Nhận thấy phong trào cách mạng vùng phía nam Phú Bình, Phở Yên phát triển khá, cơ sở Đảng và đoàn thể quần chúng vững, lại tiện liên lạc với các nơi nên Trung ương quyết định chọn vùng tiếp giáp của ba huyện Hiệp Hòa (Bắc Giang), Phú Bình và Phở Yên xây dựng thành khu vực an toàn gọi tắt là ATK. Đây là ATK dự bị của Trung ương. Trực tiếp lãnh đạo ATK là một Ban cán sự. Sau một thời gian xây dựng, Trung ương và Xứ ủy đã đưa về đây cơ sở in; cơ quan nằm chờ và liên lạc của cán bộ...

Được chọn xây dựng thành ATK của Đảng, Phú Bình, Phở Yên có thêm thuận lợi khách quan trong việc xây dựng cơ sở và phát triển phong trào cách mạng. Tại Phú Bình và Phở Yên, Trung ương và Xứ ủy đã mở nhiều lớp huấn luyện đào tạo cán bộ chính trị và quân sự cho các nơi. Vì yêu cầu bảo vệ khu an toàn, Đảng bộ không trực tiếp bộc lộ lực lượng, tuy vậy do phong trào quần chúng phát triển cao nên không tránh được sự theo dõi của bọn mật thám và bộ máy tay sai địch. Tại Phở Yên, tháng 3 năm 1943 bọn thực dân đưa lính về khủng bố. Một số cán bộ và quần chúng trung kiên bị bắt. Nhiều gia đình bị lính địch đốt phá, cướp bóc dã man. Phần lớn cơ sở cách mạng ở Phở Yên bị vỡ, một số người hoang mang, dao động, phong trào tạm thời lắng xuống. Để giúp Phở Yên khắc phục khó khăn, Trung ương và Xứ ủy đã cử nhiều cán bộ về các cơ sở bị địch khủng bố. Khoảng nửa cuối năm 1943, nhiều cán bộ trong đội công tác Khu an toàn lần lượt đến Phở Yên. Có sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, phong trào được hồi phục và phát triển. Các trạm và đường liên lạc bị địch phá lần lượt được xây dựng lại. Các tổ chức quần chúng được khôi phục hoặc xây dựng mới lại tập hợp và lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Phong trào vừa được hồi phục thì cùng với Phú Bình, cuối năm 1944 địch lại khủng bố. Cuộc khủng bố này bắt đầu từ Phú Bình. Sau khi bắt

đồng chí ủy viên Ủy ban quân chính Bắc Kỳ ở bến đò Hà Châu, địch mở các cuộc càn quét vùng Kha Sơn, Mai Sơn (Phú Bình), Tiên Thù (Phổ Yên) Ngày 4 tháng 10 năm 1944 địch phá cơ sở in của Xứ ủy Bắc Kỳ ở xã Mai Sơn (Phú Bình). Tiếp đó, từ ngày 19 đến ngày 23 tháng 10, chúng bắt hàng chục người. Một số cán bộ, đảng viên của cơ quan in, của Đảng bộ Phú Bình và Phổ Yên sa vào tay giặc. Trước tình hình khẩn trương này, thực hiện chỉ thị của Xứ ủy và Ban cán sự ATK. Đảng bộ Phú Bình cũng như Phổ Yên đã kịp thời chỉnh đốn tổ chức, cho thoát ly gia đình những cán bộ đảng viên bị địch truy lùng, thay đổi địa điểm đặt cơ sở in, bám sát, giáo dục và động viên quần chúng kiên quyết đấu tranh chống địch khủng bố.

Nhờ có sự lãnh đạo chặt chẽ, sát sao của các cấp ủy Đảng, phong trào cách mạng Phú Bình, Phổ Yên vượt qua cuộc khủng bố của địch, tiếp tục phát triển. Trong thử thách quyết liệt, quần chúng càng vững tin ở Đảng. Các cơ sở cách mạng được củng cố và mở rộng. Các đoàn thể Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh tiếp tục phát triển. Bên cạnh lực lượng tự vệ được tăng cường trang bị, các đội tuyên truyền võ trang được thành lập và đẩy mạnh hoạt động. Cả một vùng rộng lớn nam Phú Bình, Phổ Yên náo nức đi vào bước ngoặt lịch sử với sức mạnh của lòng căm thù và khí thế của quần chúng thức tỉnh.

Hòa nhịp với phong trào sôi nổi ở nhiều nơi tại các châu, huyện phía nam, những năm 1942, 1943 phong trào cách mạng tại các châu, huyện phía bắc cơ sở chuyển biến mang tính chất nhảy vọt.

Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tám (tháng 5 năm 1941) quyết định lấy Việt Bắc làm căn cứ xây dựng lực lượng võ trang. Do đó vấn đề liên lạc giữa các trung tâm cách mạng Việt Bắc với nhau và với Trung ương Đảng ở miền xuôi ngày càng trở thành cấp thiết. Bên cạnh hình thức giao thông bí mật có từ trước, đồng chí Nguyễn Ái Quốc chỉ thị “xây dựng những con đường quần chúng” - những cơ sở cách mạng mới, nối liền các trung tâm cách mạng với nhau.

Thực hiện chỉ thị của đồng chí Nguyễn Ái Quốc và quyết định của Liên tỉnh ủy Cao-Bắc- Lạng, công tác Nam tiến được khẩn trương chuẩn bị. Tháng

9 năm 1942 tại Cao Bằng, Ban xung phong Nam tiến mà hạt nhân là chi bộ Nam tiến được thành lập. Sau đó, những cán bộ hăng hái, nhiệt tình, có kinh nghiệm vận động quần chúng, gồm nhiều thành phần dân tộc khác nhau được tuyển lựa để thành lập các đội Nam tiến.

Đầu năm 1943, trong không khí chuẩn bị Nam tiến sôi nổi, khẩn trương, hội nghị Lũng Hoài được tổ chức

Tháng 1 năm 1943, từ nơi trú chân trên biên giới Việt – Trung, các đồng chí lãnh đạo Cứu quốc quân về Pác Bó (Hà Quảng, Cao Bằng) gặp đồng chí Nguyễn Ái Quốc xin chỉ thị (nhưng không gặp được vì đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã đi công tác). Nhân dịp này một cuộc hội nghị quan trọng được tổ chức.

Cuộc hội nghị giữa các đồng chí lãnh đạo Tổng bộ Việt Minh, Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng, Cứu quốc quân hai ở Lũng Hoài (Hòa An, Cao Bằng) nhất trí quyết nghị Cứu quốc quân sẽ rút hết về nước nhằm nối lại liên lạc với Trung ương Đảng ở miền xuôi, mặt khác từ Thái Nguyên sẽ tổ chức các mũi Bắc tiến. Hội nghị cũng quyết định rút một tiểu đội Cứu quốc quân sang tăng cường cho lực lượng Nam tiến.

Các quyết định của Hội nghị trên tạo thêm điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng “những con đường quần chúng”. Sau hội nghị Lũng Hoài, lực lượng Nam tiến với mười chín đội khác nhau, xuất phát từ tổng Kim Mã (Nguyên Bình, Cao Bằng) tiến vào Bắc Kạn.

Việc xây dựng các cơ sở cách mạng không máy móc phải tuần tự từ xã này sang xã khác. Có những tổ được phái bí mật vượt qua những chặng đường dài, đến một địa phương khác gây cơ sở, sau đó dần dần nối liền các cơ sở theo phương pháp vết dầu loang. Với phương châm chung này mỗi đội đều có tổ đi trước điều tra, bắt mối, gây cơ sở; tổ đi sau lựa chọn cốt cán, mở lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ địa phương, lấy số cán bộ ấy làm chỗ dựa đẩy mạnh phong trào. Lực lượng cán bộ mới này được gọi là “thanh niên xung phong phát triển”.

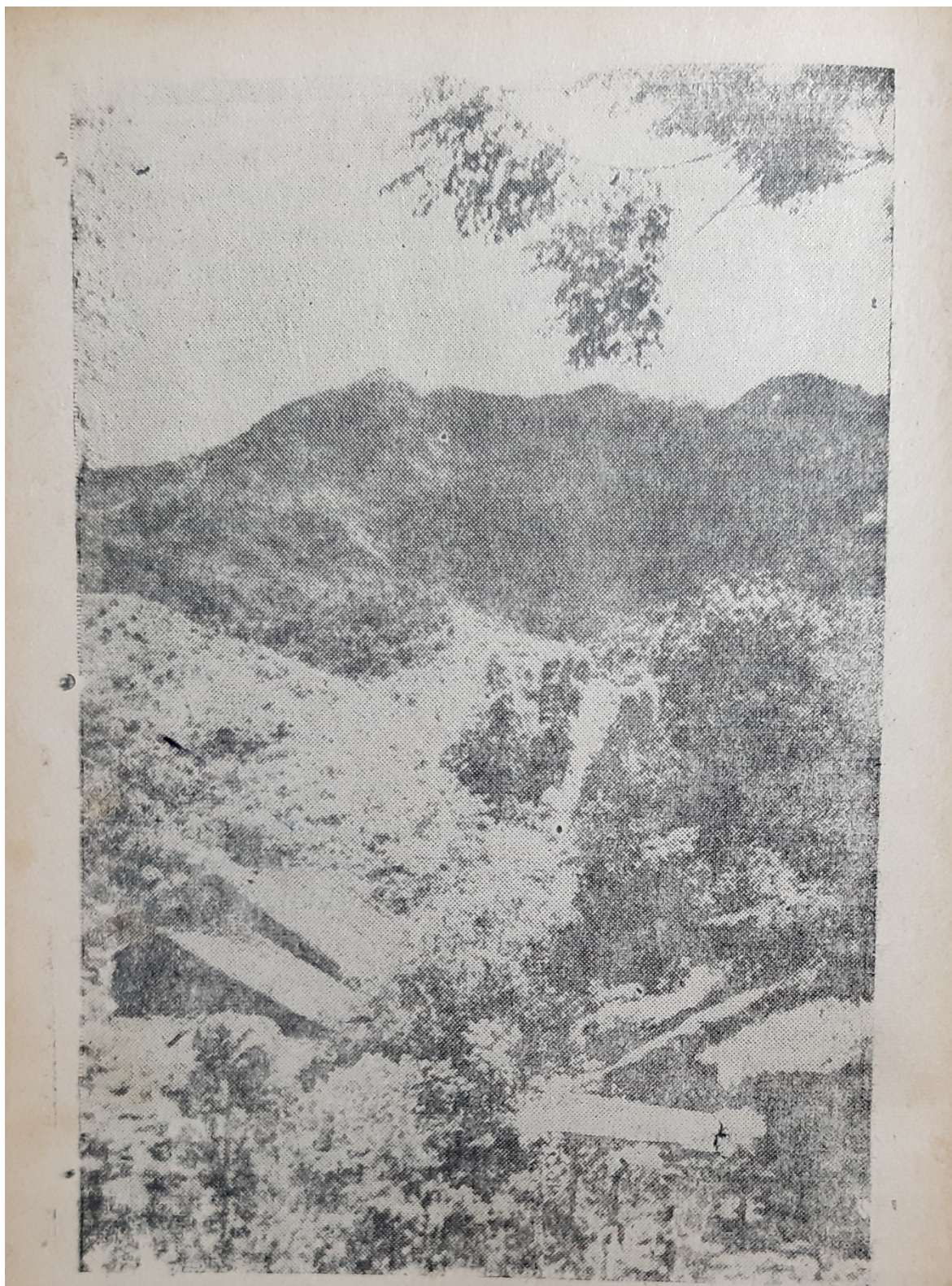
Vào Bắc Cạn, lực lượng Nam tiến hình thành hai mũi chính. Theo các triền núi cao, mũi phát triển phong trào cách mạng trong đồng bào Dao, sau khi xây dựng xong các cơ sở từ bắc Ngân Sơn đến Hà Hiệu (Chợ Rã) đã vượt qua Phja Bjóc xuống bắc Chợ Đồn. Qua các thung lũng, mũi phát triển phong trào trong đồng bào Tày -Nùng sau khi xây dựng được nhiều cơ sở ở Ngân Sơn đã theo quốc lộ số ba tiến xuống vùng Phủ Thông (Bạch Thông).

Thực hiện kế hoạch chung, các đội xung phong Nam tiến đi đến đâu đều ra sức vận động, tổ chức quần chúng vào các đoàn thể Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh: đào tạo cốt cán kết nạp Đảng; xây dựng lực lượng tự vệ; đẩy mạnh công tác binh vận...

Phương pháp vận động và tổ chức quần chúng của các đội Nam tiến rất linh hoạt. Bên cạnh giáo dục lòng yêu nước, căm thù giặc, tuyên truyền chương trình, điều lệ Việt Minh, phát động khí thế cách mạng của quần chúng qua các cuộc mít tinh, hội họp...những biện pháp cổ truyền để xây dựng lòng tin trong đồng bào các dân tộc như chích máu ăn thề, kết nghĩa anh em...đều được khéo léo vận dụng. Do đó theo những mối quan hệ dòng họ và bạn bè vốn rất được trân trọng trong đồng bào miền núi, cơ sở cách mạng và phong trào cách mạng phát triển rất nhanh.

Tại Ngân Sơn, Mặt trận Việt Minh đã có một số cơ sở ở Thượng Ân và Cốc Đán từ cuối năm 1942, vì thế khi các đội Nam tiến đến, toàn châu đi nhanh tới cao trào cách mạng. Trong thời gian ngắn nửa đầu năm 1943 hầu khắp Ngân Sơn đã xây dựng được các cơ sở cách mạng. Các đoàn thể Cứu quốc của các giới, các tổ chức cơ sở của Mặt trận Việt Minh như tiểu tổ, tổ, Ban Việt Minh lần lượt ra đời. Đến tháng 8 năm 1943 các xã Thượng Ân, Cốc Đán, Tô Khê, Đức Vân, Vân Tùng, Thuận Mang thành lập được Ban Việt Minh xã. Phong trào của tự vệ thường và tự vệ chiến đấu phát triển sôi nổi. Các lớp huấn luyện về tình hình thế giới, trong nước và năm bước công tác (điều tra, tuyên truyền, tổ chức huấn luyện, đấu tranh) được tổ chức khắp nơi. Đội viên tự vệ tự sắm sửa vũ khí. Các tiểu đội, trung đội tự vệ lần lượt được thành lập để bảo vệ cơ sở, đưa đón cán bộ...Nhiều cán bộ, chiến sĩ tự vệ sau

các lớp huấn luyện được lựa chọn để bổ sung vào lực lượng “thanh niên xung phong phát triển”.



Vượt núi Cứu Quốc (Phja Bjae) Cán bộ Nam tiến
phát triển phong trào cách mạng xuống phía nam.

Trên vùng cao do những đặc điểm cả về chủ quan và khách quan thuận lợi nên phong trào cách mạng phát triển nhanh và mạnh hơn vùng thấp. Đến tháng 8 năm 1943 hầu hết số đồng bào vùng cao thuộc Ngân Sơn đã được tổ chức vào “Hội Việt Minh”. Những khu vực hành chính phù hợp với đặc điểm tình hình khi đó của vùng cao được hình thành. Tổng Đội Cung (bao gồm đồng bào Dao cư trú tại tổng Bằng Đức và Hạ Quan); tổng Phan Đình Phùng (bao gồm các đồng bào Dao cư trú ở tổng Thượng Quan) được chính thức thành lập. Dưới mỗi tổng có nhiều xã được đặt tên gắn liền với cách mạng như Tự Do, Giải Phóng, Hồng Quân...

Đồng bào các dân tộc, những người bị áp bức, bóc lột thậm tệ, đói khổ từ bao đời nay, đón cách mạng và tham gia cách mạng với tất cả lòng nhiệt thành và tinh thần phấn khởi chưa từng có. Các cuộc mít tinh sôi nổi, rầm rộ được tổ chức khắp nơi. Trong đó, đáng chú ý hơn cả là cuộc mít tinh lớn ở Khưa Vài (xã Thượng Ân, Ngân Sơn) tháng 9 năm 1943. Ngay sau cuộc mít tinh này, với sự có mặt của đồng chí Văn (Võ Nguyên Giáp), chi bộ Nam tiến đã tổ chức kết nạp những hội viên trung kiên vào Đảng. Sự kiện này là thắng lợi lớn, đồng thời đánh dấu bước ngoặt trong phong trào cách mạng Bắc Cạn. Chi bộ đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương ở Bắc Cạn được thành lập, gọi là chi bộ Chí Kiên.

Để tưởng nhớ đồng chí Phùng Chí Kiên, Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, một cán bộ quân sự có tài của Đảng ta, đã chiến đấu dũng cảm và hy sinh oanh liệt tại Khau Pàn (xã Đức Vân, Ngân Sơn). Cán bộ Nam tiến đặt tên bí mật cho tổng Bằng Đức là tổng Chí Kiên. Chi bộ Đảng thành lập ở tổng Bằng Đức do đó gọi là chi bộ Chí Kiên.

Cũng như ở Ngân Sơn, từ tháng 3 năm 1943, khi cán bộ Nam tiến đến phong trào cách mạng ở Chợ Rã phát triển nhanh từ xã Phúc Lộc sang Hà Hiệu, Chu Hương, Mỹ Phương...Cán bộ Nam tiến đi đến đâu đều mở lớp huấn luyện đào tạo “thanh niên xung phong phát triển” đến đó. Tháng 3 năm 1943 lớp huấn luyện đầu tiên được mở ở Lũng Cháng (xã Hà Hiệu). Tiếp đó

nhều lớp khác được mở ở Bành Trạch, Phúc Lộc...Sau các lớp này nhiều hội viên trung kiên được lựa chọn tham gia lực lượng “thanh niên xung phong phát triển”. Quân chúng nghèo khổ hăng hái tham gia “Hội Việt Minh đánh Tây, đuổi Nhật” và sốt sắng góp phần vào những công việc của cách mạng. Phong trào quần chúng sôi nổi, rầm rộ đã lôi kéo nhiều người thuộc tầng lớp trên. Các trưởng dòng họ, các động trưởng, chánh Mán, chánh phó quản chiểu, là những người có thế lực cả về cường quyền và thần quyền trên vùng cao, phần lớn đều ủng hộ hoặc trực tiếp tham gia “Hội Việt Minh”.

Phong trào rầm rộ của vùng cao phía đông và phía nam châu Chợ Rã, xuất hiện những cán bộ tích cực và xuất sắc. Để đào tạo những nhân tố mới thành những nòng cốt của phong trào, tại xã Hà Hiệu, Chi bộ Nam tiến đã tổ chức kết nạp đồng chí Bàn Văn Hoan vào Đảng. Đó là người Dao Tiểu bản đầu tiên đứng trong hàng ngũ Đảng ta.

Làn sóng cách mạng trên vùng cao Ngân Sơn, Chợ Rã phát triển nhanh xuống phía nam. Sau khi xây dựng chỗ đứng chân tại vùng Phija Bjoc (sau được đặt tên là núi Cứu Quốc), cán bộ Nam tiến đi xuống vùng đông bắc huyện Chợ Đồn. theo các triền núi cao, qua các vùng cư trú của đồng bào Dao, cán bộ Nam tiến xây dựng thành công nhiều cơ sở cách mạng ở Quảng Bạch, Bản Thi, Ngọc Phái, Bằng Lãng, Nghĩa Tá...Với thắng lợi mới này, cơ sở cách mạng trong đồng bào Dao đã thành hệ thống liên hoàn trên hầu khắp các vùng núi non Cao - Bắc - Lạng. Để tiếp tục phát huy thành quả to lớn đã giành được, đầu tháng 11 năm 1943, sau lễ kỷ niệm lần thứ hai mươi sau Cách mạng tháng Mười Nga thành công (7-11-1917-7-11-1943), tại Pù Mừn xã Hoa Thám (Nguyên Bình, Cao Bằng), một trăm năm mươi đại biểu thay mặt cho hàng chục nghìn người Dao ở hầu khắp các cơ sở cách mạng Việt Bắc đã họp đại hội để thành lập khu vực hành chính của người Dao, gọi là khu Quang Trung.

Trong không khí náo nức của ngày hội cách mạng, các đại biểu đã bầu ra Ban chấp hành Việt Minh khu.

Đồng thời với phong trào trên vùng cao, cơ sở cách mạng và phong trào cách mạng trong đồng bào Tây - Nùng ở vùng thấp cũng phát triển nhanh từ Bắc xuống nam. Thực hiện phương châm phát triển phong trào theo lối “cóc nhảy”, nhiều cán bộ Nam tiến trên hướng này được chỉ định đưa phong trào cách mạng xuống Bạch Thông. Theo quan hệ bạn bè và gia đình của các cơ sở ở Ngân Sơn, mùa hè năm 1943, các tổ đi trước của lực lượng Nam tiến đến xây dựng cơ sở ở các xã Lục Bình, Quân Bình. Nhiều quần chúng ở các xã này được giác ngộ và được kết nạp vào “Hội Việt Minh”. Ngay sau khi đứng chân được ở các xã phía bắc của huyện, lực lượng Nam tiến đưa phong trào phát triển nhanh sang các xã Đôn Phong, Dương Phong, Quang Thuận... Cũng trong mùa hè năm 1943, vượt qua phía bắc, tây bắc Bạch Thông, một số cán bộ đi trước trên mũi này tiến vào phía đông huyện Chợ Đồn, đến xây dựng cơ sở ở Đông Viên và Rã Bản.

Như vậy trên cả hai hướng chính, những “con đường quân chúng” từ Nguyên Bình (Cao Bằng) vào Ngân Sơn Chợ Rã xuống Bạch Thông, đến Chợ Đồn đã được đánh thông. Một hành lang cách mạng từ đông bắc xuống tây nam Bắc Cạn đã hình thành. Những cơ sở của Mặt trận Việt Minh, với lực lượng tự vệ thường và tự vệ chiến đấu làm nòng cốt phát triển rầm rộ và con đường Nam tiến rộng mở.

Phối hợp với các hoạt động của Ban xung phong Nam tiến, thực hiện quyết định của Hội nghị Lũng Hoà, toàn bộ Cứu quốc quân rút về nước.

Tại Võ Nhai, bộ phận Cứu quốc quân rút về nước từ cuối năm 1942 đã chấp nối cơ sở, củng cố và xây dựng lại lực lượng. Các tổ chức quần chúng trong Mặt trận Việt Minh như thanh niên Cứu quốc, phụ nữ Cứu quốc lần lượt được khôi phục hoặc thành lập mới ở Lâu Thượng, Phú Thượng, Tràng Xá... Đầu năm 1943, khi toàn bộ Cứu quốc quân trở về, phong trào cách mạng ở Võ Nhai lại được tăng cường lực lượng lãnh đạo nên đạt tới những bước phát triển mới. Các xã Lâu Thượng, Phú Thượng, Tràng Xá, La Hiên... thành lập xong Ban chấp hành Việt Minh. Dưới sự lãnh đạo của cơ sở Đảng ở địa phương, quần chúng đẩy mạnh các hoạt động chống địch bắt phu, bắt lính;

chống việc làm đường ban đêm ở Đình Cả, Tràng Xá...Trên cơ sở những thắng lợi bước đầu, nhiều cuộc đấu tranh lớn khác được phát động. Mùa hè năm 1943, hàng trăm đồng bào các xã Lâu Thượng, Phú Thượng, Tràng Xá...kéo lên đồn Đình Cả đòi địch phải bán muối cho dân. Trước áp lực mạnh mẽ của quần chúng, bọn địch hoảng sợ phải nhượng bộ Cuộc đấu tranh thắng lợi. Trong các trại tập trung, tình hình khó khăn hơn, ở đây cuộc đấu tranh hướng vào việc đòi nói lỏng sự kiểm soát, đòi trở về làng cũ...Do các cuộc đấu tranh liên tục mạnh mẽ của đồng bào ta, quân địch phải bỏ nhiều bột gạo trong các trại tập trung và hạn chế các hành động kìm kẹp, khủng bố. Phong trào cách mạng Võ Nhai sau một thời gian tạm lắng lại phát triển sôi nổi. Võ Nhai thực sự trở thành căn cứ xuất phát của các mũi Bắc tiến.

Nhận thấy phong trào quần chúng ở Võ Nhai đã phát triển khá, đại bộ phận Cứu quốc quân lên đường sang hoạt động ở Phú Lương, Đại Từ, Định Hóa...Ở những nơi này, ngay sau khi nối lại liên lạc với bộ phận Cứu quốc quân bám trụ từ tháng 11 năm 1941, nghiên cứu tình hình cơ sở, tập thể cán bộ và chiến sĩ Cứu quốc quân đã khẩn trương thực hiện nhiệm vụ được phân công. Đồng thời với việc nối lại liên lạc với Trung ương Đảng ở miền xuôi, Cứu quốc quân ra sức hoạt động củng cố cơ sở cũ, xây dựng cơ sở mới, mở các lớp huấn luyện chính trị, quân sự cho một số cán bộ và tự vệ các nơi.

Tại Phú Lương, từ đầu năm 1942 đã có một số cơ sở cách mạng ở làng Cam (xã Động Đạt), Hái Hoa (xã Phấn Mễ). Trong năm 1942, hàng chục người ở các địa phương này được bộ phận Cứu quốc quân hoạt động ở đây kết nạp vào các hội Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh. Trên cơ sở này, đầu năm 1943, thực hiện chủ trương mới của Đảng, phong trào cách mạng Phú Lương có những chuyển biến mới. Trong thời gian nửa đầu năm 1943 thêm một số cơ sở cách mạng được xây dựng. Các tổ Việt Minh lần lượt ra đời ở Phấn Mễ, Động Đạt...Được sự giúp đỡ của các cán bộ Xứ ủy Bắc kỳ qua lại vùng này, có sự chỉ đạo trực tiếp của tổ Cứu quốc quân hoạt động ở đây, quần chúng liên tiếp nổi dậy đấu tranh chống phu, chống thuế, chống các chính sách phát xít bắt dân ta nhổ lúa trồng đay, trồng thầu dầu, vừng lạc của Nhật,

Pháp. Riêng tá điền thuộc đồn điền Na hướng cuộc đấu tranh vào việc chống tô cao. Quân chúng ở đây khi thu hoạch đã đem cất giấu không nộp tô cho bọn chủ.

So với Phú Lương, Đại Từ là nơi có phong trào sớm và mạnh hơn. Phong trào ở đây, vượt qua cuộc khủng bố tháng 5 năm 1941 của địch, tiếp tục củng cố cơ sở, giữ vững phong trào. Cuối năm 1941, được tổ Cứu quốc quân làm nhiệm vụ mở rộng căn cứ giúp đỡ, phong trào cách mạng Đại Từ có thêm điều kiện thuận lợi để phát triển. Đầu năm 1943 cả vùng bảy xã bắc Đại Từ đã có cơ sở cách mạng. Các cơ sở này hình thành thể liên hoàn với phong trào tại các huyện Định Hóa và Sơn Dương (Tuyên Quang), Vùng núi Hồng, bao gồm phần đất tiếp giáp của ba huyện trên, dần dần hình thành một căn cứ cách mạng mới.

Nhận thấy vùng núi Hồng đã có cơ sở rộng, lại có địa thế hiểm trở, thuận tiện cho việc chỉ đạo và liên hệ với các nơi. Ban chỉ huy Cứu quốc quân quyết định xây dựng vùng này thành nơi đứng chân cho lực lượng làm nhiệm vụ Bắc tiến. Phong trào cách mạng huyện Đại từ vì thế có thêm nhân tố mới để phát triển. Trong nửa đầu năm 1943 nhiều xã vùng chân núi Hồng thuộc bắc Đại Từ lập được Ban Việt Minh. Các đội tự vệ thường và tự vệ chiến đấu được xây dựng. Quân chúng hội viên Cứu quốc cũng được giáo dục những tri thức sơ giản về quân sự.

Đồng thời với huyện Đại Từ, đầu năm 1943, phong trào cách mạng huyện Định Hóa phát triển khá. Cùng với cán bộ cơ sở ở địa phương. Cứu quốc quân ra sức hoạt động, củng cố và mở rộng cơ sở cũ ở Trung Hội Bảo Cường, Bình Trung, xây dựng các cơ sở mới ở Đồng Thịnh, Thanh Định, Định Biên, Diềm Mạc...Nhiều gia đình, nhiều xóm tất cả mọi người được thu hút vào các tổ chức Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh. Quân chúng tự giác, tích cực quyên góp tiền, gạo ủng hộ cách mạng. Phong trào quần chúng rộng rãi đấu tranh chống bắt lính, chống việc bắt buộc trồng thầu dầu, vừng, lạc...diễn ra liên tục dưới nhiều hình thức khác nhau.

Vùng địa giới giữa các huyện Đại Từ, Định Hóa và Yên Sơn, Sơn Dương (Tuyên Quang) thực sự trở thành một căn cứ cách mạng. Trong đó hơn mười xã, đặc biệt là các xóm, bản hẻo lánh trên vùng núi Hồng là những nơi có cơ sở vững và phong trào phát triển khá. Quần chúng nhân dân rất phấn khởi. Tầng lớp trên bị phân hóa, đa số ngã theo cách mạng.

Theo kế hoạch đã thống nhất, lực lượng Bắc tiến ngược lên Bắc Cạn theo hai hướng chính. Từ Võ Nhai, một tổ Cứu quốc quân dự định sẽ tiến theo đường qua Na Rì để tới Ngân Sơn, nhưng đến Na Rì thì vấp phải lực lượng phản động ở địa phương, không đi tiếp được, phải quay lại xây dựng cơ sở vùng đông nam Bạch Thông (nay thuộc đông bắc Phú Lương). Từ Định Hóa các tổ Cứu quốc quân lần lượt vượt địa giới Thái Nguyên lên Chợ Đồn. Trung tuần tháng 8 năm 1943 tổ Cứu quốc quân đầu tiên đến xây dựng cơ sở ở xã Nghĩa Tá. Được quần chúng giác ngộ nhiệt tình giúp đỡ, tổ Cứu quốc quân này đã nhanh chóng mở rộng cơ sở ra hàng chục chòm, xóm người Dao thuộc các xã Nghĩa Tá, Đại Sảo, Bình Trung. Đến đầu tháng 9 năm 1943 hầu hết người Dao thuộc tổng Nghĩa Tá và Đông Viên đều gia nhập “Hội Việt Minh”. Các tổ Việt Minh, các đoàn thể Cứu quốc của phụ nữ, thanh niên... được hình thành và được củng cố. Từ các cơ sở này, có lần, một tổ Cứu quốc quân đã vượt lên tận chân Phja Bjóc đón các mũi Nam tiến.

Do những hoạt động tích cực và khẩn trương của các mũi Nam tiến ở phía bắc và Bắc tiến từ phía nam, tháng 10 năm 1943 hai đoàn Nam tiến và Bắc tiến đã gặp nhau ở xã Nghĩa Tá (Chợ Đồn). “Con đường quần chúng”. Con đường liên lạc giữa các trung tâm cách mạng Việt bắc, con đường do đồng chí Nguyễn Ái Quốc vạch ra đã được đánh thông. Các đồng chí lãnh đạo hai đoàn gặp nhau rút kinh nghiệm và bàn định phương hướng công tác mới. Trong lần gặp gỡ này, để kỷ niệm thắng lợi của hai đoàn Nam tiến và Bắc tiến, xã Nghĩa tá được đặt tên bí mật là xã Thắng Lợi. Từ xã Thắng Lợi đi lên phía bắc cũng như xuống phía nam, con đường liên lạc rộng mở trong lòng quần chúng cách mạng.

Đồng thời với phía nam, năm 1942 phong trào cách mạng phát triển mạnh ở phía bắc huyện Chợ Rã. Thực hiện nghị quyết trung ương lần thứ tám (tháng 5 năm 1941)- “Muốn có một lực lượng toàn quốc đủ gây ra và củng cố cho một cuộc khởi nghĩa thì Đảng ta phải: ...mở rộng sự tổ chức và các tỉnh phong trào còn yếu ớt và dân tộc thiểu số” – Đảng bộ Cao Bằng cử nhiều cán bộ lên vùng cao hoạt động ⁽¹⁾. Nửa cuối năm 1941 phong trào cách mạng trên vùng cao Cao Bằng phát triển mạnh. Những mục tiêu của Mặt trận Việt Minh vốn có sức cổ vũ lớn lao đối với quần chúng nghèo khổ, đã thông qua quan hệ họ hàng, bạn bè tác động đến số đông bào các dân tộc ít người tỉnh ta cư trú dọc địa giới với tỉnh bạn. Đầu năm 1942, một số thanh niên người Mèo ở bắc Chợ Rã được giác ngộ và được kết nạp vào “Hội Việt Minh”. Cơ sở cách mạng đầu tiên ở Chợ Rã được xây dựng tại xã Cao Tân. Giữa lúc đó, phong trào Nam tiến; Đông Tiến (từ Cao Bằng phát triển phong trào cách mạng xuống Lạng Sơn); Tây tiến (từ Cao Bằng đánh thông “những con đường quần chúng: qua vùng cao Bắc Cạn, Tuyên Quang, Hà Giang lên biên giới Việt Trung) được đẩy mạnh. Một số cán bộ thuộc lực lượng Tây tiến về bắc Chợ Rã. Trong dịp này các cơ sở cũ ở Cao Tân được củng cố và mở rộng. Sau đó từ Cao Tân phong trào phát triển rất nhanh trong vùng đồng bào Mèo khắp tổng Cao Thượng.

Các chòm, xóm cao, xa và hẻo lánh như Chẽ Vèng, Nặm Đăm, Lũng Nghè, Thẳm Củ, Khưa Dây, Mảy Sào, Pụp Nhùng, Thẳm Tảo...đều lập được các nhóm hoặc tổ Việt Minh. Hàng trăm quần chúng được kết nạp vào các hội Cứu quốc của thanh niên, phụ nữ, phụ lão...Các cán bộ Tây tiến cùng với cán bộ cơ sở đến từng gia đình vận động mọi người đi học văn hóa, đi dự các lớp huấn luyện chính trị. Riêng nam nữ thanh niên được tập hợp lại để thành lập các đội tự vệ. Trên cơ sở này, cuối năm 1942 Ban chấp hành Việt Minh liên xã Cao Tân, Cổ Linh, Cao Thượng được thành lập. Vùng Cao tổng Cao Thượng, bao gồm địa vực cư trú của người Mèo và người Dao, được đặt tên

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng, tập III, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1977.

bí mật là xã Cao Minh. Mùa hè năm 1943, từ trung tâm là xã Cao Minh, phong trào cách mạng phát triển ra hầu khắp vùng đồng bào Mèo và Dao ở các xã phía bắc huyện Chợ Rã như Bằng Thành, Nhận Môn, Công Bằng, Bộc Bó, Giáo Hiệu. Con đường Tây tiến, đoạn qua phía bắc huyện Chợ Rã đã được đánh thông.

Phong trào cách mạng của quần chúng trên vùng ní bắc Chợ Rã phát triển rất nhanh, vì thế vấn đề củng cố được đặt ra như một nhiệm vụ cấp thiết. Nhận rõ điều này, trong thời gian nửa cuối năm 1943 nhiều cán bộ trên hướng Tây tiến được cử về giúp cơ sở, đưa phong trào từ bề mặt đi vào bề sâu.

Do hậu quả của ách thống trị thực dân, phong kiến người Mèo và người Dao cư trú trên vùng rừng núi trùng điệp phía Bắc huyện Chợ Rã đều sống du canh du cư. Đế quốc, phong kiến áp bức, bóc lột mà hiện thân của nó là cuộc sống đói rét, dịch bệnh đang đẩy các dân tộc trên vùng cao đến nguy cơ diệt tộc. Muốn củng cố và tiếp tục đưa phong trào ở đây tiến lên, rất nhiều vấn đề đặt ra đòi hỏi phải giải quyết. Trước hết, để giúp quần chúng có điều kiện tiếp thu chủ trương đường lối của Đảng qua tài liệu, sách báo cách mạng, đồng thời gây khí thế cho phong trào chung, cán bộ bề các cơ sở củng cố và mở các lớp học văn hóa. Do làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nên việc học văn hóa nhanh chóng trở thành phong trào quần chúng sôi nổi và rộng khắp.

Già, trẻ, gái, trai băng đèo, lội suối đến lớp học rất đông. Có lớp, số học viên lên tới hàng trăm người. Quần chúng nỗ lực học tập với ý thức sâu sắc: “Học chữ để làm cách mạng”. Đồng thời với phong trào học văn hóa, cán bộ tích cực vận động quần chúng đi học chính trị, Do trình độ của nhân dân còn thấp nên chương trình huấn luyện được đơn lược cho phù hợp. Tuyên truyền “Điều lệ Việt Minh giản yếu”, giảng viên chú trọng giải thích sự cần thiết phải đánh Tây, đuổi Nhật: vấn đề “dân tộc bình đẳng”, “nam nữ bình quyền”...Bài “Việt Minh ngũ tự kinh” được phổ biến rộng rãi và được coi như một tài liệu học tập.

Việt Minh ngũ tự kinh do đồng chí Võ Nguyên Giáp sáng tác và dịch ra tiếng Tày, Mèo, Dao...Bài thơ có những đoạn như sau

Ta hết lòng hăng hái,
Đi tổ chức tuyên truyền,
Tìm thêm nhiều hội viên
Vào Hội đoàn Cứu quốc.
Việc ta nên làm trước
Làm tìm cách làm quen
Rồi dò xét nhiều lần,
Sau mới nên nói rõ:
Tây, Nhật cần đánh đổ
Để lấy lại nước nhà.

.....
Tây, Nhật quyết thất bại,
Ta quyết thắng hoàn toàn
Hô toàn quốc kết đoàn,
Hô đánh Tây, đuổi Nhật,
Hô Việt Nam độc lập,
Cờ hồng phấp phới bay,
Khắp nước Việt Nam này
Sáng ngời sao năm cánh.

Phong trào học văn hóa và chính trị thực sự đem lại tác dụng thiết thực. Trình độ giác ngộ, khí thế cách mạng của quần chúng chuyển biến rõ rệt. Phụ nữ vùng cao trước kia không tham gia mọi hoạt động xã hội, nhờ cách mạng, bước đầu thoát ra được những tập quán cũ, hăng hái tham gia các đoàn thể Cứu quốc, tích cực luyện tập quân sự.

Lực lượng tự vệ xã Cao Minh được xây dựng từ năm 1942. Ngay sau khi thành lập, lực lượng này đã qua một số lớp huấn luyện ở Nà Lài, Mây Sào, Chè Vèng. Bước sang năm 1943 lực lượng tự vệ tiếp tục được củng cố và đẩy mạnh hoạt động. Riêng tự vệ chiến đấu đã có bảy mươi hai người, phiên chế thành bốn trung đội. Các cơ sở huấn luyện cũ được mở rộng. Nhiều cán bộ, chiến sĩ sau khi dự các lớp giành riêng cho tự vệ, được phân công xuống các xóm mở lớp huấn luyện quân sự cho tất cả hội viên Cứu quốc.

Phong trào luyện tập quân sự là đỉnh cao nhất của phong trào cách mạng sôi động ở xã Cao Minh. Trong số các lớp huấn luyện quân sự thời kỳ này, đáng chú ý nhất là lớp mở tại Pụp Nhùng. Hơn một trăm học viên tham dự lớp học. Thời gian học kéo dài trên hai tháng. Học viên tự túc vũ khí, lương thực. Nhiều người ngoài phần lương thực tự túc, còn mang thêm để nuôi cán bộ thoát ly. Chương trình học được bố trí cả ban ngày và ban đêm, nhưng tất cả đều luyện tập hăng say, sôi nổi. Ở đây, tinh thần cách mạng và truyền thống thượng võ hòa làm một, tạo thành cơ sở của sự quật khởi. Chính là xuất phát từ những điều kiện chủ quan và khách quan thuận lợi, Cao Minh trở thành một điển hình rất xuất sắc trong các cơ sở cách mạng của tỉnh. Riêng với vùng cao, phong trào cách mạng xã Cao Minh thực sự góp phần vào việc thành lập châu Xích Long (20/9/1943) và Khu Thiện Thuật (25/9/1943).

Khi mới thành lập khu Thiện thuật gồm châu Chí Kiên (vùng cao Nguyên Bình, Hòa An, Hà Quảng tỉnh Cao Bằng); châu Xích Long (vùng cao Bảo Lạc, một phần Hà Quảng tỉnh Cao Bằng và vùng cao Chợ Rã tỉnh Bắc Cạn).

Nhiệm vụ chính là đoàn kết và động viên người Mèo, một bộ phận đồng bào Dao cư trú trên vùng cao vùng lên làm cách mạng. Theo chủ trương của Liên tỉnh ủy Cao-Bắc- Lạng cùng với nhiệm vụ này, khu Thiện Thuật sẽ tiếp tục mở rộng theo đà phát triển cách mạng trên các vùng núi cao, xa và hẻo lánh.

Phong trào cách mạng của quần chúng phát triển ngày càng cao, trong khi đội ngũ cán bộ cơ sở vì không có điều kiện được đào tạo, bồi dưỡng nên nhìn chung không theo kịp phong trào. Hoàn cảnh vùng cao, đường đi lại khó khăn, sự chỉ đạo của khu và của châu xuống cơ sở không thể kịp thời. Vì thế thời kỳ cuối năm 1943, phong trào cách mạng ở vùng núi bắc Chợ rã gặp khó khăn về phương hướng phát triển. Cán bộ cơ sở lúng túng trong việc lãnh đạo một phong trào quần chúng phát triển cao. Từ đó dẫn đến những lệch lạc trong quan hệ chỉ đạo như xung vua; phát triển Hội vào cả một số tay chân trong bộ máy thống trị của địch...Cơ sở bị lộ. Ngày 22 tháng 11 năm 1943, bọn địch đem quân khủng bố nhân dân xã Cao Minh. Chúng bắt đi mười bốn người, trong đó có cả những cán bộ chủ chốt của địa phương, tài liệu, vũ khí cũng bị quân khủng bố cướp mất. Lần đầu bị địch khủng bố, thiếu kinh

nghiệm, nên quần chúng rất hoang mang. Phần lớn hội viên bỏ làng bản, chạy vào rừng sâu, gặp nhiều khó khăn về mặt đời sống. Cả phong trào cách mạng trên vùng núi bắc Chợ Rã đứng trước thử thách nghiêm trọng.

Thời kỳ này (cuối 1943, đầu 1944), cùng với bắc Chợ Rã, hầu hết các cơ sở cách mạng tại Cao-Bắc- Lạng đều bị địch khủng bố. Sự chỉ đạo của trên đối với xã Cao Minh có nhiều khó khăn. Ở đây lại chưa có tổ chức Đảng trực tiếp lãnh đạo nên cán bộ cơ sở rất lúng túng. Đầu năm 1944, một số cán bộ trong Ban chấp hành Việt Minh xã còn lại sau cuộc khủng bố tháng 11 năm 1943, nhiều lần lên khu xin ý kiến chỉ đạo. trước khó khăn của cơ sở, Ban chấp hành Việt Minh khu Thiện Thuật cử nhiều cán bộ về Cao Minh. Bất chấp nguy hiểm do địch khủng bố, cán bộ trên xuống và cán bộ cơ sở phân công nhau cùng đi các xóm ổn định tư tưởng cho quần chúng. Truyền đạt kinh nghiệm chống khủng bố, đồng thời ra sức vận động quần chúng đẩy mạnh sản xuất và tích cực chuẩn bị vũ khí đón thời cơ vùng lên khởi nghĩa. Với phương châm củng cố đi đôi với mở rộng, trong dịp này, nhiều quần chúng được kết nạp vào các đoàn thể Cứu quốc, Phong trào cách mạng xã Cao Minh dần dần được hồi phục. Trong tình hình mới, để tiện chỉ đạo, xã Cao Minh và xã Hoa Thành (thuộc Nà Hang, Tuyên Quang) hợp nhất đầu mỗi lãnh đạo, ban chấp hành Việt Minh liên xã Cao Minh, Hoa Thành được thành lập. Bộ máy lãnh đạo tự vệ cũng được thành lập mới. trên cơ sở này, phong trào cách mạng của quần chúng lại tiếp tục phát triển. Các lớp học văn hóa, chính trị, quân sự được khôi phục. Để phù hợp với yêu cầu mới do chủ trương chuẩn bị khởi nghĩa của Liên tỉnh ủy Cao-Bắc - Lạng, chương trình huấn luyện chính trị và quân sự, phương pháp và biện pháp tổ chức huấn luyện được cải tiến. Giảng viên cố gắng truyền đạt cho quần chúng kinh nghiệm, chống khủng bố, nhấn mạnh sự cần thiết cấp bách về tích trữ lương thực và sửa soạn vũ khí. Trong phong trào của quần chúng đang hồi phục và phát triển, lực lượng tự vệ chiến đấu và tự vệ thường được củng cố và xúc tiến trang bị. Cùng với các xã bạn trong khu Thiện Thuật, Cao Minh sôi nổi bước vào thời kỳ mới, ra sức thực

hiện chỉ thị của Liên tỉnh ủy Cao -Bắc-Lạng, sẵn sàng đón thời cơ vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền.

Cao Minh tuy là nơi bị địch đánh phá đầu tiên trong cuộc khủng bố quyết liệt của địch ở Bắc Cạn, nhưng do nhiều yếu tố khách quan thuận lợi, như địa thế hiểm trở, chính quyền cơ sở của địch yếu...nên sau cuộc bắt người cướp của ngày 22 tháng 11 năm 1943, thì cuộc khủng bố cũng chấm dứt. Ngược lại ở Ngân Sơn, cũng như tại các nơi khác thuộc Chợ Rã, Bạch Thông và Chợ Đồn, tuy địch mở cuộc khủng bố chậm hơn, nhưng lại dài ngày và căng thẳng hơn. Trên cơ sở nhận định: phong trào cách mạng của nhân dân ta ở những nơi này “mạnh và đang lan rộng”, địch chuẩn bị kỹ trước khi tiến hành khủng bố. Chúng cho lập thêm đồn bốt trên các vùng núi hiểm yếu ở Ngân Sơn, Chợ Rã, Chợ Đồn và ráo riết đưa quân đến tăng cường cho các đồn bốt này. Ngoài ra một lực lượng đáng kể gồm mật thám và chỉ điểm được trải ra rộng khắp, ngày đêm rình rập vào khắp hang cùng ngõ hẻm.

Sau khi chuẩn bị, đầu tháng 12 năm 1943, cuộc khủng bố của địch được tiếp tục bằng việc bắt giữ một cán bộ Việt Minh và một liên lạc của ta ở Ngân Sơn. Kế đó, kẻ địch mở rộng cuộc khủng bố ra hầu khắp Bắc Cạn.

Có bọn mật thám và phản động tại chỗ hướng dẫn quân khủng bố chia làm nhiều toán nhỏ càn vào các làng bản. Tại Ngân Sơn, quân địch chia làm ba toán chính, một toán do tên Pháp, đồn trưởng Ngân Sơn chỉ huy, càn quét, khủng bố các xã Thiệu Quan, Trung Hòa, một toán khác do tên tri châu cầm đầu kéo vào Vân Tùng, Thượng Quan, Thuận Mang: toán thứ ba do một tên mật thám người Pháp chỉ huy càn qua các xã Bằng Đức, Thượng Ân, Cốc Đán. Địch bắt bớ tràn lan. Riêng tại các xã cơ sở Việt Minh rộng và phong trào mạnh như Thượng ân, Cốc Đán, chúng bắt tất cả gia đình cán bộ, đảng viên và quần chúng trung kiên, đưa về giam giữ tại Pá Deng xã Huyện Tụng (Bạch Thông).

Nhận thấy vai trò của cán bộ, đảng viên trong phong trào cách mạng của quần chúng, địch âm mưu “tách cá ra khỏi nước”. Cán bộ, đảng viên bị dồn lên núi, quần chúng bị gom lại, chịu sự kiểm tỏa gắt gao của mật thám và bọn

phản động tay sai. Đồng bào Mèo, Dao chuyên sống du canh, du cư cũng bị dồn xuống những khu vực quy định, sống chui rúc, chật chội, không phương kế sinh nhai.

Lợi dụng không khí khủng bố, bọn phản động ra sức vơ vét, cướp bóc. Ở Ngân Sơn, địch buộc các gia đình có người tham gia cách mạng phải nộp phạt từ hai mươi đến hai trăm đồng. Ở Chợ Đồn, toàn bộ đàn ông là người Dao đều phải nộp phạt. Số tiền mà kẻ địch thu được ở đây lên tới hàng nghìn đồng. Bọn phản động còn nhân dịp này tiến hành trả thù cá nhân, trắng trợn cướp đoạt từ tấm chăn, manh áo đến trâu, bò, ruộng bãi của đồng bào ta.

Cuộc khủng bố của địch ngày càng mở rộng và gắt gao. Nếu trước đây bọn thực dân nhất quán thi hành chính sách lừa mỵ ở Bắc Kạn, thì trong cuộc khủng bố này chúng lộ nguyên hình là quân giết người hết sức man rợ. Một mặt chúng trực tiếp bắn giết, mặt khác thúc đẩy bọn lưu manh, côn đồ gây tội ác. Cùng với việc dồn dân, kẻ địch tạo ra sự khan hiếm giả tạo về các nhu yếu phẩm, từ đó dùng hàng hóa làm vật đổi chác tính mạng cán bộ, đảng viên ta cho bọn tay sai. Hầu hết cán bộ, đảng viên sa vào tay địch đều bị chúng đối xử theo kiểu trung cổ: mổ bụng, moi gan, chặt cổ, bêu đầu...

Tiếp sau tội ác ám sát đồng chí Đức Xuân, đội trưởng một đội tuyên truyền thuộc Ban xung phong Nam tiến, một cán bộ có tài vận động quần chúng ở Lũng Coóc xã Quân Bình (Bạch Thông) ngày 9 tháng 1 năm 1944, bọn khủng bố đã sát hại nhiều cán bộ quan trọng khác của Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta. Ngày 14 tháng 2 năm 1944, đồng chí Bàn Văn Hoan, phó chủ nhiệm Ban chấp hành Việt Minh khu Quang Trung, người đảng viên đầu tiên, một cán bộ vận động quần chúng xuất sắc của đồng bào Dao Tiêu bản, bị địch bắt. Sau đó các đồng chí Đồng Văn Bằng, chủ nhiệm Tỉnh bộ Việt Minh và là một trong những đảng viên đầu tiên của Bắc Cạn: Mỹ Thanh, Hồng Giang cán bộ Ban xung phong Nam tiến...anh dũng hy sinh. Tội ác của địch ngày càng chồng chất. Tính chung trong cuộc khủng bố khốc liệt này, chín cán bộ tiêu biểu hy sinh, gần hai trăm người bị tù đầy, hàng nghìn quần chúng bị cướp bóc, tra tấn và dồn vào các trại tập trung.

Từ những ngày đầu của cuộc khủng bố, Liên tỉnh ủy Cao -Bắc- Lạng đã có nhiều biện pháp kiên quyết và kịp thời lãnh đạo quần chúng đối phó với địch. Ngày 23 tháng 1 năm 1944, tại Hội nghị tổng kết Nam tiến họp ở xã Hoa Thám (Nguyên Bình, Cao Bằng), Ban chấp hành tỉnh đảng bộ (lâm thời) và tỉnh bộ Việt Minh Bắc Cạn (đặt tên bí mật là tỉnh Chu Chinh), được thành lập để kịp thời lãnh đạo nhân dân trong tỉnh đấu tranh chống địch.

Thực hiện chỉ thị của Ban liên tỉnh, Đảng bộ chủ trương: bố trí cho những cán bộ, đảng viên và quần chúng trung kiên không còn điều kiện sống hợp pháp, rút vào hoạt động bí mật; lập các Ban xung phong chống khủng bố; tổ chức đời sống cho số cán bộ thoát ly... Tất cả cán bộ, đảng viên được phân công đến những nơi địch đang đánh phá ác liệt nhất, tuyên truyền giải thích tình hình, động viên hướng dẫn quần chúng đấu tranh chống khủng bố, bảo vệ cơ sở và duy trì phong trào.

Thời kỳ đầu, trước hành động đàn áp man rợ của địch, nhiều người hoang mang, dao động, phong trào tạm thời lắng xuống. Tuy vậy, nhờ có sự lãnh đạo sát sao của Đảng bộ, nhờ có truyền thống đấu tranh và tinh thần yêu nước của quần chúng, nhìn chung các cơ sở cách mạng vẫn được bảo vệ. Giữa nanh vuốt của kẻ thù, quần chúng tiếp tục cuộc đấu tranh dưới các hình thức rất linh hoạt và sinh động nhằm chống nộp phạt, chống bắt bớ, o ép, thực hiện tốt khẩu hiệu “không biết, không thấy cộng sản”, “không đầu hàng, đầu thú”... Để hỗ trợ quần chúng đấu tranh, Ban chấp hành Việt Minh các nơi lập ra “Ban xung phong chống khủng bố” của cấp mình. Ở nhiều vùng, các “Ban xung phong chống khủng bố” chọn trong các đơn vị tự vệ chiến đấu lấy những người vững vàng nhất, lập ra các đội “hộ lương diệt ác”. Sau lớp huấn luyện cấp tốc của Liên tỉnh bộ Việt Minh Cao - Bắc - Lạng ở Khuổi Cọ xã Cẩm Lý (Hòa An, Cao Bằng) hai đội “hộ lương diệt ác” làm nhiệm vụ võ trang chống khủng bố, xuống Ngân Sơn, tiêu trừ mật thám và phản động ở Ma Nòn (Cốc Đán). Được quần chúng giúp đỡ, các đội này đã trừng trị nhiều tên tay sai ngoan cố, có nợ máu với nhân dân và cách mạng. Trước gương đồng bọn bị trừng trị, bọn phản động phải chùn tay, không dám hung hăng,

ngông cuồng như trước. Được hỗ trợ tích cực, quần chúng tin tưởng, phấn khởi, càng hăng hái, giúp đỡ các chiến sĩ cách mạng hoạt động. Phong trào quần chúng tuy chưa đủ mạnh để đẩy lùi cuộc tiến công của địch, nhưng đã tiếp tục phát triển dưới những hình thức mới. Ở nhiều nơi, những hội viên trung kiên đã lập ra các đội tiếp tế cung cấp lương thực, thuốc men cho các chiến sĩ cách mạng hoạt động bí mật. Tại Ngân Sơn, quần chúng còn góp phần xây dựng và bảo vệ các cơ quan bí mật trong rừng sâu cho những cán bộ thoát ly đi lại hoạt động. Được đồng bào hết lòng che chở và nuôi dưỡng nên mặc dù địch lùng sục gắt gao, cán bộ vẫn tiếp tục bám sát cơ sở, các cơ quan bí mật của tỉnh và cơ sở vẫn chỉ đạo sát sao công cuộc chống khủng bố và tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Các lớp huấn luyện chính trị được mở kịp thời đã giúp cán bộ, đảng viên trong khó khăn của cuộc khủng bố, có được sự phân tích và đánh giá đúng tình hình, từ đó mà củng cố lòng kiên trì và lạc quan cách mạng.

Công cuộc chống khủng bố có nhiều kết quả. Vượt qua sự đánh phá quyết liệt của địch, nhiều cơ sở được củng cố và mở rộng. Càng căm thù quân xâm lược dã man, quần chúng càng hăng hái ủng hộ và tham gia cách mạng. Trong báo cáo với cấp trên của chúng, tên công sứ Bắc Cạn phải thú nhận một cách chua chát: “Các cuộc tẩy thanh này (chỉ cuộc khủng bố) tuy có làm cho chúng rối loạn, nhưng không thể xóa được hành động tuyên truyền của Việt Minh trong tỉnh...”⁽¹⁾

Phong trào cách mạng ở Bắc Kạn nói riêng và Cao - Bắc - Lạng nói chung có những chuyển biến cả về số lượng và chất lượng. Trong phạm vi Cao - Bắc - Lạng, tình thế trực tiếp cách mạng đang dần dần chín muồi. Trên cơ sở phân tích tình hình địa phương, Liên tỉnh ủy chủ trương động viên quần chúng xúc tiến thực hiện chỉ thị “sửa soạn khởi nghĩa” ngày 7 tháng 5 năm 1944 của Tổng bộ Việt Minh. Chấp hành quyết nghị của Liên tỉnh ủy, nhân dân Cao - Bắc - Lạng sôi nổi “sửa soạn khởi nghĩa”.

⁽¹⁾ Báo cáo của sở cảnh Bắc Kạn (Tài liệu của Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Bắc Thái).

Tại Chợ Đồn, được quân chúng giác ngộ hết lòng bảo vệ, tuy bị kẻ địch đánh phá quyết liệt, đội ngũ cán bộ cũng như các cơ sở ở Bản Bả, Khuổi Ngặm, Nà Đàng, Khuổi Nạc, Khuổi Khít, Thôm Phàng, Thôm Tàu, Lũng Tang, Khuổi Nà... vẫn được giữ vững. Sau khi khắc phục những khó khăn do cuộc khủng bố của địch gây ra, cán bộ lại ra sức hoạt động mở rộng cơ sở.

Bước sang nửa cuối năm 1944, về cơ bản, Chợ Đồn đã đạt được những kết quả khả quan theo tinh thần chỉ thị của Tổng bộ Việt Minh. Đánh giá những thành tích đã đạt được, hội nghị đại biểu Việt Minh toàn châu họp tháng 8 năm 1944, khẳng định những chuyển biến mới cả về số lượng và chất lượng của phong trào cách mạng địa phương. Ở đây, cơ sở Việt Minh đã phát triển rộng khắp trong mấy nghìn đồng bào Dao toàn châu và đang lan rộng xuống vùng thấp trong đồng bào Tày, Nùng. Phong trào xây dựng tự vệ và luyện tập quân sự phát triển sôi nổi. Trên cơ sở này tháng 10 năm 1944, tại Bó Lợn, trung đội tự vệ chiến đấu đầu tiên của châu được thành lập và bước vào đợt huấn luyện trong hai mươi ngày. Đội viên tự vệ tự sắm vũ khí trang bị. Ngoài ra, “để sửa soạn khởi nghĩa”, các cơ sở Việt Minh còn tiến hành các cuộc vận động quân chúng đóng góp thóc, tiền ... làm quỹ khởi nghĩa. Hưởng ứng cuộc vận động này, riêng ba xóm Bản Bả, Nà Đàng, Khuổi Ngặm đã xây dựng được một ngân quỹ đáng kể gồm hơn một nghìn đồng. Các “kho thóc khởi nghĩa” được xây dựng. Những cơ sở sửa chữa và chế tạo vũ khí thô sơ được thành lập. Quân chúng cách mạng đã sẵn sàng vùng dậy khởi nghĩa.

Ở Ngân Sơn và Chợ Rã, sau các lớp đào tạo chỉ huy tự vệ do các cán bộ đặc phái của Liên tỉnh ủy mở, phong trào huấn luyện quân sự tại các địa phương lại được đẩy lên sôi nổi. Cán bộ, chiến sĩ tự vệ khẩn trương sắm sửa vũ khí. Hội viên Cứu quốc cũng bí mật tự trang bị cho mình những thứ cần thiết như sao găm, mã tấu... Trong rừng sâu, các lò rèn hoạt động liên tục, rèn dao, kiếm, súng ống cho tự vệ. Rất nhiều quân chúng yêu nước đã tự động bán tài sản lấy tiền ủng hộ Việt Minh mua sắm vũ khí. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy lâm thời. Ban chấp hành Việt Minh các xã tiến hành những cuộc vận động sâu rộng quyên góp lương thực, thực phẩm cho cuộc chiến

đấu. Được quần chúng hết lòng hưởng ứng, các “kho thóc khởi nghĩa” được thành lập ở nhiều nơi, đảm bảo hậu cần tại chỗ khi cuộc khởi nghĩa bùng nổ.

Theo kế hoạch của Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng, sau khi thu hái vụ mùa (1944) nhân dân cả ba tỉnh sẽ vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền. Do đó về cuối năm công việc chuẩn bị rất khẩn trương. Tháng 10 năm 1944, Liên tỉnh ủy dự định triệu tập một cuộc hội nghị cuối cùng để kiểm điểm công việc chuẩn bị và quyết định thời gian hành động. Hội nghị sắp họp thì đồng chí Hồ Chí Minh từ nước ngoài về tới Cao Bằng. Ở đây, sau khi nghe báo cáo kế hoạch vũ trang khởi nghĩa của Liên tỉnh ủy, Người nhận xét: “Chủ trương phát động chiến tranh du kích ở Cao - Bắc - Lạng là mới chỉ căn cứ vào tình hình địa phương mà chưa căn cứ vào tình hình cụ thể trong cả nước, mới chỉ thấy bộ phận mà chưa thấy toàn cục. Trong điều kiện bây giờ, nếu phát động ngay nhân dân nhất tề nổi lên đánh du kích theo quy mô và phương thức đã định trong nghị quyết, thì sẽ gặp khó khăn, có thể còn khó khăn hơn thời kỳ bị khủng bố vừa rồi. Bởi vì, các địa phương trong toàn quốc tuy phong trào cách mạng đang lên cao nhưng chưa nơi nào có điều kiện vũ trang chiến đấu để sẵn sàng hưởng ứng... Quân khởi nghĩa Cao - Bắc - Lạng đơn độc dấy lên, nhất định đế quốc sẽ mau chóng tập trung lực lượng đàn áp. Riêng về mặt quân sự, thì cũng không theo đúng nguyên tắc tập trung lực lượng; cán bộ, vũ khí đều phân tán, thiếu hẳn một lượng nòng cốt”⁽¹⁾. Người ra lệnh hoãn cuộc khởi nghĩa. Chỉ thị sáng suốt của đồng chí Hồ Chí Minh đã tránh cho phong trào cách mạng Cao - Bắc - Lạng những khó khăn không thể lường hết được, đồng thời có điều kiện thực hiện phương pháp cách mạng đầy sáng tạo của Đảng ta: “Từ hình thức chính trị tiến lên hình thức quân sự”, cùng cả nước vùng lên đập tan ách thống trị thực dân, phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân.

Cuối năm 1944, cuộc khởi nghĩa được chuẩn bị đã không nổ ra ở Cao - Bắc - Lạng, thế nhưng tiếng súng đánh địch lại “đơn độc dấy lên” Ở Võ Nhai.

⁽¹⁾ Võ Nguyên Giáp: Những chặng đường lịch sử, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1977, tr 129 -130

Tại đây, kể từ giữa năm 1944, cả vùng Lô Thượng, Phú Thượng, Tràng Xá đã đi vào cao trào mới. Từ nòng cốt cũ, cơ sở Đảng, đơn vị Cứu quốc quân, các đoàn thể Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh đều phát triển mạnh. Phong trào luyện tập quân sự, sinh hoạt đoàn thể sôi nổi, rầm rộ. Trong dịp kỷ niệm ngày Quốc tế lao động (1 tháng 5) cơ sở Đảng đã tổ chức thắng lợi các cuộc mít tinh lớn gồm hàng trăm người ở Phú Thượng và Tràng Xá. Rất quan tâm đến một địa phương có phong trào cách mạng đang trên đà phát triển mạnh, tháng 6 năm 1944, Xứ ủy Bắc Kỳ đã cử thêm cán bộ lên tăng cường cho Ban lãnh đạo phân khu A.

Dưới ánh sáng nghị quyết của Ban thường vụ Trung ương Đảng (tháng 2 năm 1943), phong trào cách mạng cả nước phát triển mạnh. Nhiều khu du kích ra đời. Phong trào “sửa soạn khởi nghĩa” được đẩy lên sôi nổi và rộng khắp. Trong tình hình ấy, để việc chỉ đạo được sát và kịp thời, Ủy ban quân chính Bắc kỳ đã chia các địa phương có phong trào phát triển thành các chiến khu như Hòa - Ninh - Thanh (Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa): Hoàng Hoa Thám...

Tháng 2 năm 1944, sau khi kiểm tra hai căn cứ Võ Nhai và Đại Từ, Định Hóa, Sơn Dương, đồng chí Hoàng Quốc Việt triệu tập một cuộc hội nghị quan trọng ở Khuổi Kịch (Sơn Dương, Tuyên Quang). Nhận thấy chiến khu Hoàng Hoa Thám có phong trào cách mạng phát triển khá nhưng địa bàn quá rộng, khó chỉ đạo, hội nghị quyết định lấy Sông Cầu làm ranh giới để chia chiến khu Hoàng Hoa Thám thành hai phân khu. Phân Khu A có Bình Gia Bắc Sơn (Lạng Sơn), Hữu Lũng, Yên Thế (Bắc Giang), Võ Nhai và một phần Đông Hỷ (Thái Nguyên).

Phân khu B bao gồm: Chợ Đồn, Bạch Thông (Bắc Cạn), Định Hóa, Phú Lương, Đại Từ, phần còn lại của Đông Hỷ (Thái Nguyên), Lập Thạch (Vĩnh yên) và tỉnh Tuyên Quang. Với quyết định của hội nghị Khuổi Kịch, Võ Nhai trở thành trung tâm phân khu A. Ban lãnh đạo phân khu và trung đội Cứu quốc quân thứ hai đều đóng ở đây.

Được Xứ ủy quan tâm, lại có thêm điều kiện khách quan thuận lợi, phong trào cách mạng Võ Nhai phát triển rầm rộ. Trong phạm vi căn cứ, những yếu tố cần thiết về mặt chủ quan cho sự quật khởi của quân chúng đã chín muồi.

Vốn lo sợ trước truyền thống cách mạng của Võ Nhai, tình hình trên làm cho bè lũ thực dân hoảng hốt. Tháng 10 năm 1944, sau khi đàn áp các cơ sở ở Phú Bình, địch hướng cuộc khủng bố lên Võ Nhai.

Để đối phó với tình hình mới, cuối tháng 10 năm 1944, Ban lãnh đạo phân khu A họp hội nghị mở rộng. Phân tích kỹ tình hình, Hội nghị Ban lãnh đạo phân khu quyết nghị nhiều vấn đề quan trọng như: giám sát chặt chẽ mọi hành động của địch; bảo vệ cán bộ, đảng viên; tổ chức cất giấu lương thực, vũ khí; đề cao kỷ luật; giữ vững thông tin, liên lạc.

Những ngày đầu tháng 11 năm 1944 tình hình diễn biến phức tạp. Ngày 2 tháng 11 địch phá cơ sở Cây Thị (Đồng Hỷ), cắt đứt đường liên lạc phía nam của căn cứ với Trung ương và Xứ ủy. Ngày 5 tháng 11, mật thám địch vây bắt hai hội viên Việt Minh ở Ngọc Mỹ xã Tràng Xá. Ngày 8 tháng 11 chúng bắt tiếp năm cán bộ trong Ban chấp hành Việt Minh của xã này.

Ngay sau khi địch tiến hành bắt bớ ở Ngọc Mỹ, hầu hết thanh niên Tràng Xá tự động rút lên rừng. Quân chúng kiến nghị với Ban lãnh đạo phân khu được đánh địch giữ phong trào. Trước tình hình đó, ngày 10 tháng 11 (1944), Ban lãnh đạo phân khu triệu tập hội nghị mở rộng ở Đồng Mố (Phú Thượng). Hội nghị thảo luận dân chủ, đi sâu phân tích tình hình địch, tương quan lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng.

Tính đến ngày 10 tháng 11 (1944), lực lượng địch ở Võ Nhai gồm các đồn binh ở Đình Cả, Tràng Xá, La Hiên, với hơn tám mươi khố xanh và lính cơ. Ngoài ra, kể từ đầu tháng 11 (1944), địch còn đưa lên Võ Nhai một tiểu đội thuộc “lực lượng cảnh sát đặc biệt”. Lực lượng địch như vậy, nhưng trong các đồn, bất nói trên đều có cơ sở binh vận của ta. Trong bộ máy các cấp của chúng, Ban lãnh đạo phân khu cũng đã bố trí cán bộ, đảng viên nắm một số chức vụ quan trọng.

Trên cơ sở đánh giá lực lượng địch, so sánh tương quan lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng, hội nghị Ban lãnh đạo phân khu cho rằng trừng trị bọn địch, kể cả việc tiêu diệt các đồn bót là biện pháp tốt nhất để đối phó với cuộc khủng bố. Hạ quyết tâm đánh địch, hội nghị Đồng Mố đã vạch

ra những kế hoạch cụ thể về tiêu trừ mật thám, phản động; cất giấu lương thực; làm vườn không đồng vắng, tiêu thổ làng mạc; phá hoại giao thông và chặn viện... Để giúp Ban lãnh đạo phân khu chỉ đạo công tác cụ thể, hội nghị cử ra các ban chuyên môn như phá hoại; chiến đấu; trinh sát; binh vận...

Sục sôi căm thù bè lũ cướp nước và bán nước nên quyết nghị của Ban lãnh đạo phân khu được cán bộ, đảng viên và quần chúng nhiệt liệt hưởng ứng. Sáng ngày 11 tháng 11 (1944), kế hoạch diệt trừ mật thám và phản động được khiêu khai. Gần mười tên có nhiều nợ máu phải đền tội. Các công tác khác cũng được thực hiện một cách khẩn trương. Hàng tấn lương thực được cất giấu lên các hang núi. Chiều ngày 11 tháng 11 (1944), đông đảo nhân dân với cờ, trống, mõ, rầm rộ tuần hành thị uy nhằm gây thanh thế, cổ vũ các hành động cách mạng và uy hiếp địch. Đêm 12 tháng 11 (1944), Cứu quốc quân và tự vệ tổ chức đánh bắt Quang Thái. Do kế hoạch chưa sát nên cuộc tấn công không đem lại kết quả. Ban lãnh đạo phân khu và Cứu quốc quân quyết định sẽ đánh bắt Quang Thái lần thứ hai vào đêm sau (13-11-1944), tiếp đó tiến lên tiêu diệt các đồn Tràng Xá (14-11-1944), Đình Cả (15-11-1944). Ban lãnh đạo phân khu cũng đã dự kiến kế hoạch cụ thể cho việc giải phóng châu lỵ La Hiên, xóa bỏ chính quyền địch, giành chính quyền về tay nhân dân.

Các quyết định mới nói trên có sức cổ vũ lớn lao, nhưng chưa kịp thực hiện thì kẻ thù đã phản ứng. Viên công sứ Thái Nguyên hoảng hốt ra lệnh tăng cường lực lượng cho đồn khố xanh Đình Cả, đồn bang tá Tràng Xá; phong tỏa địa giới giữa Thái Nguyên với Lạng Sơn; đưa thêm những tên mật thám khét tiếng gian ác lên Võ Nhai; thành lập một đạo quân khủng bố gồm một tiểu đoàn lính khố đỏ và một số trung đội khố xanh.

Ngày 13 tháng 11 (1944), hai đại đội lính khố đỏ từ thị xã Thái Nguyên kéo lên Võ Nhai, Quân địch ở Lạng Sơn, Bắc Giang được lệnh phối hợp hành động. Cũng như năm 1941, một lần nữa thực dân Pháp âm mưu dìm phong trào cách mạng tại căn cứ Võ Nhai trong máu lửa.

Tình hình diễn biến phức tạp. Tương quan lực lượng thay đổi, trở thành bất lợi cho quân và dân ta. Cả phong trào cách mạng vừa được đẩy công xây

dựng, lại đứng trước những khó khăn to lớn. Tuy vậy, trong tình hình mới, xu hướng võ trang chống lại cuộc khủng bố vẫn là tình cảm thiêng liêng của quân và dân ta. Hầu hết thanh niên tự nguyện tham gia Cứu quốc quân. Quần chúng tự động phá bỏ nhà cửa, thực hiện triệt để khẩu hiệu “vườn không, đồng vắng” và chạy hết lên núi. Cả căn cứ quyết tâm đi vào cuộc đọ sức quyết liệt mới với quân thù.

Bước vào cuộc chiến đấu, Cứu quốc quân cũng như tự vệ luôn luôn bám sát mọi hành động của địch và chống trả rất quyết liệt. Mờ sáng ngày 13 tháng 11, địch cho một tiểu đội từ Đình Cả đi giải vây bắt Quang Thái, nhưng vừa đến Mỏ Gà đã bị Cứu quốc quân phục kích, buộc phải tháo chạy trở lại Đình Cả. Tại cầu Trúc Mai hai mươi chiến sĩ Cứu quốc quân dũng cảm chặn đánh hai đại đội lính khố đỏ từ thị xã Thái Nguyên lên, loại khỏi vòng chiến đấu nhiều tên. Cùng ngày, một tổ Cứu quốc quân đóng giả lính khố xanh, hiên ngang ngăn chặn xe và nổ súng vào tên tỉnh trưởng gian ác Cung Đình Vận.

Trong chiến đấu, Cứu quốc quân được bổ sung cả về số lượng và chất lượng. Thanh niên nô nức xin gia nhập bộ đội. Lực lượng cả ba trung đội lên tới trên hai trăm người.

Phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng, quân và dân ta chiến đấu rất dũng cảm, kiên cường. Tính từ ngày 13 đến ngày 25 tháng 11 (1944), Cứu quốc quân và tự vệ đã đánh hàng chục trận. Ngày 14 tháng 11, quân ta đánh địch ở Nà Noọng, phục kích địch ở Mỏ Gà; ngày 15 tháng 11 đánh địch ở La Mạ...Bất chấp tương quan lực lượng hết sức chênh lệch, quân và dân ta liên tiếp chủ động tổ chức nhiều trận phục kích, tập kích rất dũng cảm, mưu trí. Ngày 16 tháng 11, Cứu quốc quân phục kích địch ở Na Hóa, làm tên trưởng đồn Đình Cả phải bỏ ô tô tháo chạy, ta thu tám nghìn viên đạn và một số chiến lợi phẩm khác. Dựa vào núi rừng hiểm trở, vận dụng nhiều cách đánh linh hoạt, sáng tạo, quân và dân ta còn làm thất bại nhiều cuộc vây quét của địch, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, bảo vệ căn cứ. Ngày 25 tháng 11, địch tràn vào Lân Han. Lợi dụng các hang đá rất kiên cố quân ta đánh địch từ sáng sớm đến chiều tối. Buổi sáng giặc đưa lính khố xanh, khố đỏ đến. Ta

vừa đánh, vừa làm công tác binh vận. Bị thiệt hại, lại được nghe tuyên truyền, bọn khố xanh, khố đỏ rất hoang mang. Buổi chiều, Pháp phải rút bọn này đi và điều Âu Phi đến. Quân giặc ý thế nhiều súng đạn, bán phá điên cuồng vào trận địa phòng ngự của Cứu quốc quân, nhưng các hang đá Lân Han là công sự vững chắc, đợi địch vào hẳn trong vách hang quân ta mới nổ súng. Trong trận Lân Han Cứu quốc quân diệt hàng chục tên, thu vũ khí, giữ vững căn cứ. Tiếp theo chiến thắng trên, ngày 27 tháng 11 (1944), quân và dân ta lại đánh một trận giòn giã khác ở hang Mỏ Gà. Tại đây, lợi dụng thế núi, ta làm các sào đá đợi địch. Trong trận này, nhiều tên Lê dương và khố đỏ đã bị đá đè chết tại chỗ, một số tên bị đá hất xuống tận chân núi.

Quân và dân Võ Nhai đánh địch rất dũng cảm, mưu trí, Tuy vậy, cuộc chiến đấu ngày càng trở nên bất lợi. Liên lạc lên Bắc Sơn, sang Đại Từ, Định Hóa, đề nghị các nơi nổi dậy hưởng ứng, nhưng các huyện bạn do chưa có được những điều kiện chủ quan và khách quan cần thiết cho một cuộc nổi dậy nên chưa đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo phân khu A. Trong khi đó, với ưu thế về quân số và vũ khí, kẻ địch liên tiếp tăng viện cho đạo quân khủng bố. Tiếp sau cuộc ứng cứu khẩn cấp của hai đại đội lính khố đỏ (13-11-1944), ngày 18/11 (1944), địch điều một lực lượng cơ động gồm hơn một trăm tên, hành quân bằng mô tô và ô tô, có trang bị súng máy, từ thị xã kéo lên. Ba ngày sau (21/11/1944) chúng lại ném vào cuộc khủng bố thêm hai đại đội Lê dương. Quân địch từ Lạng Sơn và Bắc Giang cũng kéo vào phối hợp. Lực lượng địch từ chỗ chỉ có hơn tám mươi tên đóng ở Đình Cả, Tràng Xá, La Hiên và Quang Thái, trong vòng mười ngày, chưa kể một chi nhánh mật thám được thành lập tại chỗ với hàng chục tên đầu trâu, mặt ngựa, riêng lính khố xanh, khố đỏ và Lê dương thuộc nhiều binh chủng và được trang bị đầy đủ đã lên tới hàng nghìn tên.

Quân địch được tăng viện, hung hăng liên tiếp mở các cuộc vây càn lớn. Tình hình những ngày cuối tháng 11, đầu tháng 12 năm 1944 hết sức căng thẳng, thóc lúa dự trữ đã cạn, một phần lại bị địch càn quét cướp đi; vũ khí không đủ để kéo dài cuộc chiến đấu; vừa phải lo đánh địch, vừa phải lo bảo

vệ và tổ chức đời sống cho hàng nghìn dân nên lực lượng chiến đấu bị phân tán và dần mỏng; lòng tin ở thắng lợi của cuộc chiến đấu giảm sút rõ rệt.

Do tình hình giao thông, liên lạc khó khăn, nên khi Trung ương nhận được báo cáo thì cuộc chiến đấu của quân và dân Võ Nhai đã đi vào thời kỳ hết sức quyết liệt. Thấy rõ nguy cơ nghiêm trọng của phong trào cách mạng tại một số căn cứ nổi tiếng. Trung ương Đảng cử đồng chí Ngô Thế Sơn, ủy viên Ủy ban quân chính Bắc kỳ, theo đường giao thông đặc biệt lên Võ Nhai, truyền đạt chỉ thị của Đảng về việc rút lui cuộc đấu tranh võ trang.

Trung tuần tháng 12 năm 1944, sau một thời gian ngắn tìm hiểu tình hình và truyền đạt chỉ thị của Đảng cho hầu hết cán bộ lãnh đạo phân khu A và Cứu quốc quân, hai đồng chí phái viên Trung ương triệu tập hội nghị Ban lãnh đạo phân khu mở rộng tại Cây Bòng (xã Tràng Xá). Trên cơ sở quán triệt chỉ thị của đảng, hội nghị đề ra kế hoạch cho việc rút lui cuộc đấu tranh võ trang chống khủng bố. Trước hết, tổ chức cho nhân dân và số lớn thanh niên trong các lực lượng võ trang còn điều kiện sống hợp pháp về làng cũ làm ăn, riêng Cứu quốc quân chia làm ba bộ phận, lực lượng chính chuyển sang Yên Thế (Bắc Giang), dựa vào cơ sở cách mạng tỉnh bạn để học tập, huấn luyện quân sự và tránh mũi nhọn khủng bố của kẻ thù, số còn lại, một nửa chuyển sang phân khu B hoạt động, một nửa tiếp tục bám cơ sở, lãnh đạo quần chúng đấu tranh hợp pháp với địch.

Nghị quyết hội nghị Cây Bòng được triển khai. Ngày 9 tháng 1 năm 1945, bảy mươi hai cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân đi về Mỏ trạng rồi sang Đồng Vương (Yên Thế, Bắc Giang). Cuộc chiến đấu chống địch khủng bố của quân và dân Võ Nhai kết thúc. Do những hạn chế về nhiều mặt, nên chủ trương của Ban lãnh đạo phân khu có những thiếu sót trong phân tích tình hình, cũng như đánh giá tương quan lực lượng. Thiếu sót về nhận thức dẫn đến khuyết điểm trong hành động. Tuy vậy đi vào cuộc chiến đấu, quân và dân ta, đã một lần nữa thể hiện truyền thống bất khuất, kiên cường, rất dũng cảm, mưu trí. Những mục tiêu đề ra cho cuộc chiến đấu tuy chưa đạt được, nhưng tiếng súng đánh địch đã có tác dụng cổ vũ đoàn kết và nâng cao giác

ngộ cách mạng cho quần chúng; bảo vệ và đào luyện cho cách mạng một đội ngũ quan trọng những cán bộ, đảng viên đã được thử thách; đóng góp nhiều bài học kinh nghiệm bổ ích vào kho tàng lý luận của Đảng.

Cũng như công cuộc sửa soạn khởi nghĩa ở Bắc Kạn, hơn một tháng võ trang chống địch khủng bố của quân và dân Võ Nhai là sự phản ánh khách quan một thực tế lịch sử; về cơ bản quá trình chuẩn bị lực lượng đã hoàn thành, những điều kiện chủ quan cho sự quật khởi của quần chúng đã chín muồi.

II

GIÀNH CHÍNH QUYỀN BỘ PHẬN, KHÁNG CHIẾN CHỐNG NHẬT, TỔNG KHỞI NGHĨA, CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG

Cuối năm 1944, đầu năm 1945, cục diện cuộc đại chiến thế giới lần thứ hai thay đổi có lợi cho các lực lượng dân chủ, không có lợi cho bè lũ phát xít.

Trên đà thắng lợi của Hồng quân Liên Xô, tháng 2 năm 1945, những người đứng đầu các cường quốc phe Đồng minh (Liên Xô, Anh, Mỹ) gặp nhau tại Cời mê. Hội nghị quyết định kế hoạch tiêu diệt chủ nghĩa phát xít và phương hướng giải quyết hậu quả chiến tranh. Các nước đế quốc buộc phải mở mặt trận thứ hai ở Tây Âu. Nước Pháp thoát khỏi ách chiếm đóng của bọn Đức quốc xã.

Trong khi phát xít Đức bị Hồng quân Liên Xô giáng cho những đòn nặng nề, phải lùi dần về sào huyệt, thì ở Châu Á và Thái Bình Dương phát xít Nhật cũng bị quân Đồng minh uy hiếp nghiêm trọng, đường biên từ Nhật đi các nơi bị không chế. Trong tình hình ấy, Đông Dương không những là một miếng mồi béo bở về sức người, sức của mà còn là chiếc cầu nối liền thuộc địa của Nhật từ lục địa Trung Hoa xuống các nước khác ở Đông nam châu Á

Lợi dụng tình hình bất lợi cho Nhật, thực dân Pháp ráo riết hoạt động nhằm giành lại Đông Dương khi quân Đồng minh đánh thắng quân Nhật ở Đông nam Châu Á. Đã đến lúc “hai con chó đế quốc không thể ăn chung một miếng mồi béo bở”. Cả pháp lẫn Nhật đều ráo riết chuẩn bị cho một cuộc vật

lộ quyết liệt. Riêng tại thị xã Thái Nguyên, quân Pháp từ các nơi lũ lượt kéo về đóng chặt mười ba quán chợ. Thực dân Pháp âm mưu dùng tỉnh ta làm căn cứ chống nhau với Nhật.

Nắm được mưu đồ của đối thủ, ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật nổ súng hất cẳng Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Quân Pháp chống cự yếu ớt và nhanh chóng đầu hàng. Phát xít Nhật độc chiếm Đông Dương.

Tại Thái Nguyên, mặc dù đến ngày 9 tháng 3 (1945) không có quân Nhật chiếm đóng, nhưng tin cuộc đảo chính nói trên nhanh chóng gây nên sự hoảng loạn trong các cơ sở và doanh trại quân đội. Những binh lực lớn và được coi là tinh nhuệ của quân đội Pháp, được tập trung về với mục đích giữ Thái Nguyên làm căn cứ chống Nhật, vội vã tháo chạy lên phía bắc. Riêng bọn quan chức dân sự vì không chạy được, phải ở lại và chiều ngày 10 tháng 3 (1945) vác cờ trắng xuống Gia Sàng, đón quân Nhật vào tỉnh lỵ. Phát xít Nhật giành được Thái Nguyên từ tay Pháp không cần nổ súng.

Ở Bắc Kạn, mặc dù đến trung tuần tháng 3 năm 1945 vẫn chưa có tên Nhật nào xuất hiện, nhưng ngay sau khi được tin cuộc đảo chính thì bộ máy thống trị của Pháp lập tức tê liệt. Binh lính bỏ chạy khỏi thị xã. Bọn quan chức dân sự, phân bổ trốn, phân chờ Nhật đến để đầu hàng. Bè lũ tay sai như rắn mất đầu, rất hoang mang.

Về cuộc hất cẳng lẫn nhau giữa Nhật và Pháp, Trung ương Đảng ta đã dự đoán trước. Vì thế hội nghị Ban thường vụ Trung ương mở rộng được triệu tập ngay trong thời điểm của cuộc đảo chính Nhật - Pháp, Trên cơ sở phân tích kỹ tình hình, vạch rõ những “biểu hiện của một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc”, Ban thường vụ Trung ương Đảng chủ trương nêu cao khẩu hiệu: “Chính quyền cách mạng về tay nhân dân”. Để thực hiện khẩu hiệu này cần thành lập ngay các đội võ trang tuyên truyền; phát động quần chúng tổng biểu tình, bãi công chính trị, bãi thị, bãi khóa; mở rộng và đẩy mạnh đấu tranh du kích, xây dựng căn cứ địa; phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa. Riêng về mặt tổ chức chính quyền, Đảng chủ trương “thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng ở nhà máy,

mỏ, làng ấp, đường phố...”; “thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng và Ủy ban công nhân cách mạng ở những vùng quân du kích hoạt động”, sẵn sàng đón thời cơ tiến lên tổng khởi nghĩa ⁽¹⁾

Tại Cao - Bắc - Lạng, tuy chưa liên lạc được với Trung ương Đảng, nhưng nhận rõ thời cơ ngàn năm có một, Ban thường vụ Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng đã họp và quyết nghị:

1. Đánh đổ chế độ thống trị của Pháp ở nông thôn, rồi tùy từng nơi sẽ thành lập chính quyền nhân dân từ cấp xã đến cấp tỉnh.
2. Phân phối cán bộ của đội tuyên truyền về cùng các đội võ trang địa phương, tổ chức thêm các đơn vị Quân giải phóng, chuẩn bị chống Nhật.
3. Phá hoại giao thông và làm vườn không nhà trống.
4. Không khiêu chiến quân Pháp và bị Nhật đánh đuổi, tích cực kêu gọi chúng cùng ta lập mặt trận chống Nhật.

Thấu suốt đường lối cách mạng, thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy lâm thời Bắc kạn, Ban chỉ huy Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân. Ban lãnh đạo chiến khu Hoàng Hoa Thám và Ban cán sự ATK, đồng bào các dân tộc tỉnh ta nhận rõ điều kiện thuận lợi khách quan đã chớp lấy thời cơ ngàn năm có một, vùng dậy giành chính quyền.

Tại Võ Nhai, sau khi đánh chiếm các kho tàng của địch ở Đình Cả và đồn điền Boóc đi-ê, thu hàng chục tấn gạo và muối phân phối cho nhân dân, Cứu quốc quân chia làm hai bộ phận, một trung đội bao vây đồn Đình Cả, một trung đội, có tự vệ hỗ trợ, tiến đánh châu lỵ La Hiên. Ở đây, tuy quân địch còn một lực lượng đáng kể (một tiểu đội lính cơ, bọn đồng các tổng, xã toàn châu và một số mật thám, lính khố xanh) được trang bị khá, lại có tường cao, hào sâu, nhưng vì hoang mang nên khi bị tiến công đã không dám chống cự. Đêm 20 tháng 3 năm 1945, quân ta giải phóng La Hiên, xóa bỏ bộ máy chính quyền cấp châu của địch. Ngày 21 tháng 3 (1945) một cuộc mít tinh lớn

⁽¹⁾ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng, tập III, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1977, tra 390-391.

được tổ chức tại châu lỵ giải phóng. Trong cuộc mít tinh này. Ủy ban nhân dân lâm thời châu chính thức ra mắt quần chúng. Đây là chính quyền cách mạng cấp châu ra đời sớm nhất ở tỉnh ta.

Được cổ vũ bởi chiến thắng La Hiên và sự ra đời của chính quyền cách mạng châu, quân và dân Võ Nhai phấn khởi tiến lên, liên tiếp xóa bỏ các đồn bốt địch ở Tràng Xá (23/3/1945), Đình Cả (10/4/1945), giải phóng toàn châu.

Ở Ngân Sơn, do phong trào cách mạng của nhân dân ta phát triển mạnh nên ngay sau khi được tin Nhật đảo chính, bộ máy thống trị của Pháp tan rã từng mảng. Lính địch tháo chạy khỏi các đồn Kéo Lặng và Bằng Khẩu. Viên tri châu bỏ trốn. Chính quyền tay sai của địch ở tổng và xã đều tê liệt. Đồn Ngân Sơn tuy vẫn còn một số lính khố xanh do một tên Pháp chỉ huy, nhưng đã mất vai trò của một công cụ khủng bố, ngày đêm nơm nớp lo sợ bị tiêu diệt.

Trong tình hình khách quan hết sức thuận lợi ấy, ngày 20 tháng 3 năm 1945, các mũi Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân trên đường tiến xuống phía nam đã đến Ngân Sơn. Sự có mặt của Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân càng cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng ở địa phương. Thanh niên các dân tộc nô nức tham gia Quân giải phóng. Lực lượng tự vệ các cơ sở cũng nhất loạt nổi dậy hậu thuẫn cho Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.

Hoảng sợ trước thanh thế của cách mạng, tên đồn trưởng người Pháp ở Ngân Sơn buộc phải thực hiện tối hậu thư của Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân. Lính khố xanh chán ngán cuộc đời làm bia đỡ đạn xin về quê. Quân cách mạng thu toàn bộ vũ khí của địch. Như vậy, đến 21 tháng 3 năm 1945, lực lượng quân sự chủ yếu và cuối cùng của địch ở Ngân Sơn bị xóa bỏ. Với thắng lợi này, Ngân Sơn đã đi đầu các châu, huyện của tỉnh trong việc đập tan bộ máy thống trị của địch.

Ngày 21 tháng 3 năm 1945, trong khi quân và dân Ngân Sơn thu hàng lực lượng võ trang cuối cùng của địch, thì nhân dân châu lỵ Chợ Rã cũng phấn khởi đón phân đội đi trước của Việt nam tuyên truyền giải phóng quân. Ngày 22 tháng 3 năm 1945, đại diện Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân

gặp tên phó giám binh Bắc kạn chỉ huy đám tàn binh Pháp đang ẩn nấp ở vùng hồ Ba Bể. Trong tình thế khốn quẫn và trước thiện chí sáng ngời chính nghĩa của ta, bọn Pháp ở đây buộc phải nhận hợp tác với Việt Minh đánh Nhật. Vùng núi bắc, tây bắc của tỉnh được giải phóng. Được sự giúp đỡ của Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, ngày 30 tháng 3 năm 1945, Ủy ban nhân dân lâm thời châu chính thức ra mắt nhân dân. Châu Chợ Rã được đặt tên cách mạng là châu Trung Vương.

Tại Định Hóa, ngày 25 tháng 3 năm 1945, một trung đội Cứu quốc quân có tự vệ địa phương hỗ trợ, tiến lên bao vây quân địch ở châu lỵ. Ba giờ ngày 26 tháng 3 (1945) quân ta nổ súng tiến công đồn khố xanh. Vốn hoang mang kể từ sau vụ tên đồn trưởng người Pháp bị Nhật bắt đi, nên bị quân ta tiến công bọn khố xanh hoảng hốt theo đường hầm tháo chạy.

Tiếng súng đánh đồn khố xanh của Cứu quốc quân làm cho bọn lính cơ và đồng bảo vệ sinh tri châu tan rã. Sau vài loạt súng bắn ra một cách vu vơ, bọn này cũng bỏ chạy tán loạn. Quân ta hoàn toàn làm chủ chiến trường. Thị trấn Chợ Chu, trung tâm kinh tế văn hóa của một vùng núi hiểm yếu, sau gần một thế kỷ rên siết dưới ách thống trị hà khắc của nhiều loại kẻ thù, được giải phóng. Cứu quốc quân phá nhà lao, giải thoát cho hơn hai trăm tù nhân và mở kho lấy thóc phân phát cho những người nghèo đói.

Tin vui chính quyền địch ở châu lỵ bị đập tan truyền nhanh đến khắp các bản làng hẻo lánh. Quần chúng nô nức kéo về thị trấn Chợ Chu, phối hợp với Cứu quốc quân và tự vệ chặn các ngã, trước vũ khí của tàn binh địch. Tên tri châu đã bỏ chạy khỏi châu lỵ, nhưng thân cô, thế cô nên sáng 27 tháng 3 (1945) phải ra trình diện. Theo lệnh của Cứu quốc quân, bọn chức dịch khắp các tổng, xã đem bằng, triện về châu lỵ, nộp cho cách mạng. Bộ máy tay sai của địch trong phạm vi toàn châu bị xóa bỏ. Quần chúng phấn khởi, hăng hái góp sức vào việc củng cố, hoặc thành lập mới các đơn vị tự vệ, Ban Minh Việt các cấp, hội Cứu quốc các giới, làm nền tảng cho việc xây dựng chính quyền cách mạng.

Những thắng lợi dồn dập của Ngân Sơn, Chợ Rã ở phía bắc và Định Hóa ở phía nam vang dội đến Chợ Đồn. Nhận rõ thời cơ thuận lợi, lại được cổ vũ bởi những chiến thắng chung hết sức to lớn, ngày 28 tháng 3 năm 1945, các cán bộ, đảng viên hoạt động ở Chợ Đồn họp hội nghị tại Bản Bả xã Thắng Lợi (tên bí mật của xã Nghĩa Tá), quyết định phát động quần chúng vùng lên giành chính quyền cách mạng. Để làm nòng cốt cho sự vùng dậy của quần chúng, hội nghị thống nhất thành lập mới hai trung đội tự vệ. Trong đó, trung đội tự vệ chiến đấu được trang bị vũ khí tốt sẽ tiến lên tiêu diệt các đồn, bót, xóa bỏ lực lượng quân sự của địch; trung đội tự vệ thường làm nhiệm vụ võ trang tuyên truyền, tước vũ khí của đồng, thu bằng, triện, xóa bỏ chính quyền cơ sở của địch.

Triển khai nghị quyết trên, đêm 28 tháng 3 (1945), quân ta tiến đánh đồn Tổng Quận (xã Bình Trung) và đồn Bản Thi. Quân địch hoang mang phần bỏ chạy, phần xin hàng quân cách mạng.

Trong khi tự vệ chiến đấu tiêu diệt các đồn bót nói trên thì lực lượng tự vệ thường phát động quần chúng các xã Nghĩa Tá, Yên Nhận, Bằng Lãng, Ngọc Phái...xóa bỏ bộ máy tay sai của địch và thành lập chính quyền cách mạng trên cơ sở các Ban Việt Minh đã có từ trước.

Ngày 29 tháng 3 (1945), lực lượng tự vệ Chợ Đồn từ phía tây, tây nam tiến lên và bộ phận đi trước của Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân từ phía đông, đông bắc tiến xuống, gặp nhau tại Phương Viên. Sau khi thống nhất kế hoạch và lực lượng, quân ta tiến vào châu lỵ. Ở đây, viên tri châu đã bỏ chạy, trung đội khố xanh (vừa từ Chợ Rã xuống) xin hàng quân cách mạng. Như vậy, đến 29 tháng 3 (1945) toàn bộ châu Chợ Đồn được giải phóng.

Tại Na Rì, trong nhiều năm do bị bọn thực dân kiểm tỏa rất ngặt nghèo nên tuy quần chúng nghèo khổ giàu lòng yêu nước song cho đến đầu năm 1945 vẫn chưa có điều kiện giác ngộ và tham gia cách mạng. Để đưa huyện miền núi hẻo lánh này tiến kịp các địa phương khác, sau khi giải phóng Ngân Sơn, một đơn vị Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được lệnh tiến vào

Na rì. Tại đây, sau ngày 9 tháng 3 (1945) tình hình có những biến đổi lớn. Cả bộ máy tay sai rất phản động được thực dân Pháp dày công gây dựng, đã hoang mang, rệu rã. Tên tri châu bỏ chạy. Ngày 18 tháng 3 (1945) một mũi tuyên truyền võ trang từ Ngân Sơn qua Na Rì để sang Võ Nhai - Sự kiện này làm cho chính quyền địch ở cơ sở tan rã.

Trong tình hình khách quan thuận lợi nói trên, ngày 25 tháng 3 năm 1945 đơn vị Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đến Na Rì đã lập tức tạo ra khắp vùng núi hẻo lánh này không khí sôi động cách mạng. Chức địch trong phạm vi toàn châu lũ lượt đem bằng, triện đến nộp cho quân cách mạng. Ngày 28 tháng 3 năm 1945, quân và dân ta chính thức làm chủ châu ly, chấm dứt hàng nghìn năm giặc cướp liên miên và hơn nửa thế kỷ bè lũ thực dân đè đầu cưỡi cổ.

Cùng với các châu, huyện khác, Đại Từ là nơi có nhiều điều kiện chủ quan và khách quan thuận lợi cho quân và dân ta cùng dậy khởi nghĩa giành chính quyền. Kể từ sau ngày 9 tháng 3 (1945) hầu khắp vùng rừng núi Đại Từ sục sôi khí thế cách mạng.

Ngày 24 tháng 3 (1945), lực lượng tự vệ có Cứu quốc quân hỗ trợ, tiến hành tước vũ khí của đồng ở các xã phía bắc như Yên Lãng, Phú Xuyên, Na Mao... Trên đà thắng lợi, ngày 25 tháng 3, hội nghị lãnh đạo Phân Khu B được triệu tập. Phân tích kỹ tình hình chung và tình hình địa phương, hội nghị quyết định phát động quần chúng vùng dậy khởi nghĩa, lật đổ chính quyền tay sai của địch trong phạm vi toàn huyện trước khi quân Nhật kéo lên.

Nghị quyết trên được khẩn trương triển khai. Chiều 25 tháng 3 (1945), một cuộc mít tinh lớn được tổ chức tại phố Văn Lãng. Sau cuộc mít tinh này, nhiều cán bộ được phân công về các cơ sở xung quanh thị trấn Hùng sơn xây dựng lực lượng, phát động quần chúng sẵn sàng nổi dậy hưởng ứng khi cuộc khởi nghĩa bùng nổ.

Sau khi xúc tiến chuẩn bị, ngày 29 tháng 3 (1945), quân và dân ta tiến lên xóa bỏ chính quyền địch ở huyện ly. Đe áp đảo địch, lực lượng được huy động rất đông đảo. Dẫn đầu hàng trăm quần chúng sôi sục khí thế cách mạng

là một đại đội Cứu quốc quân và ba đại đội tự vệ chiến đấu được trang bị mạnh.

So với các châu, huyện khác, Đại Từ là nơi diễn ra cảnh hoảng loạn của đám quân Pháp chạy Nhật. Bọn tay sai địch vốn rất hoang mang trước phong trào cách mạng ngày càng phát triển mạnh, lại bị tác động bởi việc quan thầy chúng cắn xé lẫn nhau nên về thực chất cả bộ máy bạo lực của địch đã rệu rã, tê liệt. Trong tình hình ấy, bị quân ta tiến công, bộ máy thống trị của địch lập tức sụp đổ. Quan và lính địch vứt bỏ súng đạn chạy tháo thân. Cuộc khởi nghĩa trên mảnh đất cơ sở cách mạng đầu tiên của tỉnh đã thắng lợi trọn vẹn.

Ngày 31 tháng 3 (1945), sau cuộc mít tinh lớn ở thị trấn Hùng Sơn tuyên bố xóa bỏ bộ máy thực dân, phong kiến, quân cách mạng đã phá các kho của địch lấy thóc cứu đói cho nhân dân.

Như vậy, riêng trong hai mươi ngày cuối tháng ba, nhân dân ta đã vùng dậy, đập tan bộ máy thống trị thực dân, phong kiến, giành thắng lợi trọn vẹn cho cách mạng trong phạm vi bảy châu, huyện.

Ở các nơi khác, do tình hình khách quan có nhiều khó khăn, nên việc khởi nghĩa giành chính quyền trong các huyện lỵ, thị trấn, thị xã chưa thể đặt ra. Thế nhưng tại các vùng nông thôn, nhất là những nơi có cơ sở rộng, phong trào mạnh, nhân dân đã vùng dậy xóa bỏ bộ máy tay sai của địch, thành lập chính quyền cách mạng.

Trong phạm vi ATK, nhờ có sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, nên chỉ một ngày sau cuộc hội nghị của Ban thường vụ Trung ương (mở rộng) bế mạc, các cơ sở ở đây đã được đồng chí bí thư Ban cán sự ATK truyền đạt chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

Ngày 13 tháng 3 (1945), ngay sau khi được truyền đạt chỉ thị trên, chi bộ Đảng Kha Sơn Hạ (Phú Bình) họp hội nghị bất thường. Trên cơ sở quán triệt chỉ thị của Trung ương Đảng trong tình hình mới, hội nghị quyết định tập trung sức phát động quần chúng vùng dậy xóa bỏ bộ máy tay sai của địch, lập chính quyền cách mạng. Để thực hiện nhiệm vụ trung tâm này, hội nghị đề ra

nhieu biện pháp cụ thể như tiến hành củng cố và trang bị gấp cho lực lượng tự vệ chiến đấu; mở cấp tốc lớp huấn luyện về tình hình và nhiệm vụ mới cho một số cán bộ nòng cốt các cơ sở; kiện toàn Ban Việt Minh và tạo mọi điều kiện đưa nhanh các nơi cơ sở còn hẹp, phong trào chưa mạnh theo kịp tình hình chung. Cũng trong ngày 13 tháng 3 (1945), chỉ thị của Ban thường vụ Trung ương Đảng được truyền đạt cho các cơ sở ở Kha Sơn Thượng và Mai Sơn.

Tối 13 tháng 3 (1945), hội nghị chi bộ Kha Sơn Hạ lại được triệu tập để quyết định các công việc cụ thể nhằm phát động quần chúng vùng dậy khởi nghĩa.

Theo quyết nghị của chi bộ Kha Sơn Hạ, ngày 14 tháng 3 (1945), tự vệ trừng trị bọn phản động, hậu thuẫn cho nhân dân vùng dậy khởi nghĩa. Bộ máy tay sai địch ở các xã Kha Sơn Hạ, Kha Sơn Thượng và Mai Sơn bị đập tan. Trong thắng lợi, nhân dân các xã hơp mít tinh mừng chính quyền cách mạng ra mắt. Nhiều đảng viên được quần chúng tín nhiệm đã đứng ra gánh vác công việc đầy khó khăn trong Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời.

Hoảng sợ trước sự nổi dậy mạnh mẽ của nhân dân ta, đêm 14 tháng 3 (1945), binh lính định kéo về khủng bố, nhưng ở Kha Sơn Hạ chúng bị tự vệ đánh trả quyết liệt, buộc phải tháo chạy.

Phản khởi trước thắng lợi trên, hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của nhân dân các xã Kha Sơn, Mai Sơn, trong nửa cuối tháng 3 năm 1945, các xã Dương Thành, Lương Phú, Thắng Lợi, Bảo Lý... lần lượt nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền.

Tại Phổ Yên, tình hình có nhiều khó khăn hơn. Tuy vậy, sau sự kiện mùng 9 tháng 3 (1945) nhất là từ khi có chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng soi dọi, phong trào cách mạng Phổ Yên vẫn phát triển có ý nghĩa đột biến. Cả một vùng từ Tiên Thù sang Tân Phú. Tân Tiến, Tân Hương; Từ Phù Lôi đến Trung Thành, Thuận Thành; từ Phố Cò tới Hồng Tiến, Đồng Tiến... cơ sở cách mạng và phong trào cách mạng phát triển sôi nổi, rộng khắp. Ban Việt Minh các xã được thành lập và thu hút vào Mặt trận tuyệt đại

bộ phận quần chúng lao động. Tự vệ các xã được thành lập và trở thành nòng cốt của phong trào quần chúng. Cùng với các huyện Phú Bình, Hiệp Hòa (Bắc Giang), tự vệ và quần chúng cách mạng Phổ Yên đã nhiều lần phá các kho của địch lấy thóc cứu đói. Ngoài ra bằng nhiều hình thức đấu tranh sáng tạo và táo bạo, quần chúng cách mạng Phổ Yên còn làm thất bại nhiều âm mưu chính trị và hành động quân sự của địch. Với những thắng lợi to lớn đã đạt được, trong thực tế từ nửa cuối tháng 3 (1945), cách mạng đã thực sự làm chủ cả vùng nông thôn huyện Phổ Yên.

Các huyện Bạch Thông, Phú Lương, Đông Hỷ, diễn biến tình hình có những nét tương đồng với Phú Bình và Phổ Yên. Ở Bạch Thông, được sự giúp đỡ của Cứu quốc quân và các cán bộ đặc phái của Việt Nam truyền truyền giải phóng quân, kể từ trung tuần tháng 3 (1945), bộ mặt huyện miền núi này thay đổi rõ rệt. Do đã có cơ sở cũ nên các xã phía bắc như Vi Hương, Quân Bình, Lục Bình, Hà Vị nhanh chóng chớp lấy thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền. Ở đây, trong tháng 3 (1945) trật tự cách mạng đã được thiết lập. Đồng thời với phong trào các xã nói trên, kể từ sau cuộc tập kích thắng lợi của một phân đội Cứu quốc quân vào đồn bang tá thị trấn Chợ Mới (18-3-1945), phong trào cách mạng của hơn mười xã phía nam phát triển mạnh mẽ. Tại hai huyện Phú Lương và Đông Hỷ, tuy trong tháng 3 (1945) chưa có điều kiện khởi nghĩa giành chính quyền, nhưng cũng như nhiều nơi khác, điểm nổi bật của phong trào kể từ sau ngày 9 tháng 3 (1945) là quần chúng đòi hỏi được tăng cường lãnh đạo để vùng dậy đập tan ách nô lệ, giành độc lập tự do. Vì vậy, ở nơi nào có cán bộ của Đảng về trực tiếp chỉ đạo thì ở đấy phong trào quần chúng lập tức dấy lên sôi nổi, rộng khắp. Vùng phía nam Phú Lương, nhờ có các cán bộ của Đảng vượt ngục từ thị xã Thái Nguyên (10-3-1945) và một số cán bộ thuộc lực lượng Cứu quốc quân về hoạt động, phong trào phát triển nhanh khắp các xã Phấn Mễ, Vô Tranh, Tứ Tranh, Phú Đô, Sơn Cẩm... Cũng trong thời gian này, được các cán bộ của Xứ ủy Bắc Kỳ về chỉ đạo phong trào cách mạng của nhân dân Đông Hỷ vượt ra khỏi các cơ sở cũ ở Khe Mo, Cây Thi, Đoàn Kết... Phát triển rộng ở hầu khắp các xã Tân

Quang, Tích Lương, Bình Định, Tân cương, Phúc Trìu, Thịnh Đán....Nét đặc trưng của phong trào rầm rộ tại các xã này là sự hăng say của quần chúng trong huấn luyện quân sự và tham gia tự vệ. Cho nên ở đây, mặc dù chính quyền mới chưa ra đời, nhưng về cơ bản trật tự cách mạng đã được thiết lập.

Sau những thắng lợi to lớn trong sự nghiệp khởi nghĩa giành chính quyền, cũng như phát triển cơ sở cách mạng và phong trào cách mạng ở tất cả các châu, huyện, phần lớn nhân dân tỉnh ta đã được giải phóng.

Vừa thoát khỏi ách thống trị tàn bạo của bè lũ thực dân, phong kiến, đời sống mọi mặt của đồng bào còn rất nhiều khó khăn, tuy vậy bao trùm lên tất cả là niềm vui lớn thoát khỏi xích xiềng nô lệ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, tinh thần phấn khởi ấy chuyển hóa thành sức mạnh đời non lập biển trong cao trào chống phát xít, tiếp tục khởi nghĩa giành chính quyền, bảo vệ căn cứ địa, tiến lên giành toàn thắng vào Tháng Tám năm 1945.

Sau khi xâm chiếm tỉnh ta (10-3-1945 chiếm thị xã Thái Nguyên; 17-13-1945 chiếm thị xã Bắc Kạn), phát xít Nhật ráo riết hoạt động hòng mở rộng phạm vi chiếm đóng và áp đặt ách nô lệ lên đầu, lên cổ nhân dân ta.

Ở Thái Nguyên, ngay sau khi chiếm thị xã, phát xít Nhật vội vàng đưa quân đi chiếm đóng nhiều nơi ở Phú Lương, Phổ Yên, Phú Bình, đồng thời ra sức củng cố bộ máy tay sai. Về hình thức, tuy Nhật đã hắt cẳng Pháp nhưng trong thực tế chúng vẫn sử dụng bộ máy tay sai của Pháp. Tên tuần phủ trở thành tỉnh trưởng, tên tri huyện Đồng Hỷ trở thành huyện trưởng trong guồng máy tay sai của Nhật ở tỉnh Thái Nguyên và huyện Đồng Hỷ. Bọn phản động khác như Đại Việt, Quốc dân đảng, tuy chưa được trọng dụng vào các chức vụ trong bộ máy chính quyền tay sai, nhưng cũng được ưu đãi, được dung túng và khuyến khích gây tội ác. Rất nhiều tên trong các tổ chức phản động này được Nhật thu nạp vào mạng lưới mật thám, giúp chúng thu thập tình hình. Binh lính người Việt được Nhật sử dụng. Rất nhiều tên du thủ, du thực được chúng tuyển mộ để hình thành một đội quân nguy gọi là “bảo an”.

Được quan thầy mới khích lệ, bọn tay sai các loại trở tài khuyến mãi, tiếp tay cho quân Phát xít chống lại nhân dân và cách mạng. Chúng triệu tập nhân

dân trong các vùng tạm bị chiếm và hung hăng khua môi múa mép về thuyết “đồng văn”, “đồng chủng”, “khối thịnh vượng chung”...

Quân phát xít tàn bạo và phản động ôm áp nhiều tham vọng, cấu kết với nhau, gieo tang tóc, thương đau cho nhân dân ta. Đồng bào các vùng tạm bị chiếm nghẹt thở trong không khí bắt bớ, cướp của, giết người.

Tiếp theo những tội ác nói trên, bè lũ phát xít xua quân mở rộng phạm vi chiếm đóng. Ngày 5 tháng 4 năm 1945, bọn chúng kéo lên chiếm thị trấn Hùng Sơn (Đại Từ). Ngày 9 tháng 5 (1945) một cánh quân khác hành quân cướp phá dọc quốc lộ IB và chiếm đóng La Hiên (Võ Nai). Ngày 25 tháng 5 (1945), quân địch từ Phú Lương đánh lên Định Hóa, sau đó đóng lại trong thị trấn Chợ Chu. Như vậy, đến cuối tháng 5 (1945), phát xít Nhật đã chiếm đóng hầu hết các huyện lỵ, thị trấn trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên.

Tại Bắc Kạn, sau khi chiếm đóng tỉnh lỵ, để lừa mỵ nhân dân đang sôi sục khí thế cách mạng, bọn phát xít thực hiện chính sách hai mặt, đồng thời với việc ráo riết tuyên một tay sai, chúng cho mở cửa nhà tù, thả những người bị Pháp giam giữ.

Lợi dụng thời cơ bọn Nhật đang cần lập bộ máy nguy quân, nguy quyền, bọn phản động ở thị xã vội vàng nhảy ra ôm chân giặc. Được quan thầy mới trọng dụng bọn này ráo riết hoạt động phản dân hại nước. Dưới sự chỉ huy của quan thầy, chúng thành lập cái gọi là “tỉnh bộ Đại Việt” của “đảng Đại Việt quốc gia liên minh”. Thông qua tổ chức phản động của bọn tay sai, quân Nhật ra sức tuyên truyền cho học thuyết “đại đồng Á”. Cố gắng lừa bịp dư luận, hợp pháp hóa hành động xâm lược và ách nô dịch của chúng. Tuy vậy, mọi sự bịp bợm đã không che giấu nổi hành động tàn bạo và điên cuồng. Bên cạnh việc sử dụng bè lũ tay sai khuấy đảo tỉnh lỵ, quân Nhật ráo riết hoạt động hòng làm sống lại bộ máy chính quyền tay sai thời thuộc Pháp, tăng cường vết cướp bóc theo phương châm lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, đồng thời tìm cách xóa bỏ thành quả cách mạng và dập tắt phong trào sôi nổi chống phát xít của nhân dân ta.

Để củng cố chỗ đứng chân tại tỉnh lỵ, trong tháng 3 năm 1945, đồng thời với việc xây dựng cộng sự, hằm hào, quân phát xít xúc tiến thành lập bộ máy nguy quyền cấp tỉnh. Ở đây, trong tình hình rất thiếu tay sai nên những tên quan lại cũ từ thời Pháp còn sót lại đều trở thành những con môi đầy hấp dẫn. Tên bổ chánh thời Pháp lại được Nhật đưa ra, đặt vào ghế tỉnh trưởng. Ngoài ra, những tên lưu manh các loại, kể cả bọn Đại Việt vừa ngoi lên khi Nhật đến, đều được sắp đặt vào các chức vụ trong bộ máy hàng tỉnh.

Về mặt quân sự, thực hiện chính sách muôn thuở của bọn xâm lược là dùng người bản xứ đánh người bản xứ, phát xít Nhật vừa bắt lính, vừa thu nhặt đám tàn binh người Việt trong quân đội Pháp, để lập ra một đội quân nguy gọi là “bảo an”. Có thêm quân nguy làm bia đỡ đạn, quân Nhật mở rộng phạm vi chiếm đóng. Trong thời gian từ hạ tuần tháng ba đến đầu tháng tư năm 1945, chúng đưa quân đi chiếm một số châu lỵ, thị trấn và vị trí trọng yếu về quân sự và chính trị như Chợ Mới, Nà Cù, lục Bình, Phủ Thông, Ngân Sơn...

Với hệ thống đồn bốt, cứ điểm trải ra rộng khắp ở Thái Nguyên và suốt trục đường số ba thuộc Bắc Kạn, phát xít Nhật âm mưu tiếp tục thiết lập bộ máy tay sai, vơ vét sức người, sức của phục vụ chiến tranh và chống phá phong trào cách mạng của nhân dân ta. Tuy vậy, tình hình đã không diễn biến theo tham vọng ngông cuồng của bè lũ phát xít. Với ưu thế về quân số và vũ khí, bọn chúng chiếm được một số vị trí trọng yếu, trong đó có các châu lỵ thuộc vùng giải phóng như Võ Nhai, Định Hóa, Đại Từ, Ngân Sơn và Chợ rã, nhưng cả những nơi lực lượng quân sự của địch được tập trung cao, chúng cũng không thể đảo ngược được tình thế. Trong tình hình mới, phong trào cách mạng của nhân dân ta vẫn tiếp tục phát triển, các lực lượng võ trang cách mạng trưởng thành nhanh và giáng trả đích đáng mọi âm mưu chính trị cũng như hành động quân sự của địch.

Trong tháng tư và tháng 5 (1945), dưới sự lãnh đạo của Ban cán sự ATK, Tỉnh ủy lâm thời Bắc Kạn, các Ban lãnh đạo phân khu A và B thuộc

chiến khu Hoàng Hoa Thám, nhân dân ta từ Phú Bình, Phổ Yên đến Ngân Sơn, Chợ Rã đã nhất tề đứng lên kháng chiến.

Ngày 9 tháng 4 (1945), quân Nhật, có bọn việt gian dẫn đường, tiến sâu vào vùng giải phóng Cát Nê - Ký Phú (Đại Từ) nhằm thăm dò lực lượng cách mạng. Kiên quyết bảo vệ vùng giải phóng, quân và dân Đại Từ đã diệt gọn cả tập địch. Đây là tiếng súng đầu tiên mở màn cuộc chống Nhật của nhân dân các dân tộc tỉnh ta.

Cay cú trước thất bại đầu tiên này, quân địch mở một cuộc càn lớn vào Cát Nê - Ký Phú. Khoảng một trăm tên, gồm lính Nhật và bảo an, được huy động vào cuộc vây càn này bằng hai mũi tiến quân, từ thị xã qua Bình Sơn (Đồng Hỷ), Phúc Thuận (Phổ Yên), tiến lên Quân Chu thuộc khu vực nam Đại Từ; từ Hùng Sơn theo đường Bình Thuận, Lục Ba xuống, quân địch âm mưu bao vây tiêu diệt lực lượng võ trang của ta, khủng bố nhân dân, trả đũa đòn trừng trị tập Nhật ở Cát Nê - Ký Phú ngày 9 tháng 4 (1945). Quyết tâm phá cuộc vây càn của địch, Cứu quốc quân phối hợp với tự vệ và nhân dân địa phương đã tổ chức các trận phục kích trên dọc đường hành quân của địch. Bị đánh liên tục, bị tổn thất quân Nhật phải bỏ dở cuộc vây càn. Trong cả cuộc chống càn này, quân và dân Đại Từ đã diệt hơn mười tên địch, bảo vệ vùng giải phóng.

Từ phía bắc, ngày 13 tháng 4 (1945), một cánh quân địch từ Hà Hiệu kéo vào chiếm châu lỵ Chợ Rã. Để đối phó với hành động quân sự này của địch, tại châu lỵ cũng như trên dọc đường chúng đi qua, nhân dân ta thực hiện triệt để phương pháp đề kháng bằng “vườn không nhà trống”, làm cho quân phát xít rất hoang mang. Sau ba hôm đóng lại trong châu lỵ hoang vắng, bọn chúng buộc phải rút chạy. Cũng trong ngày 13 tháng 4 (1945), quân địch từ thị xã nông ra vùng giải phóng của ta. Kiên quyết trừng trị bọn phát xít, bảo vệ vùng giải phóng, các lực lượng võ trang cách mạng đã dũng cảm đánh địch tại km 13 trên đường Bắc Kạn - Chợ Đồn, diệt tại chỗ tám tên, buộc bọn sống sót tháo chạy trở lại thị xã.

Trong tháng 4 (1945) thắng lợi quan trọng nhất của quân và dân tỉnh ta là các chiến công của Ngân Sơn phía bắc và Phú Bình phía nam. Tại Ngân Sơn, ngay sau khi tên đội khổ xanh cũ của Pháp, nay ra ôm chân Nhật đem một trung đội bảo an lên chiếm châu lỵ, quân và dân ta đã kịp thời siết chặt vòng vây quanh đồn địch. Bị cô lập, bị bao vây, bị vạch mặt phản dân hại nước, tên tay sai phát xít rất hoang mang. Đầu tháng 4 năm 1945, trước nguy cơ bị tiêu diệt, quân địch phải hạ vũ khí đầu hàng. Ta thu mười chín khẩu súng các loại cùng nhiều đạn dược và quân trang, quân dụng khác. Ở Đào Xá (Phú Bình), ngày 27 tháng 4 (1945), một đơn vị Cứu quốc quân phối hợp với tự vệ, phục kích một toán bảo an thu vũ khí.

Để tăng cường công tác lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong sự nghiệp kháng chiến chống phát xít Nhật, tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Đảng bộ Bắc Kạn đã có những cố gắng to lớn nhằm tiếp tục xây dựng đội ngũ cũng như kiện toàn, củng cố các đoàn thể quần chúng và lực lượng vũ trang. Trong tình hình Liên tỉnh ủy, Liên tỉnh bộ Việt Minh và Ban lãnh đạo Nam tiến sau khi hoàn thành sứ mạng lịch sử đã giải thể, việc kiện toàn bộ máy lãnh đạo của tỉnh được đặt ra như một nhu cầu cấp thiết. Vì thế, tháng 4 năm 1945, Tỉnh ủy lâm thời Bắc Kạn triệu tập một cuộc hội nghị cán bộ ở Thuần Mang (Ngân Sơn). Sau khi phân tích tình hình chung và kiểm điểm tình hình địa phương, hội nghị giành thời gian thảo luận chỉ thị ngày 16 tháng 4 năm 1945 của Tổng bộ Việt Minh về việc thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng và Ủy ban nhân dân cách mạng. Hội nghị cũng bàn kỹ vấn đề củng cố các đoàn thể quần chúng trong Mặt trận Việt Minh; nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang; công tác giáo dục quần chúng về phòng gian, bảo mật; việc trừ gian, diệt phản động... Căn cứ yêu cầu cần kíp của cuộc kháng chiến chống phát xít Nhật, hội nghị quyết định phát động một phong trào sâu rộng trong toàn tỉnh thực hiện “Vườn không nhà trống”, ra sức bao vây kinh tế, không cho kẻ địch vơ vét sức người, sức của phục vụ chiến tranh. Để tăng cường lãnh đạo nhân dân thực hiện những nhiệm vụ to lớn, cấp bách đã đề ra, Ban chấp hành tỉnh đảng bộ lâm thời được kiện toàn. Hội nghị nhất trí bổ

sung một số cán bộ có kinh nghiệm và năng lực lãnh đạo vào Ban tỉnh ủy lâm thời.

Hội nghị Thuận Mang đánh dấu bước phát triển mới của công tác xây dựng Đảng nói riêng và phong trào cách mạng các châu, huyện phía bắc nói chung. Vì thế hội nghị Thuận Mang đã đi vào lịch sử Đảng bộ thời kỳ vận động cách mạng Tháng Tám như một trong những sự kiện nổi bật nhất.

Giữa lúc các cấp ủy Đảng, chính quyền và đồng bào các dân tộc trên vùng núi phía bắc đang triển khai nghị quyết hội nghị Thuận Mang thì ở phía nam, thực hiện nghị quyết hội nghị quân sự cách mạng Bắc kỳ (họp từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 4 năm 1945 tại Hiệp Hòa, Bắc Giang), ngày 15 tháng 5 (1945), hội nghị thống nhất các lực lượng vũ trang được tổ chức tại Định Biên Thượng (Định Hóa). Hai đội quân đầu tiên là Cứu quốc quân và Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thống nhất lại, đặt tên là Việt Nam giải phóng quân. Sự kiện quan trọng này đánh dấu bước phát triển mới của phong trào cách mạng cả nước. Riêng tỉnh ta, vinh dự là một trong những địa bàn hoạt động chính của Việt Nam giải phóng quân, tương quan lực lượng tại chỗ giữa cách mạng và phản cách mạng có những thay đổi có lợi cho nhân dân ta, không có lợi cho bè lũ phát xít.

Cuộc kháng chiến chống phát xít Nhật phát triển thuận lợi đã đem thêm cho nhân dân ta niềm phấn khởi mới. Không khí sôi động cách mạng như những ngọn trào, ngày càng lan rộng và dâng cao. Giữa niềm vui chiến đấu và chiến thắng ấy, ngày 18 tháng 5 năm 1945, Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta vinh dự, tự hào được đón và bảo vệ đồng chí Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam, trên đường từ Cao Bằng đi Tuyên Quang ghé qua địa phương. Tại các nơi dừng chân ở Ngân Sơn, Chợ Rã và Chợ Đồn, Người đã có những chỉ thị quý báu đối với đảng bộ về nhiều mặt công tác cấp bách trước mắt như: vấn đề xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng; yêu cầu tăng cường lực lượng vũ trang; nhiệm vụ đảm bảo giao thông, liên lạc...Đối với đồng bào các dân tộc, Người ân cần nhắc nhở về tăng cường đoàn kết; nỗ

lực tăng gia sản xuất, học văn hóa, tích cực sinh hoạt đoàn thể để nắm được chủ trương, chính sách, trên cơ sở đó làm tốt hơn nữa các công tác cách mạng.

Vì yêu cầu giữ gìn bí mật, cán bộ và nhân dân trên dọc đường đồng chí Hồ Chí Minh đi qua chưa thấy hết vinh dự, tự hào được thay mặt đồng bào cả nước đón tiễn và bảo vệ lãnh tụ, nhưng những điều chỉ dạy của người cách mạng lão thành có ý nghĩa như là sự tiếp sức trên chặng đường càng gần thắng lợi càng lắm chông gai.

Để quán triệt chỉ thị của lãnh tụ, trong tháng 5 năm 1945 Ban chấp hành tỉnh đảng bộ lâm thời Bắc Kạn họp mở rộng tại Cò Luông xã Thượng Quan (Ngân Sơn). Trong hội nghị này, sau khi thảo luận những điều căn dặn của đồng chí Hồ Chí Minh, kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết hội nghị Thuận Mang. Ban chấp hành tỉnh đảng bộ lâm thời nhất trí quyết nghị:

- a- Tiếp tục thực hiện tốt nghị quyết hội nghị Thuận Mang
- b. Củng cố đơn vị võ trang đã thành lập, xúc tiến xây dựng thêm một đơn vị mới.
- c. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống phát xít Nhật - Đưa lực lượng võ trang áp sát các vị trí địch, nhất là thị xã và một số thị trấn quan trọng. Lấy phục kích làm phương pháp tác chiến chủ yếu, đồng thời chủ động tập kích các vị trí nhỏ lẻ, chưa có công sự kiên cố. Tăng cường công tác thông tin, liên lạc, sẵn sàng đưa các lực lượng võ trang chiếm ngay các thị trấn, huyện lỵ khi có điều kiện.
- d. Hết sức đề phòng phản động Pháp quay trở lại. chú ý theo dõi lũ tay sai của Pháp.

Dưới ánh sáng các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, nhân dân ta đã không ngừng đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống phát xít Nhật, liên tiếp làm thất bại nhiều âm mưu mới về chính trị và quân sự của địch. Tại Thái Nguyên với ưu thế rõ rệt về quân số và vũ khí, phát xít Nhật chiếm được các châu lỵ nằm sâu trong vùng giải phóng như Định Hóa và Võ Nhai, nhưng ở cả hai nơi này ý đồ thiết lập bộ máy tay sai, làm sống lại chế độ thuộc địa, đã thất bại thảm hại, quân địch không xóa nổi thành quả cách mạng to lớn của nhân dân ta, ngược

lại liên tiếp bị giáng trả đích đáng, Cái gọi là chính quyền cấp châu, huyện do bọn phát xít nặn ra chỉ tồn tại trong phạm vi châu lỵ, thị trấn đã bị nhân dân ta làm vườn không nhà trống. Ở Bắc Kạn, bè lũ phát xít càng khôn quẩn hơn. Hai tháng sau ngày chiếm đóng thị xã chúng mới tìm kiếm được một số tay sai đưa về các châu lỵ, thị trấn hòng khôi phục bộ máy tay sai các cấp từ thời Pháp. Theo lệnh của quan thầy, một tên quân cơ từng nợ máu với nhân dân, tấp tễnh về Na Rì định thay chân tên tri châu đã bỏ chạy, nhưng tên này chưa kịp mừng vì được tiến cử, đã hoảng hốt trước khí thế sôi cách mạng của nhân dân ta. Vừa đến Na Rì, y đã vội vàng quỳ gối đầu hàng chính quyền cách mạng. hai tên việt gian khác được Nhật cho về Chợ Đồn lập chính quyền tay sai, nhưng vừa đến nơi chúng liền bị nhân dân bắt giữ giao cho châu bộ Việt Minh xử trí. Cũng như ở Na rì, âm mưu của Nhật thành lập chính quyền phản động tại Chợ Đồn chưa kịp thực hiện đã bị phá vỡ.

Liên tiếp bị thất bại cả về quân sự và về chính trị, phát xít Nhật như bầy thú dữ trong bước đường cùng, đã điên cuồng phản ứng. Trung tuần tháng 5 năm 1945, bè lũ phát xít mở cuộc vây càn lớn vào vùng giải phóng và các căn cứ cách mạng thuộc khu vực giáp giới các tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang. Trong đó căn cứ núi Hồng ở phía nam và vùng hồ Ba Bể ở phía bắc là những mục tiêu chính của cuộc vây càn này. Để bao vây căn cứ núi Hồng trên nhiều hướng, quân địch từ các đồn trại ở Chợ mới (Bạch Thông), Đu (Phú Lương), Hùng Sơn (Đại Từ), và thị xã Thái Nguyên được lệnh phối hợp hành động, mở các cuộc vây càn qua các vùng giải phóng để tiến về hợp điểm. Đi tới đâu, quân phát xít cũng cướp của, giết người gây nên nhiều đau thương, tang tóc cho nhân dân ta. Kiên quyết chặn bàn tay tội ác của kẻ địch, thực hiện chỉ thị của Ủy ban quân sự cách mạng Bắc kỳ đánh địch cả bằng quân sự và chính trị, quân và dân ta đã dũng cảm chiến đấu, tích cực góp phần bảo vệ vùng giải phóng, bảo vệ tính mạng và tài sản của đồng bào, bảo vệ các cơ quan lãnh đạo của Đảng và quân đội. Trong khi toàn dân tiến hành đề kháng bằng vườn không nhà trống, không để lương thực, thực phẩm lọt vào tay địch, thì quân giải phóng và tự vệ đã bố trí nhiều trận địa phục kích trên các hướng

tiền quân của địch. Trong khu vực huyện Đại Từ, quân và dân ta đánh địch quyết liệt ở Vai Cày, Đình Đôi, Na Mao, giết và làm bị thương gần mười tên, bẻ gãy gọng kìm tiến công núi Hồng từ phía nam của chúng. Thuộc địa phận huyện Định Hóa, các chiến sĩ ta đánh chặn địch ở Khuân Cẩm, Định Mán, Phố Ngũ, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch. Bị đánh trả quyết liệt, rộng khắp, bằng quân sự và bằng chính trị, cuộc tấn công quy mô lớn với hơn hai nghìn quân của phát xít Nhật không những không đạt được mục tiêu đề ra, ngược lại phải chịu những tổn thất đáng kể. Tại Bắc Kạn, để tiến công vùng giải phóng phía tây, tây bắc của tỉnh, vây càn vùng hồ Ba Bể huyện Chợ Rã, quân địch huy động gần một nghìn tên, gồm Nhật và bảo an, mở bốn mũi tiến công chính; từ Phủ Thông vào, từ Chợ Đồn lên, từ Ngân Sơn sang và từ Cao Bằng xuống. Ý thế quân đông, vũ khí tối tân, bè lũ phát xít tiến quân rất rầm rộ, nhanh chóng khép chặt vòng vây quanh hợp điểm. Nắm được ý đồ đen tối của địch, các lực lượng vũ trang của ta không đón chúng bằng trận địa chiến mà dựa vào tinh thần cách mạng của đồng bào các dân tộc, thực hiện triệt để khẩu hiệu “vườn không, nhà trống”, kết hợp với các cuộc phục vụ kích nhỏ, lẻ, cơ động, linh hoạt. Riêng tại phạm vi hợp điểm của các cánh quân địch, tự vệ các xã Nam Mẫu và Khang Ninh (Chợ Rã) đã dũng cảm phục kích, làm bị thương ba tên. Bị tiêu hao, bị mệt mỏi và hoang mang sau một cuộc vây càn qua các vùng núi non hiểm trở, không tìm thấy đối phương, nhưng đâu đâu cũng đề kháng bằng “vườn không, nhà trống”, quân địch buộc phải sớm kết thúc cuộc vây càn. Sau ba ngày chiếm đóng một thị trấn nhỏ, hoang vắng, gần một nghìn quân địch rút lui không kèn, không trống khỏi Chợ Rã, kết thúc nhục nhã một hành động quân sự điên cuồng.

Trong khi quân Nhật tập trung binh lực lớn, tiến hành chiến dịch nói trên, quân và dân ta ở các địa phương khác đã chủ động tiến công địch, nhằm chia lửa với đồng bào, đồng chí tại các vùng bị địch vây càn. Ở Võ Nhai, quân và dân ta chặn đánh quyết liệt cánh quân địch kéo vào Lịch Sơn, Sa Lung, diệt và làm bị thương nhiều tên, buộc chúng phải rút chạy về La Hiên. Trên trục đường số ba, quân và dân Bạch Thông phục kích địch ở Cao Kỳ, Nà

Hoan, tập kích các vị trí Chợ Mới và Phú Thông...diệt nhiều tên, thu vũ khí gây hoang mang cho quân chiếm đóng.

Những thành tích của quân và dân ta đạt được qua các trận phục kích, tập kích, chống càn trong tháng tư và tháng 5 năm 1945 chưa phải là lớn, nhưng những trận đánh chủ động và táo bạo này đánh dấu bước trưởng thành của các lực lượng võ trang nói riêng vào phong trào cách mạng nói chung, nó báo hiệu thời kỳ bè lũ phát xít làm mưa làm gió mà không bị trừng trị đã chấm dứt; một thời kỳ mới, trong đó những người vừa được giải phóng rất giác ngộ về địa vị chính trị của mình, cầm chắc vũ khí trong tay, kiên quyết bảo vệ quê hương đã bắt đầu. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, quân và dân ta một mặt ra sức đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống phát xít, mặt khác rất tinh táo, theo dõi chặt chẽ tình hình thế giới, xúc tiến chuẩn bị lực lượng đón thời cơ.

Mùa hè năm 1945, cục diện cuộc đại chiến thế giới lần thứ hai soay chuyển, có lợi cho các lực lượng dân chủ và tiến bộ. Ngày 1 tháng 5 (1945), lá cờ chiến thắng của Hồng quân Liên Xô tung bay trên nóc nhà quốc hội nước Đức quốc xã. Tên phát xít đầu sỏ đã quỳ gối trước sức mạnh vĩ đại của nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Ngày 7 tháng 5 năm 1945 các nước phát xít Đức và Ý chính thức đầu hàng Đồng Minh.

Thực hiện cam kết Y an ta, ba tháng sau ngày chiến thắng nước Đức phát xít, Liên Xô cùng các nước Đồng minh khác mở cuộc tiến công tiêu diệt tên phát xít cuối cùng trong phe Trục. Ngày 8 tháng 8 năm 1945, chính phủ Liên Xô tuyên bố xóa bỏ hiệp ước không xâm phạm Nga - Nhật và tuyên chiến với nước Nhật phát xít. Bằng lực lượng hùng hậu trưởng thành vượt bậc trong chiến tranh giữ nước vĩ đại. Hồng quân Liên Xô nhanh chóng đập tan đạo quân quan Đông - lực lượng chính, tinh nhuệ nhất, gồm hơn một triệu người - của phát xít Nhật tại đông bắc Trung Quốc. Chiến thắng này có ý nghĩa như là bản khai tử cho toàn bộ phe trục. Vấn đề đầu hàng của Nhật Hoàng chỉ còn là vấn đề thời gian.

Trong điều kiện tình hình thế giới phát triển thuận lợi nói trên, Đảng ta xúc tiến công tác chuẩn bị phát động nhân dân cả nước vùng lên giành chính quyền cách mạng. Đầu tháng 5 năm 1945, đồng chí Hồ Chí Minh về đến Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang). Tại đây, cùng với Trung ương Đảng, Người trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng cả nước. Để đẩy mạnh hơn nữa cao trào kháng chiến chống phát xít Nhật, chuẩn bị cho công cuộc xây dựng chính quyền sau khi cách mạng thành công, căn cứ tình hình thực tế là vùng giải phóng đã bao gồm hầu hết các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang và một phần các tỉnh Bắc Gian, Phú Thọ, Vĩnh Yên, Yên Bái, có địa thế liền một dải, đồng chí Hồ Chí Minh chỉ thị thành lập một khu căn cứ cách mạng, lấy tên là khu giải phóng.

Thực hiện chỉ thị của đồng chí Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 6 năm 1945, hội nghị cán bộ Việt Minh ra nghị quyết thành lập Khu giải phóng và cử ra Ủy ban chỉ huy lâm thời làm nhiệm vụ “lãnh đạo toàn khu về các phương diện chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội”⁽¹⁾. Giúp việc Ủy ban chỉ huy lâm thời Khu giải phóng gồm các cơ quan: bộ chính trị, bộ tham mưu, bộ kinh tế và tài chính, bộ văn hóa và xã hội. Chính sách chung của Khu giải phóng gồm ba điểm chính:

1. Tổng động viên nhân dân trong khu để kháng Nhật.
2. Căn cứ vào điều kiện cụ thể và nhu cầu của cuộc kháng chiến mà thực hiện chương trình Việt Minh. Kiến lập nền dân chủ cộng hòa và ban bố các quyền phổ thông đầu phiếu, tự do dân chủ, dân tộc tự quyết, nam nữ bình quyền.
3. Cải thiện sinh hoạt cho nhân dân: bỏ sưu, bỏ thuế thân, vận động sinh sản v.v...⁽²⁾

Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang) được hội nghị cán bộ Việt Minh chọn làm thủ đô Khu giải phóng. Sự kiện chính trị quan trọng này đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng trên đà tiến nhanh tới cao trào. Với sự ra

⁽¹⁾ ; ⁽²⁾ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng, tập III, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1977, tr 545.

đời của Khu giải phóng, hơn một triệu nhân dân các dân tộc ở Cao -Bắc - Lạng – Hà -Tuyên-Thái và các vùng phụ cận được vinh dự thay mặt cho đồng bào cả nước xây dựng hình ảnh đầu tiên của nước Việt Nam mới.

Dưới sự lãnh đạo của Ban chỉ huy lâm thời, Đảng bộ. Mặt trận Việt Minh và chính quyền các cấp ở tỉnh ta đã động viên nhân dân ra sức xây dựng Khu giải phóng. Nhiều công tác lớn được tiến hành như: bầu cử chính quyền cách mạng; phát động phong trào tăng gia sản xuất; bổ túc văn hóa và thanh toán nạn mù chữ... Riêng một số địa phương có cơ sở quần chúng rộng, phong trào mạnh, đã tiến hành chia ruộng công; thực hiện giảm tô, tức, hoãn nợ và bước đầu xây dựng các hợp tác xã mua bán nhằm đưa nhu yếu phẩm như muối, dầu lên vùng cao phục vụ đồng bào miền núi và chuyển một số nguyên liệu công nghiệp như bông, sợi từ vùng cao xuống, chuẩn bị cho việc tiếp quản các nhà máy và kịp thời giải quyết nhu cầu thiết yếu cho nhân dân sau khi cách mạng thành công.

Do nhiều khó khăn cả về chủ quan và khách quan, nên kết quả đạt được trong việc xây dựng và củng cố Khu giải phóng còn nhiều hạn chế. Tuy vậy, những thành tích bước đầu trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa do thực hiện các chính sách của Khu giải phóng, đã có sức cổ vũ lớn đối với quân và dân tỉnh ta trong sự nghiệp kháng chiến chống phát xít Nhật, góp phần cùng cả nước tạo ra tiền đề cho cuộc nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến.

Tại Bắc Kạn, dưới sự lãnh đạo trực tiếp, sát sao của Đảng bộ, trưởng thành trong thực tế của cuộc chiến đấu quyết liệt, kể từ sau ngày Khu giải phóng ra đời, quân và dân ta càng siết chặt hàng ngũ, thường xuyên đề cao cảnh giác, dũng cảm đánh trả mọi hành động điên cuồng của bè lũ phát xít. Đồng thời với việc phong tỏa quân địch cả về chính trị, kinh tế và quân sự; quân và dân ta ngày càng chủ động đánh địch bằng phục kích, tập kích, tiêu hao và gây hoang mang lớn cho bè lũ phát xít, nhất là đối với bọn nguy quân, nguy quyền.

Ngày 21 tháng 6 năm 1945, phát xít Nhật liền lĩnh cho quân càn quét vào Chợ Rã lần thứ tư. Sau các cuộc vây càn, cướp phá dọc đường hành quân, bọn Nhật lập các cứ điểm mới ở châu lỵ và xã Hà Hiệu. Tuy chưa đủ điều kiện đánh tiêu diệt các cứ điểm trên, nhưng Quân giải phóng và tự vệ các xã đã kịp thời triển khai việc quấy rối và phá hoại giao thông, gây khó khăn cho sự liên lạc và tiếp tế của địch.

Phối hợp chiến đấu với quân và dân Chợ Rã, Quân giải phóng và tự vệ Bạch Thông tổ chức nhiều cuộc tập kích vào các vị trí địch tại Lanh Chang xã Lục Bình và thị trấn Phủ Thông (Bạch Thông). Kết quả các trận tập kích dũng cảm này, quân ta đã diệt tại chỗ gần mười tên địch, thu một số vũ khí. Tiếp đó, ngày 2 tháng 7, quân và dân Bạch Thông lại lập thêm một chiến công vang dội khác tại xã Dương Phong. Sáng ngày 2 tháng 7 năm 1945, bộ chỉ huy Nhật ở thị xã cho một lực lượng mạnh (khoảng 100 tên), mở một cuộc càn lớn vào Chợ Đồn, âm mưu tiêu diệt chính quyền cách mạng và thiết lập bộ máy tay sai. Tuy có bọn phản động người địa phương dẫn đường, nhưng quân địch tiến rất chậm vì con đường Bắc Kạn - Chợ Đồn đã bị quân và dân ta phá hoại. Phải vừa hành quân và mở đường, lại thường xuyên lo bị tiến công nên binh lính địch mệt mỏi, căng thẳng. Sau khi mất nhiều thời gian, bọn chúng đến được bản Pè (xã Dương Phong), nhưng cũng tại đây chúng đã rơi vào trận địa phục kích của một trung đội Quân giải phóng. Cuộc chiến đấu diễn ra rất quyết liệt. Ý thế quân đông, trang bị mạnh, bọn địch liều mạng xông lên. Tương quan lực lượng tuy rất chênh lệch, nhưng với tinh thần dũng cảm và dựa vào ưu thế về địa thế, các chiến sĩ Quân giải phóng đã bẻ gãy nhiều đợt xung phong của địch. Từ bên đường, quân ta nổ súng quyết liệt vào giữa đội hình giặc. Bị thiệt hại, quân Nhật phải bỏ dở cuộc hành quân, tháo chạy trở lại thị xã. Chiến thắng Dương Phong của quân và dân ta gây hoang mang lớn trong hàng ngũ giặc. Kể từ thất bại này, bọn phát xít buộc phải từ bỏ tham vọng lấn chiếm vùng giải phóng phía đông của tỉnh.

Những thắng lợi đã giành được trong các cuộc phục kích, tập kích ngày càng làm sáng tỏ khả năng thực tế là bằng lực lượng non trẻ của địa phương,

với lối đánh linh hoạt, sáng tạo, táo bạo, có thể buộc đối phương lăm quân, nhiều súng đạn, phải gánh lấy những thất bại nhục nhã.

Phân khởi trước những thành tích đã giành được, quân và dân Bắc Kạn càng đẩy mạnh hoạt động, đưa công cuộc kháng chiến phát triển thành một cao trào rộng lớn và sôi động. Ở bắc Chợ Rã, tuy thời kỳ này không có quân Nhật chiếm đóng, nhưng tự vệ các xã đã đi tìm địch mà đánh. Phối hợp với Quân giải phóng Cao Bằng, trung đội tự vệ người Mèo xã Cao Minh và đại đội tự vệ xã Giáo Hiệu đã tiến đánh địch tại một số nơi thuộc các địa phương khác, trong đó điển hình nhất là trận tiến công quân địch ở đồn Pác mê (Hà Giang).

Trưởng thành trong chiến đấu, quân và dân ta từ chỗ đánh ngăn chặn, quấy rối, tiêu hao đã tiến lên đánh tiêu diệt các đơn vị nhỏ, lẻ của địch. Trong tháng 7 năm 1945, quân và dân Bạch Thông đánh một trận xuất sắc ở Nà Đình xã Quang Thuận, diệt ba tên, làm bị thương và bắt sống bốn tên khác, thu vũ khí.

Trong quá trình đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống phát xít, phá hoại giao thông được coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Do đó, ngay từ tháng 3 năm 1945 dưới sự lãnh đạo của chính quyền các cấp, nhân dân ta đã tiến hành phá hoại hệ thống giao thông, bưu điện của địch. Đặc biệt, từ trung tuần tháng 7 năm 1945, quân và dân ta đã đưa công tác này lên bước phát triển mới. Nếu như trước đây nhiệm vụ phá hoại giao thông mới dừng lại ở mức san đất, chặt cây lấp đường, thì thời kỳ này quân và dân ta đã căn bản cắt đứt các đường giao thông. Riêng quốc lộ số ba, hầu hết các cầu cống như cầu Sáu Hai, Nà Cù, Phủ Thông, chân đèo Giàng đều bị phá. Quân địch gặp khó khăn không thể nào giải quyết được trong việc liên hệ, chi viện cũng như tiếp tế lương thực, thực phẩm, vũ khí cho hệ thống đồn bót, cứ điểm trải ra rộng khắp trên một vùng rừng núi hiểm trở.

Bị bao vây, chia cắt và tiến công mạnh, đều khắp quân Nhật ngày càng lâm vào thế bị động. Do đó kể từ trung tuần tháng 7 năm 1945, địch buộc phải rút dần các vị trí nhỏ, lẻ co về giữ các cứ điểm trọng yếu trong thị xã và một

số thị trấn, châu ly. Quán triệt nghị quyết của Đảng bộ, quân và dân Bắc Kạn xốc tới, truy kích bộn rút chạy. Lực lượng võ trang cách mạng liên tiếp đánh địch ở Phiền Phường, chân Khau Dạ. Đặc biệt khi quân địch rút chạy khỏi Nà Phặc, quân ta đã kịp thời truy kích trên chặng đường dài thuộc địa phận Ngân Sơn, thu toàn bộ vũ khí của chúng. Từ đầu tháng 8 năm 1945 tình hình hoàn toàn thay đổi. Quân địch nằm im trong cứ điểm, không dám hung hăng càn quét, cướp phá như trước nữa, Quân và dân ta tiến lên bao vây chặt các đồn bốt, cứ điểm địch. Những điều kiện cần thiết cho một cuộc nổi dậy, giải phóng quê hương, giành chính quyền về tay nhân dân đã xuất hiện.

Tại Thái Nguyên, tình hình chủ quan và khách quan có phần phức tạp hơn Bắc Kạn. Do những đặc điểm riêng, quá trình phát triển của phong trào cách mạng ở Thái Nguyên dẫn đến sự hình thành ba trung tâm chính: căn cứ Võ Nai phía đông bắc; căn cứ núi Hồng phía tây bắc; khu vực ATK phía nam. Sau ngày Khu giải phóng ra đời, về danh nghĩa, quan hệ lãnh đạo trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên đã quy về một mối. Thế nhưng trong thực tế diễn biến mau lẹ và phức tạp của tình hình chung và tình hình địa phương, chưa cho phép có được sự chân chính cần thiết về mặt tổ chức. Một cấp ủy Đảng - sự biểu hiện của một trí tuệ lớn thống nhất lãnh đạo trong toàn tỉnh, vì vậy vẫn chưa có điều kiện thành lập. Sau tháng 6 năm 1945, căn cứ Võ Nai vẫn do Xứ ủy Bắc kỳ trực tiếp lãnh đạo; khu vực nam Phú Bình, Phổ Yên vẫn do Ban cán sự ATK đặc trách; phần còn lại thuộc sự chỉ đạo của Ban chỉ huy lâm thời Khu giải phóng. Trong đó, khu vực tây và tây nam Đồng Hỷ, bên cạnh sự chỉ đạo chung của Khu giải phóng, Xứ ủy Bắc kỳ vẫn trực tiếp nắm các đầu mối thông qua Ban cán sự Đảng bộ Đồng Hỷ. trong phạm vi một tỉnh, tình hình không tập trung đầu mối lãnh đạo đưa đến những khó khăn trong việc tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng cũng như khi cần thiết phải kịp thời phối hợp và tập trung lực lượng. Tuy vậy, được cổ vũ bởi tinh thần phấn khởi, tự hào về những thành tựu rực rỡ đã giành được. Đảng bộ và nhân dân ta vẫn vượt qua mọi trở ngại chủ quan và khách quan, dũng cảm, kiên cường tiến lên viết tiếp những trang sử mới chói lọi chiến công trong cao trào

kháng chiến chống phát xít Nhật và xúc tiến chuẩn bị tổng khởi nghĩa giành chính quyền cách mạng.

Trở thành trong các cuộc chiến đấu quyết liệt, đặc biệt là cuộc chống càn lớn tháng 5 (1945), quân và dân ta vươn tới chủ động tiến công địch, giành lấy quyền điều khiển chiến trường.

Ngày 3 tháng 6 năm 1945, được sự giúp đỡ của Quân giải phóng, tự vệ Phú Bình, Phổ Yên, và Hiệp Hòa tiến công đơn vị bảo an chiếm đóng đồn điền Chã. Tên chỉ huy đồn ngoan cố chống cự, nhưng những binh sĩ được ta tuyên truyền, giác ngộ, đã hạ vũ khí đầu hàng. Quân ta làm chủ chiến trường, thu bốn mươi súng, giành lại cho nhân dân rất nhiều tài sản bị địch cướp đi trong các cuộc vây càn trước đó. Trong trận này, trừ tên đồn trưởng ngoan cố bị trừng trị, toàn bộ binh lính địch được hưởng lương khoan hồng theo đúng chính sách đầy lòng nhân đạo của Đảng. Hòa cùng tiếng súng đánh địch của quân và dân Phú Bình, Phổ Yên trong những ngày đầu tháng 6 sôi nổi khí thế tiến công này, một trung đội Quân giải phóng phối hợp với tự vệ chiến đấu Phú Lương đã tổ chức thắng lợi một số trận phục kích trên đoạn từ km 31 đến km 34 quốc lộ số ba.

Sau những chiến thắng dồn dập đầu tháng 6, lực lượng tự vệ chiến đấu các địa phương phát triển mạnh Nhiều châu, huyện đã xây dựng được các đại đội tự vệ chiến đấu. Với các chiến thắng và đặc biệt là được nhân dân hết sức giúp đỡ, một số đơn vị tự vệ được trang bị mạnh. Trở thành cả về số lượng và chất lượng, tự vệ các nơi đã phối hợp có hiệu quả với Quân giải phóng, gây sóng gió cho quân chiếm đóng phát xít. Tại Phú Bình, liên tiếp trong hai ngày 24 và 25 tháng 6 năm 1945, quân ta dũng cảm đánh địch, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Ngày 24 tháng 6 (1945) ta phá kho Cầu Mây, lấy khoảng 300 tấn thóc cứu đói cho nhân dân. Sau đó (25-6-1945), các lực lượng vũ trang ta đánh một trận giòn giã khác tại Đức Lân, thu năm sà lan với toàn bộ hàng hóa. Cùng ngày, tự vệ Phú Lương phục kích bắt sống tên chỉ huy đồn bảo an Phấn Mễ. Thê theo nguyện vọng của quần chúng, chính quyền cách mạng đã thành lập toàn án đặc biệt, mở phiên công khai xét xử tên tay sai đắc

lực này của Nhật. Phiên tòa gây tiếng vang lớn. Quần chúng phấn khởi. Bọn tay sai Nhật đã hoang mang càng thêm hoang mang. Trước đó, hoảng sợ trước phong trào cách mạng ngày càng dâng lên mạnh mẽ và trước việc một số tên trong đồng bọn bị trừng trị, tên huyện trưởng bù nhìn của Nhật đã bỏ huyện lỵ chạy xuống Phấn Mễ. Chính quyền tay sai Nhật ở Phú Lương với việc tên huyện trưởng bỏ chạy đã tan rã. Những mưu đồ đen tối của bè lũ phát xít đối với một địa phương có vị trí quan trọng cả về chính trị, quân sự và kinh tế đã thất bại. toàn bộ vùng nông thôn huyện này được giải phóng. Quân địch co lại trong các đồn bốt; Phấn mễ, đồn điền Na, Mỏ Cẩm và Giang tiên. Cũng trong tháng 6 năm 1945, lực lượng tự vệ các huyện Đại Từ, Phổ Yên đã đánh địch nhiều trận. Tự vệ Đại Từ phá kho lương thực của địch ở Tràng Dương xã Vạn thọ lấy thóc chia cho nhân dân. Tự vệ Phổ Yên phục kích một đoàn xe quân sự chở đầy lính Nhật ở Thanh Xuyên, bắt sống hai tên, buộc bọn sống sót quay đầu tháo chạy.

Các trận đánh dồn dập, rộng khắp của quân và dân ta trong tháng sáu năm 1945 đã tạo ra một bước ngoặt mới. Chính quyền tay sai địch tan rã từng mảng. Bọn phát xít hoang mang trước những tổn thất lớn nên từ chỗ rải quân ra nhằm khống chế phong trào cách mạng của nhân dân ta, phải dần dần co cụm lại; từ chỗ hung hăng càn quét, phải nằm im trong công sự. quân và dân ta chuyển từ phục kích là chính sang tập kích và thắt chặt vòng vây quanh cứ điểm địch, kiểm chế chúng trong công sự, tích cực tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch ngay tại các cứ điểm. Tương quan lực lượng thay đổi rõ rệt.

Đầu tháng 7 năm 1945, quân và dân Phú Lương tích cực chuẩn bị mọi mặt nhằm diệt bọn địch chiếm đóng phấn Mễ. Trận đánh dự định vào ngày 13 tháng 7 năm 1945, nhưng do công tác chuẩn bị không đảm bảo bí mật nên trong lúc quân ta đang triển khai lực lượng thì bọn địch hoảng sợ bỏ đồn tháo chạy. quân và dân ta tuy không có điều kiện tiêu diệt sinh lực địch, nhưng đã giành được một thắng lợi quan trọng là giải phóng được một trong những trung tâm sôi sục nhất của phong trào cách mạng ở Phú Lương, đưa lực lượng

chính trị và quân sự của địa phương áp sát hơn nữa từ phía bắc cụm cứ điểm địch ở mỏ Cẩm, đồn điền Na và Giang Tiên.

Trước tác động của việc đồng bọn bỏ chạy khỏi Phấn Mễ, lại bị quân và dân ta trực tiếp uy hiếp, cuối tháng 7 năm 1945, lính bảo an chiếm đóng Giang Tiên cũng bỏ chạy về thị xã. Bọn Nhật trong các cứ điểm ở đồn điền Na và Mỏ Cẩm hoàn toàn bị cô lập. Quân và dân Phú Lương thắt chặt hơn nữa vòng vây quanh cứ điểm địch. Sân đồn, nguồn nước trong cứ điểm cũng bị quân ta khống chế, nên tuy nằm im trong cứ điểm, bọn chúng vẫn bị tiêu hao bởi những tay súng bắn tỉa của tự vệ và Quân giải phóng.

Bè lũ phát xít chiếm đóng các châu Võ Nhai và Định Hóa cũng cùng một số phận như đồng bọn ở các nơi khác. Kể từ sau thất bại trong các trận càn quét, lần chiếm vùng giải phóng trong tháng 5 năm 1945, quân chiếm đóng Võ Nhai rút về La Hiên, biến nơi này thành một vị trí cố thủ. Đến tháng 7 năm 1945, cứ điểm này còn một số lính Nhật đóng ở vòng trong, hai mươi bảo an cùng với tên huyện trưởng bù nhìn đóng ở vòng ngoài. Bị quân và dân ta bao vây chặt, thường xuyên uy hiếp và đẩy mạnh công tác binh vận, nên tuy được trang bị mạnh, lại có công sự kiên cố, nhưng bọn chúng rất hoang mang. Trong thời gian ngắn, tên huyện trưởng cùng toàn bộ bọn bảo an, đã đem theo vũ khí, lần lượt ra hàng Quân giải phóng. Mất bọn tay sai làm bình phong, quân Nhật hoàn toàn bị cô lập trong vòng vây của quân và dân ta, nên tuy vẫn bám giữ cứ điểm nhưng chỉ còn là sự cố thủ bị động.

Số phận bè lũ phát xít chiếm đóng Định hóa còn thảm hại hơn đồng bọn ở các nơi khác. Bám lấy một vị trí giữa núi rừng hẻo lánh, đường giao thông liên lạc với thị xã thường xuyên bị khống chế, bọn chiếm đóng gặp nhiều khó khăn: thiếu lương thực, thực phẩm; bọn tay sai lần lượt bị cách mạng trừng trị; cứ điểm thường xuyên bị quấy rối, uy hiếp. Ngày 18 tháng 7 năm 1945, quân ta dũng cảm đột nhập thị trấn, đốt doanh trại trong cứ điểm địch. Đầu tháng 8 năm 1945, các lực lượng vũ trang ta tiến lên đẩy mạnh các hoạt động quấy rối, uy hiếp. Không chịu nổi tình trạng căng thẳng kéo dài, ngày 8 tháng

8 năm 1945, bọn phát xít phải bỏ cứ điểm tháo chạy. Định Hóa được hoàn toàn giải phóng.

Trước những thất bại liên tiếp và nặng nề về quân sự và về chính trị, về kinh tế cũng như về văn hóa, trên tất cả các địa bàn từ trung du đến miền núi, từ ven đường giao thông đến ven thành, ven thị, bè lũ phát xít rơi vào tình trạng nguy khốn về mọi mặt, nội bộ bọn chúng ngày càng phân hóa sâu sắc. Những điều kiện khách quan cần thiết để quân và dân ta xóa bỏ hoàn toàn ách thống trị của địch ở tất cả các vùng nông thôn, tiến lên giành chính quyền ở thị xã và thị trấn đã xuất hiện.

Trong khi những yếu tố chủ quan và khách quan ở trong nước đang chín muồi cho một cuộc tổng khởi nghĩa, thì tình hình thế giới cũng có những bước phát triển thuận lợi mới. Sau thắng lợi có tính chất quyết định của Hồng quân Liên Xô đánh tan đội quân Quan Đông, ngày 10 tháng 8 năm 1945, Nhật Hoàng họp nội các và hội đồng chiến tranh, quyết định đầu hàng Liên Xô và các nước Đồng minh khác. Ngày 11 tháng 8 năm 1945, các nước Liên Xô, Anh và Mỹ họp tại Mát-sơ-va, đồng ý chấp nhận sự đầu hàng của Nhật. Phe phát xít bị đánh bại trên phạm vi toàn thế giới.⁽¹⁾

Tô ki ô đầu hàng. Quân Nhật ở Đông Dương như rắn mất đầu càng hoang mang, rệu rã. Thời cơ ngàn năm có một để nhân dân ta vùng lên giành lấy độc lập, tự do đã đến.

Ngày 12 tháng 8 năm 1945, được tin phát xít Nhật đầu hàng Đồng Minh, Ủy ban chỉ huy lâm thời khu giải phóng đã kịp thời ra lệnh cho Quân giải phóng, lực lượng tự vệ, các cấp chính quyền và nhân dân trong khu đứng lên khởi nghĩa, Bản mệnh lệnh nhấn mạnh: “Giờ phút khởi nghĩa đã tới, cuộc chiến đấu chúng ta đã đến lúc quyết liệt”. Cũng trong bản mệnh lệnh này, Ủy ban chỉ huy lâm thời Khu giải phóng còn chỉ ra mười nhiệm vụ cụ thể cho các

cấp chính quyền, các lực lượng võ trang và nhân dân các dân tộc, nhằm “đảm bảo sự thành công của cuộc khởi nghĩa”⁽¹⁾

Ngày 13 tháng 8 năm 1945, hội nghị toàn quốc của Đảng khai mạc tại Trân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang). Hội nghị nhất trí nhận định: “Cao trào kháng Nhật cứu nước do Đảng lãnh đạo ngày một mạnh mẽ sâu rộng khắp Bắc, Trung, Nam. Căn cứ du kích mở rộng. Khu giải phóng và Quân giải phóng Việt Nam thành lập. Chính quyền địa phương của nhân dân đã lập trên sáu tỉnh trung du và thượng du Bắc kỳ. Hơn một triệu đồng bào đã được hưởng quyền tự do dân chủ và được miễn trừ sưu thuế”. Trong tình hình “Nhật đổ, hàng ngũ chỉ huy của chúng ở Đông Dương chia rẽ đến cực điểm quân lính Nhật tan rã mất tinh thần, bọn việt gian thân Nhật hoảng sợ”; “quân Đồng minh sắp vào nước ta và đế quốc Pháp lăm le khôi phục lại địa vị của chúng ở Đông Dương”; “toàn dân tộc đang sôi nổi đợi giờ khởi nghĩa” thì “cơ hội rất tốt cho ta giành quyền độc lập đã tới”⁽²⁾. Hội nghị cho rằng khẩu hiệu đấu tranh thích hợp nhất cho ta lúc này là: “Phản đối quân xâm lược”; “hoàn toàn độc lập”; “chính quyền về tay nhân dân”⁽³⁾. Dựa trên ba nguyên tắc: tập trung lực lượng thống nhất mọi mặt, hành động kịp thời, hội nghị toàn quốc của Đảng đề ra những nhiệm vụ chính cho cách mạng Việt Nam về đối nội và đối ngoại.

Thực hiện ba nguyên tắc: Tập trung; thống nhất; kịp thời, Tổng bộ Việt Minh thành lập ủy ban khởi nghĩa. Đêm 13 tháng 8 (1945), Ủy ban khởi nghĩa ra quân lệnh số một. Bản quân lệnh nhấn mạnh: “Giờ tổng khởi nghĩa đã đánh...hãy tập trung lực lượng, kịp đánh vào các đô thị và trọng trấn của quân địch; đánh chặn các đường rút lui của chúng. Tước hết vũ khí của chúng”⁽¹⁾

Trong giờ phút trọng đại của lịch sử, Đảng cộng sản Đông Dương - người tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam- chính thức hiệu triệu

⁽¹⁾ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng, tập III, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1977 tr 408-409

⁽²⁾ Sách trên tr 413-414.

⁽³⁾ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng, tập III, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội 1977, tr 413-414

⁽¹⁾ Sách trên, tr 410

đồng bào cả nước, các đoàn thể cách mạng và toàn thể đảng viên của Đảng “hãy cùng với Quân giải phóng và tự vệ đội nổi dậy đánh chiếm các đồn, các huyện lỵ, phủ lỵ và các tỉnh lỵ, tước khí giới của giặc Nhật”⁽²⁾

Riêng đối với đảng viên, Trung ương nhắc nhở: phải “sáng suốt trong việc lãnh đạo và cương quyết hy sinh trong cuộc chiến đấu để giành độc lập cho Tổ quốc, để xứng đáng là một đội quân tiên phong”...⁽³⁾

Kịp thời triển khai nghị quyết hội nghị toàn quốc của Đảng, ngày 16 tháng 8 năm 1945, Quốc dân Đại hội khai mạc tại thủ đô Khu giải phóng. Hơn sáu mươi đại biểu, thay mặt cho hai mươi lăm triệu đồng bào cả nước đã về dự Đại hội. Quốc dân Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh chủ trương sáng suốt của Đảng về phát động nhân dân cả nước tổng khởi nghĩa, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc. Đại hội thông qua lệnh khởi nghĩa của Ủy ban khởi nghĩa; quyết định quốc ca, quốc kỳ; cử ra Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam làm nhiệm vụ chính phủ lâm thời của nước Việt Nam trước khi thành lập một chính phủ chính thức và quyết định các chính sách đối nội cũng như đối ngoại.

Dựa trên các chính sách nổi tiếng của Khu giải phóng và của Mặt trận Việt Minh, Quốc dân Đại hội đề ra và hiệu triệu nhân dân cả nước thực hiện mười điều sau đây:

1. Giành lấy chính quyền, xây dựng một nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trên nền tảng hoàn toàn độc lập.
2. Võ trang nhân dân. Phát triển Quân giải phóng Việt Nam.
3. Tịch thu tài sản của giặc nước và của việt gian, tùy từng trường hợp sung công làm của quốc gia hay chia cho dân nghèo.
4. Bỏ các thứ thuế do Pháp. Nhật đặt ra, đặt một thứ thuế công bằng và nhẹ.
5. Ban bố những quyền của dân cho dân:
 - Nhân quyền,
 - Tài quyền (quyền sở hữu).
 - Dân quyền: quyền phổ thông đầu phiếu, quyền tự do dân chủ (tự do tín ngưỡng, tự do tư tưởng, ngôn luận, hội họp, đi lại), dân tộc bình quyền, nam nữ bình quyền.

^{(2) (3)} Sách trên , tr 406

6. Chia lại ruộng công cho công bằng, giảm địa tô, giảm lợi tức, hoãn nợ, cứu tế nạn dân.

7. Ban bố luật lao động: ngày làm tám giờ, định lương tối thiểu, đặt xã hội bảo hiểm.

8. Xây dựng nền kinh tế quốc dân, phát triển nông nghiệp. Mở quốc gia ngân hàng.

9. Xây dựng nền quốc dân giáo dục; chống nạn mù chữ, phổ thông và cưỡng bách giáo dục đến bậc sơ cấp. Kiến thiết nền văn hóa mới.

10. Thân thiện và giao hảo với các nước Đồng minh và các nước nhược tiểu dân tộc để giành lấy sự đồng tình và sức ủng hộ của họ.⁽¹⁾

Nhân dịp Quốc dân Đại hội, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước “hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”.

⁽¹⁾ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng, tập III, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản. Hà Nội, 1977, tr 555.



Một số cán bộ, chiến sĩ Quân giải phóng tham gia
giành chính quyền ở thị xã Thái Nguyên (8-1945)

Đáp lại tiếng gọi thiêng liêng của non sông đất nước cùng với đồng bào toàn quốc, quân và dân tỉnh ta đã nhất tề đứng dậy. Tại Bắc Kạn, từ đầu tháng 8 năm 1945, khi quân Nhật co về giữ các thị xã, thị trấn, thì thực hiện nghị quyết của Ban chấp hành tỉnh đảng bộ, các lực lượng vũ trang cách mạng đã áp sát cứ điểm địch đồng thời tích cực chuẩn bị mọi mặt để sẵn sàng giải phóng quê hương khi thời cơ đến. Phong trào cách mạng tại các thôn xóm có Quân giải phóng hoạt động phát triển rất mạnh. Một số cơ sở quần chúng được xây dựng trong các thị xã, thị trấn. Nhân dân các dân tộc tích cực bao vây kinh tế địch, đồng thời ra sức ủng hộ lương thực, thực phẩm, cung cấp tin tức và sẵn sàng làm hậu thuẫn cho bộ đội đánh Nhật, giải phóng quê hương.

Được tin chính quốc đầu hàng Đồng minh, bọn Nhật ở Bắc Kạn hoang mang cực độ. Tâm trạng bại trận lan nhanh sang bọn tay sai. Bị bao vây chặt, rất thiếu lương thực, thực phẩm, bè lũ phát xít ở thị xã càng lúng túng. Chúng phải cho người ra Phạc Tràng (xã Dương Quang, Bạch Thông) liên hệ với Việt Minh. Quân Nhật đóng tại các nơi khác, sợ bị tiến công tiêu diệt, cũng vội vã rút về thị xã, hoặc tìm mọi cách liên hệ với chính quyền cách mạng.

Để tránh đổ máu không cần thiết. ban chỉ huy đơn vị Quân giải phóng bao vây thị xã đồng ý có cuộc gặp mặt bộ chỉ huy quân Nhật chiếm đóng Bắc Kạn. sáng ngày 19 tháng 8 năm 1945, đại diện quân đội Nhật gặp nhau tại sân bay thị xã. Đại diện Quân giải phóng nói rõ chính sách nhân đạo của Đảng ta trong trường hợp kẻ bại trận không can thiệp vào công việc nội bộ của cách mạng Việt Nam, yêu cầu quân Nhật nộp vũ khí...Cuộc đàm xếp có kết quả. Phía Nhật hứa không can thiệp vào công việc nội bộ của ta: giao bộ máy tay sai cấp tỉnh cùng toàn bộ kho tàng gồm 21 vạn đồng Đông Dương, 1800 khẩu súng, 500 két đạn, một hòm mìn...Đại diện quân giải phóng đồng ý cấp cho bọn Nhật một số lương thực, thực phẩm và không tiếp tục tiến công nếu chúng chịu rút ngay toàn bộ quân lính về Hà Nội.

Trong khi đơn vị Quân giải phóng ở khu vực Bạch Thông và quanh thị xã đang tích cực hoạt động thì nhận rõ thời cơ thuận lợi, các lực lượng cách

mạng trong phạm vi toàn tỉnh cũng nhanh chóng xúc tới. Từ Chợ Rã, vừa được tin Nhật đầu hàng Đồng minh các đồng chí đại diện Tỉnh ủy, tỉnh bộ Việt Minh và chỉ huy Quân giải phóng của tỉnh quyết định tập hợp bộ đội của đơn vị Quân giải phóng đang thành lập, cấp tốc tiến về thị xã. Hai tiểu đội chia làm hai ngả, thẳng tiến xuống Phủ Thông (Bạch Thông). Thị trấn này bị quân Nhật biến thành một cứ điểm mạnh, làm chỗ dựa cho nhiều đồn, bốt nhỏ khác, nhằm không chế phong trào cách mạng phía bắc huyện Bạch Thông và vùng tây bắc của tỉnh. Ngày 19 tháng 8 (1945) khi quân ta vào thị trấn thì bọn Nhật vừa rút chạy. Tên bang tá, bị Nhật bỏ rơi, ra trình diện. Quân giải phóng phân công cán bộ, chiến sĩ thu chiến lợi phẩm; tổ chức mít tinh giải thích chính sách cho dân phố và chọn những người khỏe mạnh phiên chế lại đội ngũ, tiếp gấp về thị xã. Đến cầu Nà Cù, quân ta chạm trán với bọn Nhật đóng ở đây. Bọn này cũng đã được tin Nhật Hoàng đầu hàng, đang rất hoang mang nên không dám chống cự. Trước thái độ cứng rắn và dứt khoát của Ban chỉ huy Quân giải phóng, chúng phải cho người đưa các chiến sĩ về thị xã ngay trong đêm.

Được tin Quân giải phóng về, nhân dân nội thị rất phấn khởi. Nhiều đồng bào đã đón cán bộ, chiến sĩ phân đội Quân giải phóng đầu tiên vào thị xã như đón những người ruột thịt, từng lập công hiển hách, nay thẳng trận trở về.

Theo thỏa thuận tối 19 tháng 8, sáng 20 tháng 8 năm 1945, đại diện Việt Minh tỉnh và chỉ huy quân giải phóng, gặp chỉ huy quân phát xít chiếm đóng Bắc Kạn. Ta yêu cầu quân Nhật nộp vũ khí, kho tàng và rút lui. Quân giải phóng sẽ vào chiếm thị xã. Đại diện Nhật nhận các điều kiện tương tự như đã thỏa thuận với đại diện Quân giải phóng ở sân bay thị xã trước đó. Chúng hứa khi quân các nơi về đủ sẽ rút ngay. Chỉ huy Nhật giao chìa khóa các kho tàng cho phía cách mạng.

Ngày 21 tháng 8 năm 1945, bộ đội thuộc đơn vị bao vây thị xã, cùng với tự vệ và nhân dân vùng giải phóng từ ba mặt tiến vào thị xã. Nhân dân nội, ngoại thị đổ ra đường phố chào đón thẳng lợi của cách mạng. Quân ta chiếm các công sở. Quân Nhật tập trung lại một chỗ, chuẩn bị rút về Hà Nội.

Sáng ngày 22 tháng 8 năm 1945, tại trại bảo an binh, tất cả ngục quân được tập trung lại để nghe đại diện Việt Minh trình giải thích chủ trương, chính sách của cách mạng. Sau đó, nhân danh Mặt trận Việt Minh, đồng chí đại diện tuyên bố giải tán hệ thống công cụ đàn áp này của phát xít Nhật. Nhiều thanh niên vốn là con em nhân dân lao động, bị Nhật bắt làm bia đỡ đạn, nhận ra lẽ phải. Được khoan hồng, lại được cấp giấy về địa phương làm ăn sinh sống, tất cả những người có mặt đều cảm động và tỏ lòng biết ơn cách mạng.

Buổi chiều cùng ngày, các công chức trong bộ máy chính quyền bù nhìn cấp tỉnh của Nhật được triệu tập đến dinh chánh sứ cũ. Cũng như ở trại bảo an binh, đại diện Việt Minh, sau khi giải thích kỹ chủ trương chính sách của cách mạng, đã tuyên bố xóa bỏ chính quyền tay sai phản dân bại nước do Nhật dựng lên. Như vậy, đến ngày 22 tháng 8 năm 1945 công cụ đàn áp và công cụ lừa bịp, do Nhật nặn ra trong quá trình chiếm đóng đã bị xóa bỏ. Quân phát xít bại trận bị tước hết mọi chỗ dựa.

Ngày 23 tháng 8 năm 1945, toàn bộ quân Nhật rút khỏi thị xã. Lần đầu tiên sau gần một trăm năm, Bắc Kạn sạch bóng quân xâm lược. Cách mạng toàn thắng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân các dân tộc Bắc Kạn thực sự làm chủ vận mệnh chính trị của mình.

Tại Thái Nguyên, trong hai ngày 16 và 17 tháng 8 năm 1945, phần lớn các châu, huyện đã nhận được lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, đem lực lượng của địa phương phối hợp với Quân giải phóng đánh chiếm thị xã.

Trong phạm vi Khu giải phóng, tỉnh lỵ Thái Nguyên là một trong những đô thị lớn, sầm uất và có vị trí chiến lược quan trọng bậc nhất. Vì vậy, kể từ sau thất bại của các cuộc tiến công vào Khu giải phóng trong tháng 5 năm 1945, quân Nhật đã biến thị xã Thái Nguyên thành một cứ điểm mạnh với ý đồ dùng nó án ngữ cửa ngõ phía nam của Khu giải phóng, ngăn cản làn sóng cách mạng từ trung tâm khi đó là Tân Trào, xuống châu thổ sông Hồng. Đến trung tuần tháng 8 năm 1945, riêng lính Nhật còn 120 tên, chia nhau đóng giữ nhiều nơi. Trong trại khố xanh cũ có khoảng 100 tên. Số còn lại đóng ở ty

liêm phóng. Kho gạo và nhà tên chủ mỏ Gô chi ê. Ngoài ra, khoảng 600 tay súng gồm bảo an, cảnh sát, lính cơ, đóng ở trại lính Tây, canh giữ dinh tỉnh trưởng Thái Nguyên và huyện trưởng Đông Hỷ. Quân địch được trang bị mạnh, lại có lô cốt, hầm hào kiên cố, nên mặc dù được tin Nhật Hoàng đã đầu hàng Đồng minh, chúng vẫn ngoan cố kìm kẹp nhân dân ta, nhất là khu vực thị xã. Do đó, việc giải phóng thị xã Thái Nguyên được đặt ra như một trong những nhiệm vụ chủ yếu nhằm khích lệ công cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.

Thực hiện mệnh lệnh chiến đấu của Ủy ban khởi nghĩa, lực lượng chính của Quân giải phóng, do đồng chí Võ Nguyên Giáp trực tiếp chỉ huy từ Tân Trào (Tuyên Quang) tiến về Thái Nguyên. Chiều ngày 19 tháng 8 năm 1945, Quân giải phóng về tới xã Thịnh Đán (Đông Hỷ).

Phối hợp chiến đấu với Quân giải phóng, các châu huyện đều đưa phần lớn lực lượng tự vệ về thị xã. Tại Phú Bình, ngay sau khi nhận lệnh, hai đại đội tự vệ chiến đấu lập tức lên đường. Đảng bộ và nhân dân Đông Hỷ với tư cách là huyện sở tại, vừa tích cực chuẩn bị lương thực, thực phẩm cho chiến dịch, vừa khẩn trương củng cố lực lượng tự vệ để sẵn sàng phối hợp tác chiến với Quân giải phóng. Riêng Võ Nhai, tuy chưa nhận được mệnh lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, nhưng trước đó, thực hiện chỉ thị của Xứ ủy. Đảng bộ đã đưa một phân đội võ trang tuyên truyền về chốt tại xã Đồng Bầm nhằm giúp Ban cán sự Đông Hỷ mở rộng cơ sở và đẩy mạnh phong trào cách mạng. Từ Đồng Bầm, đội võ trang tuyên truyền bắt mối vào nội thị. Nhiều thanh niên tích cực ở thị xã được đưa ra vùng giải phóng huấn luyện gấp, sau đó trở về gây dựng cơ sở và phát triển phong trào cách mạng trong nhân dân thị xã. Nhiều tài liệu, sách báo cách mạng như báo Cứu quốc. Cờ giải phóng truyền đơn kêu gọi nhân dân đứng lên đánh Nhật, giành chính quyền cách mạng...theo số thanh niên giác ngộ vào thị xã. Tới trung tuần tháng 8 năm 1945, nhiều cơ sở cách mạng trong thị xã đã được xây dựng. Sống trong vòng kìm kẹp, o ép của quân thù, nhân dân vẫn bí mật ủng hộ bộ đội tiền bạc, vũ khí và các phương

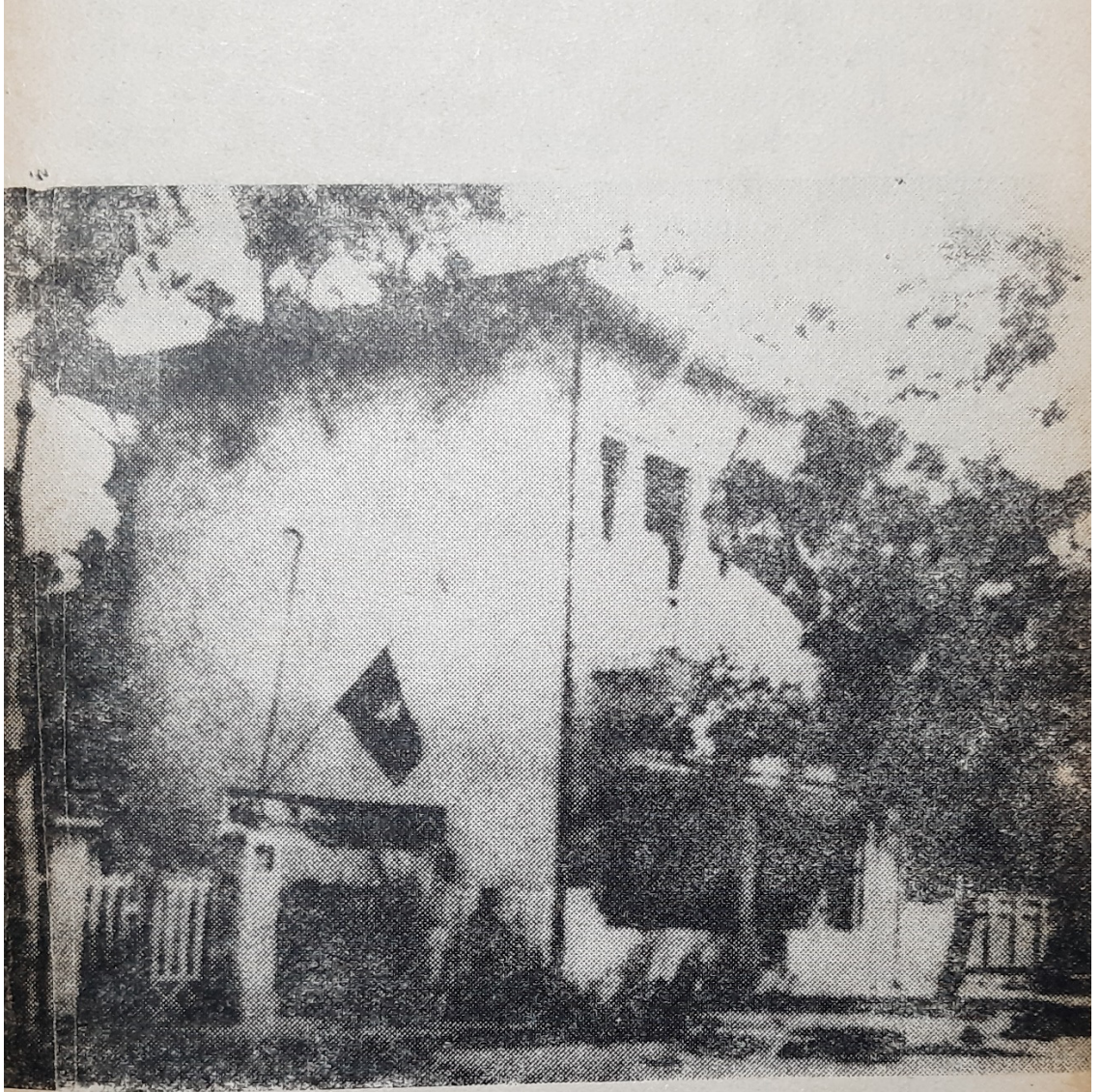
tiện hoạt động khác, đồng thời ráo riết chuẩn bị băng, cờ...chờ đón cách mạng.

Ngày 18 tháng 8 năm 1945, vừa được tin Nhật đầu hàng Đồng minh, những thanh niên hoạt động trong thị xã nhanh chóng báo ra Đồng Bẩm. Tuy chưa nhận được mệnh lệnh cụ thể của cấp trên nhưng nhận rõ thời cơ thuận lợi, Ban lãnh đạo phân đội võ trang tuyên truyền quyết định phát động quần chúng vùng dậy. Năm giờ sáng ngày 19 tháng 8 năm 1945, đông đảo quần chúng Đồng Bẩm với gậy gộc, giáo mác, câu liêm, do một trung đội tự vệ chiến đấu dẫn đầu, xuống đường tuần hành. Nhân dân thị xã, bất chấp sự kìm kẹp của bè lũ phát xít mang băng, cờ, tập trung ngay đầu cầu Gia Bảy, chờ đoàn tuần hành từ Đồng Bẩm tới. Không khí thị xã lâu nay ngột ngạt, nặng nề, bỗng náo nức, sôi động. Đoàn tuần hành tiến vào trung tâm thị xã. Từ các phố, nhân dân tiếp tục xuống đường. Cha cố, sư sãi, viên chức cũ cũng tham gia tuần hành. Đoàn người như một dòng thác lớn, sẵn sàng cuốn trôi mọi trở lực. sau khi tiến vào sân vận động, đoàn tuần hành kéo qua các phố chính. Những khẩu hiệu “đả đảo phát xít Nhật”; “ủng hộ Việt Minh” dội vào trại lính địch và hang ổ bọn bù nhìn. Quân địch hoang mang không dám phản ứng. Ngay trong nội thị, cách mạng đã ở thế áp đảo quân thù.

Sau cuộc tuần hành thị uy, được sự giúp đỡ của lực lượng võ trang tuyên truyền, nhân dân thị xã tiến hành truy quét bọn tay sai Nhật ở các phố. Phần lớn bọn chúng bị bắt. Phần khởi trước thắng lợi đã giành được, nhân dân thị xã nô nức đóng góp lương thực, thực phẩm, đào hào, dựng chiến lũy, chuẩn bị đón Quân giải phóng vào đánh Nhật.

Trong khi các lực lượng cách mạng và nhân dân thị xã sôi nổi chuẩn bị phục vụ chiến đấu, thì lực lượng tự vệ Phú Bình vượt qua những trở ngại do mưa lũ, tiến nhanh về thị xã. Trong ngày 19 tháng 8 năm 1945, lực lượng võ trang Phú Bình đã chiếm xong đồn điền Gia Sàng, trừng trị tên tay sai Nhật ở đây, chốt chặn cửa ngõ đông nam thị xã, cắt đường liên hệ của Nhật từ Thái Nguyên về Hà Nội, sau đó tiến vào thị xã, chiếm nhà đèn. Khắp các ngả

đường, tự về nhiều châu, huyện rầm rập kéo về thị xã phối hợp tác chiến với Quân giải phóng.



Nhà đèn Thái Nguyên. Ngày 20 tháng 8 năm 1945 là trụ sở Ủy ban khởi nghĩa.

Rạng sáng ngày 20 tháng 8 năm 1945, chi đội Quân giải phóng gồm 450 cán bộ chiến sĩ, tiếp cận các vị trí địch trong thị xã. Theo kế hoạch tác chiến, hai đại đội được trang bị mạnh đảm nhiệm tiến công hai vị trí trọng yếu của địch là trại khố xanh và trại lính Tây. Một đại đội khác phối hợp với tự vệ các châu, huyện tiến công tiêu diệt các vị trí lẻ của địch.

5 giờ 30 phút ngày 20 tháng 8 năm 1945, quân ta gửi tối hậu thư cho tên tỉnh trưởng tay sai Nhật. Bộ máy nguy quân, nguy quyền tỉnh Thái Nguyên và huyện Đồng Hỷ vốn lung lay trước uy vũ của cách mạng, lại được tin phủ khâm sai ở Hà Nội đã đầu hàng nên phải chấp nhận các điều kiện do Quân giải phóng đưa ra. Quân ta chiếm dinh tỉnh trưởng Thái Nguyên, huyện trưởng Đồng Hỷ và trại bảo an. Nhiều thanh niên bị Nhật bắt làm bia đỡ đạn, nay được giải thoát đã hăng hái xin tham gia đánh Nhật, lập công chuộc tội. Hơn 600 khẩu súng các loại của bọn bảo an được đem trang bị cho lực lượng tự vệ các châu, huyện.

Giải quyết xong trại bảo an, Quân giải phóng tập trung lực lượng tiến công quân Nhật trong trại khố xanh. Đúng 7 giờ 30 phút, các cỡ súng của Quân giải phóng nhất loạt nổ vào cứ điểm địch. Nhiều tên Nhật trong sân trại phải đền tội. Tuy vậy, bọn phát xít vẫn ngoan cố chống cự. Cuộc đọ súng quyết liệt, kéo dài trong ba mươi phút. Sau đó quân ta ngừng bắn vào gọi hàng. Hai bên gặp nhau. Quân giải phóng đưa thư của Ủy ban khởi nghĩa, yêu cầu Quân Nhật nộp vũ khí và hẹn đến mười bốn giờ phải trả lời. Bọn phát xít ngoan cố không chịu thực hiện tối hậu thư. Chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, buổi chiều, quân ta lại nổ súng đánh Nhật trong trại khố xanh, đồng thời tiến công các vị trí lẻ của địch ở kho gạo, ty liên phóng và nhà Gò chi ê. Cuộc chiến đấu tiếp diễn quyết liệt. Các vị trí lẻ của địch đều bị quân ta tiêu diệt, một số tên bị bắt sống. Quân Nhật trong trại khố xanh hoàn toàn bị cô lập; bọn chỉ huy phải nhận không can thiệp vào công việc nội bộ của nhân dân ta.

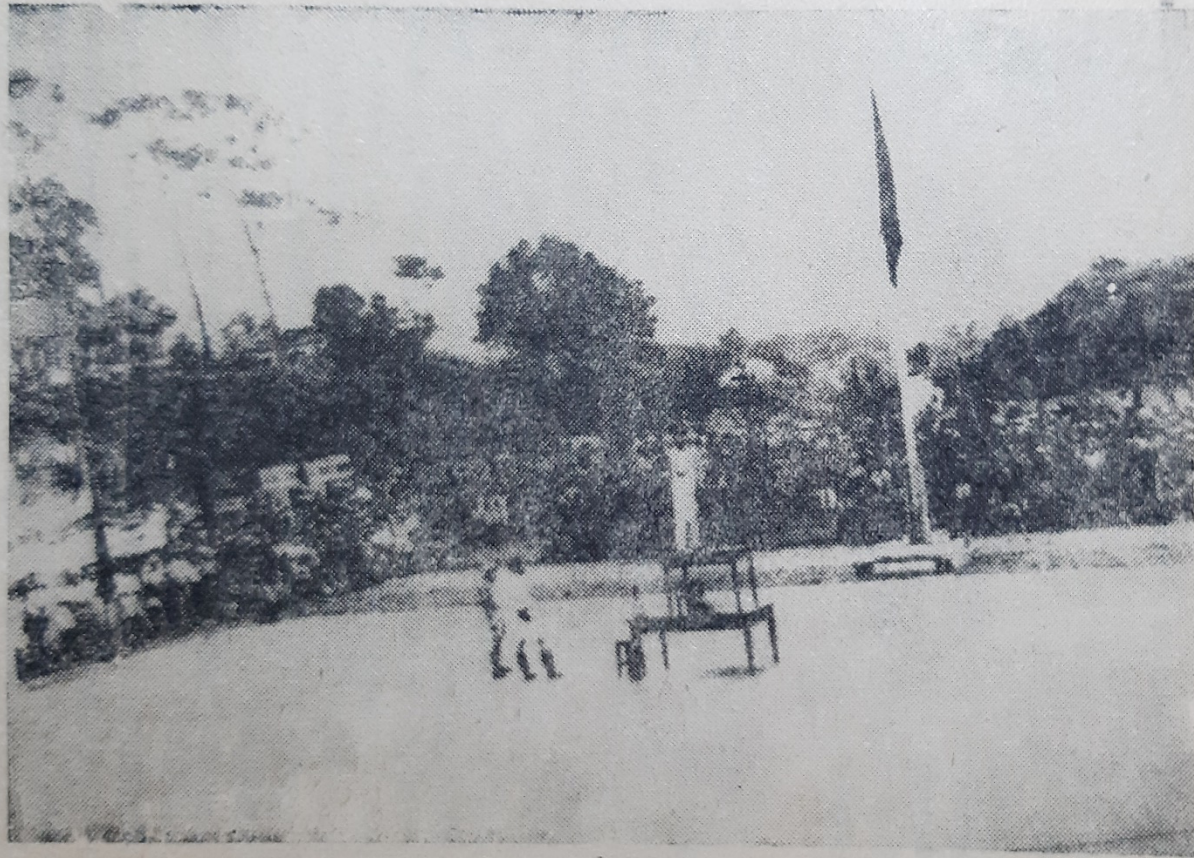
Trong các trận đánh Nhật ngày 20 tháng 8 năm 1945, nhân dân thị xã và tự vệ các châu, huyện đã góp phần xứng đáng, đúng với truyền thống của một tỉnh căn cứ địa cách mạng. Phối hợp chặt chẽ với Quân giải phóng, tự vệ các nơi vừa về tới thị xã đã nhanh chóng chiếm lĩnh trận địa, tham gia đánh địch. Ngoài ra, tự vệ còn là lực lượng chính đảm nhiệm vận chuyển chiến lợi phẩm ra vùng giải phóng. Trong đó đáng chú ý nhất là việc nhanh chóng vận chuyển trên 2000 khẩu súng các loại vừa chiếm được ở trại Khẩu lưu ra căn cứ. Nhân dân thị xã tuy lâu nay bị địch kìm kẹp, lừa bịp, nhưng vừa được giải phóng đã hăng hái tham gia chiến đấu, đồng thời nhanh chóng hình thành những phong trào quần chúng sâu rộng và sôi động. Giữa cuộc chiến đấu quyết liệt, các đoàn thể quần chúng trong Mặt trận Việt Minh lần lượt được thành lập. Riêng Hội phụ nữ Cứu quốc khi thành lập đã bao gồm bảy trăm hội viên. Mọi công việc phục vụ chiến đấu như hậu cần, giao thông liên lạc đào hào, dựng chiến lũy...đều do hội viên Cứu quốc đảm nhiệm. Dưới làn đạn địch, chị em phụ nữ dũng cảm đưa cơm nước đến từng chiến hào. Các em thiếu nhi kiên cường vừa sát cánh với cha anh đánh địch, vừa đảm nhiệm xuất sắc công tác thông tin liên lạc. Nhiều gương dũng cảm chiến đấu, oanh liệt hy sinh của các em đã góp phần cổ vũ quân và dân thị xã xông lên diệt địch.

Sau ngày giải phóng, năm thiếu niên đã góp phần xuất sắc vào chiến thắng ngày 20 tháng 8 (1945) được ủy ban nhân dân tỉnh khen ngợi. Nhân dân thị xã quý mến tặng cho các em biệt hiệu “năm tiểu anh hùng”.

Bị tiến công quyết liệt và bị thiệt hại, bọn Nhật rất hoang mang. Trong thực tế, nhân dân thị xã đã được giải phóng. Tuy vậy, để đề phòng bắt trặc, quân và dân ta vẫn siết chặt vòng vây và giám sát mọi hoạt động của địch. Nhân dân thị xã tiếp tục đem giường phản, bàn ghế dựng thêm chướng ngại khắp các ngõ, phố xung quanh cứ điểm địch.

Khuếch trương chiến thắng to lớn đã giành được, buổi chiều ngày 20 tháng 8 năm 1945, một cuộc mít tinh lớn, gồm quần chúng thị xã, đại biểu các huyện và nhân dân Đồng Hỷ, được tổ chức tại sân vận động. Trước cuộc mít tinh trọng thể, Ủy ban khởi nghĩa chính thức tuyên bố xóa bỏ bộ máy chính

quyền bù nhìn do Nhật dựng lên, khẳng định thắng lợi to lớn của cách mạng và giới thiệu Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh Thái Nguyên ra mắt.



Mit tinh tại thị xã Thái Nguyên,
chính quyền cách mạng ra mắt (20-8-1945)

Sau thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở hai thị xã, vấn đề máu chốt nhất trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã được giải quyết. Để bảo vệ những thành quả to lớn đã đạt được, Đảng bộ Bắc Kạn và Thái Nguyên tập trung mọi cố gắng nhằm làm tốt công tác xây dựng Đảng và chính quyền cách mạng.

Ở Bắc Kạn, ngay sau khi làm chủ thị xã, Ban chấp hành tỉnh Đảng bộ đã triệu tập hội nghị cán bộ tại Phủ Thông (Bạch Thông). Ngày 23 tháng 8 năm 1945, hơn ba mươi đại biểu gồm các đồng chí trong Ban chấp hành tỉnh đảng bộ lâm thời. Tỉnh bộ Việt Minh, chỉ huy Quân giải phóng và đại diện các châu trong tỉnh về dự hội nghị.

Sau khi nghe báo cáo về thắng lợi to lớn của công cuộc khởi nghĩa giành chính quyền, những chủ trương, chính sách của Đảng trong tình hình mới, hội nghị đã quyết định nhiều công tác khẩn cấp trước mắt. Để giữ vững và bước đầu phát huy thành quả to lớn vừa giành được, hội nghị quyết định thành lập ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh Bắc Kạn, huyện Bạch Thông và cử người tham gia các cấp chính quyền ấy. Về công tác xây dựng Đảng, hội nghị nhất trí phải xây dựng và kiện toàn hơn nữa cấp ủy các cấp. Riêng ở tỉnh, hội nghị quyết định bổ sung thêm một số đồng chí vào Ban chấp hành tỉnh đảng bộ lâm thời. Ngoài ra, để biểu dương lực lượng; giữ vững tinh thần phấn khởi, khí thế cách mạng của quần chúng; chào mừng và ủng hộ chính phủ lâm thời của nước Việt Nam sắp ra mắt, hội nghị quyết định tổ chức những cuộc mít tinh, tuần hành lớn, rầm rộ trong phạm vi toàn tỉnh.

Triển khai nghị quyết hội nghị Phủ Thông, tại khắp nơi trong tỉnh, các cuộc mít tinh, tuần hành của quần chúng và các lực lượng vũ trang được tổ chức sôi nổi rầm rộ. Khí thế cách mạng của quần chúng đã được phát huy cao độ trong quá trình nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền được khích lệ để tiếp tục giữ vững trong thời kỳ mới của cách mạng. Riêng tại thị xã, ngày 25 tháng 8 năm 1945 một cuộc mít tinh lớn gồm nhân dân thị xã, nhân dân Bạch Thông và đại biểu tất cả các châu trong tỉnh được tổ chức một cách trọng thể. Trước hàng vạn quần chúng cách mạng, đồng chí đại diện tỉnh bộ Việt Minh, một

lần nữa tuyên bố xóa bỏ ách thống trị thực dân, phong kiến. Sau đó, trong không khí tung bừng của một ngày hội lớn chưa từng có ở địa phương. Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh chính thức ra mắt.

Tại thái Nguyên, sau khi khởi nghĩa thắng lợi và chính quyền cách mạng được thành lập thì vấn đề thống nhất các đầu mối lãnh đạo của Đảng trở thành đòi hỏi cấp bách nhất.

Yêu cầu về kiện toàn bộ máy lãnh đạo của Đảng bộ Thái Nguyên là một trong những vấn đề được đặt ra trong cả quá trình vận động cách mạng Tháng Tám. Tuy vậy, do đặc điểm tình hình trong tiến trình cách mạng của tỉnh, đến trước ngày khởi nghĩa giành chính quyền, vấn đề quan trọng này chưa được giải quyết. sau khi thành lập Khu giải phóng, Xứ ủy Bắc Kỳ đã chỉ định một số đồng chí vào Ban chấp hành tỉnh đảng bộ lâm thời, nhưng trong điều kiện công việc bề bộn và đặc biệt khẩn trương của thời kỳ này, việc sắp xếp lại các cơ quan lãnh đạo của Đảng theo hệ thống dọc từ tỉnh xuống cơ sở chưa thể đặt ra. Trong khoảng thời gian từ tháng 6 đến tháng 8 năm 1945, về danh nghĩa thái Nguyên đã có một Ban chấp hành tỉnh đảng bộ, nhưng trong thực tế Ban chấp hành này chưa có điều kiện nắm lấy công việc lãnh đạo của tỉnh.

Ngày 20 tháng 8 năm 1945, để chuẩn bị cho sự ra đời của chính quyền cách mạng tỉnh Thái Nguyên, các đồng chí Trung ương và Xứ ủy có mặt tại chỉ huy sở của Ủy ban khởi nghĩa đặt tại nhà đèn thị xã, đã chỉ định thêm người vào Ban chấp hành tỉnh đảng bộ lâm thời. trong và sau khi cách mạng Tháng Tám thành công, các cấp ủy viên đều nắm lấy các cơ quan chính quyền, lực lượng vũ trang và mặt trận để hoạt động. Vấn đề kiện toàn bộ máy lãnh đạo của Đảng chưa được giải quyết. Để đảm bảo giữ vững và phát huy những thành quả to lớn đã giành được, sau khi quân Nhật rút hết khỏi thị xã (28/8/1945) một cuộc hội nghị cán bộ của toàn Đảng bộ được tổ chức tại Trường Xô xã Phấn Mễ (Phú Lương). Hơn năm mươi đại biểu đã về dự hội nghị quan trọng này. Hội nghị Trường Xô họp trong điều kiện cách mạng Tháng Tám đã thành công nhưng chính quyền cách mạng non trẻ đang đứng trước những khó khăn lớn như lũ lụt gây ra đói kém: quân Tưởng vào tước

khí giới quân đội Nhật sắp tràn qua tỉnh ta...nên vấn đề tăng cường công tác xây dựng Đảng, làm cho Đảng bộ đủ sức lãnh đạo nhân dân đối phó với thiên tai, địch họa là vấn đề được tất cả các đại biểu thấu suốt. Chính do nhận thức rõ tầm quan trọng hàng đầu của công tác này, hội nghị Trường Xô đã nhất trí quyết nghị: đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên, thành lập các tổ chức cơ sở của Đảng ở những nơi xét thấy đủ điều kiện: tăng cường đảng viên cho các ngành trọng yếu của tỉnh: kiện toàn Tỉnh ủy, xúc tiến củng cố và thành lập mới các Huyện ủy. Hội nghị quyết định cử thêm một số đồng chí vào Ban chấp hành tỉnh đảng bộ.

Cùng với kết quả của hội nghị Phủ Thông, thành công của hội nghị Trường Xô đã đánh dấu thắng lợi trọn vẹn của cuộc vận động cách mạng Tháng Tám ở tỉnh ta.

Chương III

BẢO VỆ VÀ Củng cố THÀNH QUẢ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

I

SƠ LƯỢC VỀ NHỮNG KHÓ KHĂN LỚN SAU NGÀY CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG

Cách mạng Tháng Tám (1945) thành công trong cả nước. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại quảng trường Ba Đình (Hà Nội), trước cuộc mít tinh của gần một triệu nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tuyên ngôn độc lập, khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Thay mặt nhân dân cả nước. Người trình trọng tuyên bố với toàn thế giới: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”⁽¹⁾

Tiếp theo thắng lợi của cách mạng Tháng Tám, sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã tiếp thêm cho mỗi người dân yêu nước sức mạnh thần kỳ và mở ra cho Tổ quốc ta tiền đồ xán lạn. Tuy vậy trước mắt, cách mạng Việt Nam đang gặp trở lực lớn, đó là giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Di sản kinh tế mà chủ nghĩa thực dân và phát xít để lại là tình trạng điêu tàn của nền nông nghiệp vốn lạc hậu và nền công nghiệp nhỏ bé, què quặt. Nạn đói khủng khiếp đầu năm 1945 làm thiệt mạng hai triệu đồng bào ta chưa được khắc phục, trong khi tình hình thiên tai tiếp tục kéo dài, đang là mối đe dọa nghiêm trọng mới. Di sản về văn hóa mà bọn đế quốc, phong kiến để lại cũng không kém phần nặng nề. Trong cả nước chín mươi lăm phần trăm số dân mù chữ. Các tệ nạn xã hội đè nặng lên thuần phong mỹ tục. Nhưng, đặc biệt nghiêm trọng là nạn ngoại xâm và nội phản. Chính quyền cách mạng vừa mới ra đời, đất nước còn mang nặng thương tích đã phải đối phó với nhiều

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: Vì độc lập tự do vì chủ nghĩa xã hội. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970, tr 55.

loại kẻ thù dưới danh nghĩa quân Đồng minh vào giải pháp quân đội Nhật, kéo đến từ nhiều phía. Ở phía bắc, hai mươi vạn quân Tàu Tưởng rách rưới, ốm đói, kéo theo lũ lưu manh giả danh cách mạng, kéo xuống, âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng. Tại miền Nam, quân Pháp núp dưới bóng quân Anh kéo vào, lăm le khôi phục ách thực dân. Ngày 23 tháng 9 năm 1945. Nhân dân Nam bộ vừa được hưởng độc lập tự do, đã lại phải cầm vũ khí đứng lên kháng chiến. Khắp cả nước, các thế lực tay sai đế quốc, bọn lưu manh, lợi dụng tình hình phức tạp nổi lên gây rối.

Là địa phương căn cứ địa, cán bộ và đồng bào ta được rèn luyện trong cao trào cách mạng; đặc biệt, là nơi sớm giành được chính quyền đã thực hiện thắng lợi chính sách của Khu giải phóng, đạt được những thành tựu nhất định về xây dựng chính quyền, về mở rộng và củng cố các đoàn thể cách mạng, về xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục nên Đảng bộ và nhân dân ta đi vào thời kỳ mới rất vững vàng, tự tin. Đây là những thuận lợi cơ bản. Tuy vậy, cũng như tình hình chung, trong hoàn cảnh chính quyền cách mạng vừa thành lập, Đảng bộ và nhân dân ta đã phải đứng trước những khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua được. Bên cạnh tình hình thiếu đói và mù chữ nghiêm trọng, thành quả cách mạng Tháng Tám trực tiếp bị giặc ngoài, thù trong phá hoại và âm mưu xóa bỏ. Tại Thái Nguyên, cuối tháng 8 năm 1945 nhân dân vừa mừng vui vì quét sạch rác rưởi là gần một trăm lính Nhật khỏi thị xã, thì đầu tháng 9 (1945) đã phải đương đầu với mối họa mới. Quân Tàu Tưởng (khoảng 50.000 tên) trên đường từ Tuyên Quang về Hà Nội đã qua Đại Từ, kéo vào thị xã. Cũng như quân Pháp, quân Nhật trước đây, đạo quân ô hợp này ngang nhiên chiếm nhà dân, quán chợ, trắng trợn cướp phá, bắt ép dân ta tiêu đồng “quan kim” mất giá, sách nhiễu, đòi chính quyền cách mạng phải cung cấp lương thực, thực phẩm... Tuy thị xã Thái Nguyên chỉ là nơi dừng chân trên đường kéo về xuôi, nhưng lũ lính đói rách và bọn cầm đầu ô m áp nhiều tham vọng nông cuồng cố tình dây dưa kéo dài thời gian lưu trú nhằm vơ vét, cướp bóc kiếm sống và chống phá cách mạng. Để tập hợp tay sai, quân Tưởng cho lập trụ sở “Nam dương Hoa kiều hiệp hội”, súi dục

những người Việt gốc Hoa lấy quốc tịch Trung Quốc. Bè lũ tay sai gồm những Hoa kiều mang đầu óc dân tộc lớn, những người Việt gốc Hoa ăn phải bả của những kẻ ô mộng bành trướng và bọn cơ hội, lũ lưu manh chuyên tôn thờ ngoại bang, từng ô m chân thực dân Pháp, phát xít Nhật, tưởng rằng vận hội mới đã tới nên vội vàng nhảy ra ô m chân quân Tưởng, tiếp tay cho chúng trong những âm mưu đen tối. Được quan thầy che chở, chúng ngang nhiên tụ họp, treo ảnh, cắm cờ Tưởng, đòi lập một hệ thống chính quyền riêng bên cạnh chính quyền cách mạng.

Ở Bắc Kạn và các huyện phía bắc Thái Nguyên, tuy không có quân Tưởng đi qua, nhưng là những nơi có nhiều người Hoa sống tập trung nên đều là địa vực hoạt động từ trước của bè lũ Tưởng Giới Thạch. Những tay sai của Tưởng len lỏi vào các làng bản, phố chợ, lên các vùng cao địa giới, tuyên truyền, lôi kéo, nên khi quân Tưởng tràn vào thì tổ chức “Nam dương Hoa kiều hiệp hội” cũng lan tràn như một thứ bệnh truyền nhiễm. Tại các nơi Hoa kiều sống tập trung như Chợ Mới, Phủ thông (Bạch Thông), Bản Ty (Chợ Đồn), Pác Nặm, Dài Khao (Chợ Rã), Yên Lạc (Na Rì), Bằng Khẩu (Ngân Sơn)...bọn phản động đều lập trụ sở “Nam dương Hoa kiều hiệp hội”. Một số người không phải gốc Hoa, nhưng nhẹ dạ cả tin, cũng in nhập quốc tịch Trung Quốc, cắt tóc, cạo đầu, vào “Nam dương Hoa kiều hiệp hội”, treo cờ, ảnh Tưởng Giới Thạch, vỗ ngực tự xưng là công dân “thiên quốc”. Đặc biệt, trên vùng cao địa giới, lợi dụng núi rừng hiểm trở, bọn lưu manh trong tổ chức phản động nói trên đã võ trang nổi lên cướp của, giết người, chống phá chính quyền cách mạng.

Cùng với giặc đói, giặc dốt, giặc ngoài thù trong làm cho “tình thế vô cùng phức tạp”. Tuy vậy, như chỉ thị “kháng chiến kiến quốc” ngày 25 tháng 11 năm 1945 của Ban chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ rõ: “Nhất định trào lưu thế giới và tình hình trong nước sẽ biến đổi thuận tiện cho ta. Cách mạng chưa hoàn thành, phải ráng sức hơn nữa. Nhất định chúng ta sẽ thắng”⁽¹⁾

⁽¹⁾ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: Văn kiện Đảng (từ 25/11/1945 đến 31/12/1947), Nhà xuất bản Sự thật Hà Nội, 1969 tr 19.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh ta phát huy truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng, đã đoàn kết, cảnh giác, nỗ lực phấn đấu, kiên quyết bảo vệ và củng cố thành quả cách mạng Tháng Tám.

II

BẢO VỆ VÀ Củng cố THÀNH QUẢ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

1- Xây dựng Đảng.

Thời kỳ vận động cách mạng Tháng Tám (1939-1945). Do những khó khăn cả về chủ quan và khách quan. Đảng bộ chưa tổ chức kết nạp được nhiều đảng viên, mặc dù trong phong trào sôi động của địa phương xuất hiện rất nhiều quần chúng xuất sắc, tiêu biểu cho Hội cứu quốc các giới. Lãnh đạo cách mạng Tháng Tám thành công, không kể số cán bộ biệt phái của Trung ương và Xứ ủy cử về xây dựng cơ sở và chỉ đạo phong trào, đảng viên của Đảng bộ chỉ có sáu mươi một đồng chí (Bắc Kạn: 21; Thái Nguyên: 40). Đảng viên ít như vậy nhưng trong thời gian từ nửa cuối tháng 8 đến đầu tháng 9 (1945), do yêu cầu chung của sự nghiệp cách mạng cả nước, Đảng bộ vẫn cung cấp cho Trung ương và Xứ ủy nhiều cán bộ có kinh nghiệm vận động quần chúng, kể cả những đồng chí đang đảm nhiệm các cương vị lãnh đạo chủ chốt ở địa phương. Đến cuối tháng 9 năm 1945, cả Bắc Kạn chỉ còn tám đảng viên.

Trong tình hình trình độ của đảng viên có hạn, chưa có kinh nghiệm lãnh đạo chính quyền, lại phải đối phó với giặc ngoài, thù trong và những khó khăn hết sức nghiêm trọng về kinh tế, văn hóa thì số lượng đảng viên ít ỏi nói trên là một khó khăn lớn của Đảng bộ. Do đó, tăng cường công tác xây dựng Đảng mà chủ yếu là đẩy mạnh phát triển đảng viên không chỉ là quy luật phát triển của Đảng mà còn là trách nhiệm, là nghĩa vụ đối với dân tộc và Tổ quốc.

Xuất phát từ yêu cầu khách quan hết sức cấp bách của tình hình cách mạng, trong chỉ thị “kháng chiến kiến quốc” ngày 25 tháng 11 năm 1945, Ban chấp hành Trung ương Đảng chỉ rõ: “Phải duy trì tổ chức bí mật hay bán công

khai của Đảng; tuyển thêm đảng viên. Đặc biệt chú trọng gây cơ sở xí nghiệp của Đảng cho thật rộng, làm sao cho sự phát triển của Đảng ăn nhịp với sự phát triển của công nhân Cứu quốc... Phải tổ chức các tổ nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác bao gồm tất cả những phần tử có khuynh hướng cộng sản hay có cảm tình với cộng sản do người cộng sản điều khiển.. Các tổ chức của Đảng phải sinh hoạt cho đều và không vì lẽ gì để cho nó rời rạc, loạc choạc. Tổ chức các chi bộ trong các cơ quan hành chính hay trong các hội hợp pháp; củng cố đảng đoàn trong đó; thành lập chi bộ trong quân đội; phối hợp sự hoạt động bí mật với sự hoạt động công khai... Các cơ quan chấp hành các cấp phải năng ra thông cáo bí mật để báo cáo tình hình và chủ trương chung của Đảng và chỉ thị công tác cho cấp dưới; ra những sách nhỏ nói về công tác và chủ nghĩa”⁽¹⁾

Thấu suốt yêu cầu cấp bách khách quan, thực hiện chỉ thị của Trung ương, Đảng bộ tỉnh ta đã xúc tiến công tác xây dựng Đảng về tư tưởng cũng như về tổ chức và chủ yếu là về tổ chức. Tại Thái Nguyên, sau ngày được Xứ ủy Bắc Kỳ ra nghị quyết công nhân (tháng 10 năm 1945), ban chấp hành tỉnh đảng bộ lâm thời đã họp và quyết nghị; đồng thời với việc kiện toàn cơ quan giúp việc Tỉnh ủy, phải ra sức xây dựng Huyện ủy, trên cơ sở đó đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên và thành lập các chi bộ cơ sở.

Tháng 11 năm 1945, thực hiện chỉ thị của Ban chấp hành Trung ương, Đảng bộ tỉnh ta tập trung lãnh đạo việc chuyển bộ máy các cấp vào hoạt động bí mật. Trong dịp này, tại thị xã Thái Nguyên (và sau đó tại thị xã Bắc Kạn) “Hội văn hóa mác xít” được thành lập. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ, Hội văn hóa mác xít ở tỉnh và Ủy ban tuyên truyền chủ nghĩa Mác ở huyện tích cực hoạt động, tuyên truyền công khai chủ nghĩa Mác và chủ trương, chính sách của Đảng. Một số sách Mác - Lê - nin và tờ báo Sự thật, cơ quan Trung ương của Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương, được phổ biến trong các tầng lớp nhân dân. Do thiếu kinh nghiệm và phương tiện

⁽¹⁾ Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng, tập I, Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1978, tra 30,31

tuyên truyền, kết quả hoạt động của các cơ quan nói trên còn nhiều hạn chế, tuy vậy thông qua các cơ quan này Đảng bộ đã giúp cho quần chúng cách mạng, mà trước hết là số thanh niên yêu nước có được sự nhận thức tương đối hệ thống về chủ nghĩa Mác - Lê nin, cương lĩnh của Đảng cộng sản Đông Dương, tình hình và nhiệm vụ mới của cách mạng Việt Nam... Trong phạm vi hẹp, hoạt động của các cơ quan nói trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác xây dựng Đảng về mặt tổ chức.

Mở đầu cuộc vận động xây dựng Đảng thời kỳ cuối năm 1945, đầu năm 1946, Ban chấp hành tỉnh đảng bộ Thái Nguyên lần lượt kết nạp các cán bộ đã hoạt động trước và trong cách mạng Tháng Tám (1945) vào Đảng. Thời kỳ cách mạng Tháng Tám, một số cán bộ này đã là những người nắm các cương vị chủ chốt ở huyện. Vì vậy, sau khi chính thức được kết nạp vào đảng, số đảng viên này thực là sự nòng cốt cho việc xây dựng cơ sở Đảng ở các huyện. Tại Bắc Kạn do đội ngũ cán bộ các huyện từ thời kỳ cách mạng Tháng Tám mỏng hơn các huyện thuộc Thái Nguyên, nên bên cạnh việc tổ chức kết nạp số cán bộ nói trên, Ban chấp hành tỉnh đảng bộ còn chủ trương bồi dưỡng và kết nạp số cán bộ, hội viên Cứu quốc tiêu biểu xuất hiện trong và sau cao trào cách mạng Tháng Tám. Cũng do tình hình này nên trong khi ở Thái Nguyên đến tháng 6 năm 1946 đã xây dựng xong các Huyện ủy, thì ở Bắc Kạn việc xây dựng các huyện ủy (lúc đó gọi là Châu ủy) kéo dài sang tới nửa đầu năm 1947. Những thuận lợi trong việc xây dựng cấp ủy huyện ở Thái Nguyên tạo điều kiện cho Đảng bộ đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên. Thời kỳ này, nhất là mười tháng đầu năm 1946, vì hoạt động bí mật và vì những nguyên tắc phát triển Đảng rất chặt chẽ ràng buộc nên việc bồi dưỡng đối tượng và kết nạp đảng viên nhìn chung được chuẩn bị chu đáo và đúng thủ tục. Kế hoạch phát triển Đảng năm 1946 của Ban chấp hành tỉnh đảng bộ Thái Nguyên được chia làm bốn đợt khác nhau: từ tháng 1 đến tháng 3; từ tháng 4 đến tháng 7; từ tháng 8 đến tháng 10 và từ tháng 11 đến hết năm. Mỗi đợt đều có sơ kết, rút kinh nghiệm nên tuy chưa đạt được chỉ tiêu đã định, nhưng đợt sau tăng hơn đợt trước rõ rệt (đợt một : 101; đợt hai : 126; đợt ba: 277). Trên cơ sở những

kết quả to lớn đã đạt được liên tiếp trong tháng 9 và tháng 10 năm 1946 Ban chấp hành tỉnh đảng bộ đã ra nhiều chỉ thị, nghị quyết quan trọng nhằm tăng cường công tác phát triển đảng viên và xúc tiến thành lập các tổ chức cơ sở của Đảng. Với quyết tâm mới này, bên cạnh cá bộ máy cấp trên (Tỉnh ủy, Huyện ủy, Đảng đoàn, Tiểu ban), đến hết năm 1946 tại Thái Nguyên đã thành lập được hai mươi tám chi bộ cơ sở (hai chi bộ công sở: ba chi bộ xí nghiệp, hầm mỏ: hai mươi ba chi bộ xã). Về số lượng đảng viên, chưa tính các lực lượng vũ trang đóng tại địa phương, đến hết năm 1946, riêng các cơ quan, xí nghiệp thuộc tỉnh và các chi bộ nông thôn đã có gần 800 đảng viên (Bắc Kạn: 40; Thái Nguyên: 728)

Để giáo dục chính trị, nâng cao trình độ giác ngộ cho đảng viên, trong tình hình thiếu cán bộ rất nghiêm trọng. Đảng bộ vẫn kiên quyết cử nhiều đảng viên đang đảm nhiệm các trọng trách ở tỉnh và huyện đi dự các lớp huấn luyện do Trung ương và Xứ ủy mở, đồng thời mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn (ba mươi ngày và mười lăm ngày) cho cán bộ, đảng viên cơ sở. Học viên theo học các lớp này đều được bồi dưỡng nhận thức về Đảng (cộng sản sơ giải; chương trình Đảng; lịch sử Đảng), về cách mạng (cách mạng tân dân chủ) và tình hình, nhiệm vụ mới. Tính chung cả Bắc Kạn và Thái Nguyên đến trước toàn quốc kháng chiến, có gần một trăm cán bộ, đảng viên được đào tạo, bồi dưỡng, trong đó chỉ có mười lăm người đi dự các lớp do Trung ương và Xứ ủy mở. Trong điều kiện tình hình mọi mặt hết sức khó khăn, kết quả nói trên là sự cố gắng to lớn của Đảng bộ. Cố gắng ấy chứng tỏ ngay trong những bước đầu tiên đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ tỉnh ta đã chú trọng kết hợp công tác tổ chức với công tác tư tưởng.

Năm 1946, nhất là sáu tháng cuối năm, tình hình trong nước diễn biến ngày càng phức tạp. Dự đoán trước âm mưu của bè lũ thực dân, nhằm chuẩn bị cho các địa phương sẵn sàng đối phó với tình hình mới, cuối năm 1946. Trung ương đảng chỉ đạo việc củng cố Đảng bộ tỉnh. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương và Xứ ủy, tháng 12 năm 1946, Ban chấp hành tỉnh đảng bộ lâm thời Bắc Kạn mở hội nghị cán bộ toàn tỉnh. Đây là lần thứ hai kể từ

sau ngày cách mạng Tháng Tám thành công. Tỉnh ủy triệu tập hội nghị cán bộ. Nhận rõ tình hình và nhiệm vụ mới, hội nghị hoàn toàn nhất trí với đề nghị của Ban chấp hành tỉnh đảng bộ lâm thời về nhiệm vụ tăng cường công tác tư tưởng và công tác tổ chức, nhằm làm cho Đảng bộ nhanh chóng phát triển về số lượng, vững mạnh về chất lượng. Để tăng cường bộ máy lãnh đạo của tỉnh trước tình hình mới trong khi chưa có điều kiện họp đại hội, hội nghị cán bộ - thực chất là hội nghị toàn thể Đảng bộ - đã bầu ra Ban tỉnh ủy mới gồm chín ủy viên chính thức và hai ủy viên dự khuyết. Thể hiện quyết tâm xây dựng Đảng của hội nghị cán bộ, Tỉnh ủy mới đã phân công năm ủy viên chấp hành xuống năm huyện trong tỉnh trực tiếp chỉ đạo việc phát triển đảng viên và xây dựng bộ máy lãnh đạo Đảng cấp huyện.

Công tác xây dựng Đảng, nền tảng quan trọng của nhiệm vụ bảo vệ và củng cố thành quả cách mạng Tháng Tám, do gặp phải nhiều khó khăn chủ quan và khách quan nên kết quả còn rất hạn chế. Hệ thống tổ chức của Đảng từ tỉnh xuống cơ sở chưa xây dựng xong bộ máy lãnh đạo một số cấp vừa hình thành chưa được củng cố. Nhiều cơ quan, xí nghiệp, làng xã quan trọng, nhiều vùng sung yếu chưa xây dựng được chi bộ, thậm chí chưa có đảng viên...Tuy vậy, trong một thời gian ngắn, lại phải đương đầu với rất nhiều khó khăn, thì những thành tích đã đạt được là một cố gắng to lớn của Đảng bộ. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc kỳ, trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong công tác xây dựng đội ngũ, Đảng bộ tỉnh ta không ngừng vươn lên, lãnh đạo nhân dân các dân tộc phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng, tăng cường đoàn kết, nâng cao cảnh giác, thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ cấp bách như bảo vệ và củng cố chính quyền, đối phó với giặc ngoài, thù trong, khắc phục hậu quả nặng nề do xã hội cũ để lại về kinh tế, văn hóa và bước đầu xây dựng cuộc sống mới, xã hội mới.

2- Bảo vệ và củng cố chính quyền cách mạng.

Trước những khó khăn, phức tạp của toàn quốc sau ngày giành chính quyền, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịp thời đề ra những

chủ trương, biện pháp cách mạng hướng mọi nghị lực của toàn Đảng, toàn dân và công cuộc bảo vệ và củng cố chính quyền dân chủ nhân dân.

Ngày 3 tháng 9 năm 1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội đồng Chính phủ đã quyết định:

- 1- Phát động một phong trào tăng gia để chống nạn đói.
- 2- Chống nạn mù chữ;
- 3- Tổ chức tổng tuyển cử;
- 4- Phát động phong trào cần, kiệm, liêm, chính;
- 5- Bỏ ngay ba thứ thuế: thuế thân, thuế chợ, thuế đò;
- 6- Ra tuyên bố tự do tín ngưỡng và lương giáo đoàn kết.

Ngày 25 tháng 11 năm 1945, Ban chấp hành Trung ương Đảng ra chỉ thị “kháng chiến kiến quốc”. Bản chỉ thị rõ: “việc giành chính quyền càng dễ bao nhiêu thì việc giữ chính quyền càng khó bấy nhiêu”⁽¹⁾. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình chung của cách mạng nước ta sau cách mạng Tháng Tám, bản chỉ thị vạch ra nhiệm vụ cấp bách cho toàn Đảng, toàn dân ta là: “củng cố chính quyền cách mạng, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân”⁽²⁾.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng và quyết định của Chính phủ, Tỉnh ủy đã kịp thời đề ra những chủ trương, biện pháp cụ thể hướng nhân dân ta vào cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền, kiên quyết đập tan âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của bọn phản động, khắc phục hậu quả do xã hội cũ để lại, tiến lên xây dựng xã hội mới, cuộc sống mới.

Tại Thái Nguyên, quán triệt sách lược của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy đã có chỉ thị đối phó với quân Tưởng và cử nhiều cán bộ xuống cơ sở, nhất là thị xã và những nơi có quân Tưởng qua lại, giải thích cho nhân dân về chủ trương tạm hòa hoãn với Tưởng của Trung ương Đảng

⁽¹⁾ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: Văn kiện Đảng (từ 25/11/1945 đến 31/12/1947), Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1969, tr 9

⁽²⁾ sách trên, tr 13.

và phổ biến kế sách đôi phở với bọn Tướng của Tỉnh ủy nhằm tránh sự xung đột vũ trang không có lợi cho ta.

Để đề phòng âm mưu đen tối của kẻ thù, trước hết là bè lũ Tướng Giới Thạch, ta tạm thời rút trụ sở của Đảng bộ và các cơ quan chính quyền ra khỏi thị xã, chỉ để lại một bộ phận rất nhỏ, do một số cán bộ phụ trách nhằm giải quyết những vấn đề có liên quan giữa ta và chúng. Trong việc quan hệ với độ quân mang danh nghĩa Đồng minh này, Tỉnh ủy chủ trương kiên quyết đấu tranh buộc chúng phải tôn trọng chủ quyền dân tộc và chính quyền dân chủ nhân dân, đồng thời có sự nhân nhượng cần thiết như đồng ý cung cấp một số lương thực, thực phẩm, phương tiện đi lại...

Dựa vào sức mạnh của quần chúng, Đảng bộ đã phát động nhân dân đấu tranh bằng nhiều hình thức như bãi thị, tẩy chay đồng “quan kim”, mít tinh chống những yêu sách vô lý của chúng, tuân hành thị uy khi chúng có hành động vi phạm chủ quyền của ta v.v...

Đối với bọn tay sai bán nước và bọn phản động trong tổ chức “Nam dương Hoa kiều hiệp hội”, Tỉnh ủy Bắc Kạn và Thái Nguyên chủ trương phát động quần chúng nhân dân đấu tranh vạch trần bộ mặt phản dân hại nước của chúng, đồng thời kiên quyết trừng trị những tên tay sai đầu sỏ.

Chấp hành chủ trương của Tỉnh ủy, thực hiện quyền làm chủ quê hương, đất nước, nhân dân khắp nơi mở cuộc tiến công kẻ thù bằng nhiều hình thức, kịp thời phát hiện, tố giác những âm mưu và hành động phá hoại của bọn phản động; giúp lực lượng vũ trang truy bắt những tên đầu sỏ. Trong dịp này, chính quyền cách mạng đã mở các phiên tòa công khai tại thị xã Bắc Kạn và Thái Nguyên xử những tên phản động có nhiều tội ác với nhân dân, với cách mạng. Sự lãnh đạo nhạy bén và những chủ trương biện pháp kịp thời của Tỉnh ủy, với sức mạnh vô địch và ý chí sắt đá quyết tâm bảo vệ thành quả cách mạng của nhân dân, âm mưu của quân Tướng định lợi dụng thời gian lưu trú trên dọc đường hành quân khiêu khích lật đổ chính quyền cách mạng đã thất bại thảm hại. Không thực hiện được âm mưu chống phá chính quyền cách

mạng và lật đổ chính quyền dân chủ nhân dân, trung tuần tháng 12 năm 1945, đơn vị cuối cùng của quân Tưởng đi về Hà Nội.

Thắng lợi của cuộc đấu tranh chống âm mưu và hành động đen tối của bè lũ Tưởng Giới Thạch không những có ý nghĩa về mặt quân sự mà còn có ý nghĩa sâu sắc về mặt chính trị. Trong cuộc đấu tranh này những căn bã do xã hội cũ sản sinh ra tiếp tục được xóa bỏ, hàng trăm quân chúng nghèo khổ là nạn nhân của những mưu đồ đen tối được giải thoát, lòng tin của nhân dân đối với Đảng và chính quyền cách mạng được xây dựng.

Âm mưu lật đổ chính quyền dân chủ nhân dân của bọn phản động bị đập tan. Uy tín của chính quyền cách mạng được nâng cao trong quần chúng nhân dân. Trên cơ sở này chính quyền cách mạng có điều kiện tiếp tục củng cố, kiện toàn một bước mới. Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta có điều kiện tập trung mọi cố gắng vào công cuộc kiến thiết quê hương, xây dựng cuộc sống mới, đồng thời đoàn kết, cảnh giác sẵn sàng đối phó với mọi mưu ma chước quỷ của kẻ thù.

Để giữ vững và củng cố thành quả cách mạng Tháng Tám, theo sự chỉ đạo chung của Trung ương. Đảng bộ tỉnh ta đã tranh thủ thời gian ra sức lãnh đạo và tổ chức nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiến hành bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, chính thức thành lập chính quyền mới. Đồng thời, chăm lo đào tạo cán bộ cơ sở, củng cố Mặt trận Việt Minh các cấp, xây dựng các tổ chức Cứu quốc thành chỗ dựa vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Ngày 6 tháng 1 năm 1946, cuộc bầu cử Quốc hội được tiến hành. Đây là một cuộc sinh hoạt chính trị chưa từng có của dân tộc và Tổ quốc ta. Vì vậy trong ngày lịch sử này, nhân dân các dân tộc Bắc Kạn, Thái Nguyên đã vượt qua nhiều khó khăn, nô nức tham gia bầu cử Quốc hội - cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Cuộc bầu cử Quốc hội đã diễn ra sôi nổi như một ngày hội lớn của các dân tộc tỉnh ta vừa mới giành được quyền làm chủ. Thắng lợi của bầu cử

Quốc hội là sự biểu dương sức mạnh vô địch và ý chí sắt đá quyết tâm bảo vệ thành quả cách mạng Tháng Tám vĩ đại của nhân dân các dân tộc trong tình.

Song song với việc bầu cử Quốc hội, công việc tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân xã, tỉnh và Ủy ban hành chính các cấp cũng được Đảng bộ chú ý và tiến hành khẩn trương, chỉ trong một thời gian ngắn, dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Tỉnh ủy, sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh, chủ trương bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp được tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân các dân tộc. nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, lòng yêu nước của nhân dân được phát huy. Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã và tỉnh được tiến hành thắng lợi ở khắp các nơi trong tỉnh, kể cả những xã xa xôi hẻo lánh.

Sau thắng lợi bầu cử, Hội đồng nhân dân các cấp đã bầu ra Ủy ban hành chính của cấp mình thay thế cho các Ủy ban nhân dân đã được thành lập sau cách mạng Tháng Tám. Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân thắng lợi, Ủy ban hành chính các cấp được thành lập, chính quyền dân chủ nhân dân được củng cố và kiện toàn một bước mới. Nhiều cơ quan chuyên môn giúp việc Ủy ban hành chính các cấp cũng được thành lập để chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa, xây dựng lực lượng vũ trang...Tiếp đó, đứng trước âm mưu xâm lược của bọn đế quốc bên ngoài và những hành động phá hoại của bọn việt gian bán nước, thực hiện chủ trương chung, tỉnh ta thành lập ra Ủy ban bảo vệ các cấp. Thành phần ủy ban này gồm có một Ủy viên Ủy ban hành chính cùng cấp biệt phái một đại diện lực lượng vũ trang và một ủy viên nhân dân chọn trong số đại biểu Hội đồng nhân dân.

Đi đôi với việc củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, Đảng bộ tỉnh ta hết sức quan tâm chăm lo việc củng cố các đoàn thể, các tổ chức quần chúng như Mặt trận Việt Minh, Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Nông dân Cứu quốc...Ngoài việc ra những chỉ thị, nghị quyết cần thiết, Tỉnh ủy còn tăng cường cán bộ cho các tổ chức quần chúng và chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời việc xây dựng, củng cố các đoàn thể quần chúng từ tỉnh đến cơ sở làng xã. Nhờ vậy mà các đoàn thể quần chúng trong thời kỳ này đã được củng cố và phát triển một bước phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới.

Để đối phó với âm mưu của đế quốc và những hành động phá hoại điên cuồng của bọn tay sai bán nước, nhằm bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc, bảo vệ thành quả thiêng liêng của cách mạng Tháng Tám, Đảng bộ còn vận động nhân dân xây dựng lực lượng võ trang, nửa võ trang, trong đó nổi bật nhất là cuộc vận động ủng hộ đồng bào miền Nam kháng chiến và phong trào thanh niên vào Nam giết giặc. Các cuộc vận động này được toàn thể quần chúng nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng. Nhân dân các dân tộc tỉnh ta hướng về miền Nam ruột thịt, tích cực chi viện cho đồng bào miền Nam kháng chiến. Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, một phong trào ủng hộ Nam bộ kháng chiến dấy lên sôi nổi trong toàn tỉnh. Khí thế cách mạng của quần chúng đã được phát huy cao độ trong quá trình nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền trong Tháng Tám năm 1945, nay được kích lệ lại bùng lên sôi động. Nhân dân mang băng, cờ tới các huyện lỵ, thị trấn mít tinh biểu tình phản đối tội ác xâm lược của thực dân Pháp, tỏ rõ quyết tâm chiến đấu và chiến thắng kẻ thù dân tộc, bảo vệ nền độc lập và thống nhất của Tổ quốc. Hàng nghìn thanh niên hăng hái gia nhập lực lượng võ trang và rầm rộ lên đường “Nam tiến”. Cuối năm 1945, tiểu đoàn “Nam tiến” đầu tiên của tỉnh làm lễ xuất phát. Tiếp đó, các đơn vị khác được gấp rút thành lập và lần lượt lên đường vào Nam sát cánh cùng đồng bào Nam bộ ruột thịt kháng chiến chống thực dân Pháp.

Đồng thời với phong trào “Nam tiến” để đối phó với hành động bạo loạn của bọn phản động Quốc dân đảng tay sai Tưởng Giới Thạch. Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta còn gấp rút tổ chức một trung đoàn bộ đội chủ lực gọi là trung đoàn Bắc Thái (Bắc Kạn - Thái Nguyên). Ngoài ra tỉnh ta còn xây dựng năm đại đội võ trang đi Vĩnh Phú, Yên Bái, góp phần cùng các tỉnh bạn trấn áp bọn phản động Quốc dân đảng.

Cuộc vận động xây dựng lực lượng võ trang nhân dân, nhất là cuộc vận động ủng hộ miền Nam kháng chiến và phong trào “Nam tiến” thực chất là một cuộc động viên chính trị rộng lớn của tỉnh. Đồng bào các dân tộc hướng về miền Nam ruột thịt, tỏ rõ ý chí và quyết tâm sắt đá bảo vệ nền độc lập và thống nhất của Tổ quốc, cũng là một dịp tiếp tục xây dựng ý thức quốc gia,

dân tộc, biểu thị truyền thống yêu nước và cách mạng, bước đầu tập dượt để sẵn sàng đối phó với tình hình chiến sự lan rộng.

Để khắc phục hậu quả chế độ cũ để lại, sau khi giành được chính quyền cách mạng. Tỉnh ủy lâm thời đã ra nhiều chỉ thị và thực hiện những biện pháp tích cực, tổ chức nhân dân các dân tộc trong tỉnh xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa giáo dục, tiến lên cải thiện đời sống nhân dân.

Ngay sau ngày khởi nghĩa thắng lợi, chính quyền cách mạng tuyên bố xóa bỏ thuế thân, thuế chợ, thuế đò cùng nhiều thứ thuế nặng nề và bất công khác do đế quốc và phong kiến đặt ra. Tịch thu ruộng đất của bọn thực dân và việt gian chia cho dân cày nghèo, xóa bỏ những món nợ lâu đời ở nông thôn, thực hiện chế độ ngày làm việc 8 giờ v.v...

Tại Thái Nguyên, Tỉnh ủy chủ trương tịch thu toàn bộ đồn điền của thực dân Pháp giao cho Ban Dân sinh kinh tế tỉnh và thành lập ra Ban quản trị đồn điền để trực tiếp quản lý, tổ chức sản xuất. Mỗi năm hệ thống đồn điền này đã thu được hàng trăm tấn thóc làm quỹ cứu tế, lương thực dự trữ, nuôi cán bộ, bộ đội, góp phần khắc phục những khó khăn trước mắt về kinh tế của tỉnh

Nhằm khắc phục những khó khăn về tài chính, ngày 4 tháng 9 năm 1945, Chính phủ ban hành sắc lệnh về Quỹ độc lập và Tuần lễ vàng, kêu gọi toàn dân phát huy truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng, góp tiền của xây dựng “quỹ độc lập”.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ, tháng 10 năm 1945, Ủy ban nhân dân lâm thời Bắc Kạn và Thái Nguyên đã vận động nhân dân các dân tộc trong tỉnh tổ chức Quỹ độc lập và Tuần lễ vàng, động viên Truyền thống yêu nước của nhân dân để bảo vệ nền độc lập của tổ quốc. Cuộc vận động có ý nghĩa lớn này do được chuẩn bị chu đáo, tuyên truyền, vận động sâu rộng đến mọi quần chúng nhân dân, nên được đông đảo nhân dân các dân tộc trong tỉnh nhiệt liệt hưởng ứng. Lòng nhiệt tình yêu nước, khí thế cách mạng của nhân dân ta lại một lần nữa được thể hiện bằng hành động cách mạng cụ thể. Với ý thức xây dựng đất nước, khắc phục khó khăn chung, nhiều người đã tự nguyện mang những vật kỷ niệm thiêng liêng nhất của đời mình

góp vào Quỹ độc lập và Tuần lễ vàng. Chỉ trong một thời gian ngắn, kết quả đóng góp đã lên tới hàng trăm lạng vàng, bạc, hơn một trăm trâu, bò, gần một nghìn tấm vải và rất nhiều tài sản khác.

Để giải quyết nạn đói, Đảng bộ đã phát động một phong trào tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm, vận động nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiến công “giặc đói”, thực hiện khẩu hiệu, không một tấc đất bỏ hoang” và giúp đỡ đồng bào các tỉnh bạn tản cư lên tỉnh ta cùng lao động sản xuất, ổn định đời sống.

Hưởng ứng cuộc vận động trên, nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã vượt qua nhiều khó khăn, sôi nổi đẩy mạnh tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm. Được giải phóng khỏi gông cùm của thực dân, phong kiến, lại được Đảng quan tâm hướng dẫn, nông dân tỉnh ta phấn khởi vượt qua tập quán độc canh, khai phá thêm đất đai, mở thêm diện tích trồng ngô, khoai, rau, đậu.

Phong trào tăng gia sản xuất, tiến công “giặc đói” diễn ra hết sức sôi động và đầy khí thế. Năm đầu tiên thực hiện chính sách phát triển kinh tế của Chính phủ, toàn tỉnh đã đạt được kết quả đáng phấn khởi. Diện tích gieo trồng tăng lên rõ rệt. Sản lượng lương thực cũng tăng đáng kể so với trước cách mạng Tháng Tám. Tuy vậy, trong toàn quốc nạn đói chưa được khắc phục. Nhiều nơi nhất là khu vực đồng bằng Bắc bộ, do vụ mùa năm 1945 thất thu nên thảm cảnh nạn đói đầu năm lại xuất hiện. Quan tâm đến đời sống của nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi đồng bào nhường cơm sẻ áo. Trong thư gửi đồng bào cả nước tháng 10 (1945), Người viết:

“Lúc chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng.

“Vậy tôi đề nghị với đồng bào cả nước, và tôi xin thực hành trước:

“Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ba bữa. Đem gạo đó (mỗi người một bo) để cứu dân nghèo”⁽¹⁾.

Hưởng ứng lời kêu gọi thiết tha của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đông đảo cán bộ đảng viên và nhân dân tỉnh ta, tuy còn túng thiếu nhưng giàu lòng tương

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: Tuyên tập, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội 1960, tr 220.

thân tương ái đã vượt qua những khó khăn, thực hiện nhường cơm sẻ áo, lập hũ gạo cứu đói. Rất nhiều gia đình đã thực hiện “ngày đồng tâm nhịn ăn, giành gạo cứu người nghèo khổ”. Kết quả là hàng trăm tấn gạo đã được đưa đi cứu tế cho đồng bào thiếu đói, góp phần đẩy lùi một tai họa khủng khiếp.

Những nỗ lực vượt bậc của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, cơ bản. Chính quyền cách mạng được củng cố. Nhân dân lao động phấn khởi, tin tưởng và càng quyết tâm bảo vệ thành quả cách mạng Tháng Tám.

Cùng với những chủ trương, biện pháp tích cực phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân. Đảng bộ còn chủ trương phát triển y tế, văn hóa giáo dục mang ánh sáng và cuộc sống mới đến với nhân dân lao động.

Cũng như nhân dân cả nước, trước cách mạng Tháng Tám (1945), chính sách ngu dân của đế quốc, phong kiến đã đẩy nhân dân tỉnh ta vào vòng ngu muội, mê tín dị đoan. Đói rách, dịch bệnh thường xuyên diễn ra đe dọa cuộc sống nhân dân. Để củng cố thành quả cách mạng, tiếp tục đưa phong trào cách mạng tiến lên có nhiều vấn đề đặt ra đòi hỏi phải giải quyết. Trước hết, để giúp nhân dân các dân tộc có điều kiện tiếp thu và thực hiện có kết quả đường lối, chủ trương của Đảng và Chính Phủ. Đảng bộ tổ chức nhân dân học tập văn hóa, tiến công “giặc đốt”. Vấn đề này, ngay sau ngày cách mạng Tháng Tám thắng lợi. Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra nhiệm vụ chống nạn mù chữ. Ngày 8 tháng 9 năm 1945, Chính phủ đã thành lập Nha bình dân học vụ phụ trách công tác chống nạn mù chữ trong toàn quốc. Cuối tháng 9 năm 1945, Ty tiểu học vụ và Ty bình dân học vụ được thành lập. Sau đó ít lâu, Ban bình dân học vụ các huyện cũng được thành lập và đi vào hoạt động, vận động nhân dân tham gia học tập văn hóa, chống nạn mù chữ, diệt “giặc đốt”.

Để giải quyết những khó khăn về giáo viên và điều kiện học tập, đồng thời biến phong trào học tập văn hóa thành phong trào rộng rãi của quần chúng. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi: “những người đã biết chữ hãy dạy cho

những người chưa biết chữ...vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo...”⁽¹⁾

Hưởng ứng lời kêu gọi của Bác Hồ kính yêu, dựa vào sự ủng hộ của nhân dân, Đảng bộ đã kiên quyết khắc phục những khó khăn, tập trung một số cán bộ có năng lực để chuyên lo chỉ đạo cuộc vận động này. Nhiều cán bộ được tỉnh cử đến các bản làng vận động nhân dân tham gia phong trào xóa nạn mù chữ và thông qua cuộc vận động này tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện chính sách mới ở nông thôn, bồi dưỡng cán bộ cốt cán cho đồng bào các dân tộc ít người. Do được chuẩn bị chu đáo, và làm tốt công tác tuyên truyền vận động, nên việc học tập văn hóa nhanh chóng trở thành phong trào quần chúng rất rộng rãi. Thanh niên Cứu quốc, phụ nữ Cứu quốc là những người đi hàng đầu trong phong trào diệt “giặc dốt” của lần ra quân này. Chỉ trong một thời gian ngắn, các lớp bình dân học vụ đã được tổ chức ở khắp mọi nơi, thu hút hàng chục nghìn người đến học. Già trẻ, gái trai băng đèo lội suối đến lớp học chữ. Tiếp thu ánh sáng của cách mạng.

Song song với cuộc vận động thanh toán nạn mù chữ, giáo dục phổ thông được Đảng bộ chú ý lãnh đạo phát triển. Mặc dù còn nhiều khó khăn trong những người mới giành chính quyền, nhưng được sự ủng hộ của nhân dân các dân tộc, toàn tỉnh đã xây dựng được nhiều trường, lớp cho con em đến học. Ngay năm học đầu tiên, hàng trăm trường, lớp đã mở rộng cửa đón con em nhân dân lao động vào học. Hàng nghìn học sinh phấn khởi cắp sách đến trường. Riêng Thái Nguyên trong năm học 1946-1947 đã có 97 trường, lớp mở cửa đón 3812 em vào học. Nhiều vùng nông thôn trước đây bản làng xơ xác, hoang vắng, nay, sớm chiều đã vang tiếng trẻ học chữ, học hát những bài hát ca ngợi cuộc sống mới.

Sự phát triển đầy khí thế của phong trào đấu tranh diệt “giặc dốt” và giáo dục phổ thông là kết quả của việc thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh ở tỉnh ta, là kết quả của sự

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: Vì độc lập tự do vì chủ nghĩa xã hội, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970, tr 63.

chỉ đạo sát sao của Ban chấp hành tỉnh đảng bộ, sự nỗ lực của cán bộ đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Với những thành tích đã đạt được, công tác thanh toán nạn mù chữ và phát triển giáo dục phổ thông đóng góp vào sự nghiệp bảo vệ và củng cố thành quả cách mạng Tháng Tám như là một trong những nhân tố quan trọng nhất.

Trong khi tập trung lãnh đạo phong trào thanh toán nạn mù chữ nhằm “tiêu diệt giặc dốt”. Đảng bộ vẫn chú ý tương đối toàn diện đối với các mặt công tác khác thuộc lĩnh vực văn hóa, xã hội. Hưởng ứng cuộc vận động thực hiện đời sống mới. Đảng bộ đã thông qua các đoàn thể quần chúng vận động đồng bào



Thi mãn khóa sơ học bình dân học vụ
ở xã Đồng Tiến (Đồng Hỷ).

các dân tộc ra sức xóa bỏ các tệ nạn do xã hội cũ để lại như cờ bạc, hút xách, mê tín dị đoan... Trong phong trào thực hiện đời sống mới, tình trạng ma to, cưới lớn, hội hè linh đình đã giảm bớt. tại các vùng, các dân tộc xuất hiện những nét mới về tục lệ đời sống. Công tác y tế chăm lo sức khỏe của nhân dân được Đảng bộ quan tâm. Ngay sau khi thành lập Ty y tế, tỉnh đã cố gắng xây dựng các phòng phát thuốc ở một số huyện và giành một phần kinh phí mua thuốc bệnh phát không cho nhân dân.

Những thành tựu mà Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta đạt được trong hơn một năm sau ngày cách mạng Tháng Tám thành công tuy chưa phải là lớn nhưng rất quan trọng. Với những thành tựu này, Đảng bộ và nhân dân ta đã thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ và củng cố thành quả cách mạng Tháng Tám, tạo ra những tiền đề vật chất và tinh thần rất cơ bản cho việc xây dựng tỉnh ta thành một trong những căn cứ địa của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Chương IV

KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

I

KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC, TỈNH TA CHUẨN BỊ ĐỐI PHÓ VỚI TÌNH HÌNH CHIẾN SỰ LAN RỘNG

Với dã tâm xâm lược và nô dịch nước ta một lần nữa sau các vụ khiêu chiến trắng trợn như cho hàng nghìn quân đổ bộ lên Đà Nẵng, đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn (20/11/1946), gây ra vụ thảm sát man rợ trong lòng thủ đô, ngày 18 tháng 12 năm 1946 thực dân Pháp chính thức gây hấn ở Hà Nội.

Trước tình hình thành quả cách mạng trực tiếp bị đe dọa, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã đứng lên chiến đấu. Đêm 19 tháng 12 năm 1946, các lực lượng vũ trang thủ đô nhất loạt nổ súng trả lời tối hậu thư ngày 18 tháng 12 năm 1946 của bọn thực dân cuồng chiến. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Ngày 20 tháng 12 năm 1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào toàn quốc: “...Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ...Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp, cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc, ai cũng phải ra sức chống thực dân cứu nước”⁽¹⁾

Ngày 22 tháng 12 năm 1946, Ban thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị “toàn dân kháng chiến”. Trong bản chỉ thị, sau khi vạch rõ mục đích, tính chất, Đảng ta đã chỉ ra đường lối chiến lược, sách lược của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện chỉ thị của Ban thường vụ Trung ương Đảng, cùng với toàn Đảng, toàn dân và toàn quân,

⁽¹⁾ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: Văn kiện Đảng (từ 25/11/1945 đến 31/12/1947), Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr 59.

Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh ta đã nhất tề đứng dậy tham gia kháng chiến và sẵn sàng đối phó với tình hình chiến sự có thể lan đến địa phương.

Trước hết, để xây dựng “thực lực về quân sự”, chúng ta ra sức củng cố và phát triển dân quân tự vệ. Trong cách mạng Tháng Tám, tự vệ tỉnh ta là một lực lượng võ trang hùng hậu. Mỗi xã đều có các đơn vị tự vệ thường, tự vệ chiến đấu, phiên chế thành các trung đội, đại đội. Tất cả các huyện đều có các đơn vị tự vệ tập trung, một số huyện xây dựng được đến ba đại đội và được trang bị khá. Phong trào luyện tập quân sự và xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, một trong những phong trào cách mạng khởi đầu, thực sự trở thành phong trào quần chúng sâu rộng. tuy vậy, sau cách mạng Tháng Tám, nhất là sau ngày Nam bộ kháng chiến (13/9/1945), do yêu cầu mới của cách mạng, phần lớn cán bộ, chiến sĩ có năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực công tác này đã cùng với vũ khí rời địa phương để tham gia xây dựng các đơn vị chủ lực. Mặt khác, vì phải tập trung sức giải quyết những nhiệm vụ cấp bách trước mắt về nhiều mặt sau ngày cách mạng thành công nên sự chú ý cá biệt của các cấp ủy Đảng, chính quyền có phần hạn chế. Lực lượng bán võ trang nói riêng và phong trào quần chúng trong lĩnh vực này nói chung đứng trước những khó khăn to lớn.

Để khắc phục tình hình trên, dưới ánh sáng các chỉ thị của Ban thường vụ Trung ương, Đảng bộ đã có nhiều cố gắng nhằm đẩy lên phong trào luyện tập quân sự sôi nổi thời kỳ cách mạng Tháng Tám, trên cơ sở đó củng cố và xây dựng mới lực lượng dân quân tự vệ. Được sự chú ý của các cấp ủy Đảng, chính quyền lực lượng dân quân tự vệ được củng cố và đi vào luyện tập. Đặc biệt, từ giữa năm 1946, cùng với việc thành lập Ủy ban bảo vệ cách mạng các cấp, truyền thống quần chúng tham gia xây dựng lực lượng võ trang tại chỗ thời kỳ cách mạng Tháng tám được phát huy, phong trào dân quân tự vệ dần dần được hồi phục. Trên cơ sở này đầu năm 1947 tỉnh thành lập cơ quan chuyên trách công tác dân quân tự vệ gọi là Tỉnh đội dân quân. Thông qua bộ máy ở tỉnh, Đảng bộ lãnh đạo việc hình thành cơ quan quân sự các cấp. Có sự chỉ đạo chặt chẽ trong thời gian ngắn từ cuối năm 1946 đến nửa đầu năm

1947 phong trào quần chúng xây dựng dân quân, tự vệ phát triển rầm rộ. Tính đến tháng 4 năm 1947, các huyện phía bắc đã củng cố và xây dựng mới được 17 đại đội, trong đó riêng Bạch Thông, huyện trọng điểm chỉ đạo của tỉnh, xây dựng được sáu đại đội, một số cơ sở như thị xã Bắc Cạn, thị trấn Chợ Mới còn xây dựng các đơn vị thoát ly sản xuất, được huấn luyện và trang bị khá. Ở các huyện phía nam, tuy việc hình thành bộ máy quân sự các cấp có chậm hơn, nhưng do có cơ sở vững từ thời kỳ cách mạng Tháng Tám nên phong trào phát triển rất nhanh và rộng khắp. Thực hiện chủ trương của tỉnh, ngay từ đầu, các huyện phía nam đã chú trọng xây dựng các đơn vị võ trang thoát ly sản xuất. Tính đến tháng 5 năm 1946 riêng lực lượng này đã có quân số gần ba trăm cán bộ, chiến sĩ. Với những nỗ lực vượt bậc của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng: với truyền thống yêu nước và tinh thần thượng võ của đồng bào các dân tộc, vượt qua nhiều trở ngại khách quan, chỉ trong vòng nửa năm, tỉnh ta đã cơ bản hoàn thành một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất sẵn sàng đối phó với cuộc tiến công của quân xâm lược là kiện toàn bộ máy quân sự từ tỉnh đến cơ sở, xây dựng và trang bị cho một lực lượng võ trang gọi là du kích bao gồm trên dưới sáu nghìn cán bộ, chiến sĩ.

Du kích là hình thức tự vệ chiến đấu thời kỳ cách mạng Tháng Tám. Du kích có nhiệm vụ chuyên lo canh gác và khi cần sẽ sinh hoạt tập trung, tham gia tác chiến. Để hỗ trợ cho lực lượng này hoạt động, quán triệt phương châm “toàn dân kháng chiến” của Trung ương, Đảng bộ còn chú trọng việc “võ trang toàn dân”, xây dựng lực lượng nửa võ trang, vừa sản xuất, vừa phục vụ chiến đấu như giao thông liên lạc, vận tải, phá hoại...Lực lượng này gọi là dân quân. Đây là hình thức “tự vệ rộng rãi” nên hầu hết đồng bào ta từ vùng thấp đến vùng cao, dân tộc đa số và thiểu số, nam từ mười tám đến bốn mươi năm tuổi, nữ từ mười tám đến bốn mươi tuổi đều sôi nổi tham gia. Trong toàn tỉnh, số dân quân được phiên chế trong các đơn vị từ tiểu đội đến đại đội lên tới hàng chục nghìn người.

Đồng thời với việc củng cố và phát triển dân quân du kích, tỉnh ta còn tích cực tham gia xây dựng các đơn vị bộ đội chủ lực. Chỉ trong một thời gian

ngắn, một trung đoàn vệ quốc quân (sau đổi thành quân đội quốc gia Việt Nam) được thành lập, gọi là trung đoàn 72, hay trung đoàn Bắc Thái mới (để phân biệt với trung đoàn Bắc Thái cũ vừa được Bộ điều động đi nơi khác). Trong đó, một tiểu đoàn phụ trách khu vực năm huyện phía bắc, hai tiểu đoàn đảm nhiệm khu vực các huyện còn lại ở phía nam.

Ra sức xây dựng “thực lực về quân sự”, Đảng bộ và nhân dân ta cũng quán triệt chỉ thị của Trung ương về “công tác phá hoại của chiến thuật du kích” nhằm “triệt để làm cho địch đói, khát, què, mù, điếc, câm, tiêu hao, mệt mỏi, chán nản”⁽¹⁾. Để xúc tiến công tác này, cuối năm 1946 Ban phá hoại ở tỉnh được thành lập. Đầu năm 1947 các Ban phá hoại cơ sở cũng được thành lập ở những nơi quy định là trọng tâm phá hoại. Theo sự hướng dẫn của Trung ương, tỉnh ta chia kế hoạch phá hoại làm ba bước. Trước hết phá các công trình kiên cố như công sở, đồn bốt cũ..Sau đó phá các nhà cao tầng và công trình công cộng. Ở bước một và bước hai, vừa phá hoại vừa kết hợp vận động nhân dân tản cư để trong bước ba sẽ phá hoại toàn bộ.

Ngay sau khi thành lập ban phá hoại các cấp, Đảng bộ tiến hành một cuộc vận động sâu rộng nhằm khích lệ lòng yêu nước, phát động quần chúng tham gia, đồng thời cử ra những lực lượng nòng cốt để tiến hành công tác này. Nhờ có sự chuẩn bị chu đáo nên công cuộc phá hoại đã được khai trương rầm rộ. Bên cạnh các đơn vị bộ đội, du kích của các thị xã, thị trấn, từng đoàn người từ các vùng nông thôn đem theo những công cụ cần thiết rầm rộ tiến về địa điểm tập trung với khí thế hùng hực của những ngày đầu cách mạng.

Tại thị xã Thái Nguyên, kể từ giữa năm 1946 các hoạt động kinh tế dần dần lắng xuống. Quần chúng hướng về các diễn biến phức tạp của tình hình chiến sự. Tuy vậy do vị trí địa lý và tình hình chung khi ấy, Thái Nguyên vẫn là một trong những thị xã sầm uất nhất. Riêng khu nội thị vương vẫn đã có hơn bốn trăm nhà ngói, trong đó gần mười phần trăm là nhà cao tầng. Bên sông tuy không tấp nập nhưng vẫn đón đò dọc từ miền xuôi lên và bè mảng

⁽¹⁾ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: Văn kiện Đảng (từ 25/11/1945 đến 31/12/1947), Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tra 61.

lâm sản từ miền ngược xuống. Xe khách Hà Nội và Bắc Cạn chạy thêm
chuyến đưa các



Nhân dân thị xã Thái Nguyên tự tay phá hoại
nhà cửa để chặn bước tiến của quân thù.

cơ quan, xí nghiệp và đồng bào miền xuôi tản cư. Dân số thị xã tăng nhanh. Đường phố tập nập người đi lại.

Thái Nguyên là một thị xã đẹp. Tuy vậy trước nguy cơ mất còn của Tổ quốc nghe theo tiếng gọi của Đảng, mỗi người dân ở đây đều sớm nhận thức được sự hy sinh cần phải có. Khẩu hiệu “tản cư là yêu nước” trở thành khẩu hiệu hành động của cả thị xã. Đồng bào nội thị lần lượt ra đi, giao những nếp nhà xinh xắn cho con em mình trong các đội phá hoại.

Trước ngày toàn quốc kháng chiến, đối tượng phá hoại là dinh công sứ, nhà chánh sứ, trại lính Tây, trại khổ xanh, nhà riêng của bọn phản động người Pháp và người Việt. Hầu hết những công trình này đều được xây dựng kiên cố. Trong khi đó, các đơn vị phá hoại chỉ có những công cụ hết sức thô sơ. Việc phá hoại trở thành rất khó khăn, nguy hiểm. Buổi đầu do thiếu kinh nghiệm, một số người bị thương hoặc hy sinh. Thế nhưng, các đơn vị làm công tác này không vì thế mà nản chí. Trong khó khăn và trong lao động, tập thể chí tuệ của quần chúng đã sáng tạo ra những hình thức phá hoại phong phú, vừa đỡ nguy hiểm, vừa giảm bớt hao phí sức người.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, Trung ương Đảng nhận định Thái Nguyên là nơi địch có thể đánh chiếm. Do đó công tác phá hoại được xúc tiến. Ngay sau khi phá nốt một số nhà cao tầng và công trình công cộng thực hiện nghị quyết của Ban thường vụ Tỉnh ủy, thị xã triển khai bước ba. Do tình hình mới nên vừa phá hoại vừa chuyển ngay vật liệu ra mặt đường để đắp các ụ chiến đấu và ụ cản xe cơ giới.

Với tinh thần lao động quên mình của hàng nghìn nhân dân, cán bộ, bộ đội và dân quân du kích, đến giữa năm 1947 công tác phá hoại ở thị xã Thái Nguyên căn bản hoàn thành. Trong phạm vi nội thị không còn một căn nhà nguyên vẹn cho quân giặc lợi dụng. Đây là thành tích có ý nghĩa như là một chiến công. Thị xã Thái Nguyên nêu một tấm gương lớn về tinh thần hy sinh và quyết tâm chống giặc trong lịch sử đánh ngoại xâm của dân tộc.

So với Thái Nguyên, công tác phá hoại ở Bắc Cạn tiến hành chậm và ít kết quả hơn. Là thị xã nằm sâu trong lòng căn cứ địa Việt Bắc nên ngay từ cuối năm 1946 các cơ quan, kho tàng, xí nghiệp Trung ương và đồng bào miền xuôi tản cư lên Bắc Cạn rất đông. Bên cạnh số nhà gạch, ngói có từ trước, những nhà tạm bằng tre, nứa mọc lên san sát. Ở đây tuy cũng đã ban hành mệnh lệnh tản cư, nhưng thực hiện không triệt để. Dân số thị xã tiếp tục tăng nhanh. Bộ mặt của một thị xã miền núi thay đổi hẳn, đường phố tấp nập người xe cộ, chợ búa sầm uất, các hoạt động văn hóa thường xuyên sôi nổi...Thị xã Bắc Cạn thời kỳ từ cuối năm 1946



Khắc phục khó khăn, sản xuất vũ khí diệt địch
- (lò nấu chì ở Chợ Đồn)

Đến trước thu đông năm 1947 được mệnh danh là “thủ đô kháng chiến”. Chính do tình hình như vậy nên đến cuối tháng 8 năm 1947 Ban phá hoại ở đây mới bắt đầu hoạt động. Một số đơn vị tự vệ được lệnh phá các công trình kiên cố trên đồi hành chính và đồi quân sự... Ở đây, do chủ trương về mặt công tác này chưa dứt khoát nên kết quả còn hạn chế, đến trước ngày địch mở chiến dịch tấn công Việt Bắc - thu đông 1947, mới phá được một số nhà cửa và đồn bốt tại các khu vực quy định.

Ngoài hai thị xã, quán triệt chủ trương của Đảng, các cấp ủy Đảng và chính quyền cơ sở cũng đã lãnh đạo nhân dân làm tốt công tác phá hoại ở nhiều thị trấn huyện lỵ, khu công nghiệp. Riêng vùng nông thôn rộng lớn, một phong trào toàn dân làm vườn không nhà trồng được chuẩn bị sôi nổi. Sẵn có kinh nghiệm từ cuộc kháng chiến chống Nhật trước đây, đồng bào ta vừa lo đối phó với địch, vừa lo cất giấu lương thực, thực phẩm, sơ tán người già, trẻ em...

Trong khi tập trung sức làm tốt công tác trọng tâm nói trên, Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta đồng thời tiến hành các công tác cần kíp khác như kiện toàn một bước bộ máy các cấp phù hợp với tình hình thời chiến; làm hầm hào, công sự, chuẩn bị trận địa đánh địch, làm các bãi chông chống quân nhảy dù... Tất cả các mặt công tác này đều đòi hỏi phải tập trung cao sức người, sức của trong điều kiện tình hình địa phương còn rất nhiều khó khăn. Ở đây, một lần nữa tinh thần yêu nước và truyền thống cách mạng của một tỉnh căn cứ địa được phát huy. Kết quả, tỉnh ta không những làm tốt những công việc chuẩn bị cần thiết của địa phương mà còn góp phần tham gia khắc phục một số khó khăn của trung ương và các tỉnh bạn

Thực hiện chỉ thị “toàn dân kháng chiến” ngày 22 tháng 12 năm 1946 của Ban thường vụ Trung ương Đảng - “Phải giúp đỡ đồng bào tản cư” - tỉnh thành lập Ủy ban tản cư di cư. Phát huy truyền thống “lá lành đùm lá rách” Ủy ban tản cư và di cư đã tổ chức đón tiếp, bố trí chỗ ở và công ăn việc làm cho gần 63000 đồng bào các tỉnh bạn tản cư đến tỉnh ta; cứu tế trên năm triệu đồng cho hơn mười nghìn người, tổ chức và điều khiển các trại sản xuất của đồng bào tản cư...

II

CUỘC CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ QUÊ HƯƠNG

1. Quân và dân tỉnh ta trong chiến dịch Việt Bắc - Thu đông 1947.

Sau sáu tháng kháng chiến, quân và dân cả nước ta đã tiêu diệt 16000 tên địch và làm cho nước Pháp kiệt quệ sau đại chiến thế giới lần thứ hai, phải tiêu tốn một khoản ngân sách lớn mười tám tỷ phơ rãng. Trước tình hình này, tháng 5 năm 1947, chính phủ Pháp phải triệu hội tên thượng xứ Đắc Giang Li ơ. Cuộc xâm lược với âm mưu “đánh nhanh thắng nhanh” của địch nếm mùi thất bại bước đầu.

Tuy vậy, bọn thực dân chưa từ bỏ dã tâm xâm lược, chúng vẫn ôm ấp nhiều ý đồ đen tối. Sau khi ráo riết bắt lính, đưa tổng số quân viễn chinh lên tới 125000 tên và tăng cường các phương tiện chiến tranh, ngày 10 tháng 9 năm 1947, Bô la - kẻ thay chân Đắc Giang Li ơ- đã đọc một bài diễn văn tại thị xã Hà Đông, ngang ngược phủ nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta và phơi bày ý đồ mới của bọn thực dân cuồng chiến.

Về những âm mưu mới của địch, trong chỉ thị ngày 15 tháng 9 năm 1947 “Bô La nói gì? Ta phải làm gì ?” Ban thường vụ Trung ương Đảng chỉ rõ ; quân địch có thể “đánh xuyên mũi dùi, đánh vòng thật rộng, nhảy dù đổ bộ sau lưng ta”⁽¹⁾

Đúng như Trung ương dự đoán, ngày 7 tháng 10 năm 1947 thực dân Pháp tiến công Việt Bắc. Cuộc tiến công của địch chia làm hai bước. Bước một (kế hoạch Lê A) bao vây Việt Bắc. Bước hai (kế hoạch Cơ lô Cơ lô) càn quét vùng địa giới ba tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang - Bắc Cạn. Với cuộc phiêu lưu quân sự này, địch âm mưu phá các cơ quan đầu não của Đảng, Nhà nước ta, tiêu diệt bộ đội chủ lực, khủng bố nhân dân vùng căn cứ địa, đặt lại ách thống trị thực dân.

⁽¹⁾ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương; Văn kiện Đảng (từ 25/11/1945 đến 31/12/1947), Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1969, tr 146.

Do vị trí đặc biệt của mình, tỉnh ta là vùng trọng điểm trong các kế hoạch của địch. Mở đầu cuộc hành quân ngày 7 và ngày 8 tháng 10 năm 1947 binh đoàn đổ bộ đường không với gần 2000 quân do tên trung tá Sô va nhắc chỉ huy nhảy dù xuống Bắc Cạn, Chợ Mới và Chợ Đồn. Sau đó, ngày 15 tháng 10, từ thị xã Bắc Cạn kéo quân lên chiếm đóng Phủ Thông (Bạch Thông); ngày 16 tháng 10 từ Phủ Thông kéo lên chiếm đóng huyện lỵ, Chợ Rã, cùng ngày quân địch từ Cao Bằng theo quốc lộ số ba (3A và 3B) kéo xuống chiếm đóng Bành Trạch (Chợ Rã), Bằng Khẩu, Nà Phặc và huyện lỵ Ngân Sơn.

Tuy Trung ương Đảng đã có dự đoán trước những âm mưu của địch, nhưng cơ sở vẫn “chủ quan, cho rằng địch không dám tấn công táo bạo, chưa dám đánh Việt Bắc, không dám nhảy dù, đổ bộ xa căn cứ” nên trước hành động phiêu lưu của địch đã có những báo động ⁽¹⁾. Thị xã Bắc Cạn nơi chịu mũi địch tình hình rất khó khăn. Các lực lượng vũ trang tại chỗ tuy đông và được trang bị khá nhưng do chủ quan nên từ đầu không tranh thủ được những điều kiện khách quan thuận lợi, bỏ lỡ cơ hội diệt địch. Cán bộ và nhân dân các cơ quan, kho tàng, xí nghiệp của Trung ương và của tỉnh (bao gồm các nhu yếu phẩm như gạo, vải, dầu...) còn lại trong thị xã bị cuộc tấn công của địch uy hiếp.

Trước cuộc tiến quân ồ ạt của địch vào căn cứ địa Việt Bắc, ngày 8 tháng 10 năm 1947 Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi đồng bào và các lực lượng vũ trang ra sức chiến đấu tiêu diệt địch. Phân tích ý đồ của bè lũ thực dân, lấy tỉnh ta làm nơi gặp nhau của hai cánh quân, tạo thành một cái ô bao vây Việt Bắc sau đó, cụp ô, đánh phá các cơ quan đầu não của Đảng và Nhà nước ta. Hồ Chủ tịch chỉ rõ; địch mạnh về hai gọng kìm, gọng kìm mà gãy thì ô cụp sẽ thành ô rách.

Ngày 15 tháng 10 năm 1947 Ban Thường vụ trung ương Đảng ra chỉ thị “phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp”. Ban chỉ thị vạch rõ; “Cuộc tấn công này của địch không chúng tỏ chúng mạnh, có đủ sức đánh ta

⁽¹⁾ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: Văn kiện Đảng (từ 25/11/1945 đến 31/12/1947), Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1969, tr 168

khấp các mặt trận, mà tỏ ra chúng yếu, phải mạo hiểm”. Nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta là phải “làm cho địch thiệt hại nặng để không thể gượng lại được sau chiến dịch mùa đông này; giữ vững chính quyền của ta, phá vỡ bất cứ chính quyền bù nhìn nào”⁽¹⁾

Thực hiện chỉ thị của Ban thường vụ Trung ương Đảng, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta đã vượt qua những khó khăn ban đầu, nhanh chóng ổn định tổ chức và chủ động đánh địch.

Ngày 7 tháng 10 năm 1947, ngay sau khi rút ra khỏi thị xã, một số đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban tỉnh cùng với các đồng chí chỉ huy Tỉnh đội, Huyện đội dân quân họp khẩn cấp tại Bản Áng xã Dương Quang (Bạch Thông). Sau khi sơ bộ nhận định tình hình, hội nghị đề ra những công việc cần kíp trước mắt như lập tức huy động các lực lượng vũ trang ra chiến đấu với địch; di chuyển các cơ quan, kho tàng, xí nghiệp xung quanh thị xã đến những nơi an toàn, bảo vệ, giúp đỡ và hướng dẫn nhân dân tản cư...

Ngày 9 tháng 10 năm 1947 Ban thường vụ Tỉnh ủy Bắc Cạn họp tại Bản Đán, xã Đôn Phong (Bạch Thông) Ngoài các quyết định tại hội nghị Bản Áng, căn cứ chỉ thị “phát động du kích chiến tranh” ngày 7 tháng 10 năm 1947 của đồng chí Trường Chinh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ ra những nhiệm vụ liên quan khác như tổ chức liên lạc với Khu, bảo vệ và giúp dân gặt lúa; vận động nhân dân làm vườn không nhà trống, triệt để thực hiện khẩu hiệu không làm việc, không tiếp tế, không dẫn đường cho địch; tổ chức phá hoại giao thông.

Thực hiện các nghị quyết trên, Đảng bộ và nhân dân Bắc Cạn tập trung sức vào việc bảo vệ và di chuyển nhiều cơ quan, kho tàng, công xưởng của Trung ương và của tỉnh tại các thị xã, thị trấn, ven quốc lộ đến những nơi an toàn. Một phong trào toàn dân làm vườn không nhà trống, tập trung thu hái lúa mùa đang chín rộ được phát động và hưởng ứng rộng rãi.

⁽¹⁾ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: Văn kiện Đảng (từ 25/11/1945 đến 31/12/1947), Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1969, tr 158 ; 159

Trên mặt trận quân sự, tiếp sau các chiến công trong ngày 7 tháng 10 năm 1947 của Đoàn cảnh vệ Bắc Cạn đại đội độc lập huyện Bạch Thông, dân quân, du kích Thanh Mai diệt bọn nhảy dù bị lạc, ngăn chặn địch từ vị trí nông ra cướp phá, quân và dân tỉnh ta đã nhanh chóng tiến lên giành thế chủ động chiến trường, tích cực phá hoại giao thông, tổ chức nhiều cuộc phục kích, tập kích tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, trong đó có những trận thắng rất vang dội.

Ngày 9 tháng 10, địch đưa hàng trăm quân định cướp các kho tàng, công xưởng của ta ở xã Yên Đĩnh, huyện Bạch Thông (nay thuộc Phú Lương). Kiên quyết bảo vệ tài sản của Nhà nước và của nhân dân trung đội du kích bán thoát ly xã Yên Đĩnh, hai tiểu đội du kích thị trấn Chợ mới, có sự phối hợp của một tiểu đội bộ đội chủ lực đã tổ chức phục kích tại một đoạn hiểm yếu trên quốc lộ số ba, cách thị trấn Chợ Mới khoảng một ki lô mét, diệt hàng chục tên, buộc địch phải quay về nơi xuất phát. Do thất bại này, chúng phải gọi máy bay đến ném bom vùng Yên Đĩnh. Phát huy kết quả bước đầu, ngày 13 tháng 10 năm 1947 lực lượng nói trên lại phục kích tại km 125 và km 128 trên quốc lộ số ba buộc quân địch phải quay trở lại Chợ Mới. Cũng trong những ngày giữa tháng mười này, du kích Cao Kỳ (Bạch Thông đánh một trận giòn giã ngay tại xã mình. Khéo chọn một đoạn đường hiểm yếu dưới là vực sâu, trên là dốc thành vại đơn vị du kích của xã đã dùng địa lôi phá hỏng nặng ba xe, diệt hơn năm mươi tên địch.

Ngoài các trận phục kích, tập kích nói trên, quân và dân ta còn đánh địch nhiều trận ở xung quanh thị xã Bắc Cạn, thị trấn Phủ Thông, phục kích trên đường Bắc Cạn đi Chợ Đồn, quấy rối địch ở các cứ điểm Ngân Sơn và Chợ Rã...diệt hàng chục tên. Mặt trận đường số ba trở thành một trong những thiên la, địa võng của cuộc phản công địch tại khắp căn cứ địa Việt Bắc.

Sau hơn một tháng mở cuộc tấn công lên Việt bắc, địch không những không đạt được một mục đích nào, mà đội quân hơn 20.000 tên - lực lượng tinh nhuệ nhất trong hải, lục, không quân của chúng - ngày càng lâm vào tình trạng khốn đốn. Gọng kìm bao vây Việt Bắc từ phía tây bị bẻ gãy. Ý đồ hội

quân tại Chợ Đồn của địch bị phá sản. Do đó, trung tuần tháng 11 năm 1947 quân địch buộc phải rút bỏ các cứ điểm lẻ tại các châu, huyện phía bắc như Chợ Đồn, Chợ Rã...



Máy bay định cắt dây điện thoại ở Thái Nguyên.

Bị giáng trả đích đáng nhưng quân địch vẫn điên cuồng lao vào cuộc phiêu lưu quân sự.

Ngày 24 tháng 11 năm 1947 chúng cho một cánh quân khoảng 300 tên từ Chợ mới kéo xuống chiếm đóng Phố Ngũ và Quán Vuông (Định Hóa) nhằm thực hiện bước hai của chiến dịch.

Ngay sau khi quân bộ chiếm Phố Ngũ và Quán Vuông, 8 giờ ngày 26 tháng 11 năm 1947 địch cho hai mươi bốn máy bay đánh phá và thả quân xuống La Hiên (Võ Nhai). Cùng ngày các lực lượng đồ bộ đường không tiếp tục chiếm Tràng Xá (võ Nhai); Cù Vân (Đại Từ). Số quân chiếm đóng năm vị trí nói trên lên tới 2600 tên.

Trong khi quân dù chiếm Tràng Xá, La Hiên và Cù Vân thì quân bộ gồm một binh đoàn do tên Ghi rô chỉ huy từ Hà Nội, chia làm nhiều mũi tiến chiếm Thanh Xuyên, Sơn Cốt, Phù Lôi (Phổ Yên). Quân địch từ Phúc Yên cũng men theo dãy Tam Đảo đánh lên tây nam Đại Từ. Đến đầu tháng 12 năm 1947 địch rải quân đóng tới ba mươi hai địa điểm khắp các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Võ Nhai, Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương, Định Hóa, cả Bắc Cạn và Thái Nguyên là chiến trường. Cùng với quân và dân năm huyện phía bắc, quân và dân bảy huyện phía nam trực tiếp đánh địch, góp phần vào cuộc phản công trong chiến dịch Việt bắc - thu đông 1947.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 1947, trùng trị lũ lính dù, quân và dân Võ Nhai, Đại Từ đã chiến đấu dũng cảm diệt nhiều địch. Tại Võ Nhai tuy lực lượng rất chênh lệch, nhưng bộ đội và du kích đã chủ động tiến công, diệt tại chỗ mười một tên, làm bị thương gần ba mươi tên khác...Phát huy truyền thống cách mạng của địa phương, trận đầu đánh địch bảo vệ quê hương, đã xuất hiện những gương chiến đấu rất dũng cảm.

Do tương quan lực lượng chênh lệch, về cuối cuộc chiến đấu ngày 26 tháng 11 (1947) của bộ đội và du kích La Hiên trở nên bất lợi, một số cán bộ, chiến sĩ hy sinh, vũ khí thiếu, trong khi quân địch được tăng cường vẫn tiến công dữ dội. Các chiến sĩ lọt vào vòng vây phải rút xuống hầm. Một du kích khi rút xuống hầm bị địch phát hiện. Chúng đổ xô đến bao vây, dụ hàng. Quyết không đội trời chung với giặc, đồng chí này đã đội hầm lên, đánh vỡ mặt quân

địch, diệt tại chỗ bốn tên, thoát vào rừng; bị thương nặng vẫn mang đủ vũ khí của mình và của đồng đội đã hy sinh về nộp cho Ban chỉ huy xã đội.

Những ngày cuối tháng 11, đầu tháng 12 năm 1947, quân và dân tỉnh ta đánh hàng chục trận, trong đó có những trận thắng giòn giã, diệt nhiều địch, thu chiến lợi phẩm, bảo vệ vững chắc căn cứ.

Ngày 28 tháng 11 năm 1947, quân Bô Phơ rê càn vào phía tây Định Hóa. Bọn chúng dự định sẽ vượt biên giới Tuyên - Thái, càn tiếp sang Sơn Dương (Tuyên Quang). Nắm được ý đồ của địch, quân ta tổ chức trận địa phục kích ở đèo Kim diệt gần một trăm tên, chặn đứng cuộc hành quân của địch. Không sang được Sơn Dương (Tuyên Quang), ngày 29 tháng 11 năm 1947, cánh quân trên theo đường qua Phú Minh kéo xuống Đại Từ. Nhưng tại khu vực Quán Ông Già (Phú Minh) bọn chúng lại bị bộ đội và du kích đánh quyết liệt, diệt mười hai tên, làm bị thương hàng chục tên khác. Không qua được Phú Minh, quân địch phải quay về đóng ở Quảng Nạp (Định Hóa).

Trên vùng rừng núi phía bắc, đêm 30 tháng 11 năm 1947, một đại đội bộ đội chủ lực, phối hợp với trung đội du kích thị xã Bắc Cạn tập kích vị trí địch ở thị trấn Phủ Thông. Quân ta bí mật tiếp cận, diệt lính gác, xung phong vào đồn. Phần lớn bọn địch nằm trong các nhà bạt đều phải đền tội. Những tên sống sót chạy tán loạn. Trong trận này ta diệt khoảng năm mươi tên địch, phá doanh trại và thu một số vũ khí.

Chiến thắng Phủ Thông đêm 30 tháng 11 năm 1947, tuy số địch bị diệt không nhiều, nhưng là chiến thắng có ý nghĩa rất quan trọng. Trên mặt trận đường số ba đây là lần đầu tiên quân địch bị diệt ngay tại sào huyệt. Vì thế đòn trừng phạt này làm rung động cả hệ thống đồn bốt địch. Quân và dân ta sau thắng lợi đầu tiên trong trận công kiên rất phấn khởi, tin tưởng.

Bị tiến công trên khắp các chiến trường, bị thiệt hại và khôn đốn nhiều mặt, đầu tháng 12 năm 1947 quân địch phải lần lượt rút quân, kết thúc nhục nhã bước hai của chiến dịch (ngày 6 tháng 12 năm 1947 rút hết khỏi Định Hóa; ngày 7 tháng 12 rút khỏi Võ Nhai...) Phát huy những thắng lợi đã giành được, quân và dân ta tiến lên truy kích bọn địch rút chạy. Tại Định Hóa, bộ

đội và du kích đánh tất cả năm trận, diệt hàng trăm tên. Bị thương vong nhiều, địch phải cho máy bay liều mạng hạ cánh xuống Quảng Nạp để chở xác đám sĩ quan và bọn bị thương về Hà Nội. Từ địa đầu phía nam của căn cứ địa Việt bắc, quân và dân Phổ Yên phối hợp chặt chẽ, đánh địch ngay trong phố Cò, diệt mười lăm tên, làm bị thương nhiều tên khác.

Giữa lúc địch đang lúng túng buộc phải rút dần khỏi tỉnh ta, ngày 15 tháng 12 năm 1947, quân ta đánh một trận giòn giã khác tại đèo Giàng (km 187 – 188 trên đường số ba). Khoảng chín giờ sáng, hai mươi hai xe (gồm xe tăng, xe vận tải, xe díp) lọt vào trận địa bày sẵn của quân ta. Ngay từ loạt đạn đầu, một xe đã bị phá hủy, một trung úy cùng nhiều lính địch phải đền tội. Sau ít phút dùng hỏa lực ghim đầu quân thù xuống mặt đường, quân ta xóc lưỡi lê ào ạt xung phong. Trong trận này, ta phá mười bảy xe, diệt sáu mươi tên (có hai trung úy), thu một số vũ khí, quân trang và hai triệu bạc Đông Dương. Đèo Giàng đi vào lịch sử như một địa danh gắn liền với một trong những chiến công oanh liệt nhất của cuộc phản công trong chiến dịch Việt bắc - thu đông 1947. Liên tiếp bị trừng trị đích đáng, quân địch phải từ bỏ ý đồ chiếm đóng lâu dài nhiều nơi ở các huyện phía nam tỉnh ta và rút nhanh về xuôi. Trên đường tháo chạy, vì lo bị truy kích, quân địch hành quân quanh co nhằm che đậy chủ trương rút quân. Tuy vậy, chúng vẫn không tránh khỏi bị trừng trị. Cả hai binh đoàn Bô phơ và Sô va nhắc phải bỏ lại dọc đường nhiều quân trang, quân dụng cũng như xác đồng bọn. Ngày 21 tháng 12 năm 1947 sau gần một tháng kiên cường đánh địch, cả bảy huyện phía nam được giải phóng.

Ngày 22 tháng 12 năm 1947, giữa thị xã Thái Nguyên vừa được thu hồi, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức. Quân và dân Thái Nguyên phấn khởi chuyển lên Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu món quà chiến thắng đáng chú ý; diệt tại chỗ gần 500 tên địch, làm bị thương hơn 200 tên khác, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, góp phần quan trọng làm phá sản kế hoạch mang mật danh Cơ lô - Cơ lô của địch.

2. Chủ động đánh địch, Giải phóng toàn tỉnh.

Tình hình sau chiến dịch Việt Bắc, như hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ hai (tháng 10 năm 1951) nhận định; thấy không thể giải quyết chiến tranh một cách nhanh chóng quân địch đã “chuyên từ tấn công sang phòng ngự, cuộc chiến tranh trở nên toàn diện”, chúng “chú ý đánh ta về chính trị và kinh tế hơn trước”⁽¹⁾

Kế hoạch tiến công Việt Bắc của địch đã thất bại, nhưng để phục vụ cho những âm mưu chính trị và quân sự nham hiểm, chúng vẫn cho quân đóng lại và củng cố năm cứ điểm tại tỉnh ta là thị xã Bắc Cạn, thị trấn Phủ Thông (Bạch Thông), Nà Phặc, huyện lỵ, Ngân Sơn và Bằng Khẩu (ngân Sơn). Ngoài ra, nhằm giữ con đường số ba đoạn từ thị xã Bắc Cạn đến đèo Cao - Bắc, chúng còn lập một số đồn bốt khác như Nà Tu (Bạch Thông); Bành Trạch (Chợ Rã); Lũng Vài, Lũng Phải, Khuổi Đăm (Ngân Sơn). Trong thị xã Bắc Cạn địch luôn duy trì một lực lượng trên dưới 500 tên, các vị trí Phủ Thông, Nà Phặc, huyện lỵ Ngân Sơn trên dưới 200 tên. Riêng Bằng Khẩu lúc đầu là vị trí nhỏ, nhưng sau mấy lần bị ta tập kích, chúng vội vàng tăng quân, hình thành một cụm gồm hai vị trí sẵn sàng ứng cứu cho nhau. Vào những thời kỳ bị ta uy hiếp mạnh, số lính địch ở Bằng Khẩu lên tới 600 tên. Tại tất cả các cứ điểm, quân địch đều có hỏa lực mạnh (đại bác 37; 75; 105 ly...) và hệ thống lô cốt, hầm hào kiên cố.

Đồng thời với việc tăng cường lực lượng quân sự, quân chiếm đóng xúc tiến những âm mưu nham hiểm về chính trị. Ngày 10 tháng 7 năm 1948 chúng thành lập cái gọi là “Liên bang Tày - Nùng miền bắc Đông Dương” bao gồm khu vực Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Cạn và một phần Bắc Giang. Tại cứ điểm Bắc Cạn, địch đưa ra một tên tay sai cũ và nặn ra một chính quyền có tính chất tượng trưng ở cấp tỉnh.

⁽¹⁾ Nghị quyết quân sự của Đảng 1930-1960, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1969, tr. 116.

Từ các cứ điểm, quân giặc ngày đêm quấy phá vùng tự do của ta. Chúng đưa quân càn quét ra xung quanh vị trí và dọc các trục giao thông, cướp của, giết người, gây thêm nhiều tội ác đẫm máu.

Để đối phó với tình hình mới, thực hiện nghị quyết hội nghị ban chấp hành Trung ương Đảng (mở rộng) họp trung tuần tháng 1 năm 1948, tháng 2 năm 1948, Ban chấp hành tỉnh ở Thượng Minh (Chợ rã). Trên cơ sở quán triệt nghị quyết của Trung ương. Hội nghị quân sự quyết định tiếp tục củng cố dân quân, du kích, đồng thời ra sức xây dựng bộ đội chủ lực, chủ động mở chiến dịch, đánh mạnh trên các trục giao thông, uy hiếp chúng trong các cứ điểm, đặc biệt là Phủ Thông và thị xã Bắc Cạn; kết hợp giữa tiến công quân sự với tiến công chính trị và tích cực bao vây kinh tế địch.

Thực hiện nghị quyết hội nghị quân sự Thượng Minh, quân và dân Bắc Cạn đã đưa cuộc kháng chiến tiến tới những bước phát triển mới.

Trước hết, Đảng bộ và nhân dân ta chủ động, sáng tạo đối phó với những âm mưu của địch về chính trị, như dựng lại bộ máy tay sai; chia rẽ dân tộc; ly gián hàng ngũ kháng chiến...Rất nhiều truyền đơn vạch trần âm mưu của địch, vạch mặt, cảnh cáo bọn việt gian được đưa vào các thị xã, thị trấn địch còn chiếm đóng đồng thời trừng trị nghiêm khắc những tên ngoan cố. Tại Bằng Khẩu, bọn người hoa từng hoạt động trong tổ chức Nam dương Hoa kiều hiệp hội của Tưởng, trở thành tay sai rất đắc lực của Pháp. Chúng giúp Pháp liên hệ với số phi ở Chợ Rã và Nguyên Bình (Cao Bằng); chỉ điểm cho quan thầy khủng bố, càn quét; nhận vũ khí của Pháp để chống cách mạng và cướp bóc của cải của nhân dân...Thực hiện chủ trương phá tề, trừ gian của tỉnh, bộ đội địa phương và dân quân du kích được quần chúng giúp đỡ đã trừng trị hơn ba mươi tên và cảnh cáo nhiều tên khác.

Tiến công địch về phương diện kinh tế, đồng bào các dân tộc triệt để tiêu thổ kháng chiến xung quanh vị trí địch và dọc các trục giao thông, không để bọn chúng lợi dụng nguồn lương thực, thực phẩm tại chỗ. Thành tích này của đồng bào ta có một ý nghĩa quan trọng. Hàng nghìn quân chiếm đóng gặp khó

khăn về lương thực, thực phẩm. Hậu cần cho bọn này ngày càng trở thành một gánh nặng mà quân xâm lược không thể chịu đựng lâu dài.

Trên mặt trận quân sự, thực hiện nghị quyết hội nghị Thượng Minh, Ban huy động dân công các cấp được thành lập. Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng, đồng bào các dân tộc, từ vùng thấp đến vùng cao, đã hăng hái đi dân công vận tải lương thực, vũ khí phục vụ bộ đội và du kích đánh địch.

Công tác phá hoại giao thông được chú trọng từ tháng 11 năm 1947. Sau chiến dịch Việt bắc - thu đông 1947, công tác này tiếp tục được đẩy mạnh. Tháng 12 năm 1947 Ban phá hoại các cấp được củng cố hoặc thành lập mới. Đầu năm 1948, để phục vụ cho chiến dịch xuân hè (1948). Đảng bộ quyết định tập trung sức hoàn thành việc phá hoại giao thông. Thực hiện chủ trương này trong một thời gian ngắn hàng chục nghìn dân công tập trung ra mặt đường. Kết quả riêng quốc lộ số ba ta đã phá nát gần 200km từ cầu Đa Phúc đến đèo Cao - Bắc. Ngoài ra, các đường liên tỉnh, nội tỉnh như đường 28 (Phủ thông đi Chợ Rã); đường 29 (Bắc Cạn đi Chợ Đồn); đường 1B (Thái Nguyên qua Võ Nai); đường 13 (Phú Lương qua Đại Từ); đường 19 (Thái Nguyên qua Hà Châu)...cũng lần lượt phá xong. Trong chiến dịch này tính riêng năm huyện thuộc Bắc Kạn, hơn bảy mươi nghìn đồng bào các dân tộc ở đây đã đóng góp trên năm mươi nghìn ngày công vào việc phá hoại giao thông, đào gần một trăm nghìn hố cản xe tăng và ô tô với tổng khối lượng trên hai trăm nghìn mét khối đất đá.

Sau khi tiến hành các công việc chuẩn bị cần thiết. Quân và dân ta mở chiến dịch xuân hè (1948). Mở đầu chiến dịch này một đại đội bộ đội chủ lực phối hợp với đơn vị du kích tập trung huyện Ngân Sơn tiến công tiêu diệt các vị trí lẻ ở Lũng Vài. Lũng Phải, Khuổi Đăm và tập kích vào phố Bằng Khẩu, diệt phần lớn số lính địch đóng ở đây.

Phát huy thắng lợi các trận mở màn, được sự tăng viện của một số đơn vị chủ lực, từ trung tuần tháng 3 (1948), quân và dân ta liên tiếp tổ chức các trận phục kích tập kích trên toàn mặt trận đường số ba.

Đêm 13 tháng 3 (1948), quân ta pháo kích vị trí địch ở Phủ Thông, phá sập phần lớn công sự và doanh trại trong cứ điểm, diệt gần bảy mươi tên. Bọn địch ở thị xã Bắc Kạn kéo lên ứng cứu, bị bộ phận chặn viện đánh quyết liệt, diệt nhiều tên, buộc phải quay lại thị xã. Lo sợ quân ta tiêu diệt vị trí Phủ Thông, quân địch phải vội vàng cho máy bay liều mạng hạ cánh xuống đây, tiếp tế lương thực, vũ khí và chở thương binh về Hà Nội.

Tiếp sau chiến thắng Phủ Thông, để thiết thực kỷ niệm ngày quốc tế lao động (1 tháng 5) một tiểu đoàn thuộc trung đoàn 72 (Bắc -Thái), phối hợp với các lực lượng dân quân, du kích huyện Bạch Thông, tổ chức trận phục kích trên một chặng hiểm yếu của quốc lộ số ba cách thị xã Bắc Kạn mười bốn ki - lô -mét về phía bắc. Đợi cho một đoàn vận tải lớn gồm sáu mươi tư xe lọt vào trận địa, quân ta mới cho nổ địa lôi, sau đó từ bên đường súng các loại nhất loạt bắn tạt sườn. Ngay từ đầu, bốn xe bị phá hủy, nhiều tên địch phải đền tội. Trong trận này du kích bố trí ở khu vực riêng, chiến đấu rất dũng cảm. Kết quả sau hơn ba mươi phút đánh địch quyết liệt, quân ta diệt hơn sáu mươi tên, phá hủy bốn xe. Sau trận này việc liên hệ và tiếp tế bằng đường bộ giữa các cứ điểm của địch giảm đi rõ rệt. Phần lớn nguồn lương thực, vũ khí cung cấp cho các cứ điểm đều bằng đường không, rất khó khăn, tốn kém.

Những thắng lợi đã giành được, trong đó thắng lợi sau lớn hơn thắng lợi trước, có sức cổ vũ lớn quân và dân ta. Trong không khí mừng vui trên đà chiến thắng ấy, đầu tháng 6 năm 1948 Đảng bộ Bắc Kạn họp đại hội. Trên cơ sở quán triệt nghị quyết hội nghị Trung ương mở rộng tháng 1 năm 1948 và nghị quyết hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ tư tháng 4 năm 1948.Đại hội đề ra phương hướng nhiệm vụ của tỉnh trong tình hình mới. Về đánh địch. Đại hội chủ trương xúc tiến xây dựng lực lượng (gồm bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích), tích cực tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, tiến lên giải phóng toàn tỉnh.

Dưới ánh sáng của nghị quyết Đại hội tỉnh đảng bộ, được sự giúp đỡ của các đơn vị chủ lực hoạt động tại mặt trận đường số ba, bộ đội địa phương và dân quân du kích được kiện toàn một bước về tổ chức, được bổ sung đáng kể

về quân số và trang bị vũ khí. Những cố gắng lớn nhằm tăng cường “thực lực về quân sự” của Đảng bộ có ý nghĩa như là sự đóng góp quan trọng nhất vào chiến thắng xuân - hè (1948) trên mặt trận đường số ba.

Được cổ vũ bởi thắng lợi của Đại hội tỉnh Đảng bộ, đêm 25 tháng 7 năm 1948, lực lượng đã giành thắng lợi trong trận phục kích giao thông ngày 1 tháng 5 (1948) tiến lên đánh địch ở Phủ Thông (Bạch Thông). Sau các loạt pháo bắn phá vị trí địch, xung kích chia làm hai mũi dũng mãnh xông lên. Quân địch bị pháo binh bắn phủ đầu nên chống cự rời rạc. Chiến sĩ ta xông vào đồn dùng dao găm diệt địch. Trong phạm vi vị trí nhỏ hẹp, xác lính địch bị trùng tri nằm ngổn ngang. Bọn sống sót phải rút hết xuống hầm ngầm. Sau gần ba tiếng làm chủ chiến trường, vì thiếu thủ pháo đánh hầm ngầm, quân ta rút. Trong ba lần đánh địch ở Phủ Thông, đây là trận thắng oanh liệt nhất. Số địch bị diệt lên tới gần một trăm tên. Bọn chỉ huy gồm tên đại úy đồn trưởng (Các đi nan) và tên trung úy đồn phó (Sác lốt) đều phải đền tội. Quân ta thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng.

Bọn pháp ở thị xã Bắc Kạn tuy biết đồng bọn ở Phủ Thông bị trùng tri, nhưng lo bị phục kích như mấy lần trước nên không dám ứng cứu. Ba ngày sau, chúng mới cho một đơn vị được trang bị mạnh, dò dẫm từng bước, kéo lên Phủ Thông.

Chiến thắng Phủ thông một lần nữa làm rung động hệ thống cứ điểm của địch trên mặt trận đường số ba, Bộ chỉ huy của địch ở Đông Dương lo lắng, lục đục.

Sau chiến thắng Phủ Thông, quân và dân ta giành lại thế chủ động trên toàn mặt trận đường số ba. Quân địch hoang mang nằm im trong các vị trí và lo củng cố công sự. Tranh thủ điều kiện khách quan và chủ quan thuận lợi này. Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn và huyện Bạch thông xúc tiến xây dựng và củng cố bộ máy Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng và phong trào dân quân du kích ở các xã xung quanh cứ điểm địch như Huyện Tụng, Đào Lâm, Hoa Sơn, Sĩ Bình... Riêng ba xã xung quanh vị trí địch ở Phủ Thông đã xây dựng được một trung đội du kích bán thoát ly gọi là trung đội Đào - Hoa - Sĩ (thành

lập tháng 9 năm 1948, gồm các chiến sĩ người Dao ba xã Đào Lâm, Hoa Sơn, Sĩ Bình). Trung đội du kích Đào - Hoa – Sĩ tuy được thành lập muộn nhưng do tình khách quan thuận lợi nên đã có những đóng góp xứng đáng vào chiến công chung của dân quân du kích tỉnh ta. Ngay sau khi thành lập, tháng 10 năm 1948, đơn vị đã chủ động tổ chức một số trận phục kích, góp phần tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch.

Trong khi sử dụng các lực lượng võ trang liên tiếp tổ chức các cuộc phục kích, tập kích quân địch, làm cho chúng tổng thất và hoang mang, thực hiện nghị quyết của Liên khu ủy Việt bắc, Đảng bộ Bắc Kạn chú ý đẩy mạnh công tác vận động binh lính địch và tăng cường giáo dục nhân dân vùng tạm chiếm. Các Ban địch vận ở thị xã Bắc Kạn và huyện Ngân Sơn được thành lập. Các cán bộ của Ban đi sâu vào vùng tạm chiếm, xây dựng các cơ sở quần chúng, vận động đồng bào không để lương thực, thực phẩm, lọt vào tay địch, kiên quyết chống bắt phu, bắt lính...kết quả là nhiều đồng bào ta mặc dù phải sống trong vòng kiểm tỏa của địch vẫn bí mật gửi ra vùng tự do ủng hộ kháng chiến vải mặc, thuốc chữa bệnh...Trên cơ sở làm tốt công tác vận động giáo dục quần chúng vùng tạm chiến, các Ban địch vận xúc tiến công tác binh vận. Nhiều tề nguỵ bị cảnh cáo được giáo dục không dám thực hiện đúng mệnh lệnh của quan thầy, một số bí mật liên hệ và nhận việc do chính quyền cách mạng giao. Đồng thời với việc phá hoặc làm mất hiệu lực bộ máy tay sai, các Ban binh vận còn đẩy mạnh công tác vận động binh lính Pháp. Nhiều truyền đơn được đưa vào tận doanh trại địch. Các biểu ngữ kêu gọi lính địch phản chiến được trương lên ngay trong các thị xã, thị trấn tạm bị chiếm. Nhiều quần chúng giác ngộ được huy động vào chiến dịch tuyên truyền, vận động binh lính địch. Kết quả trên mặt trận đường số ba ta đã thu hàng được một số lính Âu - Phi làm mất tinh thần đội quân chiếm đóng bị vây hãm đang khốn đốn về nhiều mặt. Hiện tượng phản chiếu tuy chưa phổ biến nhưng đã xuất hiện và ngày càng lan rộng. Do đó kể từ đầu năm 1949 cục diện chiến trường có những thay đổi cơ bản. Quân và dân ta chủ động tổ chức nhiều trận phục kích, tập kích. Chiến tranh du kích trở thành phong trào quần chúng rộng rãi.

Bằng nhiều hình thức sáng tạo, táo bạo, chúng ta liên tiếp gây thương vong và gieo hoang mang cho quân thù ngay trong hậu cứ của chúng.

Mùa hè năm 1949 sau khi nghiên cứu chiến trường, quân và dân ta lại chuẩn bị mở chiến dịch đường số ba, quyết tâm giáng cho quân thù những đòn trừng trị đích đáng, buộc chúng phải từ bỏ âm mưu chiếm đóng lâu dài tỉnh ta. Công việc chuẩn bị tiến công địch, giải phóng thị xã Bắc Kạn- vị trí tiền tiêu của địch trong lòng căn cứ địa Việt bắc - mở màn cho chiến dịch hè - thu 1949, được khẩn trương triển khai. Ban chỉ huy chiến dịch được thành lập. Các đơn vị bộ đội chủ lực tham gia chiến dịch lần lượt rút về phía nam huyện Bạch Thông để chặn chính đội ngũ và quán triệt mục tiêu chiến dịch. Các đơn vị du kích tập trung, dân quân du kích các xã năm huyện phía bắc lên đường ra mặt trận, vận tải lương thực, vũ khí, dụng cụ, lán, phá hoại đường xá, cầu cống xung quanh cứ điểm địch... Tính đến tháng 7 năm 1949 nhân dân các huyện phía bắc đã đóng góp trên 30.000 công và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Đánh hơi được các công việc chuẩn bị to lớn của ta quân địch rất lo sợ. Để tránh trước đòn trừng phạt của quân và dân ta, ngày 9 tháng 8 năm 1949, sau khi phá phách, cướp bóc trong thị xã Bắc Kạn, chúng ngược đường số ba kéo lên Cao Bằng, Quân địch ở Phủ Thông, Ngân Sơn cũng lần lượt tháo chạy.

Được tin quân địch vội vã rút chạy, một tiểu đoàn thuộc binh đoàn 72 (Bắc Thái) được lệnh hành quân truy kích. Ngày 13 tháng 8 năm 1949, quân ta đuổi kịp hậu quân địch vừa rút khỏi Bằng Khẩu (Ngân Sơn). Ở đây, các chiến sĩ binh đoàn 72 (Bắc Thái) đã đánh một trận xuất sắc, giáng cho quân xâm lược đòn trừng trị đích đáng: phá mười lăm xe quân sự, diệt gần một trăm tên, thu nhiều chiến lợi phẩm. Với chiến công này, quân và dân ta chấm dứt hai mươi hai tháng chiếm đóng của địch giải phóng hoàn toàn tỉnh.

Ngày 19 tháng 8 năm 1949, kỷ niệm lần thứ tư cách mạng Tháng Tám thành công, mừng tỉnh nhà được giải phóng, một cuộc mít tinh trọng thể được tổ chức giữa thị xã vừa tan bóng giặc. “thủ đô kháng chiến” kinh qua những

thử thách quyết liệt, tung bùng mừng ngày chiến thắng. Phát huy truyền thống cách mạng của địa phương, trong gần hai năm trực tiếp đương đầu với một đội quân xâm lược luôn luôn ưu thế về quân số và phương tiện chiến tranh, quân và dân năm huyện phía bắc đã chiến đấu giỏi, có những đóng góp xứng đáng vào thành tích chung trong cuộc kháng chiến thần thánh của cả nước; diệt gần một nghìn tên địch, trong đó có tám trăm Âu - Phi, thu và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, góp phần quan trọng làm phá sản những mưu đồ đen tối của chúng.

Nhân dịp Bắc Kạn được giải phóng. Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho toàn thể nhân dân và các lực lượng vũ trang tỉnh ta. Trong thư Người chỉ rõ:

“Sau hai năm ra sức bám lấy Bắc Kạn, ngày nay giặc Pháp đã bị đuổi ra khỏi căn cứ quan trọng ấy.

“Sau hai năm dưới gót giày dã man tàn nhẫn của quân Pháp, ngày nay Bắc Kạn đã được giải phóng.

“Đó là nhờ sự chiến đấu anh dũng của quân đội, nhờ lòng kiên quyết kháng chiến của đồng bào, nhờ đồng bào trong thị xã đã hăng hái hưởng ứng.

“Đó là nhờ quân và dân ta nhất trí, trong đánh ra, ngoài đánh vào mà có thắng lợi ấy.

“Tôi thay mặt Chính phủ gửi lời thân ái khen ngợi bộ đội và dân quân du kích cùng đồng bào Bắc Kạn. Tôi gửi lời thân ái an ủi đồng bào thị xã Bắc Kạn đã được trở lại trong cánh tay yêu mến của Tổ quốc.

“Trong cuộc trường kỳ kháng chiến của ta, lần này là lần đầu tiên, một thị xã quan trọng đã được giải phóng. Cuộc thắng lợi này sẽ làm đà cho những thắng lợi khác to lớn hơn, vẻ vang hơn.

“Tuy vậy, tôi cần nhắc lại, quân và dân ta phải luôn luôn nhớ rằng: càng thất bại thì giặc pháp càng liều mạng, càng dã man. Ta càng gần thắng lợi to, thì càng phải đề phòng gặp khó khăn nhiều.

“Vì vậy, chúng ta tuyệt đối chớ chủ quan khinh địch, chớ sơ suất kiêu ngạo.

“Trái lại, càng thắng lợi, chúng ta càng phải cẩn thận, càng phải đề phòng và chuẩn bị, càng phải cố gắng về mọi mặt, để giải quyết những sự khó khăn mới và để tiến đến thắng lợi hoàn toàn, để tranh lấy thống nhất và độc lập hoàn toàn và thực sự: ⁽¹⁾

3- Chống “chiến dịch chó biển” góp phần vào chiến thắng Biên giới.

Trước những thất bại liên tiếp trên khắp các chiến trường, thực dân Pháp rất lúng túng. Để cứu vãn tình thế ngày càng trở nên bất lợi, năm 1949, chúng tập trung sức thực hiện kế hoạch Rơ ve.

Kế hoạch do tên Rơ ve, tổng tham mưu trưởng quân đội Pháp khởi xướng, được đế quốc Mỹ thông qua. Kế hoạch Rơ ve gồm hai điểm chính: Phong tỏa biên giới phía bắc và cấp tốc bình định đồng bằng Bắc bộ.

Tham vọng của địch trong việc thực hiện kế hoạch Rơ ve là ngăn cản sự chi viện của cách mạng thế giới đối với cách mạng Việt Nam; giành lấy kho người, kho của ở vùng đồng bằng Bắc bộ phì nhiêu, xóa bỏ thành quả kháng chiến ở đây, nhất là chiến dịch tổng phá tề năm 1948, dựng lại nguy quyền, tăng cường nguy quân; mở cửa cho sự can thiệp của Mỹ vào cuộc chiến tranh.

Được đế quốc Mỹ hà hơi, tiếp sức, trong thời gian từ nửa đầu năm 1949 đến giữa năm 1950, thực dân Pháp ráo riết xua quân càn quét đồng bằng Bắc bộ, tăng cường phòng thủ khu tứ giác Lạng Sơn - Tiên Yên - Hải Phòng - Hà Nội, bao vây, chia cắt căn cứ địa Việt bắc với phong trào kháng chiến cả nước.

Trước tình hình mới, Đảng ta chủ trương tăng cường xây dựng bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích. Trên cơ sở đó kết hợp giữa đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng địch tạm chiếm với việc bảo vệ và mở rộng vùng tự do, tích cực tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch và thu hẹp phạm vi chiếm đóng của chúng. Hội nghị toàn quốc của Đảng lần thứ ba họp từ ngày

⁽¹⁾ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng: Bác Hồ với Bắc Thái, Ty văn hóa và Thông tin Bắc Thái xuất bản, 1978 tr 17-18

⁽²⁾ Nghị quyết quân sự của Đảng 1930- 1960, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1959, tr 100.

21 tháng 1 đến ngày 3 tháng 2 năm 1950 quyết nghị : “quét lực lượng địch ra khỏi miền biên giới Bắc bộ”⁽²⁾

Hạ quyết tâm quét sạch địch ở biên giới, khai thông đường liên lạc giữa căn cứ địa Việt bắc với phe xã hội chủ nghĩa, sau thời gian khẩn trương chuẩn bị, ngày 16 tháng 9 năm 1950, quân ta nổ súng đánh Đông Khê (Cao Bằng), mở màn chiến dịch Biên giới lịch sử. Ngày 19 tháng 9 năm 1950, quân ta nổ súng đánh Đông Khê (Cao Bằng), mở màn chiến dịch Biên giới lịch sử. Ngày 19 tháng 9 (1950), cứ điểm địch ở Đông Khê bị quân ta tiêu diệt. Chiến thắng Đông Khê của quân và dân ta làm rung động hệ thống cứ điểm của địch trên mặt trận đường số bốn. Quân địch ở Thất Khê bị uy hiếp, Binh đoàn Sác tông chiếm đóng thị xã Cao Bằng lâm vào tình trạng bị bao vây chia cắt. Vì thế, sau khi Đông Khê thất thủ, Bộ chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp quyết định rút bỏ thị xã Cao Bằng. Đồng thời, nhằm thu hút bộ đội chủ lực của ta từ biên giới phía bắc về phía nam, cứu nguy cho các lực lượng tinh nhuệ của hệ thống cứ điểm trên mặt trận đường số bốn, quân địch vội vã vớt các lực lượng dự bị chiến lược ở đồng bằng Bắc bộ gồm năm tiểu đoàn (3 000 quân), mở chiến dịch mang mật danh “chó biển” (Pho que), tấn công lên Thái Nguyên.

Trước đó, để thăm dò hướng chiến dịch và lực lượng quân sự của ta, thực dân Pháp đã nhiều lần cho quân từ Phúc Yên và Vĩnh Yên, tiến công lên phía nam Phở Yên. Lần thứ nhất, ngày 9 tháng 1 năm 1950, từ Kim Anh, một tiểu đoàn địch đánh lên Hạ Đạt xã Hợp Thành: Lần thứ hai, ngày 4 tháng 3 (1950), hai tiểu đoàn địch từ Đa Phúc đánh lên xã Trung Thành. Lần thứ ba, ngày 20 tháng 3 (1950), hơn hai trăm tên, từ Nỉ đánh lên Trung Thành. Lần thứ tư, ngày 18 tháng 4 (1950), hai tiểu đoàn địch, có máy bay yểm trợ, từ Kim Anh đánh lên Hạ Đạt xã Hợp Thành... Kiên quyết bảo vệ địa đầu phía nam của căn cứ địa Việt Bắc, bộ đội địa phương và dân quân du kích đã dũng cảm đánh địch. Riêng bốn cuộc địch xâm phạm vùng tự do của ta trong sáu tháng đầu năm 1950, quân và dân Phở Yên đã diệt gần ba chục tên, làm bị thương nhiều tên khác, buộc địch phải vội vàng rút khỏi địa phận tỉnh ta.

Mở màn, chiến dịch “chó biển” ngày 29 tháng 9 năm 1950, quân thủy, bộ của địch chia làm ba mũi tiến công lên phía nam và tây nam của tỉnh. Mũi thứ

nhất theo quốc lộ số ba đánh lên Thuận Thành. Trung Thành (Phổ Yên). Mũi thứ hai vượt đèo Nhe đánh sang Phúc Thuận (Phổ Yên) sau đó kéo ra Thịnh Đức, Thịnh Đán (Đồng Hỷ). Mũi thứ ba theo sông Cầu đánh lên Hà Châu (Phú Bình).

Phối hợp với các lực lượng thủy, bộ, ngày 1 tháng 10 năm 1950 địch cho quân đổ bộ đường không nhảy dù xuống Đồng Bầm, sau đó kéo vào chiếm thị xã.

Trước hành động phiêu lưu mới của địch, thực hiện lời huấn thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 2 tháng 9 năm 1950 - “Phải ra sức giết giặc lập công, để hết sức tiêu diệt địch, khiển chế địch, không cho chúng tiếp viện cho mặt trận Cao-Bắc- Lạng”⁽¹⁾ Ban thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên kịp thời lãnh đạo quân và dân trong tỉnh ra sức thi đua “giết giặc lập công”. Căm thù quân xâm lược, nhưng rất phấn khởi, tin tưởng và quyết tâm chi viện cho mặt trận Cao -Bắc - Lạng, quân và dân ta đã đánh địch quyết liệt khi chúng ta vừa đặt chân lên đại đầu phía nam của căn cứ Việt Bắc thần thành.

Ngày 29 tháng 9 năm 1950, bọn theo sông Cầu vừa đến bến đò Hà Châu đã bị quân và dân Phú Bình chặn đánh, diệt mười hai tên, làm bị thương tám tên khác. Vấp phải trận phục kích đầu tiên, quân giặc vội vàng bỏ ca nô, dò dẫm theo đường bộ men sông Máng kéo lên. Nhưng chúng vẫn không tránh khỏi bị trừng trị. Khi toán quân này vừa lên đến kè Đá Gân (Phú Bình) lại bị quân và dân ta chặn đánh một lần nữa. Trong trận Đá Gân này, bốn mươi lăm tên địch phải đền tội, hàng chục tên khác bị loại khỏi vòng chiến đấu. Tại khu vực xung quanh thị xã, bộ đội địa phương và dân quân du kích đã đánh địch nhiều trận ở lưu Xá, Gia Sàng, Đồng Quang...

Ngày 1 tháng 10 năm 1950, sau khi chiếm thị xã Thái Nguyên hoang vắng, quân địch càn ra các vùng xung quanh. Nhưng đến đâu chúng cũng bị bộ đội chủ lực (E 246), bộ đội địa phương và dân quân du kích trừng trị đích

⁽¹⁾ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng: Bác Hồ với Bắc Thái, Ty văn hóa và Thông tin Bắc Thái xuất bản, 1978 tr 19

đáng. Riêng hai cánh quân càn vào Thịnh Đán (Đồng Hỷ); càn vào làng Hà xã Phúc Xuân (nay thuộc xã Phúc Hà Huyện Đồng Hỷ) lên An Khánh (Đại Từ), đã ba lần bị phục kích làm gần năm mươi tên chết và bị thương. Bọn địch chột trong thị xã cũng không được ăn ngon ngủ yên. Thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “phải luôn luôn bám sát, tiêu diệt địch”, dân quân du kích, bộ đội địa phương đã tổ chức quấy rối, bắn tỉa, gây thương vong và buộc địch phải sống trong tình trạng thường xuyên căng thẳng.

Hòa nhịp với tiếng súng đánh địch trên mặt trận đường số bốn, từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 10 tháng 10 (1950), quân và dân tỉnh ta đã đánh sáu mươi trận lớn nhỏ, diệt gần sáu trăm tên, làm bị thương khoảng một trăm tên khác,



Bác Hồ nói chuyện với cán bộ và nhân dân Bắc Kạn (1951)

bắn rơi một máy bay, phá hủy ba ca nô, bắn chết và bắt sống hơn bảy mươi con lừa, ngựa của địch.

Bị tổn thất nặng, trong khi không thực hiện được ý đồ đỡ đòn cho mặt trận đường số bốn, ngày 10 tháng 10 năm 1950 quân địch buộc phải rút chạy khỏi thị xã Thái Nguyên và hai ngày sau (12-10-1950) rút hết khỏi địa phận tỉnh ta.

Chống lại cuộc tiến công của địch là một cơ hội thuận lợi để quân và dân ta chi viện cho chiến dịch Biên giới ngược lại, kẻ địch với “chiến dịch chó biển” đã tự chuốc lấy thêm một thất hại thảm hại. Chính tên Mác Săng, tư lệnh hành quân Bắc Kỳ, phải thú nhận: “...Cuộc hành quân trở thành rất vô ích”.

4- Cuộc vận động tiêu phi.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, bắc Chợ Rã là nơi luôn luôn tập trung sự quan tâm, lo lắng của Đảng bộ và nhân dân Bắc Kạn.

Vùng đất phía bắc huyện Chợ Rã (nay thuộc Cao Bằng) gồm hơn mười xã, nằm giữa một miền núi non trùng điệp với hàng chục ngọn núi cao trên dưới một nghìn mét, cá biệt có ngọn cao tới một nghìn sáu trăm bốn mươi mét. Trên bản đồ hành chính thời kỳ thuộc Pháp, đỉnh cao nhất của Phja Dạ thuộc xã Nhạc Môn, có thể ví như là nóc nhà của khu vực địa giới bốn tỉnh: Bắc Kạn, Cao Bằng, Hà Giang và Tuyên Quang.

Do núi sông hiểm trở nên cư dân ở đây phân bố không đều và rất thưa thớt. Người Tày, người Nùng, người Dao San Chí làm ruộng bậc thang và nương rẫy ven các thung lũng. Người Dao Đại Bản. Tiểu Bản và người Mèo sống du canh trên các triền núi cao, ngoài ngũ cốc, đồng bào còn trồng thuốc phiện để hút và để bán. Chăn nuôi gia súc phát triển khá. Do đó từ lâu giữa miền đất cao, xa và hẻo lánh này đã xuất hiện việc mua bán, đổi chác. Buôn lậu thuốc phiện và trâu bò theo những con đường riêng lên biên giới, xuống đồng bằng thường lãi lớn nên thu hút cả những người sở tại. Riêng ở đây cũng có những trung tâm giao lưu kinh tế trong vùng và với các vùng lân cận, đó là chợ Pác Nặm và quá về phía nam là huyện lỵ Chợ Rã.

Khu vực hơn mười xã này cũng là nơi giàu khoáng sản quý, hiếm. Từ thế kỷ mười tám đã có nhiều người từ Trung Quốc sang đãi vàng ở Pác Nặm. Năm 1929 thực dân Pháp lại mở công trường khai thác vàng ở đây. Thành phần cư dân trong vùng vì vậy có nhiều biến động.

Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, vùng miền núi hiểm trở này phải hứng đưng những tai họa nghiêm trọng. Đồng bào ta bị áp bức bóc lột ngày càng đói rét khổ cực. trong khi đó lợi dụng địa thế hiểm trở ở đây bọn chuyên nghề trộm cướp từ biên giới, bọn lưu manh từ các trung tâm kinh tế quanh vùng...tập hợp nhau thường xuyên quấy nhiễu nhân dân và võ trang cướp các đoàn buôn lậu.

Cách mạng Tháng Tám (1945) thành công, trật tự cách mạng được thiết lập. Tuy vậy, trên vùng núi này trật tự mới ấy chủ yếu do bạo lực chính trị của quân chúng xác lập, nên lực lượng của bọn phi vẫn còn gần như nguyên vẹn.

Đối với bọn chuyên nghề cướp bóc trật tự cách mạng không thích hợp đối với chúng. Được đặc vụ Tưởng Giới Thạch móc nối, từ cuối năm 1945 bọn trùm phi đã lén lút tập hợp tay chân bên trong những “hội quán Hoa kiều” ở huyện lỵ và “trụ sở Nam dương Hoa kiều hiệp hội” ở Pác Nặm. Bè lũ trộm cướp dần sâu hơn nữa vào con đường phản dân, hại nước. Năm 1946 quân Tưởng phải rút về nước, bọn này mất chỗ dựa. Nhưng ngay sau đó, kháng chiến toàn quốc bùng nổ và tháng 10 năm 1947 Pháp nhảy dù Bắc Kạn, Cao Bằng, thế là bọn phi tính chuyện thay thầy đổi chủ. Nhiều tên trùm phi lần đến các đồn Bành Trạch và Tĩnh Túc liên hệ với Pháp. Bọn thực dân vừa đặt chân lên vùng núi non hiểm trở, chưa tìm ra tay sai, đã không bỏ lỡ cơ hội. Pháp phát súng và trả lương cho phi, dùng phi quấy rối những vùng sâu trong hậu phương ta mà chúng chưa đặt chân tới được, đồng thời thông qua bọn này mộ lính làm bình phong cho các cứ điểm và đi trước trong các trận vây càn.

Thời kỳ từ cuối năm 1947 đến đầu năm 1948, ngoài số phi (khoảng 60 tên) được Pháp tuyển mộ làm bình phong cho cứ điểm Bành Trạch, tại xác sào huyết chủ yếu của chúng ở Pác Nặm (xã Bằng Thành), Bản Nghiêng (xã An Thắng)...quân phi tăng nhanh. Từ bốn mươi bảy tên thời kỳ tháng 10 năm

1947, tháng 1 năm 1948 số quân phi có mặt trong các sào huyệt chính đã lên tới 520 tên. Rất nhiều quân chúng nghèo khổ các dân tộc Dao, và Nùng, vốn là những người làm ăn lương thiện, đã bị những tên chuyên nghề lưu manh dụ dỗ, mua chuộc, đe dọa và cưỡng bức vào các đội quân phi hoặc tiếp tế lương thực, thực phẩm, cung cấp tin tức cho chúng.

Quân phi đông như chúng chỉ được bọn Pháp ở tỉnh Túc và Bành Trạch cung cấp khoảng một trăm súng trường, một số lựu đạn, súng ngắn. Rất nhiều tên phi vẫn phải sử dụng hỏa mai và súng kíp.

Được quan thầy khuyến khích, từ cuối năm 1947 phi tăng cường hoạt động. Núp dưới bóng quan thầy bọn phi ở Bành Trạch hung hăng hơn cả, chúng dẫn Pháp càn sâu vào các vùng tự do, cướp của, giết người.

Để đối phó với tình hình phi ngày càng lan rộng, Ban chấp hành tỉnh đảng bộ Bắc Kạn chủ trương coi tiêu phi như một trong những nhiệm vụ quân sự hàng đầu của tỉnh và mở cuộc vận động tiêu phi. Thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, đầu tháng 11 năm 1947 ủy ban kháng chiến tỉnh, có sự giúp sức của binh đoàn 72 (Bắc Thái), đã thành lập đội võ trang tuyên truyền, chuyên trách vận động quần chúng tiêu phi. Đội võ trang tuyên truyền gồm bốn mươi cán bộ, chiến sĩ có kinh nghiệm vận động quần chúng được chọn lựa từ nhiều cơ quan, đơn vị khác nhau. Binh đoàn 72 còn cử một đại đội (C 39) sang hỗ trợ cho đội võ trang tuyên truyền hoạt động.

Một kế hoạch đánh địch mở màn cho cuộc vận động tiêu phi được vạch ra. Thực hiện kế hoạch này, một tiểu đoàn (thuộc binh đoàn 72) được lệnh cùng lực lượng tiêu phi hành quân lên phía bắc.

Ngày 3 tháng 1 năm 1948, các đơn vị tiêu phi, có đồng chí đại diện Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến tỉnh cùng hành quân, lên tới huyện lỵ, Chợ Rã. Tối mùng 3 tháng 1 (1948), ban chỉ huy các đơn vị tiêu phi họp với các đồng chí lãnh đạo tỉnh và huyện Chợ Rã để thành lập Liên đội tiêu phi. Hội nghị quyết định sáng ngày 4 tháng 1 (1948) sẽ hành quân lên phí bắc, tấn công các sào huyệt phi ở Bản Nghiêng, Pác Nặm...Nhưng, rạng sáng ngày 4 tháng 1 khoảng ba trăm phi đã kéo xuống tấn công huyện. Ta và phi đều bất ngờ, cuộc

độ súng kéo dài, cuối cùng phải núng thế bỏ chạy. Trong trận này ta diệt hai mươi tên, bắn bị thương mười tên khác.

Cuộc chiến đấu ngày 4 tháng 1 (1948) chưa thu được kết quả mong muốn, nhưng nó giúp ta đánh giá lại lực lượng phi. Do đó, so với dự kiến ban đầu kế hoạch đánh địch có sự thay đổi. Được tăng cường thêm một tiểu đoàn chủ lực, Liên đội tiểu phi quyết định chia lực lượng làm hai bộ phận. Lực lượng chính gồm hai tiểu đoàn chủ lực sẽ tiến công bọn phi ở Bành Trạch. Trước khi lực lượng chính ra quân, một lực lượng phụ gồm đội võ trang tuyên truyền và hai đại đội chủ lực sẽ tấn công các sào huyệt phi ở phía bắc và đông bắc nhằm tiêu hao, tiêu diệt và xua đuổi bọn chúng chạy về Bành Trạch cho lực lượng chính tiêu diệt.

Thực hiện kế hoạch đã định, lực lượng phụ hành quân lên phía bắc, tấn công bọn phi ở Pù Choòng (xã Xuân La), đánh địch ven địa giới với Nguyên Bình (Cao Bằng).

Ở phía nam, đêm 29 tháng 1 năm 1948 lực lượng chính ra quân xã Bành Trạch giữ một vị trí hiểm yếu trên đường 3B vì thế các cứ điểm ở đây được kẻ địch chú ý tăng cường cả về quân số và trang bị. Đến 29 tháng 1 (1948) ngoài bốn mươi lính Pháp đóng ở cầu Tát Pục- còn có khoảng một trăm quân phi đóng ở Bản Trà. Mục đích của trận đánh là tiêu diệt bọn phi nên lực lượng chủ yếu của hai tiểu đoàn được tập trung tấn công Bản trà. Trận đánh diễn ra quyết liệt. Quân phi từ trong vị trí bắn ra dữ dội, nhưng trước sức tấn công của quân ta, lại không được quan thầy ứng cứu nên cuối cùng trừ một vài tên nhanh chân chạy thoát, hầu hết quân phi ở đây bị tiêu diệt. Sào huyệt Bản Trà bị triệt phá.

Sau chiến thắng Bản Trà, ngày 12 tháng 12 năm 1948 quân ta đánh tiếp một trận lớn khác vào sào huyệt tên trùm phi ở Lũng Chủ (xã An Thắng). Trận Lũng Chủ ta thắng lớn, thu nhiều chiến lợi phẩm, giành lại cho nhân dân hơn năm mươi con trâu và ngựa vừa bị phi cướp.

Trận Lũng Chủ xuất hiện nhiều gương chiến đấu rất dũng cảm, trong đó tiêu biểu nhất là tấm gương của liệt sĩ Nông Văn Y. Đồng chí Nông Văn Y đã

từng lập công xuất sắc trong trận Phủ Thông (30-11-1947). Trên các mặt trận tiểu phi đồng chí là một chiến sĩ xông xáo, chiến đấu dũng cảm. Trong trận Lũng Chủ Nông Văn Y lại lập công và anh dũng hy sinh, Tại Đại hội tỉnh đảng bộ Bắc Kạn tháng 6 năm 1948, Nông Văn Y được tuyên dương danh hiệu “Anh hùng du kích Phủ Thông”. Đồng bào xã An Thắng nhớ ơn các chiến sĩ diệt phi đã lấy tên người lập công tiêu biểu đặt tên cho xã mình. Xã An Thắng đổi thành xã Văn Y.

Cùng với chiến thắng Bản Trà, thắng lợi Lũng Chủ đem lại phần khởi cho quân và dân ta, đồng thời cũng làm cho phi khiếp đảm, nên riêng trong nửa cuối tháng 2 năm 1948 đã có hai mươi lính phi đem gia đình ra thú xin cách mạng khoan hồng.

Do những nỗ lực to lớn của Đảng bộ, của nhân dân các dân tộc, sự chi viện tích cực của các đơn vị bộ đội chủ lực, trong một thời gian ngắn, công tác tiểu phi đạt được những thắng lợi quan trọng. Tuy vậy đầu xuân 1948, do yêu cầu của chiến trường chính đường số ba và chiến dịch xuân - hè, phải rút bớt một số đơn vị chủ lực về phía nam, nên việc tiếp tục truy quét phi trên vùng núi rộng lớn và hiểm trở có những khó khăn. Trong tình hình ấy, Ban chấp hành tỉnh đảng bộ họp tháng 2 năm 1948 chủ trương phải đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, phát triển các đoàn thể quần chúng rộng khắp trong vùng có phi, đồng thời ra sức xây dựng và củng cố dân quân, du kích, tiến công địch cả về chính trị, quân sự và kinh tế...

Để giúp cho Liên đội tiểu phi đẩy mạnh hoạt động tỉnh thành lập Đội công an xung phong; đưa trung đội du kích thị xã lên Chợ Rã làm nòng cốt cho việc thành lập một đại đội bộ đội địa phương...

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Liên đội tiểu phi và Huyện ủy Chợ Rã đã có nhiều cố gắng nhằm kiện toàn một bước bộ máy lãnh đạo các xã xung yếu; phân tán đại đội bộ đội chủ lực (C 39) thành các tiểu đội độc lập tỏa xuống giúp các xã xây dựng, củng cố và huấn luyện dân quân, du kích; tăng cường mạng lưới quân báo...Được sự đóng góp tích cực của Huyện đảng bộ, tháng 3 năm 1948, đại đội Ba Bể (bộ đội địa phương của tỉnh) được thành lập. Kế hoạch bao vây kinh tế, tích cực phân hóa hàng ngũ phi, tuyên truyền,

giáo dục những quần chúng bị phi khổng chế...được vạch ra và tích cực thực hiện.

Trong tháng 3 năm 1948, phối hợp với lực lượng tiểu phi Cao Bằng, lực lượng võ trang tỉnh ta mở đợt tiến công mới vào các sào huyệt phi trên tuyến địa giới giữa Chợ Rã với Nguyên Bình, diệt và bắt nhiều tên.

Bị tiến công liên tục và toàn diện, quân phi hoang mang, bỏ nhiều sào huyệt quan trọng, rút chạy lên các vùng núi non hiểm trở. Trong tình thế cùng quẫn, bọn trùm phi quay ra cắn xé tranh ăn và giành độc quyền làm tay sai cho Pháp.

Nhờ những thắng lợi về quân sự, chính trị và kinh tế, nên thời kỳ từ tháng 4 đến tháng 8 năm 1948 tình hình Chợ Rã tương đối ổn định. Trong thời kỳ này ngoài vụ hai mươi lính phi xuống cướp Bản Xáp xã Xuân La (16-7-1948) nhìn chung phi nằm im trong các sào huyệt.

Trước tình hình bọn tay sai lâm vào nguy cơ tan rã thực dân Pháp vội vàng hà hơi, tiếp sức. Một mặt chúng trừng trị những tên bất lực và gây mâu thuẫn nội bộ, mặt khác tăng cường cung cấp vũ khí, lương thực và một số hàng hiếm, khuyến khích bọn trùm phi tuyển mộ lực lượng...Được quan thầy chú ý, bọn trùm phi lại tiếp tục lao sâu vào con đường tội lỗi. Chúng ráo riết củng cố lại các sào huyệt ở Pác Nặm, Bản Nghiêng...làm thành một hệ thống liên hoàn với cứ điểm Pháp ở Tỉnh Túc, chia cắt và uy hiếp hậu phương ta.

Sau khi chuẩn bị, từ trung tuần tháng 8 năm 1948 phi lại ráo riết gây lại tình hình căng thẳng. Ngày 10 tháng 8 quân báo phát hiện phi tập trung ở Khuổi Làng (xã Nghiên Loan), bộ đội kịp thời bao vây diệt hai tên, thu năm súng và một số đạn. Ngày 11 tháng 8, phi kéo xuống Tát Áng (xã Nghiên Loan), du kích đón đánh diệt hoại tên, thu ba súng. Bị đánh đau, nhưng ngày 12 tháng 8 phi đã lại vào cướp Nà Bó (xã Nghiên Loan)...

Thời kỳ cuối năm 1948, hòng cứu vãn tình thế khôn quẫn ở mặt trận đường số ba và phục vụ cho những âm mưu mới về chính trị, thực dân Pháp càng tăng cường giúp phi. Chúng trang bị cho phi đầy đủ vũ khí, cung cấp cho phi nhiều hàng khan hiếm; giúp phi củng cố các sào huyệt dọc địa giới

hai huyện Chợ Rã và Nguyên Bình, tham vọng dùng phi cướp huyện lỵ Chợ Rã để dựng lên ở đây một bộ máy ngụy quyền nhằm tô vẽ cho cái gọi là “Liên bang Tây - Nùng miền bắc Đông Dương”.

Được quan thầy khuyến khích nên thời kỳ này phi rất hung hăng. Say máu, bọn trùm phi cũng rời sào huyệt, trực tiếp đem quân đi cướp phá. Suốt một vùng từ Bằng Thành, Giáo Hiệu xuống Văn Y, Nghiên Loan...trộm, cướp ngày càng nghiêm trọng. ngoài các nhóm nhỏ thường xuyên vào các bản cướp lúa, trộm trâu, phi tiến hành nhiều vụ cướp lớn. Ngày 22 tháng 2 năm 1949, hơn hai trăm phi tràn xuống các bản Phja Liêng, Nà Nhòì, Khuôi Nặm, Bản Đính (xã Nghiên Loan), bắt giết, đốt phá rất dã man. Trong vụ cướp này của phi, tám đồng bào ta bị giết hại, nhiều người khác bị thương bốn mươi hai nóc nhà bị đốt trụi. Phi cướp đi sáu mươi hai trâu, bò, hơn bốn trăm gánh thóc và nhiều tài sản khác. Sau đó, ngày 25 tháng 3 năm 1949, phi lại tràn xuống cướp phá Khau Pụt (xã Thượng Giáo), trực tiếp uy hiếp huyện lỵ.

Để đập tan những khát vọng nông cuồng của quân giặc, vấn đề đặt ra trong công cuộc tiêu phi lần này là phải chia cắt lực lượng phi với các cứ điểm của Pháp, phá tan các sào huyệt phi, tiêu diệt những lực lượng chủ chốt của chúng. Thực hiện mục tiêu này, các lực lượng võ trang Bắc Kạn và Cao Bằng trên mặt trận tiêu phi đã có sự hiệp đồng chặt chẽ. Sau khi khẩn trương chuẩn bị, hạ tuần tháng 3 năm 1949, quân ta mở cuộc tổng công kích vào các sào huyệt chính của phi trên dọc địa giới hai huyện Chợ rã và Nguyên Bình. Bị bất ngờ nên phi chống cự rời rạc. Riêng tại các sào huyệt ở Pác Nặm (xã Bằng Thành) và Bản Nghiêng (xã Văn Y), phi bỏ chạy tán loạn, quân ta diệt và bắn hàng chục tên, thu một số vũ khí, phá tan các sào huyệt, những nơi bọn chúng dự định dùng làm căn cứ xuất phát để tiến công huyện lỵ Chợ Rã.

Phát huy kết quả hiệp đồng tác chiến giữa lực lượng võ trang các địa phương có phi, đầu tháng 4 năm 1949, hai tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng thống nhất lực lượng và kế hoạch tiêu phi tại các vùng địa giới giữa ba huyện Bảo Lạc, Chợ Rã và Nguyên Bình. Phối hợp chặt chẽ với lực lượng võ trang tỉnh bạn, bộ đội và du kích tỉnh ta liên tục vây quét các hang ổ của phi giữa các

vùng núi hiểm trở hai bên địa giới, diệt một số tên ngoan cố, đưa hàng chục gia đình bị phi cưỡng bức đi theo trở lại cuộc sống tự do và làm ăn lương thiện.

Để đẩy mạnh hơn nữa công tác tiêu phi, trong cuộc họp ngày 8 tháng 4 năm 1949, Ban chấp hành tỉnh đảng bộ Bắc Kạn quyết định phải lãnh đạo và giúp đỡ đồng bào các vùng có phi lập làng chiến đấu.

Thực hiện chủ trương mới của Tỉnh ủy, đồng bào các xã Giáo Hiệu, Nghiên Loan, Văn Y, Bành Trạch...trước đây cư trú rất phân tán đã tự giác sống tập trung lại để có đủ sức chống phi cướp phá. Dân quân, du kích được trang bị thêm vũ khí, tăng cường canh gác và sẵn sàng chiến đấu.

Nhờ sự nỗ lực của các cấp ủy Đảng và chính quyền cơ sở, tinh thần chiến đấu dũng cảm của các lực lượng vũ trang, cuộc vận động tiêu phi thời kỳ nửa đầu năm 1949 phát triển thuận lợi. Quân chúng được giác ngộ góp sức cùng Liên đội tiêu phi, tuyên truyền, giáo dục, giúp đỡ nhiều người thoát khỏi con đường tội lỗi. Lính phi lần lượt ra thú. Lực lượng phi tan rã từng mảng. Bọn đầu sỏ, bao gồm những tên có nhiều nợ máu với nhân dân bị cô lập và sa lưới pháp luật. Tính riêng trong nửa cuối tháng 3 và đầu tháng 4 (1949), sáu mươi ba tên bị bắt và bị trừng trị. Tình hình vùng núi bắc Chợ Rã dần dần trở lại ổn định.

Giữa năm 1949, trên cơ sở nhận định lực lượng quân sự của phi đã bị đập tan, Liên đội tiêu phi đã hoàn thành nhiệm vụ, tinh cho phép bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương rút về mặt trận đường số ba; giải thể đội vũ trang tuyên truyền và Đội công an xung phong. Nhiệm vụ bảo vệ vùng núi phía bắc được giao cho Huyện đội dân quân.

Trong đợt tiêu phi kéo dài từ đầu năm 1948 đến giữa năm 1949, các lực lượng tiêu phi đã chiến đấu dũng cảm trong điều kiện đời sống vật chất và tinh thần vô cùng khó khăn, giành được nhiều thắng lợi to lớn. Tuy vậy, do nhận thức còn những hạn chế nên đã mơ hồ trong việc xác định và phân hóa kẻ thù. Thiếu sót này dẫn đến xu hướng xử lý tràn lan, gây nên tình hình căng thẳng, ngờ vực và bất mãn trong một số quần chúng. Thêm vào đó, các cấp ủy

Đảng và chính quyền cơ sở do chưa quán triệt chính sách dân tộc của Đảng, nên trong điều kiện cho phép chưa nỗ lực giúp đồng bào các dân tộc giải quyết những vấn đề cấp thiết nhất về mặt đời sống nhằm từng bước khắc phục hậu quả nặng nề do lịch sử và chiến tranh để lại. Quân chúng vẫn đối rết cùng cực. Vì thế lực lượng quân sự tuy đã bị đánh tan, nhưng cơ sở xã hội của phi chưa bị xóa bỏ. Những thiếu sót này hạn chế kết quả cuộc vận động tiêu phi. Trong khi đó một số tên phi thoát khỏi các trận vây quét cuối cùng của ta, lẩn trốn trên các vùng núi hiểm trở vẫn say máu và nuôi dã tâm chống phá cách mạng.

Từ giữa năm 1951, bị thua đau trên khắp các mặt trận, Pháp bắt đầu dùng không quân đánh phá ác liệt vào các vùng hậu phương của ta, đặc biệt là đường số ba. Để đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại của địch, góp phần đáp ứng những nhu cầu to lớn của mặt trận. Đảng bộ và nhân dân Bắc Kạn tập trung sức bảo vệ con đường giao thông huyết mạch.

Lợi dụng tình hình trên, những tên phi lẩn trốn tại các vùng địa giới, bọn phi trốn khỏi nhà giam Cao Bằng, những tên phản động được khoan hồng sau chiến thắng biên giới...lén lút trở lại sào huyệt cũ. Một vài tên biệt kích do Pháp thả xuống Đồng Văn tỉnh Hà Giang (tháng 7 năm 1952), lọt lưới trong cuộc vây bắt của quân và dân địa phương cũng chạy xuống vùng địa giới các tỉnh Hà Giang - Tuyên Quang - Bắc Kạn - Cao Bằng. Lũ tay sai mới và cũ của Pháp gặp nhau, tìm cách thực hiện mưu đồ đã phá sản của quan thầy là gây lại phi tại vùng núi hiểm trở trên địa giới bốn tỉnh.

Thời kỳ này, để tập hợp lực lượng, ngoài những thủ đoạn cũ, bọn phi còn lợi dụng trình độ giác ngộ chưa cao của một số quần chúng, ra sức xuyên tạc đường lối, chính sách và bôi nhọ cách mạng. Đặc biệt, chúng tìm cách thổi phồng những thiếu sót trong công tác tiêu phi thời kỳ 1948- 1949; khơi sâu sự nghi ngờ và bất mãn của một số phần tử lạc hậu đối với chính sách dân tộc của Đảng. Tóm lại, bằng nhiều thủ đoạn, kể cả những thủ đoạn rất trắng trợn và đê hèn. Trong một thời gian ngắn từ cuối năm 1952 đến đầu năm 1953, phi đã tập hợp được một số tay chân và ráo riết gây lại sào huyệt. Riêng trong địa

phận tỉnh ta chúng có các sào huyệt chính ở Bản Mạn và Pác Nặm (xã Bằng Thành), Bản Nghiêng (xã Văn Y). Hơn hai trăm gia đình trong khu vực này có người theo phi hoặc bị phi khống chế.

Từ xã Bằng Thành xuống xã Văn Y, giữa ban ngày phi mang súng đi lại công khai, uy hiếp tinh thần những người chưa theo chúng.

Sau khi tập hợp lực lượng, phi tìm cách liên hệ với Pháp. Tháng 9 năm 1953 bọn phi ở vùng Bản Mạn (xã Bằng Thành) nhận được chuyên tiếp tế vũ khí đầu tiên do máy bay Pháp thả xuống. Được quan thầy khuyến khích, phi ngày càng tăng cường hoạt động. Trong những tháng cuối năm 1953, các vụ cướp của giết người lại liên tiếp xảy ra, gọi lại trong quân chúng thảm cảnh đốt phá, giết chóc của phi thời kỳ 1948-1949.

Việc phi lan tràn trên vùng rừng núi phía bắc làm cho tình hình hậu phương của tỉnh trở nên căng thẳng. Tiểu phi lại trở thành một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Đảng bộ và nhân dân Bắc Kạn. Để kịp thời ngăn chặn bàn tay tội ác của bọn phản động, bọn chuyên gây rối, thực hiện chỉ thị của Tỉnh ủy, đầu năm 1953 Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Bắc Kạn cho lập lại Đội võ trang tuyên truyền. Đội được phiên chế thành một trung đội, gồm những cán bộ, chiến sĩ có kinh nghiệm dân vận, là con em các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Mèo... Một đại đội bộ đội địa phương của tỉnh (C96) được lệnh phối hợp với Đội võ trang tuyên truyền làm nhiệm vụ tiểu phi. Các ngành, các đoàn thể hữu quan như Công an, Văn hóa thông tin, Phụ nữ, Thanh niên... cũng được chỉ định tham gia cuộc vận động. Tất cả các lực lượng trên thống nhất lại, gọi là Đoàn công tác tiểu phi.

Trước khi lên đường làm nhiệm vụ, cán bộ, chiến sĩ tham gia Đoàn công tác tiểu phi được dự một lớp huấn luyện ngắn ngày về chính sách dân tộc của Đảng; về biện pháp tiến hành cuộc vận động và phương pháp dân vận.

Do có kinh nghiệm trong công tác tiểu phi thời kỳ 1948-1949, lần này Đoàn công tác tiểu phi vạch ra kế hoạch cụ thể về từng bước công tác. Trước hết, Đoàn chia vùng từ Bản Nghiêng đến Bản Mạn (khoảng 600 km²) làm ba khu vực nhỏ để tiến hành cuộc vận động. Trong đợt một, Đoàn công tác tiểu

phỉ chọn vùng Pác Nặm (xã Bằng Thành) làm trọng điểm. Vùng này có 106 gia đình ở rải rác trong mười lăm xóm nhỏ. Tại đây do núi rừng hiểm trở nên phỉ hoạt động mạnh. Để làm tốt cuộc vận động, vấn đề đặt ra là phải thâm nhập được số quần chúng bị phỉ khống chế. Đoàn công tác chia cán bộ, chiến sĩ thành các nhóm, vào các xóm sống với dân. Thời gian đầu, vì sợ bị trả thù, quần chúng tìm mọi cách xa lánh cán bộ, bộ đội nên công tác của Đoàn gặp rất nhiều khó khăn. Tuy vậy, với nhiệt tình cách mạng và lòng tin ở quần chúng; với tinh thần kiên nhẫn và chịu đựng gian khổ cao, cuối cùng cán bộ, chiến sĩ đoàn công tác đã giành được lòng tin yêu của đồng bào các dân tộc. Thâm nhập quần chúng thông qua sản xuất và sinh hoạt. Đoàn công tác tổ chức cho nhân dân học tập điều lệ Mặt trận Liên - Việt, chủ trương trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi của Đảng...Đồng thời với việc tuyên truyền, giáo dục đường lối, chính sách, Đoàn công tác còn mở các lớp học văn hóa, tổ chức biểu diễn văn nghệ triển lãm tranh, ảnh..nhằm tập hợp và góp phần tiếp tục nâng cao trình độ giác ngộ cách mạng cho quần chúng.

Mùa hè năm 1953, sau khi sơ bộ rút kinh nghiệm đợt đầu, Đoàn công tác tiểu phỉ quyết định mở rộng diện cuộc vận động ra khu vực Bản Nghiêng (xã Văn Y).

Tại Pác Nặm cũng như tại Bản Nghiêng, quần chúng giác ngộ đã phát hiện với Đoàn công tác bọn trùm phỉ và những tên tay sai đặc lực của chúng. Có quần chúng giúp sức, ngày 30 tháng 10 năm 1953 ta bắt được một tên phỉ nguy hiểm từng được phong làm phó quản chiêu trong bộ máy phản động. Tiếp đó, ngày 3 tháng 11 (1953) tên trùm phỉ vùng Bản Nghiêng và Pác Nặm cũng bị trừng trị ngay trong sào huyệt. Với việc bọn đầu sỏ bị bắt, bị trừng trị, lại được quần chúng giác ngộ góp phần tuyên truyền, giáo dục, quân phỉ tan rã nhanh. Trong tháng 11 năm 1953 hai mươi ba tên ngoan cố lần lượt ra thú. Tình hình cả vùng Bản Nghiêng và Pác Nặm bao gồm gần bốn mươi xóm nhỏ dần dần trở lại ổn định.

Để hỗ trợ cơ sở làm tốt công tác tiểu phỉ, ngày 18 tháng 12 năm 1953 Ban thường vụ Liên khu ủy Việt bắc ra chỉ thị “đẩy mạnh hoạt động tiểu phỉ ở

khu vực giáp giới bốn tỉnh” và quyết định thành lập “Ban chỉ đạo công tác tiểu phí khu vực giáp giới bốn tỉnh”.

Nhờ có sự thống nhất chỉ đạo về kế hoạch, biện pháp lực lượng đang làm công tác tiểu phí của bốn tỉnh trên cùng một địa bàn, cuộc vận động tiểu phí tại khu vực địa giới Hà Giang - Tuyên Quang - Cao Bằng - Bắc Kạn có nhiều thuận lợi. Được các tỉnh bạn phối hợp chặt chẽ, Đoàn công tác tiểu phí tỉnh ta tiến hành đợt ba cuộc vận động tại khu vực tiếp giáp địa giới bốn tỉnh, trong đó trọng điểm là Bản Mạn (xã Bằng Thành).

So với vùng Pác Nặm và Bản Nghiêng, khu vực Bản Mạn (gần năm mươi gia đình chia thành chín xóm nhỏ) là địa bàn của một nhóm phí có tổ chức chặt chẽ hơn và có quan hệ mật thiết với bọn phí hoạt động ở các tỉnh tiếp giáp. Tại đây, ngoài những tên trùm phí người địa phương còn một số tên là tàn quân Tưởng từ biên giới xuống. Để kiếm sống, bọn này cướp bóc ngay cả các gia đình có người theo chúng làm cho bản thân lính phí cũng căm ghét những tên đầu sỏ. Do đó, khi được giác ngộ, nhân dân các xóm Khuổi Phay, Khuổi Sam, Tát Bang, Khuổi Viêng... đều nhất loạt tố giác lũ trùm phí và tha thiết đề nghị Đoàn công tác trừng trị nghiêm khắc bọn chúng. Thề theo nguyện vọng của đồng bào các dân tộc. Đoàn công tác tiến hành trừng trị những tên đầu sỏ có nợ máu và trấn áp một số tên là tay sai đắc lực.

Phát huy kết quả đã đạt được tại các trọng điểm, đầu năm 1954, Đoàn công tác mở rộng diện cuộc vận động tiểu phí ra các xã khác như Nghiên Loan, Xuân La, Bộc Bõ, Giáo Hiệu...

Ở những nơi đã qua cuộc vận động tiểu phí lần này, nhìn chung đều tổ chức được nông hội, các tổ phụ nữ, phụ lão, các đơn vị dân quân du kích, các tổ bảo vệ, Khu vực Bản Nghiêng là nơi có nhiều khó khăn nhất nhưng cũng thành lập được một số đơn vị dân quân du kích và một số tổ chức quần chúng trong Mặt trận Liên - Việt.

Nhằm xóa bỏ cơ sở xã hội của phí, bên cạnh việc củng cố và xây dựng mới chính quyền, đoàn thể cách mạng, nâng cao giác ngộ chính trị và trình độ văn hóa cho nhân dân, Đoàn công tác tiểu phí còn cùng với Đảng bộ và chính

quyền huyện Chợ Rã đặc biệt chú trọng đẩy mạnh cuộc vận động tăng gia sản xuất.

Tại Bản Mạn, chính quyền đã cấp gần một héc ta ruộng cho ba gia đình trước đây vẫn đi lính canh. Ở Nậm Slam, Đoàn công tác vận động nhượng canh hơn bốn héc ta ruộng cho mười một gia đình người Dao Đại bản, giúp đồng bào có cơ sở từ bỏ cuộc sống du canh, du cư.

Tính chung trong cuộc vận động, các xã đã cấp cho hơn hai trăm gia đình vẫn sống du canh du cư hoặc đi lính canh gần hai mươi ba héc ta ruộng và hơn mười héc ta soi bãi. Ngoài ra, phát huy truyền thống “lá lành đùm lá rách”. Đảng bộ huyện còn tiến hành cuộc vận động rộng rãi trong cán bộ, bộ đội và nhân dân, ủng hộ lương thực, áo quần cho số đồng bào rách rưới trong các vùng bị phi cướp phá nặng nề nhất. Hưởng ứng cuộc vận động này, riêng bộ đội và cán bộ các cơ quan xung quanh huyện đã ủng hộ trên hai trăm bộ áo quần.

Được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, được sự giúp đỡ của Đoàn công tác, qua cuộc vận động, những hậu quả cướp phá nặng nề của phi bước đầu được khắc phục. Đời sống kinh tế và văn hóa của nhân dân được ổn định và cải thiện, trình độ văn hóa, chính trị của đồng bào các dân tộc được nâng lên...

Với kết quả đã đạt được, cuối năm 1954, Đoàn công tác rút về tỉnh tổng kết. Cuộc tiểu phi lần thứ hai kéo dài gần hai năm đã kết thúc. Vùng đất hiểm trở phía bắc của tỉnh trở lại ổn định, hàng trăm quần chúng nghèo khổ là nạn nhân của những mưu đồ đen tối, thực sự được giải phóng.

Trong cả quá trình của hai lần vận động tiểu phi, có thời kỳ do chuẩn bị chưa kỹ nên trong công tác cụ thể đã phạm một số thiếu sót. Tuy vậy, nhìn chung nhờ có chủ trương, đường lối đúng, lại được một đội ngũ cán bộ chiến sĩ trung thành, tận tụy, không sợ gian khổ, không ngại hy sinh, gắng sức hoàn thành nhiệm vụ, nên cuộc vận động tiểu phi không ngừng giành được thắng lợi về mặt quân sự mà còn giành được thắng lợi trong việc xóa bỏ những cơ sở xã hội đã sản sinh ra phi, xây dựng được lòng tin của nhân dân đối với

Đảng. Với ý nghĩa của thắng lợi này, cuộc vận động tiêu phi thực chất là một cuộc biến đổi cách mạng trên vùng núi hiểm trở phía bắc của tỉnh.

III

ĐẢM BẢO GIAO THÔNG, VẬN TẢI PHỤC VỤ TIỀN TUYẾN

Thu đông năm 1947, để ngăn chặn cuộc tiến công điên cuồng của bè lũ thực dân, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân toàn tỉnh tiến hành phá hoại giao thông. Cùng với chiến công trên các lĩnh vực khác, thành tích đạt được trong công tác này góp phần xoay chuyển cục diện chiến trường, làm cho kẻ thù, rất hùng hổ khi mở cuộc tiến công, nhanh chóng rơi vào tình trạng lúng túng, bị động, liên tiếp thất bại và cuối cùng phải tháo chạy khỏi tỉnh ta (9-8-1949).

Trong tình hình mới, với trách nhiệm là căn cứ địa cả nước, có vùng tự do liền một dải, vấn đề khôi phục mạng lưới giao thông không những gắn liền với yêu cầu cấp bách về khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa của địa phương mà còn quan hệ tới sự nghiệp kháng chiến của cả nước. Vì vậy, ngay sau khi Bắc Kạn được giải phóng, Ban thường vụ Trung ương Đảng chỉ thị cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh ta phải nhanh chóng khôi phục mạng lưới giao thông, đặc biệt là con đường số ba. Quán triệt chỉ thị của Trung ương Đảng, Ban chấp hành tỉnh Đảng bộ tập trung mọi cố gắng, nhằm nhanh chóng hoàn thành nhiệm vụ trung tâm đột xuất này. “Chiến dịch cầu đường lần thứ nhất” ở Bắc Kạn và “phong trào ba tháng hoàn thành chuẩn bị tổng phản công” ở Thái Nguyên được triển khai với sự nỗ lực chưa từng có. Gần năm mươi phần trăm số cán bộ các cơ quan Đảng, chính quyền, quân đội và đoàn thể quần chúng được tập trung phục vụ cho chiến dịch này. Ban huy

động dân công các cấp do đồng chí thường vụ cấp ủy trực tiếp phụ trách được thành lập. Đồng bào các dân tộc từ vùng thấp đến vùng cao được học tập kỹ lưỡng quan trọng của nhiệm vụ khôi phục giao thông. Riêng các huyện phía nam, tổ chức Đảng còn có sáng kiến giao nhiệm vụ cụ thể cho đảng viên phải vận động cá biệt để đảm bảo huy động đúng đối tượng và cung cấp đủ số lượng cho các công trường.

Quán triệt yêu cầu cần kíp nói trên, đồng bào các dân tộc tạm gác những khó khăn trong sản xuất, đời sống, hăng hái đi dân công sửa chữa cầu đường. Tại Bắc Kạn, đồng bào vùng cao phải đi bộ hai, ba ngày mới đến công trường, nhưng vẫn đảm bảo tập trung đúng ngày quy định, đủ số lượng theo yêu cầu. Với tinh thần coi việc sửa chữa cầu đường như trực tiếp đánh địch, lập thành tích chào mừng ngày quốc tế lao động (1-5) và ngày sinh của Bác Hồ kính yêu (19-5-1950), sau hai tháng lao động hăng say, gần 5 000 dân công (kể cả số người do các tỉnh bạn chi viện), đã sửa chữa xong trước thời hạn 275 km đường và 115 cầu, cống. Ở Thái Nguyên, tổng số dân công huy động trong đợt này lên tới 3100 người. Không kể 1000 người, phần lớn là du kích, lên chi viện cho Bắc Kạn, hơn 2.000 người lao động tại địa phương đã sửa chữa xong trước thời hạn 72km đường. Kết quả, trong dịp kỷ niệm ngày quốc tế lao động (1-5) và chào mừng lần thứ sáu mươi ngày sinh của Bác Hồ, trục đường số ba, đoạn từ thị xã Thái Nguyên đến địa giới với Cao Bằng được khai thông. Cuối tháng 4 năm 1950, các xe vận tải đã lăn bánh trên con đường vừa hồi sinh đưa lương thực, vũ khí ra mặt trận.

Về những thành tích nói trên, trong thư gửi Ban “phụ trách xe hơi Bắc Kạn”, Bác Hồ chỉ rõ: “Trong thời kỳ toàn quốc chuẩn bị để chuyển mạnh sang phản công, Bắc Kạn được cái vinh dự là có xe hơi chạy đầu tiên ở Việt Bắc...có kết quả bước đầu ấy là do cán bộ chính quyền và đoàn thể hợp tác chặt chẽ, công tác thiết thực, và nhờ đồng bào Bắc Kạn hăng hái sửa chữa.

“Vậy từ nay, bất kỳ việc to việc nhỏ, cán bộ đều phải giải thích rõ ràng cho mỗi người dân đều hiểu rõ, đều vui lòng làm thì việc gì cũng sẽ thành công mau chóng tốt đẹp”⁽¹⁾

Phát huy thành tích to lớn đã đạt được, thực hiện chỉ thị của Đảng và những lời chỉ dạy ân cần của lãnh tụ, Đảng bộ và nhân dân ta càng nỗ lực vươn lên làm tốt hơn nhiệm vụ đảm bảo giao thông. Ngay trong sáu tháng cuối năm 1950, cả Bắc Kạn và Thái Nguyên lại có những cố gắng vượt bậc về mặt này. Tại Bắc Kạn để khắc phục những hậu quả nghiêm trọng do các trận mưa lũ lớn gây ra, ngày 24 tháng 10 năm 1950 Ban thường vụ Tỉnh ủy triệu tập hội nghị quân, dân, chính quyết định huy động khẩn cấp 2000 dân công cho các công trường, đảm bảo trong hai mươi lăm ngày phải thông xe trên các trục đường chính. Có sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng bộ, mặc dù đang trong mùa thu hái lúa và nhiều vùng cũng bị lũ lụt tàn phá nặng nề, đồng bào các dân tộc vẫn hăng hái đi dân công. Tổng số dân công ra mặt đường lên tới 3420 người. Do đó chỉ trong mười sáu ngày, các cầu bị nước cuốn trôi được bắc lại, hàng chục nghìn khối đất đá do núi lở được dọn sạch khỏi mặt đường. Quốc lộ số ba, đoạn qua Bắc Kạn lại thông suốt, đảm bảo cho xe vận tải cỡ lớn đi lại dễ dàng. Các đường liên huyện, như đường Bạch Thông - Chợ Đồn, cũng đã sửa chữa xong, các xe nhỏ có thể đi lại được. Ở Thái Nguyên, khi bọn thực dân mở “chiến dịch chó biển” (10-1950), chúng ta lại tiến hành phá hoại các tuyến đường chính nhằm ngăn cản cuộc tiến công của địch. Trung tuần tháng 11 năm 1950 ngay sau khi làm thất bại chiến dịch nói trên, ban thường vụ tỉnh ủy quyết định huy động dân công để sửa chữa cầu đường. Trong số bốn đường phải sửa gấp, Tỉnh ủy chỉ rõ cần đặc biệt chú trọng hai tuyến có tính chất huyết mạch của căn cứ là đường số ba và đường 13A. Thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy - xã thành lập Ban huy động dân công, huyện thành lập Ban chỉ huy công trường, riêng tỉnh thành lập Ban phối hợp làm đường gồm đại diện Đảng, chính quyền, các cơ quan dân vận, các ty chuyên

⁽¹⁾ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Bắc Thái: Bác Hồ với Bắc Thái, tập II, Ty văn hóa và Thông tin Bắc Thái xuất bản, 1979 tr 9

môn liên quan như Công chính, Lâm Chính, Y tế, Tuyên truyền và Dân quân. Có sự phối hợp và chỉ đạo chặt chẽ, hàng nghìn dân công mang theo dụng cụ, lương thực hăng hái lên các công trường, đóng góp 490 381 công, hoàn thành việc khôi phục các tuyến: quốc lộ số ba (đoạn Bờ Đậu - Chợ mới; 13A (đoạn Bờ Đậu -Đèo Khê) và các đường Bờ Đậu qua thị xã đi Bắc Giang, km 31 (quốc lộ số ba) qua Quán Vuông đi Đại Từ...Trên các tuyến đường đã được khôi phục, xe cộ tập nập đưa hàng ra mặt trận. Được tăng cường cung cấp lương thực, vũ khí, quân ta liên tiếp giáng cho kẻ thù những đòn trừng trị đích đáng.

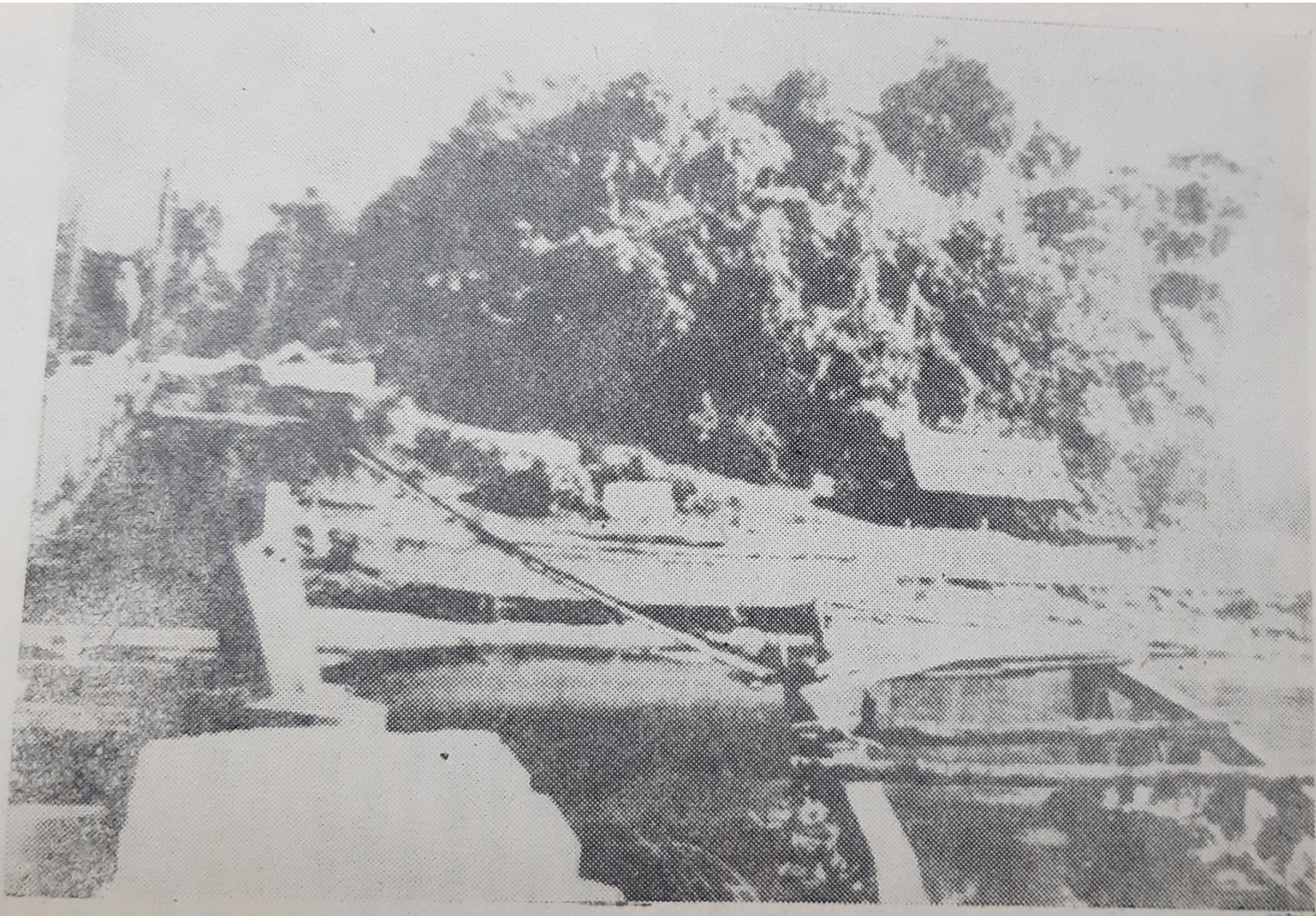
Hoảng sợ trước thắng lợi khôi phục, củng cố và phát triển mạng lưới giao thông của nhân dân ta, thực dân Pháp ngày càng điên cuồng sử dụng không quân đánh phá các tuyến đường. Từ giữa năm 1950, khi ta chuẩn bị mở chiến dịch Lê Hồng Phong II, nhịp độ vận chuyển trên đường số ba tăng lên rõ rệt. Hồng ngăn chặn việc tiếp tế của ta ra mặt trận, quân địch bắt đầu sử dụng không quân đánh phá đường số ba. Tháng 5 năm 1950 chúng phá cầu phà (thị xã Bắc Kạn). Tiếp đó, tháng 7 và tháng 10 (1950), các cầu Nà Cù và Hòa Mục, thuộc địa phận huyện Bạch Thông, cũng bị máy bay địch ném bom. Tuy vậy, sự đối phó bị động này của địch không ngăn cản được nhịp độ vận chuyển của ta ra tiền tuyến. Bước sang năm 1951, đi vào cuộc chiến tranh tổng lực bọn thực dân lại dùng không quân đánh phá quyết liệt các cầu, bến phà và nhiều đoạn hiểm yếu trên khắp các tuyến đường như bến phà Bắc Kạn, Thác Oánh, Chợ Mới, Đèo Giàng, Đèo Hanh, Đèo Khê...

Hành động điên cuồng của địch gây cho ta nhiều khó khăn. Nhiệm vụ đảm bảo giao thông của Đảng bộ và nhân dân ta thực sự là một nhiệm vụ quân sự nặng nề, cấp bách, mang tính quyết liệt của một cuộc chiến đấu đối mặt với quân thù.

Để có thể hoàn thành một nhiệm vụ trực tiếp quạn hệ đến sự nghiệp kháng chiến của cả nước, bên cạnh việc tranh thủ sự lãnh đạo của Trung ương, sự chi viện của các tỉnh bạn, Đảng bộ và nhân dân ta giữ vững lời hứa trước Đại hội toàn Đảng lần thứ hai (tháng 2 năm 1951) đã nỗ lực vươn lên,

phát huy cao độ truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng, đồng thời chú trọng kiện toàn hơn nữa tổ chức và bộ máy làm công tác này. Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của các cấp ủy đảng đều trực tiếp tham gia các Ban chỉ huy đảm bảo giao thông. Thêm nhiều Liên phân đội thanh niên xung phong, gồm nam, nữ thanh niên và các tỉnh miền xuôi do Trung ương tăng cường và nam nữ thanh niên các dân tộc địa phương, được thành lập. Việc huy động tại chỗ sức người, sức của được cân nhắc kỹ để vừa đảm bảo không lãng phí, vừa đạt được hiệu suất cao nhất.

Rất quan tâm đến công tác đảm bảo giao thông, đặc biệt hết sức chú ý đến thế hệ trẻ bước vào gánh vác một trong những nhiệm vụ đầy gian nguy thử thách, Trung ương Đảng và Bác Hồ đã có nhiều hình thức động viên, khích lệ và chăm chút cảm động. Mặc dù bận trăm công, ngàn việc, Bác vẫn theo dõi từng nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân ta, giành thời gian đến với các chiến sĩ



Cầu phà (Bắc Kạn) bị máy bay địch đánh phá tháng 5-1950

trên mặt trận đảm bảo giao thông. Ngày 28 tháng 3 năm 1951 Người về thăm cán bộ và đội viên các Liên phân đội thanh niên xung phong trên trọng điểm Đèo Giàng (quốc lộ số ba). Sau khi ân cần thăm hỏi, Người nhắc Ban chỉ huy công trường và toàn thể cán bộ, đội viên thanh niên xung phong phải có kế hoạch tổ chức lao động một cách khoa học, phải đoàn kết, thương yêu nhau, đồng thời tổ chức tốt việc thi đua để mau chóng hoàn thành nhiệm vụ. Kịp thời động viên các điển hình tiên tiến. Bác đã thưởng huy hiệu cho mười hai chiến sĩ thi đua và tặng toàn thể cán bộ, đội viên thanh niên xung phong mấy câu thơ:

Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí cũng làm nên.

Theo lời Bác dặn, bốn câu thơ nói trên đã được đồng chí Dương Thiết Sơn, Bí thư Tỉnh ủy (Người đưa Bác đi thăm các Liên đội thanh niên xung phong), chuyển cho Trung ương Đoàn. Từ đó, cùng với từng bước phát triển của sự nghiệp cách mạng, lời dạy của Bác trong bài thơ trở thành cơ sở cho thế hệ trẻ củng cố quyết tâm, đạp bằng trở lực, làm nên chiến thắng.

Được sự quan tâm của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ và nhân dân ta càng nhận rõ trách nhiệm, thấy hết vinh dự, nên hơn bao giờ hết nỗ lực vươn lên đáp ứng nhu cầu ngày càng to lớn của cuộc kháng chiến. Đầu năm 1951, Đảng bộ Bắc Kạn họp hội nghị tổng kết công tác sửa chữa cầu đường năm 1950 và bàn phương hướng, nhiệm vụ trước mắt. Trên cơ sở đánh giá đúng những thành tích đã đạt được và những nhược điểm cần khắc phục, hội nghị chỉ ra rằng để làm tốt nhiệm vụ đảm bảo giao thông, cần đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng trong lĩnh vực này, đồng thời ra sức cải tiến tổ chức để đảm bảo phát huy hiệu quả kinh tế cao nhất đối với những đóng góp của nhân dân về sức người, sức của. Tại hội nghị này, Đảng bộ quyết định phát động một phong trào toàn dân tham gia đảm bảo giao thông, gọi là “chiến dịch đường, cầu lần thứ hai”. Tại

Thái Nguyên, ngày 1 tháng 4 năm 1951, Ban chấp hành tỉnh đảng bộ họp hội nghị mở rộng thảo luận chỉ thị của đồng chí Hồ Chí Minh trong dịp Người ghé thăm tỉnh (3-1951). Quán triệt chỉ thị của lãnh tụ, hội nghị chủ trương “xúc tiến kế hoạch đảm bảo giao thông, đặc biệt chú trọng sửa chữa mặt đường, đảm bảo giao thông thông suốt trong mọi tình huống, đúng thời hạn đã định”.

Các chỉ thị, nghị quyết của Đảng bộ được cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tích cực thực hiện. Trong “chiến dịch đường, cầu lần thứ hai” ở Bắc Kạn, hơn 3 000 dân công đem theo lương thực, dụng cụ và 1 200 trâu, hăng hái lên các công trường. Tính chung toàn “chiến dịch”, dân công và thanh niên xung phong đào đắp hàng vạn mét khối đất đá, khai thác hàng nghìn cây gỗ, sửa chữa mặt đường, làm mới nhiều cầu bị bom đạn địch và mưa lũ phá hoại. Nhân dân Thái Nguyên, bên cạnh việc chi viện hàng nghìn lao động cho các tỉnh bạn mở đường và vận chuyển hàng hóa ra mặt trận, đã đóng góp 134 100 công để sửa chữa và mở rộng các tuyến đường ở địa phương.

Những cố gắng của Đảng bộ và nhân dân ta trên lĩnh vực đảm bảo giao thông trong thời kỳ chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công, được toàn Đảng, toàn dân đánh giá cao, Tại hội nghị tổng kết chiến dịch cầu, đường toàn quốc (1951), cả Bắc Kạn và Thái Nguyên được thưởng nhiều huân chương, huy chương, riêng Bắc Kạn còn vinh dự được giữ lá cờ luân chuyển “thi đua khá nhất” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Liên tiếp bị thất bại trên khắp các mặt trận, kẻ địch rất lúng túng, bị động. Tuy vậy, với bản chất ngoan cố của quân xâm lược, trong bước đường cùng, chúng càng điên cuồng phản ứng. Năm 1952, thực dân Pháp tập trung cao nhất các cố gắng nhằm phá hoại giao thông, ngăn cản sự vận chuyển hàng hóa của ta từ căn cứ ra mặt trận. Theo thống kê chưa đầy đủ, trong năm 1952, để phá hoại các tuyến đường thuộc địa phận Bắc Kạn chúng đã huy động hàng nghìn lần chiếc máy bay, đánh 482 trận, trong đó nhiều trận sử dụng từ mười hai đến mười sáu máy bay, ném 13 900 quả bom các loại. Thời kỳ này,

bên cạnh việc sử dụng các loại bom phá, chúng còn thả bom nổ chậm, bom bướm và tổ chức nhiều phi vụ vào cả ban đêm, âm mưu gây khó khăn cho việc sửa chữa cầu đường của dân công và thanh niên xung phong. Trong cuộc chiến đấu mới, nhiều cán bộ, chiến sĩ quân đội, thanh niên xung phong và dân công đã ngã xuống tại các trọng điểm. Tuy vậy, kẻ địch vẫn không ngăn nổi quyết tâm của Đảng bộ và nhân dân ta. Địch đánh phá liên tục các cầu, bến phà và các đèo hiểm yếu, ta làm thêm nhiều cầu ngầm, bến phà, nhiều đường nhánh, đường tránh mới. Trên quốc lộ số ba, phần lớn các trọng điểm đều có các đường nhánh, đường tránh. Trong đó, đáng chú ý nhất là con đường tránh Đèo Giàng dài 10.000 mét, bảo đảm việc vận chuyển hàng hóa qua một trong những trọng điểm nóng bỏng nhất. Ngoài ra, lực lượng phòng không non trẻ của ta đã chủ động đánh trả máy bay địch, không cho chúng tự do hoành hành như trước.

Trong công tác bảo đảm giao thông, các cấp ủy Đảng tỉnh ta đã vận dụng có hiệu quả quan điểm chiến tranh nhân dân của Đảng. Bên cạnh các đoàn dân công được huy động theo chế độ, chính sách trong từng chiến dịch, bên cạnh lực lượng công nhân ngày càng được tăng cường về số lượng, bồi dưỡng về tay nghề và hàng chục Liên đội thanh niên xung phong có mặt thường xuyên trên các trọng điểm, ngoan cường đối phó với chiến tranh phá hoại của địch, lập công rất xuất sắc, được Chính phủ và Bác Hồ khen ngợi (ví dụ Liên phân đội 205), việc phát huy tinh thần yêu nước và tinh thần làm chủ của quần chúng trong công tác này được Đảng bộ đặc biệt chú ý. Tính đến đầu năm 1954, cả Bắc Kạn và Thái Nguyên đã thành lập được 331 tổ nhân dân, thu hút 4.901 người (Bắc Kạn có 216 tổ gồm 3000 tổ viên; Thái Nguyên có 115 tổ với 1.901 tổ viên), góp phần làm nhiệm vụ bảo vệ cầu đường. Vừa sản xuất, vừa đề cao cảnh giác, các tổ viên tổ bảo vệ cầu đường là những người có mặt sớm trên các trọng điểm sau khi địch đánh phá, tham gia tích cực vào việc khắc phục hậu quả, “tăng bo” hàng hóa, giải phóng xe, kho tàng, theo dõi bọn việt gian phản động... Do mới chỉ có một thời gian ngắn hoạt động, chưa có nhiều kinh nghiệm nên đóng góp của các tổ nhân dân vào sự nghiệp đảm

bảo giao thông còn hạn chế, tuy vậy, nó là biểu hiện sinh động sức sống mãnh liệt của cuộc chiến tranh nhân dân do Đảng lãnh đạo, là sự khẳng định các cố gắng to lớn của Đảng bộ và nhân dân ta trong công tác này. Chính nhờ những cố gắng như vậy, đảm bảo giao thông là lĩnh vực tỉnh ta có sự đóng góp cao nhất trong toàn bộ các mặt đóng góp đối với sự nghiệp kháng chiến thần thánh của Tổ quốc.



Đường tránh đèo Giàng (1952)

7 - LSD



Băng mọ phương tiện đưa lương thực, vũ khí ra tiền tuyến.

IV

KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA

1. Khôi phục và phát triển kinh tế.

Trong báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ hai (tháng 2 năm 1951), khi đề cập đến thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Địch âm mưu đánh chớp nhoáng. Chúng muốn đánh mau, thắng mau, giải quyết mau, thì Đảng và Chính phủ ta nêu lên khẩu hiệu: Trường kỳ kháng chiến...kháng chiến trường kỳ thì quân đội phải đủ súng đạn, quân và dân phải đủ ăn, đủ mặc”⁽¹⁾

Chính là xuất phát từ yêu cầu hết sức cấp bách nói trên nên ngay sau khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Đảng ta chủ trương: “Tăng gia sản xuất, thực hiện kinh tế tự túc”; “vừa kháng chiến vừa kiến quốc”⁽²⁾.

Thảm họa đường lối kháng chiến của Đảng, trong khi tập trung sức góp phần cùng cả nước giành thắng lợi về mặt quân sự, Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta với trách nhiệm là địa phương được Trung ương chọn làm căn cứ địa, đã không ngừng phấn đấu đẩy mạnh sản xuất nhằm bảo đảm nhu cầu của tỉnh, đồng thời làm nghĩa vụ đối với sự nghiệp kháng chiến của cả nước.

Thực hiện chủ trương “kinh tế tự túc”, trước hết Đảng bộ và nhân dân ta tập trung mọi cố gắng vào việc phát triển sản xuất lương thực.

Do hậu quả ách thống trị thực dân, phong kiến, lại bị chiến tranh tàn phá, trong buổi đầu cách mạng, kinh tế nông nghiệp tỉnh ta gặp rất nhiều khó khăn. Cuộc cách mạng ruộng đất chưa có điều kiện thực hiện. Một phần ruộng đất vẫn còn trong tay giai cấp địa chủ. Mặt khác, bản thân nền nông nghiệp, kể cả hệ thống đồn điền do bọn thực dân bỏ chạy mà ta tiếp thu, vẫn chưa thoát ra được khuôn khổ của một nền sản xuất nhỏ, độc canh, rất manh mún, phân tán, năng suất lao động thấp vì công cụ không được cải tiến... Sự lạc hậu về trình

⁽¹⁾ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: Văn kiện toàn quốc đại biểu đại hội lần thứ hai của Đảng. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1965, tr 30; 31.

⁽²⁾ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: Văn kiện Đảng (từ 25-11-1945 đến 31-12-1947), Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1969, tr 63; 66.



Bác Hồ tăng gia sản xuất
ở cơ quan (Chợ Đồn) năm 1951

độ phát triển kinh tế, văn hóa kéo theo tình trạng lệ thuộc nặng nề vào thiên nhiên. Sản lượng lúa và hoa màu nhìn chung thấp và không ổn định do sự thay đổi bất thường của khí hậu nhiệt đới gió mùa. Từ ngày cách mạng Tháng Tám thành công, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nông dân ta đã có nhiều cố gắng khắc phục những hậu quả do xã hội cũ để lại, giải quyết được một số khó khăn trước mắt. Thế nhưng thời gian và điều kiện khách quan chưa cho phép nông nghiệp có được những chuyển biến lớn. Sản xuất nông nghiệp vẫn lệ thuộc nặng nề vào thiên nhiên. Năm 1946, thời tiết tương đối thuận lợi cho cây trồng nên vụ mùa thu hoạch khá, nhưng năm 1947, các trận bão, lụt liên tiếp trong tháng lúa, ngô làm đòng, gây thất thu trên diện tích hàng trăm mẫu dọc các thung lũng sông Cầu và sông Công. Đặc biệt, trận lụt trung tuần tháng 10 năm 1950, đã gây cho nông nghiệp tỉnh ta tổn thất rất nghiêm trọng. Kể cả Bắc Kạn và Thái Nguyên, trong trận lụt này, nước lũ tàn phá làm thất thu khoảng trên năm trăm tấn thóc và ngô. Cùng với thiên tai là địch họa. Thu đông năm 1947, giữa lúc mùa màng đang chín rộ thì địch mở cuộc tấn công lên Việt Bắc. hàng trăm mẫu lúa đang chờ thu hái, bị địch tàn phá, hoặc cho bọn phản động đi cướp để giải quyết khó khăn về lương thực. Trong thời kỳ địch chiếm đóng, riêng xung quanh các vị trí lớn của chúng ở thị xã Bắc Kạn và thị trấn Phủ Thông, hơn năm nghìn mẫu ruộng trở thành hoang hóa. Ngoài ra với âm mưu tiến công ta về mặt kinh tế, thực dân Pháp đã không từ một hành động dã man nào. Chúng dùng cả bộ binh và không quân triệt hạ làng mạc, giết hại nông dân đang cấy, hái; phá các công trình thủy lợi; tàn sát trâu bò... Tháng 12 năm 1950, để phá đập Vạn Giã (Phú Bình) - một công trình quan trọng nằm trong hệ thống đại thủy nông Thái Nguyên - Bắc Giang- địch cho không quân đánh liên tục hai mươi một ngày. Tiếp đó, tháng 6 năm 1952, chúng lại dùng máy bay ném bom, phá nốt đập Thác Huống. Nhằm gây khó khăn cho ta về mặt sức kéo, ngay từ năm 1947, trâu, bò trở thành một trong những mục tiêu của các cuộc càn quét của địch.

Sau đó, khi buộc phải rút khỏi tỉnh ta, chúng lại dùng không quân tiến công từng con trâu đang gặm cỏ. Theo thống kê sơ bộ, tính



Đập Thác Huống bị máy bay địch đánh phá (6-1952)

riêng từ tháng 10 năm 1947 đến tháng 3 năm 1948, quân địch đã tàn sát gần bốn nghìn con trâu, bò (hai nghìn năm mươi năm con ở Bắc Kạn và một nghìn chín trăm bốn mươi hai con ở Thái Nguyên).

Chưa có kinh nghiệm lãnh đạo nông nghiệp, thiếu vốn đầu tư, không có cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ, lại thêm những khó khăn chồng chất do thiên tai, dịch họa, nên yêu cầu khôi phục và phát triển sản xuất nhằm đảm bảo tự túc lương thực tại chỗ trở thành một trong những vấn đề cấp bách nhất, đòi hỏi Đảng bộ và đồng bào các dân tộc phải tập trung trí tuệ và lực lượng cao độ, phấn đấu liên tục trong suốt quá trình kháng chiến kể cả những lúc phải trực tiếp đối phó với cuộc tiến công quân sự của địch.

Nhận thức rõ ý nghĩa của vấn đề lương thực, đánh giá đúng những khó khăn cả về chủ quan và khách quan. Đảng bộ đã tập trung mọi cố gắng giải quyết những vấn đề có thể giải quyết được, đồng thời phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng của quần chúng nhằm khôi phục và phát triển sản xuất.

Buổi đầu đi vào cuộc kháng chiến, yêu cầu rất cấp bách về quân sự và trật tự an ninh thu hút phần lớn số cán bộ, đảng viên còn ít ỏi của tỉnh, tuy vậy Ban chấp hành tỉnh đảng bộ vẫn giành sự chú ý thỏa đáng trong việc đầu tư cán bộ để kiện toàn một bước bộ máy chỉ đạo nông nghiệp. Các ty trong Ban canh nông được củng cố, hoặc được thành lập mới. Đến giữa năm 1947, bên cạnh các ty Khuyến nông; Túc mễ, còn có các ty : khai hoang, di dân; Tín dụng, sản xuất; Tầm tang; Địa chính; Thú ngư và Lâm chính (riêng Bắc Kạn vì thiếu cán bộ nên trong thời kỳ này còn một số ty như Tầm Tang; Địa chính chưa được thành lập). Bộ máy các ty tuy còn thiếu và yếu, nhất là về chuyên môn, nghiệp vụ, nhưng bản thân việc thành lập được một bộ máy giúp việc tương đối toàn diện như vậy trong tình hình chung có nhiều khó khăn là một cố gắng lớn của Đảng bộ. Trong thực tế, các cơ quan này đã có nhiều nỗ lực giúp Ban chấp hành tỉnh đảng bộ triển khai nhiều chủ trương của Đảng nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển. Vì thế, trong suốt thời gian kháng chiến, kể cả những thời kỳ chiến sự quyết liệt nhất, các cơ quan chỉ đạo sản xuất nông

nghiệp thường xuyên được tỉnh chú ý tăng cường cán bộ và sắp xếp hợp lý về mặt bộ máy (như chuyển Ban Canh nông thành Ty Canh nông; thành lập mới Ty thủy nông...)

Để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, tạo điều kiện cho đồng bào các dân tộc đảm bảo tự túc lương thực và đóng góp cho kháng chiến, trong từng thời kỳ Đảng bộ đã thực hiện kịp thời các chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp của Đảng. Sau ngày toàn quốc kháng chiến, cuộc vận động giảm tô, giảm tức, chia ruộng công, hoặc nợ tiếp tục được thực hiện sâu rộng ở cả Bắc Kạn và Thái Nguyên. Ruộng đất trong các đồn điền lớn do Nhà nước quốc hữu hóa của bọn thực dân, cũng được đo đạc lại và phân phối cho nông dân cày cấy. Ngoài ra, để hỗ trợ cho nông nghiệp vươn lên đáp ứng nhu cầu cuộc kháng chiến, mặc dù công quỹ hết sức eo hẹp, tỉnh vẫn giành những khoản ngân sách thỏa đáng cho nông dân vay mua sắm nông cụ - trâu, bò cày kéo. Tính chung trong năm đầu kháng chiến, các Ty Tín dụng Bắc Kạn và Thái Nguyên đã cho nông dân vay gần một trăm nghìn đồng (gần một trăm phần trăm kinh phí hỗ trợ sản xuất của tỉnh). Tiếp đó, cùng với những bước phát triển mới của cuộc kháng chiến, sự hỗ trợ của Nhà nước đối với sản xuất nông nghiệp ngày càng lớn, vừa cụ thể vừa toàn diện. Năm 1950, thực hiện nghị quyết “chuyển mạnh sang tổng phản công” của hội nghị toàn quốc của đảng, cả ở Bắc Kạn và Thái Nguyên, sản xuất nông nghiệp nhận được sự hỗ trợ to lớn và có hiệu quả. Tại Thái Nguyên, tín dụng tỉnh đã cho nông dân vay 10.010.907 đồng để mua nông cụ và trâu bò cày kéo; cung cấp cho các huyện 45.327 kg giống lúa và ngô ngắn ngày; đổi trực tiếp cho dân 11.000 kg giống chiêm sớm... Ở Bắc Kạn, tín dụng tỉnh đã cho nông dân vay 6.946.700 đồng để mua lương ăn, thóc giống và gần một nghìn con trâu cày, kéo. Các cấp ủy Đảng, chính quyền đứng ra tổ chức cho đồng bào các dân tộc, nhất là đồng bào ở những nơi bị cuộc tiến công và chiếm đóng của địch gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng như ở Bạch Thông (1.088 gia đình) và Ngân Sơn (690 gia đình), trở về quê cũ ổn định đời sống.

Nhằm mục đích khuyến khích sản xuất nông nghiệp, đồng thời tạo điều kiện cho nông dân đóng góp vào cuộc kháng chiến, các chính sách thuế của Đảng và Nhà nước đối với nông nghiệp đều được Đảng bộ tổ chức thực hiện



Bác Hồ nhận quà tặng (củ sắn)
của nông dân huyện Chợ Đồn (1950)

một cách chủ động và kịp thời. Năm 1951, sau khi Nhà nước ban hành chính sách thuế nông nghiệp (1-5-1951), Đảng bộ đã tập trung lực lượng, mở một cuộc vận động sâu rộng trong phạm vi toàn tỉnh. Hàng nghìn cán bộ, đảng viên từ tỉnh đến cơ sở, được huấn luyện kỹ, sau đó tham gia triển khai cuộc vận động. Hàng vạn nông dân được học tập thấu đáo mục đích, ý nghĩa và nội dung chính sách mới về thuế nông nghiệp của Đảng. Do chuẩn bị kỹ, triển khai kịp thời và sáng tạo, cuộc vận động đã đem lại không khí phấn khởi mới trong nông thôn, tinh thần hăng hái lao động sản xuất trong nông dân. Chính sách thuế mới, công bằng và hợp lý thực sự là đòn bẩy đưa nông nghiệp, tỉnh ta vươn lên đáp ứng yêu cầu mới của cuộc kháng chiến.

Sự chăm lo cụ thể về đời sống vật chất của người nông dân được Đảng bộ chú ý. Để giúp một bộ phận nông dân, chủ yếu là bản nông và cố nông thoát khỏi tình trạng khốn quẫn do hậu quả của xã hội cũ để lại và do chiến tranh tàn phá, việc cứu tế được đặt ra thường xuyên trong suốt quá trình cuộc kháng chiến. Ở Thái Nguyên, ngay trong năm đầu trực tiếp đương đầu với cuộc tiến công của địch, tỉnh đã trợ cấp khó khăn cho hơn bảy nghìn người. Tiếp đó, trong mấy tháng đầu năm 1948. Tiểu ban Cứu tế tỉnh lại xuất ra sáu mươi tấn thóc và 460.000 đồng cứu giúp hàng nghìn gia đình có nhà cửa, ruộng vườn bị cuộc tiến công thu đông năm 1947 của địch tàn phá. Tại Bắc Kạn, tính chung từ tháng 10 năm 1949 đến tháng 8 năm 1951 các khoản cứu tế lên tới 4.506.000 đồng (tương ứng với khoảng bốn trăm tấn thóc theo thời giá năm 1949)

Bên cạnh việc chăm lo, giúp đỡ nông dân vượt qua những khó khăn do thiên tai, địch họa, phù hợp với bước phát triển mới của cuộc kháng chiến, thực hiện chính sách ruộng đất của đảng, các cấp ủy Đảng tỉnh ta đã lãnh đạo giai cấp nông dân tiến lên thực hiện cách mạng ruộng đất, đánh đổ giai cấp địa chủ phong kiến, giành lấy quyền lợi thiết thân cả về kinh tế và về chính trị.

Để chuẩn bị cho việc thực hiện triệt để cuộc cách mạng ruộng đất, từ năm 1950 đến năm 1952, tỉnh ta đẩy mạnh việc triển khai sắc lệnh giảm tô

của Nhà nước (ban hành ngày 14 tháng 9 năm 1949). Bằng việc thực hiện
giảm tô, giảm



Ngày cầm thẻ nhận ruộng

tức và các chính sách liên quan khác, chúng ta đã hạn chế một phần sự bóc lột của giai cấp địa chủ, bước đầu làm cho nó suy yếu. Một phần ruộng đất trước đây nằm trong tay giai cấp địa chủ được trả lại cho nông dân lao động. Tính đến hết năm 1952, chúng ta đã giành lại cho nông dân hơn 10.000 mẫu ruộng đất.

Nhờ những cố gắng và kết quả nói trên, tỉnh ta có vinh dự được Trung ương đảng chọn làm nơi thí điểm giảm tô và cải cách ruộng đất. Năm 1952, hai xã Đồng Bẩm và Dân chủ huyện Đồng Hỷ (xã Đồng Bẩm nay thuộc thành phố Thái nguyên) làm thí điểm phát động quần chúng thực hiện giảm tô. Sau đó mở rộng diện ra 208 xã trong toàn tỉnh (146 xã ở Thái Nguyên và 62 xã ở Bắc Kạn). Cuối năm 1953, trên cơ sở thắng lợi đã đạt được trong cuộc vận động giảm tô, sáu xã thuộc huyện Đại Từ là Hùng Sơn, Bình Thuận, An Mỹ (Mỹ Yên), Tân Thái, Trần Phú (Khôi Kỳ) và Độc Lập (Tiên Hội) được chọn làm thí điểm cải cách ruộng đất. Ở đây, nhờ có sự chỉ đạo chặt chẽ của Trung ương, quá trình cải cách ruộng đất được thực hiện đúng đường lối, chính sách, Giai cấp địa chủ trong phạm vi sáu xã bị xóa bỏ. Hơn một trăm mẫu ruộng của địa chủ được đem chia cho chín mươi tư gia đình nông dân không có hoặc thiếu ruộng đất. Quyền làm chủ nông thôn được trao cho những người lao động chân chính. Ngày cắm thẻ nhận ruộng thực sự là một ngày hội của nông dân.

Phát huy những kết quả đã đạt được, giữa năm 1954, khi cuộc kháng chiến bước vào thời kỳ quyết liệt nhất, cuộc cách mạng ruộng đất được triển khai tiếp ở gần sáu mươi xã thuộc sáu huyện trong tỉnh. Hàng nghìn nông dân được thu hút vào cuộc đấu tranh trực diện, quyết liệt với giai cấp địa chủ phong kiến. Kết quả thêm gần 1500 mẫu ruộng và hàng trăm trâu bò, được đem chia cho hơn chín trăm gia đình bần nông và cố nông.

Trên đà thắng lợi của cuộc kháng chiến, trong điều kiện vùng tự do đã mở rộng, thì phạm vi tiến hành cuộc cách mạng ruộng đất của tỉnh rõ ràng còn hẹp. Tuy vậy, là một trong những nơi đầu tiên của cả nước tiến hành song song hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng thắng lợi của cuộc vận động

giảm tô, đặc biệt là thắng lợi của cải cách ruộng đất ở tỉnh ta đã nhanh chóng vang dội trong



Bác Hồ thăm nông dân xã Hùng Sơn (Đại Từ) thu hoạch vụ lúa đầu tiên sau cải cách ruộng đất (14-9-1954)

cả nước, góp phần cổ vũ mạnh mẽ các lực lượng võ trang hăng hái tiến lên tiêu diệt quân thù.

Riêng với những người đầu tiên được hưởng thành quả của cuộc cách mạng dân chủ, trong dịp về thăm nông dân các xã thí điểm cải cách ruộng đất của huyện Đại Từ, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: Đồng bào các xã được cải cách ruộng đất trước nhất trong cả nước, đó là một vinh dự lớn. Dân cày có ruộng đó là một thắng lợi to, từ mấy nghìn năm nay chưa từng có. Trước kia bị địa chủ bóc lột, nông dân phải cúi đầu, nay ta đập tan thế lực kinh tế, chính trị của giai cấp địa chủ, nông dân làm chủ nông thôn.

Cùng với những cố gắng nhằm xóa bỏ quan hệ sản xuất địa chủ, phong kiến, công tác giáo dục và từng bước tổ chức cho nông dân cũng như nông nghiệp phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa được Đảng bộ chú ý. Có thể nói trên các mặt công tác của tỉnh, nông nghiệp là lĩnh vực đẩy lên sôi nổi và liên tục nhất các phong trào thi đua. Đầu năm 1947, trong điều kiện khẩn trương của tình hình chiến sự phức tạp, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân trong tỉnh thi đua “sản xuất, tiết kiệm”. Cuối năm, khi những thành quả của phong trào thi đua “sản xuất tiết kiệm” bị cuộc tiến công của địch đe dọa, tỉnh lại phát động chiến dịch “gặt nhanh cất kỹ”. Trong hai năm 1948, 1949, để khắc phục hậu quả cuộc tiến công quân sự năm 1947 và đối phó với việc chiếm đóng năm cứ điểm trên vùng núi phía bắc, toàn tỉnh thực hiện “phong trào thi đua yêu nước”. Từ năm 1952, “chiến dịch vụ mùa thắng lợi”, được phát động hàng năm vào khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 5 (Quốc tế lao động) đến 19 tháng 5 (ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh). Do rút kinh nghiệm qua các phong trào “sản xuất, tiết kiệm”, “thi đua yêu nước”...từ năm 1952, cả về hình thức và nội dung phát động thi đua mới dừng lại ở sự hô hào và phát động một lần vào đầu vụ thì từ năm 1952 việc tổ chức phong trào thi đua được phát động từ cơ sở, có nội dung cụ thể. Theo thời vụ, chiến dịch được chia thành ba bước, hay là ba phong trào: “cày sâu bừa kỹ”; “làm cỏ, bỏ phân”; “gặt nhanh, gặt kỹ”. Để chuẩn bị phát động thi đua, tỉnh và huyện đều mở lớp đào tạo cán bộ lãnh đạo sản xuất và tổ chức phong trào thi đua, sau đó

đưa số cán bộ này xuống trực tiếp triển khai ở cơ sở. Năm đầu tổ chức phong trào thi đua theo hình thức mới, riêng đợt phát động đầu năm tỉnh đã huy động tới 998 cán bộ (Thái Nguyên 724 cán bộ; Bắc Kạn 274 cán bộ), xuống giúp các cấp ủy Đảng cơ sở, tổ chức hàng nghìn buổi học tập cho đồng bào các dân tộc. Theo thống kê chưa đầy đủ, các buổi học tập này đã thu hút 99.500 người (trên tổng số 174.000 dân) ở Thái Nguyên và 12.594 người (trên tổng số 75.000 dân) ở Bắc Kạn. Được quán triệt nhiệm vụ của nông nghiệp trong tình hình mới, yêu cầu và nội dung thi đua, các hộ nông dân xây dựng chương trình, kế hoạch sản xuất và lập giao ước thi đua. Sau đó xã mở “đại hội sản xuất” để phát động thi đua. Tính đến hết năm 1952, toàn tỉnh có 34.764 hộ xây dựng được chương trình, kế hoạch gia đình và có giao ước thi đua (Bắc Kạn 11.930 hộ trên tổng số 13.062 hộ; Thái Nguyên 22.834 hộ trên tổng số 40.137 hộ).

Do những khó khăn của tình hình kháng chiến, đặc biệt do thiếu kinh nghiệm việc tổng kết các phong trào thi đua còn chậm, việc xây dựng điển hình và nhân điển hình qua các phong trào thi đua sôi nổi trên mặt trận sản xuất nông nghiệp chưa được chú ý thỏa đáng. Tuy vậy, nhìn chung các phong trào trên, nhất là các “chiến dịch vụ mùa thắng lợi” đã góp phần vào việc thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, từng bước xây dựng ý thức làm chủ và tinh thần tập thể cho người nông dân. Chính là nhờ những kết quả đã đạt được trong cách mạng ruộng đất và các phong trào thi đua sôi nổi trong nông nghiệp, nên từ những năm cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, thực hiện chủ trương của Đảng, tỉnh ta có điều kiện chuẩn bị cơ sở cho việc cải tạo nông nghiệp, nhằm từng bước đưa nông thôn đi lên chủ nghĩa xã hội. Năm 1952, cùng với việc triển khai “chiến dịch vụ mùa thắng lợi”, Đảng bộ tiến hành cuộc vận động xây dựng tổ đổi công. Hưởng ứng cuộc vận động của Đảng, thấy rõ sự cần thiết cấp bách của nhiệm vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, của nhiệm vụ phục vụ chiến đấu, mặt khác cũng là phù hợp với tập quán giúp đỡ, hỗ trợ nhau trong sản xuất, đời sống vốn có từ lâu đời, phong trào tổ đổi công, tổ hợp công được đồng bào các dân tộc hưởng ứng rộng rãi.

Riêng trong mấy tháng đầu năm 1952, toàn tỉnh đã xây dựng được hàng trăm tổ, trong đó có huyện như Đông Hỷ xây dựng được tới một trăm bốn mươi bảy tổ. Sau hơn một năm rút kinh nghiệm, lại được sự hỗ trợ của cuộc cách mạng ruộng đất, đến đầu năm 1954, đổi công trở thành hình thức sản xuất chủ yếu trong phạm vi toàn tỉnh. Tại Thái Nguyên, nhiều nơi một trăm phần trăm nông dân tham gia sản xuất trong các tổ đổi công, nhiều xã thành lập được hàng chục tổ (Hùng Sơn huyện Địa Từ có 60 tổ, Phúc Xuân huyện Đông Hỷ có 59 tổ...), Ở Bắc Kạn, tuy năm 1952 mới thành lập được bảy mươi sáu tổ nhưng nhờ các cấp ủy Đảng kịp thời rút kinh nghiệm và tăng cường chỉ đạo nên đến đầu vụ mùa năm 1954 đã thành lập được 1214 tổ, thu hút 15.770 nông dân.

Bên cạnh những cố gắng nhằm khuyến khích nông nghiệp phát triển, từng bước giải phóng người lao động khỏi quan hệ sản xuất phong kiến lạc hậu, trì trệ, bước đầu hướng nông dân đi vào quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, trong suốt cả quá trình kháng chiến, vấn đề bảo vệ sản xuất luôn luôn được đặt ra như một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của tỉnh. Năm 1947, giữa lúc tình hình chiến sự gay go, quyết liệt do cuộc tiến công quân sự lên Việt Bắc của địch gây ra, thực hiện "chỉ thị cần kíp" ngày 9 tháng 10 năm 1947 và chỉ thị "phải phá cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp" ngày 15 tháng 10 năm 1947 của Ban thường vụ Trung ương Đảng, các cấp ủy Đảng tỉnh ta đã kịp thời huy động mọi lực lượng vào việc thu hái lúa và hoa màu. Ở nơi có chiến sự, cũng như những nơi chiến sự chưa lan tới, một phong trào toàn dân ra đồng thu hái lúa và hoa màu được đẩy lên sôi nổi, rộng khắp. Các đơn vị bộ đội chưa trực tiếp tham chiến, các cơ quan, công trường, xí nghiệp đều được huy động ra đồng cùng với nông dân gặt hái. Riêng những nơi có chiến sự, tỉnh đã huy động các lực lượng vũ trang tổ chức trận địa, sẵn sàng chặn địch, đảm bảo an toàn cho người sản xuất và không để chúng tự do càn quét, cướp phá lương thực, gia súc. Với nhiều biện pháp rất linh hoạt, sáng tạo, có sự hiệp đồng giữa sản xuất và chiến đấu, ngay tại các cánh đồng xung quanh cứ điểm địch, chúng ta vẫn đảm bảo thu hoạch. Ở đây, thắng lợi

đã đạt được về bảo vệ sản xuất có ý nghĩa như là một trong những yếu tố quyết định nhất dẫn đến chiến công của quân và dân tỉnh ta góp phần vào chiến thắng Việt bắc - Thu đông 1947.

Sau chiến dịch Việt bắc, rút ra những kinh nghiệm cần thiết trong việc bảo vệ sản xuất, Đảng bộ và nhân dân ta tiếp tục đề cao cảnh giác, kịp thời ngăn chặn mọi âm mưu phá hoại sản xuất của địch. Thời kỳ quân xâm lược còn chiếm đóng một số nơi trong tỉnh (1948-1949), chúng ta huy động các lực lượng võ trang áp sát các vị trí, chủ động tổ chức các trận phục kích, tập kích, xây dựng hệ thống báo động liên hoàn, vừa tích cực tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, vừa ngăn chặn không cho chúng tự do càn quét vơ vét lương thực, thực phẩm và quấy rối sản xuất. Thời kỳ từ 1950-1954, để đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của địch, một mặt chúng ta tổ chức hệ thống canh gác báo động phòng không, làm hầm hào phòng tránh cho người và gia súc, mặt khác chủ động đánh trả máy bay địch. Riêng việc bảo vệ đập Thác Huống, công trình thủy lợi lớn và quan trọng nhất của địa phương, lực lượng phòng không non trẻ của tỉnh (mới thành lập đầu năm 1952, trang bị vũ khí còn kém) đã chiến đấu rất dũng cảm, bắn bị thương ba máy bay địch.

Được giải phóng, được khuyến khích và bảo vệ, sản xuất nông nghiệp tỉnh ta vượt qua nhiều khó khăn không ngừng vươn lên, xứng đáng với vai trò và vị trí của tỉnh căn cứ địa. Khắc phục tập quán độc canh, cuối năm 1946, lần đầu tiên nông dân tỉnh ta đưa diện tích cây chiêm lên mức kỷ lục trong lịch sử phát triển nông nghiệp của địa phương: 31.838 mẫu. Do cố gắng về tăng vụ và bước đầu chú ý chăm bón, nên mặc dù bị thiệt hại nặng do thiên tai, dịch họa, năm 1947 sản xuất nông nghiệp của tỉnh đạt được kết quả khả quan, sản lượng lúa và ngô lên tới 82.211 tấn, màu quy thóc đạt gần 5.600 tấn. Nhờ có thành tích này nên tuy dân số tăng đột xuất hàng chục nghìn người (do đón tiếp các cơ quan, xí nghiệp và đồng bào các tỉnh bạn tản cư) và không còn nguồn cung cấp hàng năm khoảng trên dưới một nghìn tấn từ miền xuôi lên, nhìn chung đời sống của nhân dân vẫn tạm ổn định, ngoài phần tự túc, còn dành một phần đáng kể cấp dưỡng con em trong các lực lượng võ trang. Chưa

tính sự ủng hộ trực tiếp hay gián tiếp của đồng bào cơ sở, riêng tám đơn điền do tỉnh quản lý đã góp vào công quỹ 329 tấn thóc. Đây là thành tích đáng tự hào.

Những thành tích và đặc biệt là những kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn vừa sản xuất vừa chiến đấu trong năm đầu kháng chiến có ý nghĩa như là tiền đề cho các bước phát triển tiếp theo của sản xuất nông nghiệp. Do đó trong hai năm 1948, 1949 tuy tình hình sản xuất nông nghiệp có rất nhiều khó khăn về địch họa cũng như về thiên tai, Đảng bộ và nhân dân ta vẫn bình tĩnh, tự tin đi vào “phong trào thi đua yêu nước”. Ở Bắc Kạn, để bù lại hàng nghìn mẫu bỏ hoang xung quanh các cứ điểm địch, hai nhiệm vụ chủ yếu được đặt ra là tăng vụ, tăng diện tích và đưa khoai, sắn, rau, đậu tiến dần lên hàng các cây lương thực chủ yếu. Cả hai nhiệm vụ này đều nặng nề, song nhờ phát huy cao độ tinh thần yêu nước, đến năm 1949, về cơ bản nhân dân các dân tộc năm huyện phía bắc đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ đề ra. Riêng diện tích ngô và lúa nương đạt tới trên 8000 mẫu, tăng hơn năm 1947 gần 4600 mẫu. Cố gắng này đã đưa sản lượng lúa và ngô cả năm đạt gần 11000 tấn, sấp xỉ năm 1947. Tập quán độc canh bước đầu được khắc phục, rau, đậu và đặc biệt khoai, sắn, được chú ý. Diện tích khoai, sắn đạt tới gần 1000 mẫu, tăng gấp hai lần năm 1947. Với những thành tích này, nếu trước cách mạng Tháng Tám hàng năm Bắc Kạn phải nhập trên dưới năm trăm tấn gạo, thì nay đã đảm bảo tự túc lương thực tại chỗ và có đóng góp với Nhà nước. Tại Thái Nguyên, do chiến sự lan rộng, cuối năm 1947 chỉ cấy được khoảng 2000 mẫu lúa chiêm, nên nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp năm 1948 thật nặng nề, cấp bách. Để kịp thời đối phó với tình hình đói kém đang đe dọa nghiêm trọng, Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh tập trung sức thực hiện hai nhiệm vụ trung tâm: đẩy mạnh “sản xuất rau màu” và “lấy mùa bù chiêm”. Bằng tinh thần “coi sản xuất như đánh giặc”, ngay từ đầu năm phong trào tăng gia sản xuất phát triển sôi nổi, rầm rộ. Kết quả riêng trong ba tháng đầu năm, diện tích ngô, khoai, sắn, rau, đậu đã tăng hơn năm mươi phần trăm so với cùng kỳ năm 1947. Đặc biệt trong vụ mùa, do tập trung cao cả ba khâu: “cày sâu, bừa

kỹ”; “làm cỏ, bỏ phân”; “gặt nhanh, gặt kỹ”, nên mặc dù các trận bão lũ gây thiệt hại trên diện tích hàng trăm mẫu suốt một giải từ Đồng Hỷ đến Phổ Yên, Phú Bình, sản lượng thóc cả năm vẫn đạt 70.622 tấn. Với kết quả này năm đầu khắc phục hậu quả nặng nề do tình hình chiến sự năm 1947 để lại, cả bảy huyện vượt qua được thời kỳ giáp hạt, có đóng góp với Nhà nước, chuẩn bị cơ sở cho bước phân đấu cao hơn. So với năm 1948, thời tiết năm 1949 tương đối thuận lợi cho cây trồng. Đây là sự hỗ trợ khách quan rất đáng chú ý trong tình hình sản xuất nông nghiệp còn lệ thuộc nặng nề vào thiên nhiên. Nhìn chung năm 1949 tỉnh ta được mùa cả về lúa và hoa màu. Sản lượng thóc cao hơn năm 1948 gần một vạn tấn. Sản lượng ngô, khoai, sắn, rau, đậu đều cao hơn năm 1947. Trong điều kiện tình hình chiến sự còn gay go, quyết liệt, đây là một thắng lợi có ý nghĩa lịch sử. Nhờ có thắng lợi này, đời sống của đồng bào các dân tộc được cải thiện, nghĩa vụ đóng góp đối với kháng chiến được nâng cao. Chưa tính ngô và hoa màu khác, riêng các khoản đóng góp về thóc đã lên tới trên 2000 tấn, tăng gần gấp bảy lần năm 1947.

Sau năm 1949, do có nhiều thuận lợi mới trên tất cả các lĩnh vực, sản xuất nông nghiệp ngày càng tiến bộ nhanh và vững chắc. Cùng với tư liệu sản xuất dần dần được trao lại cho người lao động những chuyển biến trong sản xuất nông nghiệp cũng đi dần từ hình thức đến nội dung. Ngay sau khi địch rút khỏi Bắc Kạn, Đảng bộ và nhân dân các huyện phía bắc tập trung sức khai hoang, phục hóa. Tính đến vụ mùa năm 1950 đã có thêm gần 4000 mẫu được đưa vào canh tác, gần 1000 mẫu khác được chuẩn bị đưa vào sản xuất đông xuân, nâng mức phục hóa lên gần 5000 mẫu (chín mươi lăm phần trăm số ruộng hoang hóa). Đồng thời với nỗ lực tăng diện tích, bằng tinh thần chuyển mạnh sang tổng phản công, giai cấp nông dân bước đầu phân đấu theo hướng thâm canh tăng năng suất. Từ năm 1950 và nhất là từ sau ngày các tổ đội công được xây dựng, phong trào toàn dân làm thủy lợi được đẩy lên sôi nổi, rộng khắp. Kết quả trong hơn bốn năm (từ 1950 đến giữa 1954), số lượng công trình thủy lợi làm mới thuộc loại vừa và nhỏ, đã vượt qua toàn bộ số lượng công trình đã có từ trước. Ở Bắc Kạn, riêng trong sáu tháng đầu năm 1954

làm mới 398 phai, 1457 nương, đảm bảo nước tưới cho khoảng 4000 mẫu ruộng. Tại Thái Nguyên trong ba tháng quý hai năm 1954 làm thêm 470 ao chuôm chứa nước; 96 con; 100 phai; 113 nương và 187 giếng chống hạn. Ba huyện Phú Bình, Phổ Yên và Đồng Hỷ có thêm gần 2000 mẫu chủ động được về nước. Nhờ những cố gắng trên mặt trận thủy lợi đến trước ngày cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, diện tích chiêm và nam ninh toàn tỉnh đạt tới 33.209 mẫu (Thái Nguyên 31.738 mẫu; Bắc Kạn 1.471 mẫu), tăng gần tám lần so với trước cách mạng Tháng Tám. Các tập quán canh tác cũ như cày nông, bừa chùi, cấy chay...bước đầu được khắc phục. Cuộc vận động tận dụng nguồn phân, làm phân và chăm bón cây trồng tuy chưa đạt được kết quả mong muốn, nhưng là sự đánh dấu bước chuyển biến rất cơ bản đối với người sản xuất ở miền núi trong thâm canh tăng năng suất. Do đó, nhìn chung từ sau năm 1950 tuy vẫn có nhiều trở ngại về thiên tai, địch họa, sản xuất nông nghiệp tiếp tục đạt những thắng lợi rất đáng phấn khởi, đời sống của đồng bào các dân tộc được cải thiện, nghĩa vụ đóng góp đối với kháng chiến được đảm bảo. năm đầu thực hiện chính sách thuế nông nghiệp toàn tỉnh đóng góp cho kháng chiến hơn 16000 tấn thóc (bằng năm mươi phần trăm sản lượng thóc cả năm 1929 của tỉnh Thái Nguyên). Đối với cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, thành tích này là nhỏ bé, nhưng trong lịch sử phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh đây là một trong những mốc quan trọng đánh dấu sự chuyển biến cách mạng, kết quả của những thay đổi về quan hệ sản xuất và sức sản xuất, sự nỗ lực vươn lên của đồng bào các dân tộc địa phương căn cứ địa.

Bên cạnh những cố gắng và thành tích về sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ và nhân dân ta còn nỗ lực phát triển chăn nuôi, bước đầu chú trọng khai thác rừng, phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, từng bước mở rộng mạng lưới thương nghiệp và chủ động bao vây kinh tế địch.

Do hậu quả của ách thống trị thực dân, phong kiến chăn nuôi chưa trở thành ngành chính và cũng như sản xuất nông nghiệp, rất thấp kém, trì trệ. Ở miền núi, đàn gia súc thả rông quanh năm, ít được chăm sóc, bảo vệ nên nhìn chung không phát triển. Sau cách mạng Tháng Tám, do phải đối phó với

nhieu khó khăn to lớn và thiếu tiền đề vật chất, kỹ thuật cần thiết, nên chính quyền cách mạng chưa có điều kiện chăm lo phát triển chăn nuôi. Bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, toàn tỉnh chưa có một cơ sở quốc doanh nào về mặt này. Các cố gắng của đảng bộ về chăn nuôi nằm trong khuôn khổ của vận động phát triển sản xuất nông nghiệp. Các ty Thú ngư, Tầm tang tuy được thành lập sớm nhưng do thiếu cán bộ và kinh nghiệm nên nhìn chung mọi cố gắng của các cơ quan chuyên môn này chưa đem lại hiệu quả kinh tế thiết thực. Tình hình chăn nuôi tiếp tục khó khăn. Sau năm 1948, do phải đối phó với khó khăn thiếu sức kéo, các cố gắng trong lĩnh vực này dần dần được thể hiện rõ ràng bằng việc động viên lòng yêu nước của nhân dân trong phát triển chăn nuôi và tập trung mọi khả năng của Nhà nước nhằm bảo vệ cũng như phòng chống dịch bệnh cho gia súc. Ở Bắc Kạn, liên tiếp trong những năm từ 1951 đến 1953, dịch trâu, bò hoành hành tại hầu khắp các huyện, nhưng với cố gắng của tỉnh, các vụ dịch nhanh chóng bị khoanh lại và dập tắt. Thành tích này góp phần quan trọng tạo điều kiện phát triển đàn trâu, bò. Do đó trong những năm cuối của cuộc kháng chiến, ngoài việc đảm bảo sức kéo cho địa phương, hàng năm còn cung cấp cho miền xuôi trên dưới một nghìn trâu, bò cày, kéo. Tại Thái Nguyên, thực hiện kế hoạch chuyển mạnh sang tổng sản công, chăn nuôi lợn và gà vịt phát triển khá. Cuộc vận động phát triển đàn lợn nái được đồng bào các dân tộc hưởng ứng rộng rãi. Theo thống kê chưa đầy đủ, toàn tỉnh có gần 3000 hộ chăn nuôi lợn nái. Khó khăn về giống bước đầu được khắc phục. Đàn lợn tăng gần gấp đôi so với trước cách mạng. Đời sống người sản xuất được cải thiện. Sáu tháng đầu năm 1954, ngoài phần tự cấp, tự túc, đồng bào đã gửi ủng hộ bộ đội đang đánh địch trên mặt trận Điện Biên Phủ 28.512 kg thịt lợn.

Cũng như chăn nuôi, do hậu quả của xã hội cũ để lại, do thiếu kinh nghiệm, đặc biệt do yêu cầu rất cấp bách về tự túc lương thực nên việc bảo vệ rừng và nghề rừng chưa được chú ý thỏa đáng. Tuy vậy, nhìn chung tài nguyên rừng rất phong phú đã từng bước được tận dụng để cải thiện đời sống nhân dân và phục vụ kháng chiến. Năm 1949, trong tình hình chiến sự còn

gay go quyết liệt, Thái Nguyên đã khai thác được trên 1000m³ và 90 tấn lâm sản khác. Sau năm 1950 do việc giải phóng biên giới và mở rộng vùng tự do, nên việc khai thác tài nguyên rừng càng được chú ý. Năm 1953, Bắc Kạn khai thác được 1500m³ gỗ và trên bốn mươi hai tấn sa nhân (riêng sa nhân đã thu lợi cho đồng bào các dân tộc hơn 400 triệu đồng, bằng giá trị tính thành tiền của toàn bộ thuế nông nghiệp, đồng bào nhập kho cho Nhà nước trong năm).

Các ngành tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, do nhiều khó khăn khách quan, trong đó chủ yếu là thiếu nguyên liệu, nên nhìn chung kém phát triển. Trước năm 1949, sự lãnh đạo của tỉnh đối với các ngành sản xuất này chủ yếu hướng vào việc vận động nông dân trồng bông, trên cơ sở đó phát huy truyền thống đảm đang của phụ nữ trong chế biến bông và dệt vải thô, nhằm đảm bảo tự túc về mặc. Sau ngày địch rút hết khỏi tỉnh ta (8-1949), do yêu cầu mới về phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống, các ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp dần dần được khôi phục và khuyến khích phát triển. Tại Thái Nguyên, do sẵn có những truyền thống cũ, nên đến hết năm 1949 đã có ba mươi sáu cơ sở tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, đi vào sản xuất dưới sự chỉ đạo của Ban Kinh tế, tài chính. Trong đó, bên cạnh các cơ sở sản xuất nông cụ, sản xuất phương tiện vận tải như thuyền, xe thô sơ, hai ngành phục vụ đời sống được chú ý chỉ đạo là sản xuất vải mặc và giấy viết. Mười bốn cơ sở sản xuất giấy đã có một trăm tám mươi tư công nhân. Sáu cơ sở sản xuất vải cũng tập trung gần một trăm công nhân. Do đó, khó khăn lớn về giấy viết cho học sinh và vải mặc cho nhân dân từng bước được khắc phục. Ở Bắc Kạn, phát huy truyền thống của địa phương, tỉnh tập trung chỉ đạo hai ngành sản xuất, dụng cụ gia đình. Tạo điều kiện cho nghề dệt vải cho hàng chục người và đẩy mạnh cuộc vận động trồng bông. Năm 1950, theo thống kê chưa đầy đủ, Bắc Kạn trồng được 4.380 mẫu bông. Do có nhiều nguyên liệu nên nghề bắt bông, kéo sợi, dệt vải phát triển mạnh. Hơn năm trăm gia đình toàn tỉnh có khung cửi, bước đầu đảm bảo được yêu cầu tự túc về mặc. Cùng với trồng bông, dệt vải, thực hiện chương trình thi đua trong cuộc vận động chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công, nghề rèn đúc nông cụ và dụng cụ

gia đình phát triển khá. Năm 1951, riêng ba cơ sở đúc ở thị xã và Ngân Sơn đã sản xuất trên 3000 lưỡi cày, đủ cung cấp cho nhân dân trong tỉnh. Ngoài ra, phát huy thế mạnh của địa phương, tạo nguồn cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp quốc phòng và thủ công nghiệp trong tỉnh, từ năm 1951, các cuộc vận động làm than củi được phát động rộng khắp. Năm đầu khai thác nguồn nguyên liệu này, đồng bào đã bán cho Nhà nước gần bảy mươi tấn than.

Để phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cuộc kháng chiến, các ngành kinh tế hỗ trợ như tài chính, ngân hàng, thương nghiệp... từng bước được chú ý phát triển. Bên cạnh các cơ quan tài chính, ngân hàng có từ trước, đã góp phần rất đặc lực phục vụ sản xuất và chiến đấu, mạng lưới thương nghiệp quốc doanh trưởng thành nhanh, góp phần tích cực vào những thành tựu ngày càng lớn về quân sự và về kinh tế, về chính trị và về văn hóa. Năm 1949, trong tình hình chung rất khó khăn, đội ngũ còn nhỏ bé và thiếu kinh nghiệm, các cơ sở thương nghiệp do Ban kinh tế, tài chính Thái Nguyên quản lý đã nỗ lực phấn đấu, đảm bảo lưu chuyển một khối lượng lớn hàng hóa gồm 400 tấn gạo, 150 tấn ngũ cốc khác, 300 tấn gang sắt, hơn 70 tấn muối đến tay người tiêu dùng. Mạng lưới mậu dịch quốc doanh (thành lập năm 1951) trưởng thành nhanh, từng bước tiến lên, đảm bảo việc cung tiêu các nhu yếu phẩm, đóng vai trò đặc lực trong bình ổn vật giá, hỗ trợ tích cực cho sản xuất, chiến đấu và cải thiện đời sống của nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Song song với những cố gắng về phát triển sản xuất, xây dựng, củng cố và mở rộng mạng lưới thương nghiệp, chủ trương của Đảng về bao vây kinh tế địch được các cấp các ngành có trách nhiệm và toàn thể nhân dân nghiêm chỉnh thực hiện. Phát huy truyền thống yêu nước trong tiêu thổ kháng chiến, thời kỳ địch tiến công và chiếm đóng nhiều nơi trong tỉnh (1947-1949), chủ trương phong tỏa kinh tế địch được triển khai nhanh, kịp thời và có hiệu quả. Phong trào làm vườn không nhà trồng, thực chất cũng là tiêu thổ kháng chiến, là một phong trào toàn dân, rất sâu rộng và triệt để. Các vị trí đóng quân của địch không những bị bao vây về quân sự mà còn bị phong tỏa về kinh tế.

Trong gần hai năm chiếm đóng, kẻ địch không được một người dân nào của vùng tự do cung cấp cho một hạt gạo một mớ rau. Toàn bộ việc cung ứng cho đội quân chiếm đóng đều phải trông chờ vào sự tiếp tế từ xa, rất khó khăn, tốn kém. Đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu khiến bè lũ thực dân phải rút chạy trước khi bị tiến công về quân sự. Sau năm 1949, việc phong tỏa kinh tế địch được tiến hành bằng những hình thức mới. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh, các cơ quan kinh tế và an ninh đã phối hợp thành lập hai mươi tháp canh ở các vùng giáp ranh để ngăn chặn kẻ địch tung hàng hóa xa xỉ, ế thừa ra vùng tự do nhằm lũng đoạn thị trường và vơ vét của cải vật chất phong phú ở đây phục vụ cho âm mưu lấy chiến tranh nuôi chiến tranh của chúng. Được sự giúp đỡ của nhân dân, trong chín tháng đầu năm 1950 các lực lượng làm nhiệm vụ phong tỏa kinh tế địch đã bắt giữ 1.173 vụ đưa hàng sa xỉ từ vùng tề vào tỉnh ta. Những kết quả đạt được về phong tỏa kinh tế địch, trước hết là thắng lợi về mặt kinh tế, nhưng đồng thời cũng là thắng lợi về quân sự, chính trị và văn hóa.

2. Phát triển Y tế, văn hóa, giáo dục

Bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, sự nghiệp y tế, văn hóa, giáo dục tỉnh ta đứng trước những thử thách to lớn. Phong trào học tập văn hóa và xóa nạn mù chữ đang phát triển sôi nổi từ thị xã, thị trấn đến nông thôn, từ trung du đến miền núi tạm thời lắng xuống. Hàng nghìn lớp bình dân học vụ phải đóng cửa để hàng vạn cán bộ và học viên sung vào các đội tự vệ, các đoàn đi phá hoại, các ban đón tiếp và giúp đỡ đồng bào các tỉnh bạn, các cơ quan, xí nghiệp Trung ương..tản cư.

Tình hình chung có nhiều khó khăn. Tuy vậy, do phong trào học tập văn hóa và xóa nạn mù chữ đã có cơ sở xã hội là lòng nhiệt thành yêu nước và khí thế sục sôi cách mạng của quần chúng nên bên trong các lán dân công, sau những giờ lao động và luyện tập của tự vệ, các lớp học văn hóa vẫn được tổ chức. Gần hai nghìn anh chị em đã biết chữ vẫn kiên nhẫn cùng học viên của mình làm nhiệm vụ chống giặc đốt theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu. Nhờ đó, từ toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), đến khi Pháp nhảy

dù Bắc Kạn, mở đầu cuộc tiến công quy mô lớn vào Việt Bắc trong thu đông 1947, công tác bổ túc văn hóa và xóa nạn mù chữ tiếp tục đạt được những thành tích đáng chú ý. Tại Thái Nguyên, 1220 lớp bổ túc văn hóa và xóa nạn mù chữ tiếp tục được duy trì và 21.045 người được công nhận thoát nạn mù chữ, nâng tỷ lệ số người biết chữ trong toàn tỉnh lên tới hai mươi lăm phần trăm số dân.

Cũng như bổ túc văn hóa, trong thời gian này lĩnh vực giáo dục phổ thông gặp rất nhiều khó khăn. Tình trạng thiếu giáo viên, thiếu trường lớp, sách giáo khoa, việc tản cư, di cư, tình hình chiến sự ngày càng khẩn trương... là những thử thách đối với nền giáo dục cách mạng còn rất non trẻ. Thế nhưng với quyết tâm cao của toàn Đảng bộ, trong năm học đầu tiên, ngành giáo dục cùng toàn dân bước vào kháng chiến, việc học tập cho con em nhân dân các dân tộc vẫn được đảm bảo. Một mạng lưới gồm một trăm bảy mươi ba trường, bố trí tương đối đều khắp từ thành thị đến nông thôn vẫn mở rộng cửa đón hơn 6000 học sinh vào năm học mới. Trong năm học này, Đảng bộ và nhân dân ta, đặc biệt hơn hai trăm cán bộ làm công tác giáo dục đã có những nỗ lực to lớn. Nhờ đó, năm học vẫn kết thúc thắng lợi, góp phần tạo ra không khí phấn khởi, tin tưởng mới trong quần chúng nhân dân các dân tộc đối với cuộc kháng chiến ngày càng gay go, quyết liệt.

Phát huy những thành tích đã đạt được trong năm đầu kháng chiến, bước sang năm học 1947 -1948, tuy tình hình chiến sự khẩn trương hơn và những âm mưu đen tối của kẻ địch đối với căn cứ địa Việt Bắc ngày càng rõ, các trường lớp vẫn mở cửa đón học sinh. Trong năm học này, do nhận thêm con em đồng bào các tỉnh bạn tản cư, số học sinh tăng hơn hai lần so với năm học 1946-1947. Rất tiếc, một năm học đầy hứa hẹn vừa khai giảng thì chiến sự lan đến tỉnh ta. Quân giặc chiếm đóng và hành quân vây quét nhiều nơi. Một số giáo viên và học sinh bị địch giết hại, nhiều trường lớp bị tàn phá. Sự nghiệp giáo dục đứng trước những thử thách nghiêm trọng mới. Hầu hết số trường, lớp cấp I ở tất cả các huyện chiến sự lan tới đều phải đóng cửa. Trường trung học duy nhất của tỉnh phải di chuyển từ Cù Vân Đại Từ về Phương Độ (Phú

Bình). Nhiều học sinh phải bỏ trường lớp theo gia đình tản cư. Các học sinh lớn hăng hái xung phong đi bộ đội hoặc tham gia các đơn vị tự vệ để được trực tiếp chiến đấu bảo vệ quê hương.

Vì thiếu kinh nghiệm và thực tế chưa lường hết được mọi khó khăn nên khi chiến sự lan rộng ra toàn tỉnh, công tác văn hóa, giáo dục nói chung và ngành giáo dục phổ thông nói riêng rất lúng túng, bị động. Tuy vậy, nhờ những chiến thắng trên mặt trận quân sự cổ vũ, được các cấp ủy Đảng và chính quyền quan tâm, được đồng bào các dân tộc hết lòng ủng hộ, chỉ sau một thời gian ngắn, các trường, lớp lại lần lượt mở cửa đón học sinh tiếp tục năm học bị bỏ dở. Ở Bắc Kạn, chỉ hai tháng sau ngày địch nhảy dù, nhiều trường, lớp lại được xây dựng tại những địa điểm mới, thích hợp, vừa đảm bảo an toàn, vừa thuận tiện cho việc đi lại của giáo viên và học sinh. Tính chung từ tháng 12 năm 1947 đến tháng 2 năm 1948, bảy mươi sáu trường cấp I, trong đó có sáu trường toàn cấp, lại mở cửa đón 2289 học sinh (có 716 nữ) đến lớp tiếp tục học tập. Tại Thái Nguyên cũng trong khoảng thời gian ấy, ngành giáo dục đã nỗ lực đưa chín mươi một trường cấp I, trong đó có mười bảy trường toàn cấp, trở lại hoạt động. Cùng với việc đón đồng bào các tỉnh bạn tản cư, số học sinh cấp I có mặt vào giữa năm học đã tăng hơn 2000 so với ngày khai giảng. Riêng trường trung học, ngay trong những ngày khó khăn nhất, việc học tập vẫn được đảm bảo. Tính đến đầu năm 1948, số học sinh trung học tăng gần gấp ba lần so với tháng 10 năm 1947. Gần một phần ba học sinh nghèo được nhà trường cấp học bổng. Nhân dân đóng góp hàng nghìn đồng vào quỹ xây dựng trường học.

Những kết quả mà ngành giáo dục đạt được trong thời điểm quyết liệt nhất của cuộc kháng chiến đã góp phần đáng kể vào công tác vận động quần chúng và giáo dục chính trị của Đảng bộ. Nhân dân các dân tộc càng tin tưởng ở tiền đồ xán lạn của sự nghiệp cách mạng, do đó càng hăng hái đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến. Ở đây, chủ trương toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến một lần nữa biểu hiện tính chính xác và sức sống mãnh liệt.

Năm học 1949 - 1950, tình hình chung có nhiều thuận lợi. Cuộc kháng chiến trên mặt trận quân sự và kinh tế đạt được những thành tựu to lớn. Bị trùng trị đích đáng, thực dân Pháp phải lần lượt rút khỏi tỉnh ta. Sự nghiệp giáo dục có thêm điều kiện để tiến lên những bước phát triển mới. Riêng thái Nguyên, kể cả hệ tiểu học và trung học đã có 420 lớp với gần 11000 học sinh. Phong trào bổ túc văn hóa cũng đạt được những kết quả khả quan. Đội ngũ giáo viên bổ túc văn hóa và xóa nạn mù chữ phát triển tới 1476 người. Số học viên tăng gần tám lần năm 1947. Số dân thoát nạn mù chữ trong toàn tỉnh lên tới 71246 người (bằng năm mươi tám phần trăm số dân).

Để tạo thêm điều kiện cho sự nghiệp giáo dục vươn lên đáp ứng nhu cầu của tình hình mới, năm 1950 Đảng ta chủ trương tiến hành cuộc vận động cải cách giáo dục (năm 1946 Bộ quốc gia giáo dục đã chuẩn bị tiến hành cải cách giáo dục nhưng do kháng chiến bùng nổ nên không thực hiện được). Trong cuộc cải cách giáo dục lần này, nhiều vấn đề mới như vị trí nhà trường, hệ thống giáo dục phổ thông, chương trình dạy và học v.v... được đặt ra. Đây là những vấn đề rất mới mẻ đối với nền giáo dục cách mạng đang trên đà phát triển. Do ảnh hưởng của những quan điểm cũ nên một số cán bộ và nhân dân còn mơ hồ về vị trí của nhà trường trong cách mạng và kháng chiến. Vì vậy, vấn đề vị trí của nhà trường được đặt ra như là nội dung chủ yếu nhất của cuộc vận động. Làm rõ vấn đề này để nhà trường lấy phục vụ nhân dân lao động, phục vụ kháng chiến làm mục tiêu cao nhất cũng có nghĩa là tạo điều kiện cho sự nghiệp giáo dục vươn lên những đỉnh cao mới, Đồng thời với việc xác định chức năng, nhiệm vụ của nhà trường, cuộc vận động cải cách giáo dục lần này chủ trương đổi mới chương trình giảng dạy và học tập. Văn học, lịch sử và địa lý Việt Nam được coi trọng, lao động được đưa vào chính khóa. Ngoài ra, để phù hợp với điều kiện kháng chiến và nhu cầu đào tạo cán bộ, hệ thống giáo dục phổ thông được rút lại chín năm.

Triển khai cuộc vận động cải cách giáo dục, bộ máy làm công tác này được kiện toàn. Ở tỉnh, Ty Tiểu học vụ được đổi thành Ty Giáo dục phổ thông, Ty Bình dân học vụ cũng được đổi thành Ty Bổ túc văn hóa. Nhiều

cán bộ có kinh nghiệm được điều về tăng cường cho cơ quan quản lý. Hệ thống tổ chức ở cơ sở được khôi phục kiện toàn và đôn đốc hoạt động. Công tác đào tạo cán bộ được đặc biệt chú ý. Ty Giáo dục chủ động mở các lớp đào tạo giáo viên cấp I để kịp thời thỏa mãn nhu cầu học tập cho con em nhân dân các dân tộc. Riêng Bắc Kạn, cạnh các lớp chung, tỉnh còn mở các lớp riêng đào tạo cán bộ cho các dân tộc ít người như Dao, Mèo... Thi đua với ngành giáo dục phổ thông, ngành bổ túc văn hóa cũng mở nhiều lớp bồi dưỡng văn hóa và nghiệp vụ cho hàng trăm cán bộ làm công tác này ở cơ sở. Nhờ các cố gắng về củng cố tổ chức và đào tạo cán bộ, nên giáo dục phổ thông, bổ túc văn hóa và xóa nạn mù chữ đều đạt được những thành tích mới. Ở Thái Nguyên, trong phong trào sôi nổi của cuộc vận động cải cách giáo dục, tuy chưa thực hiện được kế hoạch nhưng cả giáo dục phổ thông và bổ túc văn hóa đều tiến bộ vượt bậc. Toàn tỉnh có tám mươi một xã thì bảy mươi tư xã có trường cấp I. So với năm học trước số giáo viên và học sinh đều tăng (giáo viên tăng thêm bảy mươi tám người, học sinh tăng 1944 em). Chất lượng giảng dạy và học tập được đề cao. Trong số 1734 em dự thi tốt nghiệp cấp I thì 1234 em trúng tuyển, đạt tỷ lệ bảy mươi một phần trăm. Đây là tỷ lệ đỗ cao so với cả quá trình hơn năm năm phát triển của nền giáo dục cách mạng, ngành bổ túc văn hóa phần đầu duy trì được 1.267 lớp thanh toán nạn mù chữ, thu hút 19.963 học viên. Kết quả hai mươi bảy xã (trên tổng số tám mươi một xã) và mười hai thôn xóa xong nạn mù chữ. Tại Bắc Kạn, do phong trào ở vùng thấp đã phát triển khá, tỉnh tập trung sự chú ý đối với vùng cao. Nhiều “đoàn trợ lực” cho vùng cao được thành lập. Nhờ đó, riêng các vùng này đã tổ chức được hai trăm bốn mươi hai lớp cho 2236 người trong độ tuổi thanh toán nạn mù chữ.

Phát huy những kết quả trong năm đầu cải cách giáo dục, những năm cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngành giáo dục phổ thông, bổ túc văn hóa không ngừng vươn lên những đỉnh cao mới. Để đáp ứng nhu cầu học tập cho con em các dân tộc, trong năm học 1953-1954 tỉnh tiếp nhận nhiều thương binh trở lại ngành giáo dục. Các trường sư phạm được đưa dần

lên chính quy. Hàng năm, các trường này cung cấp cho phong trào những giáo viên là con em nhân dân lao động trong các dân tộc địa phương. Các lớp bồi dưỡng chính trị, văn hóa, nghiệp vụ cho số giáo viên cũ cũng thường xuyên được tổ chức. Những lớp này đã góp phần quyết định trong việc nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông và ổn định tư tưởng cho đội ngũ cán bộ làm công tác này. Có thêm cán bộ, lại được nhân dân nhiệt tình ủng hộ, mạng lưới trường lớp phổ thông không ngừng được mở rộng. Tại Thái Nguyên, các huyện Phú Lương, Đại Từ, Định Hóa lần lượt mở trường cấp II. Các trường cấp III Lương Ngọc Quyến, Ngô Quyền và Hàn Thuyên (của Bắc Ninh tản cư) đã mở đến lớp chín. Trong năm học 1953-1954, chưa kể 157 lớp vỡ lòng với 3424 học sinh, riêng hệ phổ thông, bổ túc văn hóa đạt được nhiều thành tích mới. Năm 1954, các xã thuộc các huyện trung du đã mở được từ tám đến mười hai lớp bổ túc văn hóa, các xã có nhiều khó khăn của các huyện miền núi cũng mở được từ bốn lớp đến sáu lớp. Với phong trào này, tính chung cả bảy huyện đã mở được 1255 lớp, thu hút 29808 học viên. Trong số này có 6519 học viên là cán bộ xã. Ở Bắc Kạn, tuy chưa có điều kiện mở cấp III, nhưng các huyện đều lần lượt mở trường cấp II (riêng Bạch Thông mở được hai trường). Nhiều biện pháp tích cực như cấp học bổng cho học sinh nghèo, tổ chức ký túc xá...được thực hiện. Do đó cả cấp I và cấp II đã có 384 lớp, bao gồm 10645 học sinh, trong đó có 3993 em là nữ. Với thành tích này, lần đầu tiên trong lịch sử phát triển giáo dục của địa phương, Đảng đã giúp cho các dân tộc đạt tới một thành tựu rực rỡ: tính bình quân bảy người dân có một học sinh phổ thông.

Bên cạnh các cố gắng về phát triển giáo dục phổ thông, bổ túc văn hóa và xóa nạn mù chữ, công tác văn hóa văn nghệ, vấn đề khắc phục tệ nạn do xã hội cũ để lại và xây dựng nếp sống văn hóa mới, việc chăm lo sức khỏe của nhân dân...được Đảng bộ chú ý.

Năm 1946, đi vào cuộc kháng chiến, tình hình nhiều mặt, đặc biệt là các diễn biến chiến sự và đời sống vật chất thật đáng lo ngại. Để đảm bảo vượt qua khó khăn, đưa sự nghiệp kháng chiến đến thắng lợi, Đảng ta chủ trương

“toàn dân kháng chiến”, “toàn diện kháng chiến”. Vì vậy trong tình hình mới công tác văn hóa tiếp tục được coi trọng. Bên cạnh mục tiêu “chống mù chữ, chống xâm lăng”, về sự nghiệp văn hóa, Đảng ta chủ trương nêu cao các khẩu hiệu: “cần kiệm liêm chính! Kháng chiến thắng lợi ! và “văn nghệ sĩ giúp kháng chiến!”⁽¹⁾.

Thực hiện chính sách văn hóa dân chủ nhân dân của Đảng, phong trào văn hóa văn nghệ, sự biểu hiện sức quật khởi, bắt đầu từ cuộc vận động cách mạng Tháng Tám, tiếp tục được duy trì và phát triển. Hát múa trở thành một nhu cầu của đời sống kháng chiến, được mọi tầng lớp nhân dân ủng hộ. Các bài ca cách mạng được dịch ra tiếng các dân tộc và được phổ biến rộng rãi. Trong phong trào sôi nổi, rộng khắp này, thị xã Bắc Kạn nổi lên như là điển hình tiêu biểu nhất. Ở đây, đêm đêm, sau những giờ lao động và luyện tập quân sự khẩn trương, mọi người lại tập trung dự các buổi biểu diễn văn nghệ. Những bài ca cách mạng, thông qua sự truyền thụ của các nghệ sĩ có tên tiếng, trở thành sức mạnh cổ vũ tinh thần hăng hái trong lao động sản xuất, luyện tập quân sự, đồng thời tác động, kích lệ phong trào văn nghệ quần chúng phát triển. Chính nhờ những đóng góp rất quan trọng của văn hóa, văn nghệ, thị xã Bắc Kạn nhỏ hẹp, vốn rất buồn tẻ dưới thời thực dân, phong kiến, vừa được cách mạng hồi sinh, đã đi vào kháng chiến với tầm vóc một trung tâm chính trị và văn hóa, được mệnh danh là “thủ đô kháng chiến”.

Cuộc tiến công thu đông 1947 của địch có làm cho phong trào văn hóa văn nghệ tại các trung tâm kinh tế, văn hóa của tỉnh bị gián đoạn, nhưng phong trào toàn tỉnh không vì thế mà ngưng trệ. Trong khó khăn, tại các vùng hậu cứ, các buổi biểu diễn văn nghệ vẫn được tổ chức. Đồng bào các dân tộc băng đèo, lội suối đến dự các buổi lửa trại. Người biểu diễn và người xem cùng sống lại những ngày cách mạng Tháng Tám sôi động.

Sau năm 1950, cùng với các thành tựu khác, phong trào văn hóa, văn nghệ cũng có những bước phát triển mới. Bên cạnh phong trào văn nghệ quần

⁽¹⁾ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: Văn kiện Đảng (từ 25-11-1945 đến 31-12-1947), Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, tr. 66.

chúng tiếp tục sôi nổi, rộng khắp, các đoàn văn công chuyên nghiệp các đội chiếu bóng được thành lập. Buổi đầu, trang thiết bị rất thiếu thốn, tri thức văn hóa và trình độ nghệ thuật còn nhiều hạn chế, nhưng các chiến sĩ trên mặt trận văn hóa, văn nghệ vẫn hăng hái theo dân công thanh niên xung phong, các lực lượng võ trang, lên hát múa, chiếu phim tại các trận địa, trên các trọng điểm nóng bỏng bom đạn kẻ thù. Riêng trong công cuộc tiêu phi, các lực lượng văn hóa, văn nghệ được ghi nhận thành tích như là bộ phận xung kích, đã lập công xuất sắc.

Việc khắc phục các tệ nạn do xã hội cũ để lại và từng bước xây dựng nếp sống văn hóa mới tuy có nhiều khó khăn, nhưng nhìn chung cũng đạt được kết quả rất đáng tự hào. Những thành tựu về mặt này từ thời kỳ cách mạng Tháng Tám, tiếp tục được giữ vững. Đặc biệt từ năm 1950, trong phong trào thi đua chuyên mạnh sang tổng phản công, cả Bắc Kạn và Thái Nguyên mở cuộc vận động lập xã ước. Nội dung các xã ước hướng vào cải cách tập quán, phong tục lạc hậu, trên cơ sở đó đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước. Việc thực hiện các xã ước tuy có nhiều khó khăn, giữa các vùng, các dân tộc chưa đạt được kết quả đồng đều, nhưng bằng nhiều hình thức phong phú, sáng tạo và mạnh bạo, các tệ nạn do xã hội cũ để lại như mãi dâm, lưu manh, buôn lậu, cờ bạc, nghiện hút... Về cơ bản được xóa bỏ, tình trạng hội hè lãng phí, cúng bái linh đình giảm bớt, các đám ma, đám cưới theo đúng với tinh thần các xã ước ngày càng được đồng bào các dân tộc, trước hết là nam nữ thanh niên ủng hộ.

Công tác y tế phục vụ việc chăm lo sức khỏe của nhân dân và đáp ứng tình hình thời chiến được Đảng bộ hết sức quan tâm. Ngay từ buổi đầu, trong điều kiện rất khó khăn về cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ và thuốc men, tỉnh vẫn quyết tâm từng bước kiện toàn bộ máy, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho công tác này vươn lên đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của sự nghiệp kháng chiến. Để kiện toàn bộ máy, nhiều thầy thuốc được tập hợp lại và tăng cường cho ngành y tế. Có thêm cán bộ, mạng lưới y tế bước đầu được mở rộng. Đến giữa năm 1947, tất cả các huyện trong tỉnh đã thành lập xong các phòng phát

thuốc, có cán bộ am hiểu nhất định về chuyên môn nghiệp vụ phụ trách. Sau chiến thắng Việt bắc, được sự giúp đỡ của Nha y tế, Đảng bộ có cố gắng mới về kiện toàn các cơ quan y tế ở tỉnh và huyện. Thuốc chữa bệnh tuy vẫn rất hiếm, nhưng với số lượng ít ỏi được cấp trên chuyển về, tỉnh đã phân đều cho các huyện để phân phát đến tay người bệnh.

Quán triệt chủ trương của Đảng, ngành y tế tỉnh ta chú trọng đẩy mạnh công tác tuyên truyền vệ sinh phòng dịch. Năm 1948, lần đầu tiên, ngành y tế thành lập và đưa các đội tuyên truyền vệ sinh phòng dịch xuống các xã, vận động nhân dân ăn ở hợp vệ sinh theo tinh thần phòng bệnh hơn chữa bệnh. Có sự ủng hộ của các cấp ủy Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng, công tác của các đội vệ sinh phòng dịch đạt được nhiều kết quả. Làm theo sự hướng dẫn của cán bộ y tế, đồng bào các dân tộc đã tổ chức những “chiến dịch” vệ sinh làng bản và thực hiện “ăn chín, uống sôi”...

Từ sau ngày toàn tỉnh được hoàn toàn giải phóng trên cơ sở những thắng lợi mới về chính trị, quân sự, kinh tế...sự nghiệp y tế cũng đạt được những thành tựu có ý nghĩa như là một bước ngoặt trong quá trình nỗ lực vươn lên đáp ứng tình hình và nhiệm vụ mới. Năm 1949, mặc dù còn nhiều khó khăn cả về chủ quan và khách quan, tỉnh vẫn quyết tâm mở các lớp đào tạo hộ sinh và vệ sinh viên cho cơ sở. Nhờ những cố gắng này, đến năm 1951, toàn tỉnh đã có một đội ngũ cán bộ y tế xã trên 200 người. Đặc biệt, được sự hỗ trợ của các cơ quan y tế cấp trên, từ năm 1952, ngành y tế, tỉnh ta tiến lên đào tạo y tá và mở rộng việc huấn luyện cứu thương, vệ sinh viên cho cơ sở. Đến năm 1953, tính bình quân, mỗi xã trong tỉnh đã có ba cán bộ y tế, bao gồm y tá, hộ sinh và vệ sinh viên.

Được các cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở quan tâm, được nhân dân các dân tộc ủng hộ, lại có đội ngũ cán bộ ngày càng được tăng cường về số lượng cũng như chất lượng, giàu lòng yêu nghề và tinh thần tận tụy phục vụ nhân dân, sự nghiệp y tế không ngừng vươn lên theo những bước phát triển mới của cuộc kháng chiến, đạt được nhiều thành tích đáng chú ý cả trong công tác phòng và chữa bệnh. Năm 1951, lần đầu tiên kể từ ngày cả

nước đứng lên kháng chiến, trên 200 000 nhân dân toàn tỉnh được chủng đậu. Cũng từ năm 1951, các cuộc vận động “vệ sinh yêu nước” được triển khai rầm rộ đã dần dần tạo ra tại khắp các vùng nông thôn một bộ mặt mới. Rất nhiều nơi ở miền núi đã rời các chuồng gia súc ra xa nhà, thường xuyên làm vệ sinh làng bản và chú ý đề cao vệ sinh ăn uống. Đặc biệt, do có sự phối hợp, với ngành giáo dục, từ năm 1952, tại hầu khắp các trường học đẩy lên phong trào sôi nổi diệt ruồi, muỗi và các sinh vật truyền bệnh khác. Nhờ những cố gắng trong công tác phòng bệnh nên trong suốt thời kỳ kháng chiến vô cùng gian khổ, phương tiện và điều kiện chữa bệnh rất nghèo nàn, đã không xảy ra những trận dịch lớn. Một vài vụ dịch, như dịch lỵ ở Bắc Kạn (1953), đầu mùa ở Thái Nguyên (1954) vừa xuất hiện đã nhanh chóng bị bao vây, dập tắt. So với công tác phòng bệnh, do thiếu cán bộ có trình độ chuyên môn cao, do thiếu thuốc và các phương tiện khác, việc chữa bệnh có nhiều khó khăn. Tuy vậy các cơ sở chữa bệnh cũng đã cố gắng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của chiến đấu và sản xuất. Theo thống kê riêng bệnh viện Thái Nguyên, trong sáu tháng đầu năm 1954, đã điều trị khỏi bệnh cho hơn 300 người và cấp phát thuốc cho hơn 5000 bệnh nhân khác. Trước kia, đau ốm, sinh đẻ, đồng bào các dân tộc chỉ đi tìm thầy cúng, thì nay đã tìm đến thầy thuốc và bệnh viện. Trên khía cạnh này, sự nghiệp y tế đã đạt được một thành tích rất quan trọng là góp phần đẩy lùi tệ nạn mê tín dị đoan và từng bước xác lập nền văn hóa cách mạng.

Trong điều kiện chiến tranh ác liệt, những thành tích mà đảng bộ và nhân dân ta đạt được trên lĩnh vực phát triển y tế, văn hóa, giáo dục tuy chưa phải là lớn nhưng thật kỳ diệu. Cùng với những thắng lợi về chính trị, quân sự và kinh tế, các thành tựu về văn hóa, giáo dục đã góp phần làm cho tỉnh ta xứng đáng với vai trò và vị trí của tỉnh căn cứ địa trong cuộc kháng chiến thần thánh của toàn Đảng, toàn dân.

V

CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG

Những cố gắng vượt bậc nhằm bảo vệ, củng cố và phát huy thành quả cách mạng Tháng Tám của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh ta trong hơn một năm phấn đấu liên tục (từ tháng 9 năm 1945 đến tháng 12 năm 1946) đã tạo ra những tiền đề rất quan trọng cả về vật chất lẫn tinh thần. Nền tảng đã xác lập là vững chắc và không thể đảo ngược được. Tuy vậy, đi vào cuộc chiến đấu trực diện, quyết liệt, chống lại một kẻ thù ngông cuồng, hung bạo, đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân ta phải có những cố gắng to lớn mới. Thực hiện chủ trương “trường kỳ kháng chiến, toàn diện kháng chiến” của Đảng ⁽¹⁾, nhận rõ vinh dự và trách nhiệm của địa phương được Trung ương tin cậy chọn làm căn cứ địa, từ trong phức tạp của những biến cố, Đảng bộ tỉnh ta đã sớm nắm lấy và không ngừng thúc đẩy công tác tổ chức, công tác tư tưởng, coi các mặt công tác ấy như là “cắm nang và chiếc gậy thần kỳ” trong khắc phục khó khăn cũng như khuếch trương thắng lợi.

Tuân theo lời chỉ dạy ân cần của Chủ tịch Hồ Chí Minh - phải “mang toàn bộ tinh thần cách mạng mà khắc phục các khuyết điểm, đồng tâm hiệp lực, đoàn kết nội bộ, mở rộng hàng ngũ, chấn chỉnh công tác để lãnh đạo toàn dân hăng hái kháng chiến, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi vẻ vang” ⁽²⁾; thực hiện nghị quyết của hội nghị cán bộ Trung ương họp từ ngày 3 đến ngày 6 tháng 4 năm 1947 - “Phải chú ý phát triển và chấn chỉnh các chi bộ, làm cho sự sinh hoạt của chi bộ được đều ⁽³⁾ từ những ngày đầu kháng chiến, Đảng bộ đã đặc biệt chú trọng công tác tổ chức và từng bước vững chắc, tập trung sức làm tốt công tác này.

⁽¹⁾ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: Văn kiện Đảng (từ 25-11-1945 đến 31-12-1947). Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1969, tr 61.

⁽²⁾ Sách trên, tr 72.

⁽³⁾ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: Văn kiện Đảng (Từ 25-11-1945 đến 31-12-1947), Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1969, tr 102,

Cho đến sau ngày toàn quốc kháng chiến, cơ sở Đảng của tỉnh nhìn chung vẫn mỏng. Một số nơi tuy là cơ sở cách mạng cũ, nhưng mới chỉ có cơ sở Việt Minh, chưa có cơ sở Đảng, thậm chí chưa có đảng viên. Tình hình ấy ảnh hưởng đến hiệu quả việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, nhất là trong điều kiện kháng chiến quyết liệt và khẩn trương. Vì vậy, cùng với toàn bộ công tác chuẩn bị khác cho cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, sau ngày kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Đảng bộ tập trung cố gắng nhằm đưa công tác tổ chức tiến lên bước phát triển mới. Mở đầu hàng loạt biện pháp tích cực và cụ thể về mặt này là cuộc vận động “thi đua phát triển Đảng”. Nghị quyết của Ban chấp hành tỉnh Đảng bộ về cuộc vận động chỉ rõ: ít nhất mỗi đảng viên chính thức phải bồi dưỡng và giới thiệu với tổ chức cơ sở một quần chúng đủ tiêu chuẩn kết nạp vào Đảng. Riêng Thái Nguyên, căn cứ tình hình cụ thể là bộ máy cấp ủy huyện đã được xây dựng và bước đầu được củng cố nên nghị quyết của tỉnh còn quy định mỗi huyện ủy viên phải xây dựng được một chi bộ. Do điều kiện Đảng bộ hoạt động nửa bí mật, nửa công khai nên cuộc vận động không có điều kiện triển khai rầm rộ. Thế nhưng, nhờ quán triệt yêu cầu hết sức cấp bách của công tác này, các cơ sở và mỗi cán bộ, đảng viên đều tự giác và hăng hái thực hiện nghị quyết phát triển đảng viên của tỉnh. Kết quả đến tháng sau (1947) toàn tỉnh có thêm trên hai nghìn đảng viên (Thái Nguyên: 1728 ; Bắc Kạn: 280).

Tạo điều kiện cho cơ sở nhanh chóng tăng cường đội ngũ và cũng là để “kỷ niệm cuộc khởi nghĩa Tháng Tám một cách đặc biệt”, ngày 28 tháng 7 năm 1947, Ban thường vụ Trung ương ra “chỉ thị về việc tổ chức lớp Tháng Tám”⁽¹⁾. Trên đà thắng lợi của cuộc vận động “thi đua phát triển Đảng”, đợt phát triển đảng viên “lớp Tháng Tám” (theo quy định của Trung ương tiến hành từ 19 tháng 8 đến 2 tháng 9 năm 1947) đạt được kết quả khả quan. Tính chung toàn tỉnh, trong “lớp Tháng Tám”, có thêm 1008 quần chúng tích cực được kết nạp vào Đảng (Bắc Kạn: 95; Thái Nguyên: 913).

⁽¹⁾ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: Văn kiện Đảng (Từ 25-11-1945 đến 31-12-1947), Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1969, tr 118.

Thắng lợi của cuộc vận động “thi đua phát triển Đảng” và “lớp Tháng Tám” góp phần quan trọng tạo ra hình thái mới về chính trị trong phạm vi toàn tỉnh. Tại hầu khắp các xã, các vùng, các dân tộc xuất hiện những nhân tố mới đảm bảo cho chủ trương, chính sách của Đảng được thực hiện đúng, đạt hiệu quả cao, đồng thời phát huy mạnh mẽ truyền thống yêu nước và cách mạng của quần chúng trong mọi lĩnh vực hoạt động sôi nổi của sự nghiệp kháng chiến. Trên ý nghĩa này, cuộc vận động “thi đua phát triển Đảng” và “lớp Tháng Tám” đi vào lịch sử Đảng bộ như là một trong những bước quan trọng nhất đặt cơ sở cho công tác tổ chức của tỉnh. Tuy vậy, do thiếu kinh nghiệm đặc biệt vì chưa quán triệt đầy đủ chủ trương của Đảng nên trong quá trình tiến hành việc phát triển đảng viên, nhiều cơ sở đã mắc phải những thiếu sót, khuyết điểm cả về nội dung và hình thức. Diễn biến tình hình ở những nơi này là chạy theo chỉ tiêu của cấp trên giao nên xem nhẹ công tác bồi dưỡng, điều tra, xác minh đối tượng, thậm chí thủ tục kết nạp cũng không được tôn trọng. Hậu quả của sự cầu thả trong công tác tổ chức làm cho tình hình một số cơ sở trở nên phức tạp. Ở đây sự phát triển về số lượng không những không dẫn đến tăng cường về chất lượng, mà ngược lại làm giảm sút sức chiến đấu của tổ chức, thậm chí trở ngại cho phong trào cách mạng của quần chúng. Sớm nhận rõ tình trạng này. Ban thường vụ Tỉnh ủy đã nghiêm khắc tự phê bình và vạch ra phương hướng khắc phục thiếu sót. Riêng Thái Nguyên, do có nhiều khó khăn hơn nên Tỉnh ủy chủ trương tạm đình chỉ việc phát triển để củng cố. Rất tiếc công tác củng cố chưa đạt được kết quả mong muốn thì chiến sự lan rộng. Đảng bộ đi vào lãnh đạo cuộc chiến đấu trong điều kiện những tồn tại nói trên chưa được khắc phục, vì thế gặp không ít khó khăn, cá biệt có nơi tan rã về mặt tổ chức. Trong thử thách, các phần tử cơ hội lộ mặt, hoang mang dao động, bỏ vị trí chiến đấu, gây ảnh hưởng xấu trong quần chúng. Kiên quyết khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, đề cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cũng như của mỗi cán bộ, đảng viên, trong phức tạp của tình hình chiến sự. Đảng bộ vẫn tiến hành sàng lọc lại đội ngũ. Nhiều người được kết nạp trong năm 1947 vì động cơ vào Đảng chưa đúng đắn, do

kém giác ngộ chính trị (theo khái niệm chung khi đó gọi là mù Hội), ngại gian khổ, sợ hy sinh... được thanh thải khỏi các tổ chức cơ sở của Đảng, Thời kỳ này, công tác củng cố được tất cả các cấp ủy quán triệt và thực hiện nghiêm ngặt. Nhiều nơi các Đảng bộ cơ sở nêu khẩu hiệu “nắm lấy công tác củng cố mà tiến bước”. Từ thực tiễn cuộc chiến đấu trực diện, rất quyết liệt chống xâm lược, mối quan hệ giữa phát triển và củng cố trong xây dựng Đảng ngày càng sáng tỏ. Được sự chỉ đạo của Trung ương, lại có bài học thực tế của địa phương, thời kỳ này đã không vì yêu cầu củng cố mà coi nhẹ hoặc thậm chí đình chỉ phát triển như trước đây, ngược lại để củng cố, các cơ sở càng nỗ lực làm tốt công tác phát triển Đảng. Hàng trăm quần chúng, chủ yếu là nam nữ thanh niên cứu quốc trong các lực lượng võ trang và bán võ trang, đã lập công xuất sắc trong sự nghiệp kháng chiến nói chung, trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu nói riêng được các tổ chức cơ sở Đảng chú ý kèm cặp, bồi dưỡng và kết nạp. Tính riêng trong thời gian ngắn từ tháng 12 năm 1947 đến tháng 3 năm 1948 thêm 558 quần chúng tiêu biểu được vinh dự đứng vào hàng ngũ của Đảng (chiếm tỷ lệ 15,9% tổng số đảng viên). Với những kinh nghiệm xương máu của cuộc vận động “thi đua phát triển Đảng” thời kỳ đầu năm 1947, lại được trung ương và Khu ủy Liên Khu một chỉ đạo sát sao, trong năm 1948, nhìn chung việc kết nạp đảng viên được tiến hành đúng thủ tục theo phương châm “trọng chất lượng hơn số lượng”. Những đảng viên được kết nạp thời kỳ này thực sự bổ sung cho Đảng bộ sức chiến đấu mới.

Do nỗ lực rất cao hướng lên phía trước, đặc biệt do kiên quyết sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm, trong hai năm 1947, 1948 mặc dù có khó khăn khách quan, Đảng bộ đã giành được một thắng lợi có ý nghĩa quyết định trong công tác xây dựng và kiện toàn đội ngũ. Đến hết năm 1948, tổng số đảng viên của đảng bộ đã lên tới 4.302 đồng chí (Thái Nguyên: 3.442; Bắc Kạn: 860), tăng gần sáu lần so với thời kỳ tháng 12 năm 1946. Trong toàn tỉnh đã thành lập được 187 chi bộ (có 112 chi bộ xã).

Với thành tựu này tình trạng xã trắng về cơ sở Đảng được khắc phục. Đảng bộ có điều kiện lãnh đạo đồng bào các dân tộc tiến lên thực hiện thắng

lợi mọi chủ trương chính sách của Đảng, làm cho tỉnh ta ngày càng xứng đáng với vị trí của địa phương căn cứ địa, đóng góp tích cực vào sự nghiệp kháng chiến thần thánh của toàn Đảng, toàn dân.

Trên cơ sở những thắng lợi đã đạt được, thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương và Khu ủy Liên Khu một, Đảng bộ tỉnh ta họp đại hội đại biểu lần thứ nhất để tổng kết kinh nghiệm mọi mặt trong một thời kỳ nhiều khó khăn thử thách và vạch ra phương hướng nhiệm vụ mới, Tại Bắc Kạn, Đại hội khai mạc ngày 5 tháng 6 năm 1948. Đánh giá mọi mặt công tác kể từ sau hội nghị cán bộ toàn tỉnh tháng 12 năm 1946, Đại hội khẳng định những thành tích to lớn nhiều mặt mà Đảng bộ và nhân dân các dân tộc đã đạt được, đồng thời cũng chỉ ra những thiếu sót cần khắc phục. Riêng về công tác tổ chức, Đại hội vạch rõ rằng trong một thời gian ngắn chưa đầy hai mươi tháng, số đảng viên tăng lên sấp xỉ hai mươi lần; thành lập và kiện toàn cấp ủy các cấp xong trước tháng 6 năm 1947 để kịp thời lãnh đạo nhân dân đối phó với tình hình chiến sự lan rộng là những cố gắng to lớn của Đảng bộ. Thành tích này không những đặt cơ sở có tính chất nền tảng cho công tác xây dựng Đảng mà còn là điều kiện tiên quyết cho mọi thắng lợi trên các lĩnh vực, quân sự và kinh tế, chính trị và văn hóa xã hội. Tuy vậy, về xây dựng Đảng, Đại hội cũng chỉ ra những thiếu sót phải khắc phục, trong đó chủ yếu là vấn đề quán triệt chủ trương đường lối của Đảng và đấu tranh khắc phục tư tưởng phi vô sản. Để tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới, Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành tỉnh đảng bộ gồm mười một ủy viên chính thức và hai ủy viên dự khuyết. Ở Thái Nguyên, Đại hội khai mạc ngày 8 tháng 6 năm 1948, Đánh giá công tác xây dựng Đảng từ sau ngày cách mạng Tháng Tám thành công, nhất là từ sau hội nghị cán bộ toàn tỉnh ngày 10 tháng 8 năm 1947, Đại hội nhất trí nhận định rằng, nhờ những thành tích rất quan trọng đạt được trong lĩnh vực này, Đảng bộ đã thành công trong việc lãnh đạo nhân dân các dân tộc đẩy mạnh sự nghiệp kháng chiến, đặc biệt đã giải quyết có hiệu quả những khó khăn về kinh tế, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội, tổ chức tốt cuộc chiến đấu chống địch trong thu đông năm 1947. Bên cạnh đó, với tinh thần

thực sự cầu thị, đề cao phê bình và tự phê bình, Đại hội đã chỉ ra những thiếu sót, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng như chưa thấu suốt chủ trương, đường lối của Trung ương về mặt công tác này, thiếu sâu sát, toàn diện, để một số cơ sở mất đoàn kết, kém nết, cá biệt có nơi như Đại Từ, tổ chức Đảng tê liệt, mất tác dụng, gây ảnh hưởng xấu cho phong trào. Những thiếu sót, khuyết điểm ấy dẫn đến tình trạng vô nguyên tắc và thiếu nhất quán trong công tác xây dựng Đảng. Cùng một thời kỳ, trong khi nhiều cơ sở chạy theo số lượng, kết nạp tràn lan, thì ngược lại một số chi bộ đã bảo thủ, máy móc, không dám làm công tác phát triển Đảng. Việc thi hành kỷ luật đảng viên cũng rất tùy tiện, Nhiều chi bộ khai trừ đảng viên một cách bừa bãi, làm tổn thương uy tín và giảm sức chiến đấu của tổ chức cơ sở. Về các thiếu sót, khuyết điểm này, từ sau chiến thắng Việt bắc - thu đông 1947, đảng bộ đã từng bước khắc phục và khắc phục có kết quả. Do đó, bên cạnh việc nêu lên các thiếu sót, khuyết điểm. Đại hội cũng ghi nhận những cố gắng và thành tích sửa chữa thiếu sót, khắc phục tồn tại và khẳng định kinh nghiệm quý báu rút ra từ thực tiễn là rất bổ ích để Đảng bộ vươn lên làm tốt hơn nữa công tác tổ chức. Đại hội đại biểu tỉnh đảng bộ Thái Nguyên lần thứ nhất đã bầu ra Ban tỉnh ủy mới gồm chín ủy viên chính thức và hai ủy viên dự khuyết. Nghị quyết của các Đại hội đại biểu lần thứ nhất thể hiện quyết tâm của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong bước phát triển mới của sự nghiệp kháng chiến. Riêng về công tác tổ chức, nét nổi bật nhất của các nghị quyết nói trên là quyết tâm hướng về cơ sở, kiện toàn bộ máy và tiếp tục làm tốt hơn nữa công tác phát triển đảng viên. Thể hiện quyết tâm của cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng bộ, Ban tỉnh ủy mới của cả Bắc Kạn và Thái Nguyên đã giành một phần ba số thành viên (tám ủy viên chấp hành) xuống các huyện trực tiếp làm bí thư.

Triển khai nghị quyết của Đại hội về xây dựng Đảng trong thời kỳ mới, Đảng bộ tiến hành trước nhất công tác kiện toàn và thành lập mới các bộ môn giúp việc cấp ủy. Các ban đã có từ trước như Tuyên huấn, Dân vận, Kinh tế tài chính được tăng cường thêm cán bộ. Các ban Đảng vụ (Tổ chức), Thanh

tra (kiểm tra) được thành lập. Chức năng, nhiệm vụ của các ban được quy định rõ. Bên cạnh đó, đáp ứng nhu cầu về kiện toàn bộ máy. Đảng bộ chú trọng công tác đào tạo cán bộ, đặc biệt là cán bộ người địa phương và dân tộc thiểu số. Nhiều cán bộ được cử đi học chính trị, văn hóa, nghiệp vụ. Những cán bộ có năng lực và có triển vọng được đề bạt vào các cương vị lãnh đạo, chỉ đạo trong bộ máy các cấp. Trên cơ sở bước đầu làm tốt công tác đào tạo cán bộ và xây dựng, củng cố bộ máy. Đảng bộ hướng công tác tổ chức vào nhiệm vụ mấu chốt là đẩy mạnh phát triển đảng viên và xây dựng chi bộ vững mạnh. Với quyết tâm mỗi thôn (hoặc làng) một tổ Đảng, mỗi xã, mỗi đại đội bộ đội chính quy và bộ đội địa phương, mỗi trung đội du kích tập trung một chi bộ. Đảng bộ lại mở cuộc vận động phát triển đảng viên. Trong cuộc vận động này, nhiều quần chúng xuất sắc khắp các địa bàn, các lĩnh vực hoạt động, được Đảng bồi dưỡng và kết nạp. Nét nổi bật của số đảng viên được kết nạp ở cuộc vận động này là phần lớn xuất thân từ các thành phần cơ bản.

Để làm tốt công tác tổ chức nói chung và công tác phát triển Đảng nói riêng, thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương và Khu ủy, đầu năm 1949 Đảng bộ mở hội nghị “Đảng vụ” toàn tỉnh. Tại hội nghị này, một lần nữa Ban chấp hành tỉnh đảng bộ giúp cho các cán bộ có trách nhiệm thấu suốt nguyên tắc, quán triệt phương hướng công tác xây dựng Đảng và nội dung sinh hoạt chi bộ. Đây là lần đầu tiên sinh hoạt chi bộ được quy định theo nội dung như sau: Kiểm điểm công tác giữa hai kỳ sinh hoạt và ấn định nhiệm vụ công tác mới; phê bình, tự phê bình và học tập chính trị. Quyết nghị phương hướng công tác, các hội nghị Đảng vụ một lần nữa khẳng định phương châm hướng về cơ sở để tăng cường công tác xây dựng Đảng của Đại hội đại biểu tỉnh đảng bộ lần thứ nhất. Các khẩu hiệu: “Tất cả vì chi bộ”; “Tất cả cho chi bộ”; “Làm cho chi bộ trưởng thành”...được nêu lên và được xem như là Phương hướng hành động và mục tiêu phải đạt tới của công tác xây dựng Đảng ở địa phương.

Có chủ trương đúng và biện pháp tích cực, công tác tổ chức của Đảng bộ tiếp tục đạt được những thành tựu to lớn mới. Tại Thái Nguyên, tính đến hết tháng 6 năm 1949, tổng số đảng viên lên tới 4.419 người (chưa kể 457 đảng

viên thuộc trung đoàn 121), sinh hoạt trong 116 chi bộ. Các tổ chức cơ sở của Đảng được mở rộng và củng cố. Nếu như thời kỳ Đại hội đại biểu tỉnh đảng bộ lần thứ nhất mới có chưa đầy năm mươi phần trăm số chi bộ có Ban chi ủy thì đến tháng 6 năm 1949 đã có 108 chi bộ có Ban chi ủy. Tiến bộ rõ rệt nhất là các chi bộ nông thôn. Tất cả tám mươi một xã thuộc bảy huyện, xã nào cũng đã có hàng chục đảng viên được rèn luyện và thử thách. Phần lớn các Ban chi ủy xã đã tích lũy được những kinh nghiệm cần thiết về lãnh đạo, chỉ đạo, nắm được đường lối, chính sách cơ bản của Đảng, có năng lực lãnh đạo và vận động quần chúng, trung thành và tận tụy với sự nghiệp chung. Công tác cán bộ phục vụ cho yêu cầu kiện toàn, củng cố bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo ở tỉnh và huyện, tuy chưa đáp ứng được tình hình mới nhưng so với thời kỳ đầu kháng chiến đã có những tiến bộ đáng chú ý về số lượng cũng như chất lượng. Riêng số cán bộ làm công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cơ quan tỉnh, và huyện đã lên tới 197 người (178 cán bộ thoát ly; 19 cán bộ bán thoát ly). Trong số này có hơn năm mươi phần trăm là huyện ủy viên và tương đương trở lên. Trưởng thành trong chiến đấu, được Đảng chú ý đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo thực sự là nòng cốt trong nỗ lực thúc đẩy mọi mặt công tác của Đảng bộ. Ở Bắc Kạn, sau gần một năm thực hiện nghị quyết của Đại hội đại biểu tỉnh đảng bộ lần thứ nhất, công tác tổ chức của Đảng bộ cũng đạt được những kết quả rất khả quan. Tổng hơn mười tháng, số đảng viên của Đảng bộ tăng sấp xỉ cả quá trình phát triển của hơn sáu năm trước đó (chưa tính hơn 400 đảng viên thuộc trung đoàn 72). Với thành tích này, bình quân toàn tỉnh, đảng viên đã chiếm mười lăm phần nghìn trong số dân. Chủ trương xây dựng và củng cố chi bộ cũng được cấp ủy các cấp, trước hết là các Huyện ủy triển khai có hiệu quả. Các chi bộ đã có từ trước được tập trung củng cố. Ngoài ra, thêm mười hai chi bộ được thành lập mới. Với kết quả này phần lớn các thôn của các xã lớn đã có tổ Đảng, các lực lượng võ trang và bán võ trang như đại đội Ba Bê (bộ đội địa phương), các trung đội du kích tập trung của các huyện Ngân Sơn, Chợ Đồn...có các chi bộ trực tiếp lãnh đạo. Với những cố gắng chung, nhất là cố gắng phát triển Đảng, củng cố

chi bộ, toàn Đảng bộ đã xuất hiện những chi bộ mạnh về chất lượng, đông về số lượng. Trong đó, có chi bộ có số đảng viên đông hơn tổng số đảng viên toàn tỉnh thời kỳ tháng 12 năm 1946. Được sự chú ý của tỉnh và huyện, trong thời gian này, hầu hết các chi bộ mở được đại hội đảng viên để thảo luận nhiệm vụ chính trị, quyết nghị phương hướng công tác và bầu chi ủy mới. Đề cao tinh thần xây dựng Đảng, các đại hội chi bộ đã kiên quyết đưa ra khỏi chi ủy những người thiếu năng lực kém nhiệt tình cách mạng và phẩm chất chính trị, đồng thời sáng suốt lựa chọn những đảng viên tiêu biểu vào các Ban chi ủy mới. Với các đại hội chi bộ cơ sở nói trên, công tác xây dựng Đảng của tỉnh đạt được một tiến bộ đáng chú ý là trên tám mươi phần trăm số chi bộ có Ban chi ủy, trong đó gần một nửa công nhận là có trình độ và năng lực công tác. Thời kỳ này, tuy Đảng bộ hướng nhiệm vụ tổ chức vào việc xây dựng, củng cố chi bộ và phát triển đảng viên, nhưng không vì thế mà xem nhẹ các lĩnh vực khác. Trong đó, công tác cán bộ, mà chủ yếu là vấn đề đào tạo, bồi dưỡng cố gắng của địa phương, lại được Trung ương và Khu giành cho sự quan tâm đặc biệt đội ngũ cán bộ nói trên lên tới 104 người. So với thời kỳ cách mạng Tháng Tám, riêng sự phát triển về số lượng của đội ngũ cán bộ này đã là một thành tích đáng tự hào. Thế nhưng trong tình hình mới, do yêu cầu cao về kiện toàn bộ máy các cấp, những cố gắng nói trên rõ ràng còn rất hạn chế. Nhiều cơ quan, kể cả các cơ quan tham mưu cấp ủy, vì thiếu cán bộ nên chưa được kiện toàn, nhiều cán bộ, kể cả các đồng chí chủ chốt phải kiêm nhiệm đến mức không còn điều kiện để làm tốt công tác chủ yếu. Tình hình này đã hạn chế việc phát huy sức mạnh tổng hợp của các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo và số cán bộ, đảng viên tiêu biểu của Đảng bộ.

Đánh giá việc thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh đảng bộ lần thứ nhất, Đại hội đại biểu tỉnh đảng bộ lần thứ hai (Bắc Kạn họp ngày 26 tháng 6 năm 1949; Thái Nguyên khai mạc ngày 2 tháng 7 năm 1949) chỉ ra rằng, thành tích là to lớn, rất cơ bản, tuy vậy cũng còn những thiếu sót, khuyết điểm đáng chú ý. Về công tác phát triển Đảng và củng cố chi bộ, tồn tại chủ yếu là nhịp độ phát triển đảng viên, kết quả củng cố chi bộ giữa các vùng, các dân

tộc còn hết sức chênh lệch. Ở Thái Nguyên, đến giữa năm 1949, những vùng sung yếu, các cơ sở cách mạng cũ, các dân tộc ít người, vùng công giáo, các cơ quan chính quyền tỉnh và huyện là những nơi chưa được chú ý đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng. Vì vậy, ở đây đảng viên ít, trình độ hạn chế, tổ chức cơ sở của Đảng chưa được củng cố. Tại Bắc Kạn, qua một thời gian thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ nhất, tuy hội nghị Đảng vụ tháng 1 năm 1949 đã chỉ rõ những thiếu sót, khuyết điểm ấy vẫn chưa được khắc phục, có mặt trầm trọng hơn. Các vùng sung yếu như dọc quốc lộ số ba, vùng núi bắc Chợ Rã, các dân tộc ít người như Nùng, Dao, Mèo...cơ Đảng còn rất mỏng thậm chí nhiều nơi chưa có đảng viên. Bên cạnh những tồn tại ấy, nét nổi bật chung nhất ở cả Bắc Kạn và Thái Nguyên là tỷ lệ đảng viên xuất thân từ thành phần cơ bản chưa cao, những quân chúng là phụ nữ chưa được các cơ sở chú ý kèm cặp bồi dưỡng để kết nạp vào Đảng. Theo số liệu điều tra giữa hai kỳ Đại hội, phụ nữ chiếm trên năm mươi phần trăm số dân nhưng nữ đảng viên mới chiếm mười phần trăm trong tổng số đảng viên. Những thiếu sót nói trên, như Đại hội đại biểu tỉnh đảng bộ lần thứ hai đã chỉ ra, là thuộc về nhận thức. Tình hình ấy làm cho nhiều nơi, nhất là vùng cao và khu vực ảnh hưởng của giáo hội gặp nhiều khó khăn. Đánh giá đúng thành tích làm rõ các thiếu sót, khuyết điểm, Đại hội đại biểu tỉnh đảng bộ lần thứ hai không những đã vạch ra nhiều biện pháp khắc phục tồn tại, mà với tinh thần cách mạng tiến công đã quyết nghị nhiều vấn đề mới về công tác tổ chức như thực hiện chính sách cán bộ mới “sửa đổi lối làm việc”, gấp rút kiện toàn cấp ủy các cấp, tiếp tục phát triển Đảng mạnh mẽ, rộng khắp và hướng công tác ấy vào các vùng sau lưng địch, những nơi tiếp giáp mặt trận và trong các lực lượng vũ trang.

Phương hướng nhiệm vụ nói trên được Đại hội đại biểu tỉnh đảng bộ lần thứ hai phác họa trong bối cảnh quân địch còn chiếm đóng nhiều nơi trên vùng núi phía bắc. Vì thế, nét nổi bật của các án nghị quyết của cả Bắc Kạn, Thái Nguyên và đặc biệt là Bắc Kạn, đều tập trung cho mục tiêu cao nhất nhằm giữ vững thành quả cách mạng, đồng thời tiến lên giải phóng quê hương khỏi ách chiếm đóng của bè lũ thực dân. Phương hướng công tác tổ chức, mặc

dù đã thể hiện tính triệt để và tính toàn diện vẫn nằm trong khuôn khổ nói trên. Do đó, sau những diễn biến đột xuất của tình hình chiến sự là quân địch vội vã tháo chạy khỏi tỉnh ta, nhiều mặt công tác do Đại hội quyết nghị trở nên không phù hợp với tình hình thực tế. Đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Đảng bộ đã chuyển hướng công tác tổ chức. Nhờ sự nhạy bén ấy, trong tình hình mới, công tác tổ chức vẫn tiếp tục giành được những thành tích hết sức quan trọng. Ở Thái Nguyên, tính đến hết tháng 12 năm 1949, có thêm mười tám chi bộ được thành lập mới và 1480 quân chúng được kết nạp vào Đảng. Nhiều nơi thuộc diện “vùng sung yếu” như Đồng Bẩm (huyện Đồng Hỷ, nay thuộc thành phố Thái Nguyên); Tân Thái (huyện Đại Từ)...được tỉnh và huyện chỉ đạo cá biệt cũng đã làm tốt công tác xây dựng Đảng. Tại Bắc Kạn mặc dù trong khoảng thời gian nói trên phải tập trung sức khắc phục hậu quả chiến tranh như hồi cư nhân dân, chống đói, vận động tăng gia sản xuất, khôi phục giao thông...Đảng bộ vẫn hết sức chú ý lãnh đạo công tác xây dựng Đảng về mặt tổ chức. Trên các trận địa mới của sự nghiệp kháng chiến, các tổ chức cơ sở của Đảng tiếp tục thu hút 468 quân chúng vào đội ngũ chiến đấu của mình. Những tồn tại chủ yếu mà Đại hội đại biểu tỉnh đảng bộ lần thứ hai lưu ý nhìn chung đã được khắc phục. Nếu như trong toàn Đảng bộ số đảng viên mới được kết nạp (trong sáu tháng cuối năm 1949), chiếm tỷ lệ 28,6 phần trăm, thì do có sự chỉ đạo cụ thể, số đảng viên là người hai dân tộc Dao và Nùng đã tăng tới hơn hai lần (gấp bốn lần nhịp độ phát triển chung)

Năm 1950, hướng về Đại hội toàn quốc, thực hiện chỉ thị của Trung ương, Đảng bộ tỉnh ta chuyển hẳn trọng tâm công tác xây dựng Đảng từ phát triển sang củng cố. Theo sự chỉ đạo chung, Đảng bộ phát động liên tiếp các cuộc vận động nhằm củng cố cơ sở và nâng cao chất lượng đảng viên. Ngay từ đầu năm, kỷ niệm lần thứ hai mươi thành lập Đảng, toàn tỉnh tiến hành cuộc vận động “học tập lý luận, rèn luyện đạo đức cách mạng”. Tiếp đó, để thiết thực kỷ niệm ngày sinh lần thứ sáu mươi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ lại phát động “tuần lễ thi đua rèn luyện Đảng tính”...Tất cả các cuộc vận động tiến hành trong năm 1950 đều được các cấp ủy Đảng chuẩn bị chu

đáo. Ở tỉnh, các đồng chí ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp phụ trách các tổ công tác xuống cơ sở chỉ đạo điem, sau đó rút kinh nghiệm và mở rộng diện. Được chuẩn bị chu đáo nên các cuộc vận động, đặc biệt là “tuần lễ thi đua rèn luyện Đảng tính”, đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng Đảng. Qua các cuộc vận động, hầu hết các Ban chi ủy được kiện toàn, nhiều đảng viên tiêu biểu, xuất thân từ các thành phần cơ bản được bổ sung và cấp ủy các cấp, trình độ chính trị, ý thức giác ngộ giai cấp được nâng lên, tình trạng “mù Hội” được thanh toán. Với kết quả mới này, Đảng bộ thiết thực lập thành tích dâng lên Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ hai.

Sau một thời gian chuẩn bị tích cực và khẩn trương, ngày 11 tháng 2 năm 1951, Đại hội đại biểu lần thứ hai của Đảng cộng sản Đông Dương chính thức khai mạc tại căn cứ địa Việt bắc. Một trăm năm mươi tám đại biểu chính thức và năm mươi ba đại biểu dự khuyết thay mặt cho hơn bảy mươi sáu vạn đảng viên đã về dự Đại hội. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ trong thư gửi Đại hội trù bị, Đại hội đại biểu lần thứ hai của Đảng Cộng sản Đông Dương là “Đại hội kháng chiến”, nhiệm vụ chính “là đẩy kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng lao động Việt Nam ⁽¹⁾. Theo tinh thần trên. Đại hội đã đề ra đường lối chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới. Về công tác tổ chức, trên cơ sở nhận định rằng Đảng cộng Sản Đông Dương đã hoàn thành xứ mạng lịch sử. Đại hội nhất trí quyết nghị “tổ chức bộ phận Đảng ở Việt Nam thành Đảng lao động Việt Nam” và ra hoạt động công khai ⁽²⁾.

Dưới ánh sáng nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ hai, Đảng bộ tỉnh ta tăng cường hoạt động, đẩy mạnh mọi mặt công tác, nỗ lực đưa phong trào toàn tỉnh vươn lên xứng đáng với tầm vóc của địa phương căn cứ địa trong giai đoạn mới của cách mạng và kháng chiến. Ngay sau Đại hội Đảng toàn quốc, trong điều kiện phải tập trung cao độ vào các nhiệm vụ cấp bách như xây dựng lực lượng vũ trang..chống phi, chống chiến tranh phá hoại, đảm bảo

⁽¹⁾ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: Văn kiện toàn quốc đại biểu đại hội lần thứ hai của Đảng, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng xuất bản, Hà Nội, 1965, tr 8.

⁽²⁾ Sách trên, tr 128

giao thông phục vụ chiến dịch khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa... Đảng bộ tỉnh ta vẫn quyết tâm đẩy mạnh công tác tổ chức. Được sự giúp đỡ của Trung ương và Khu ủy, Ban chấp hành tỉnh đảng bộ đã chỉ đạo chặt chẽ việc mở đại hội Đảng các cấp. Tại Thái Nguyên, tháng 4 năm 1951, Đại hội đại biểu toàn tỉnh lần thứ ba được triệu tập. Ở Bắc Kạn, Đại hội khai mạc ngày 26 tháng 6 năm 1951. Đánh giá công tác xây dựng Đảng cả quá trình phát triển và nhất là trong gần năm năm kháng chiến theo đúng nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ hai, các Đại hội Đại biểu tỉnh đảng bộ chỉ ra rằng dưới sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Ban chấp hành Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đảng bộ tỉnh ta đã trưởng thành cả về số lượng và chất lượng. Với một đội ngũ đông đảo trên 9000 đảng viên (Thái Nguyên: 6.735; Bắc Kạn: 2.116), chiếm khoảng ba phần trăm số dân, Đảng bộ không những là người lãnh đạo và tổ chức, mà còn thực sự là nòng cốt của gia đình các dân tộc trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ. Đánh giá cao các thành tích đã đạt được, đồng thời với tinh thần phê bình và tự phê bình rất nghiêm túc. Đại hội nhận định: công tác xây dựng Đảng ở tỉnh ta có những thiếu sót, khuyết điểm đúng như kết luận của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ hai là do “phát triển quá nhanh và nhiều nơi phát triển không đúng cách đã tăng thêm sự phức tạp về tư tưởng trong Đảng”⁽¹⁾. Tổ chức cơ sở của Đảng bộ do vậy chưa phát huy được vai trò là hạt nhân của một đảng cách mạng. Tuy đã kinh qua nhiều lần củng cố mà vẫn chưa khắc phục được các tồn tại. Sức mạnh của đội ngũ đảng viên đông đảo chưa được phát huy đúng mức. Riêng tại Bắc Kạn, nhìn nhận những quyết nghị có tính chất cá biệt của Đại hội đại biểu toàn tỉnh lần thứ hai, Đại hội đại biểu tỉnh đảng bộ lần thứ ba cho rằng những nỗ lực nhằm khắc phục sự chênh lệch trong công tác xây dựng Đảng giữa các vùng, các dân tộc vẫn chưa đạt được kết quả mong muốn. Một số vùng là cơ sở của Đảng thời kỳ vận động cách mạng Tháng Tám chưa xây dựng được các chi bộ vững mạnh

⁽¹⁾ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: Văn kiện toàn quốc đại biểu đại hội lần thứ hai của Đảng, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng xuất bản, Hà Nội, 1965, tr 131.

có nơi vẫn chưa có đảng viên. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng ở đây gặp khó khăn.

Đánh giá đúng mức thành tích cũng như thiếu sót, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng nói riêng và công tác tổ chức nói chung, đối chiếu tình hình thực tế với tinh thần và nội dung nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ hai, Đại hội đại biểu tỉnh đảng bộ lần thứ ba đề ra phương hướng nhiệm vụ công tác tổ chức của thời kỳ mới. Trong đó cấp bách nhất là kiện toàn bộ máy lãnh đạo ở huyện và xã, tăng cường kiểm tra công tác phát triển Đảng, tổ chức chi bộ theo đúng điều lệ mới, xây dựng chi bộ kiểu mẫu, thanh toán chi bộ kém nát. Đại hội đại biểu tỉnh đảng bộ Thái Nguyên quyết nghị phát động ngay ba cuộc vận động: xây dựng đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, mạnh về chất lượng: học tập chủ nghĩa Mác - Lê nin; phê bình và tự phê bình. Đại hội đại biểu tỉnh đảng bộ Bắc Kạn, chủ trương đưa trọng điểm phát triển Đảng lên vùng cao, nơi mới giải phóng trên dọc trục đường số ba huyết mạch; gấp rút đào tạo cán bộ dân tộc, cán bộ địa phương; triển khai ngay việc bồi dưỡng ý thức giai cấp công nhân cho toàn thể đảng viên; đề cao nguyên tắc xây dựng Đảng kiểu mới đối với tổ chức cơ sở.

Triển khai nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh đảng bộ lần thứ ba, tiếp sau đại hội cấp tỉnh, các huyện và cơ sở lần lượt mở đại hội. Các đại hội Đảng bộ huyện và cơ sở đều giành thời gian quán triệt nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ hai và nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh đảng bộ lần thứ ba. Đối chiếu với điều lệ và nghị quyết mới của Đảng, đại hội các cấp, nhất là các chi bộ cơ sở đã kiện toàn bộ máy và sàng lọc lại đội ngũ. Những đảng viên thoái hóa, biến chất hoặc không đủ tiêu chuẩn chính trị được đưa ra khỏi cấp ủy và các tổ chức cơ sở của Đảng. Bộ máy lãnh đạo huyện và xã nhất là xã, được đổi mới. Phần lớn cấp ủy viên là những người xuất thân từ các thành phần cơ bản trong nông thôn như bần nông, cố nông và trung nông lớp dưới. Qua Đại hội các cấp, tình hình một số nơi vốn có nhiều khó khăn, như Đại Từ, Phổ Yên, nhìn chung ổn định, cán bộ, đảng viên phấn khởi tin tưởng. Đoàn kết trong Đảng và ngoài quần chúng được tăng cường.

Phát huy kết quả Đại hội các cấp, thực hiện chính cương và điều lệ mới của Đảng, cả Bắc Kạn và Thái Nguyên hướng các cố gắng xây dựng Đảng vào việc nâng cao chất lượng đảng viên và củng cố tổ chức cơ sở. Có thể nói, nếu thời kỳ từ kháng chiến toàn quốc đến trước các Đại hội đại biểu tỉnh đảng bộ lần thứ ba là thời kỳ phát triển Đảng rầm rộ thì trong giai đoạn mới của cách mạng, việc phát triển về số lượng tạm thời ổn định ở mức hạn chế, nhường vị trí độc tôn cho công tác tư tưởng kết hợp với củng cố tổ chức, gọi là “chỉnh đốn chi bộ”.

Triển khai cuộc vận động củng cố chi bộ, đầu năm 1952 “đoàn cán bộ thực hiện nghiêm chỉnh đốn cơ sở” chỉ đạo điếm ở hai xã thuộc huyện Võ Nhai (Thượng Nung, Cúc Đường) và ba xã thuộc huyện Phú Bình (Nhã Lộng, Đại Đồng, Bảo Lý). Từ giữa năm 1952, cuộc vận động được mở rộng ra toàn tỉnh. Để củng cố chi bộ, nhiều vấn đề mới được đặt ra cho toàn thể đảng viên quán triệt. Đó là đường lối cách mạng và kháng chiến, nguyên tắc xây dựng Đảng, vị trí của chi ủy và chi bộ xã đối với mọi mặt phong trào ở cơ sở, phẩm chất và trách nhiệm đảng viên...Thể nghiệm trong thực tiễn, lần đầu tiên Đảng bộ gắn liền việc củng cố chi bộ với các nhiệm vụ trung tâm của cách mạng và kháng chiến như cuộc vận động “sản xuất tiết kiệm”, thuế nông nghiệp, tạm vay, tuyển quân, dân công thời chiến...Năm 1953, tổng kết cuộc vận động chỉnh đốn chi bộ, các chi bộ xã tiến hành đại hội đảng viên. Tại các đại hội này công tác chuẩn bị cho việc thực hiện cách mạng dân chủ được đặt ra. Những người là địa chủ, cường hào được thanh thải khỏi tổ chức Đảng. Nhiều đảng viên xuất thân từ các thành phần cơ bản ở nông thôn (cổ nông và bần nông) được bầu vào chi ủy và phân công đảm nhiệm các cương vị lãnh đạo chủ chốt ở xã.

Những kết quả đạt được trong việc phát triển đảng viên, kiện toàn cấp ủy, đào tạo cán bộ...là điều kiện tiên quyết và cơ bản nhất để Đảng bộ triển khai công tác mặt trận - dân vận và củng cố chính quyền các cấp.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), tình hình mới đặt ra nhiều vấn đề cấp bách cho công tác xây dựng và củng cố bộ máy chính quyền. Thực

hiện sự chỉ đạo của Trung ương, trước hết Đảng bộ lãnh đạo việc chuyển Ủy ban bảo vệ thành ủy ban kháng chiến. Quán triệt chủ trương “kháng chiến trên hết” của Đảng và cũng là đáp ứng yêu cầu rất cấp bách của tình hình thực tế, Đảng bộ phải tập trung trí tuệ đầu tư cán bộ và các phương tiện cần thiết, nhằm nhanh chóng kiện toàn bộ máy chỉ đạo kháng chiến.

Tuy vậy, tôn trọng quyền làm chủ và quan tâm đến đời sống nhân dân, Đảng bộ vẫn chú ý lãnh đạo bộ máy hành chính hoạt động. Thông qua các đảng viên trực tiếp điều hành Ủy ban kháng chiến và tổ chức đảng đoàn trong Ủy ban hành chính, Đảng bộ đã lãnh đạo hai hệ thống chính quyền xây dựng được quan hệ đoàn kết, hỗ trợ nhau hoạt động, đảm bảo thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng và từng bước vươn lên phát huy chức năng, nhiệm vụ được quy định.

Tháng 10 năm 1947, để tăng cường hiệu lực của bộ máy chính quyền, Trung ương Đảng chủ trương hợp nhất Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính thành Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính (sau đổi là Ủy ban kháng chiến hành chính). Trong dịp này Đảng bộ lại có những cố gắng mới nhằm kiện toàn hơn nữa bộ máy chính quyền từ tỉnh xuống cơ sở. Nhiều cán bộ có năng lực, có uy tín với quần chúng được phân công điều hành các cấp chính quyền. Riêng Bắc Kạn, do tháng 4 năm 1948 mới có điều kiện tiến hành công việc hợp nhất nói trên, nên phần lớn số ủy viên của chính quyền các cấp đều là những người kinh qua thử thách trong chiến đấu, biểu hiện năng lực tổ chức và lòng trung thành với cách mạng.

Sau chiến dịch Việt Bắc, thế và lực giữa ta và địch thay đổi có lợi cho nhân dân ta, không có lợi cho bè lũ thực dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn quân, toàn dân ta tích cực chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công. Nhằm mục đích ấy, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp khóa hai. Mở đầu cuộc sinh hoạt chính trị này, ngày 24 tháng 4 năm 1949 nhân dân Thái Nguyên tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân xã. Phát huy quyền làm chủ 2882 cá nhân sốt sắng ứng cử. Được các cấp ủy Đảng lãnh đạo chặt chẽ, triển khai rầm rộ việc tuyên truyền vận động nên

80.407 cử tri (gần 83% tổng số cử tri) đã hăng hái đi bỏ phiếu. Mặc dù số người ứng cử đông, nhưng số phiếu vẫn tập trung cao. 1331 ứng cử viên, trong đó có 615 đảng viên, đã trúng cử vào Hội đồng nhân dân xã khóa hai. Phát huy kết quả bầu Hội đồng nhân dân xã, sau khi ổn định xong bộ máy chính quyền cơ sở, ngày 10 tháng 10 năm 1949 đông đảo cử tri của cả bảy huyện phía nam lại hăng hái đi bầu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Hai mươi trong số gần bốn mươi ứng cử viên, đại diện cho 97.045 cử tri toàn tỉnh được tín nhiệm tham gia điều hành các công việc kháng chiến và hành chính cấp tỉnh. Tại Bắc Kạn, do phần lớn các huyện, xã còn là vùng có chiến sự nên đầu tháng 8 năm 1949 cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã khóa hai mới được tiến hành. Vượt qua những khó khăn về chiến sự, gần bảy mươi lăm phần trăm số cử tri đã đi bỏ phiếu. Kết quả cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã trùng hợp với thắng lợi quân sự giải phóng toàn tỉnh. Nhân dịp này, Ban chấp hành tỉnh đảng bộ quyết định phát huy khí thế chiến thắng, động viên đồng bào các dân tộc nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh và tiến hành bầu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa hai, Hướng ứng chủ trương của Đảng, trong thời gian ngắn, tình hình các vùng mới giải phóng đã được ổn định, do đó ngày 25 tháng 10 năm 1949 toàn tỉnh mở cuộc sinh hoạt chính trị mới: bầu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa hai. Trên cơ sở thắng lợi của cuộc tuyển cử Hội đồng nhân dân hai cấp, để tăng cường bộ máy chính quyền cấp huyện, trong dịp này, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh đề nghị và Liên Khu quyết định bổ sung cho mỗi huyện thêm hai ủy viên, đưa tổng số ủy viên Ủy ban kháng chiến hành chính huyện lên năm người.

Từ nền nếp của cuộc bầu cử nói trên, thời kỳ cuối cuộc kháng chiến, tuy nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu ngày càng khẩn trương, Đảng bộ vẫn đảm bảo tôn trọng quyền lợi chính trị của nhân dân trong việc tham gia xây dựng chính quyền. Đúng nhiệm kỳ (hai năm) công việc tuyển cử lại được tổ chức. Các đại biểu của dân tham gia các cấp chính quyền được Đảng bộ chú ý đào tạo, bồi dưỡng, Nhiều ủy viên Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh và huyện được cử đi dự các lớp huấn luyện chính trị và nghiệp vụ

do Trung ương và Liên khu mở. Từ năm 1949, mỗi năm hàng trăm ủy viên Ủy ban các xã lần lượt được chỉ định về học các lớp văn hóa và nghiệp vụ của tỉnh (năm 1950, Bắc Kạn mở hai lớp cho 117 người, Thái Nguyên mở ba lớp cho 120 người).

Trong phong trào thi đua chuyên mạnh sang tổng phản công, đặc biệt trong cuộc vận động giảm tô và thí điểm cải cách ruộng đất, thực hiện sự chỉ đạo chung của Trung ương, Đảng bộ có những cố gắng mới về kiện toàn và củng cố bộ máy chính quyền các cấp. Giúp việc cho chính quyền cấp tỉnh, thêm nhiều ty, ngành được thành lập, đưa tổng số ty, cơ quan ngang ty (không kể khối dân, Đảng) trong toàn tỉnh lên tới mười tám đơn vị. Các cơ quan như Tỉnh đội dân quân, Công an, Canh nông, Giáo dục... được tăng cường những cán bộ mới có năng lực và kinh nghiệm công tác, Bộ máy chính quyền huyện, xã, nhất là Ủy ban kháng chiến hành chính xã được kiện toàn. Những đối tượng của cuộc cách mạng ruộng đất như địa chủ, cường hào được thanh thải, nhiều nhân tố mới xuất thân từ thành phần cơ bản được bổ sung vào Hội đồng nhân dân và Ủy ban. Trong thời kỳ này, nội dung “tập trung dân chủ” được các cấp ủy Đảng quán triệt cho cán bộ, đảng viên cũng như đông đảo quần chúng nhân dân. Công tác kiểm tra đảm bảo cho chính quyền thật sự là công cụ sắc bén của Đảng và đại diện xứng đáng, tin cậy của nhân dân trong thời kỳ mới của sự nghiệp kháng chiến, được đặt ra và chỉ đạo thực hiện nghiêm túc. Năm 1950, năm đầu triển khai công tác kiểm tra, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh tổ chức nhiều đoàn xuống các huyện và xã làm công tác củng cố chính quyền. Trong đợt này, riêng tại hai huyện Đại Từ và Phú Lương, chính quyền một số xã (như Cù Vân, Vô Tranh) được kiện toàn nhiều đại biểu hội đồng nhân dân tiêu biểu được chỉ định tăng cường cho các cấp chính quyền, ba mươi chín ủy viên của Ủy ban kháng chiến hành chính huyện và xã vì không nghiêm chỉnh chấp hành chính sách hoặc thoái hóa, biến chất bị miễn nhiệm và thi hành kỷ luật thích đáng.

Công tác mặt trận và dân vận, một trong những mặt chủ yếu nhất của nhiệm vụ tổ chức, là một trong những lĩnh vực tập trung cố gắng cao nhất của

Đảng bộ. Từ cao trào cách mạng Tháng Tám, vai trò của Mặt trận Việt Minh đã được ghi nhận như là đại diện công khai của Đảng. Quân chúng tín nhiệm Việt Minh, hăng hái tham gia Việt Minh, coi Việt Minh thực sự là một tổ chức cách mạng. Nhờ ưu thế này, vượt qua thử thách của thời kỳ củng cố và bảo vệ thành quả cách mạng Tháng Tám (1945-1946), dưới sự lãnh đạo của Đảng, Mặt trận Việt Minh, mà cụ thể là Hội cứu quốc các giới, tiếp tục phát triển đầy khí thế ngay trong những ngày đầu kháng chiến. Đến giữa năm 1947, trừ tổ chức công đoàn mới có bộ máy ở tỉnh và một số cơ sở công nghiệp, thủ công nghiệp, nhìn chung Hội Cứu quốc các giới phát triển rộng khắp trong toàn tỉnh. Rất tiếc việc kiện toàn và củng cố bộ máy ở cơ sở đang triển khai thì chiến sự lan rộng lên tỉnh ta. Chưa có điều kiện chuẩn bị kỹ về mặt tổ chức nên trước tình hình mới công tác mặt trận – dân vận lại gặp khó khăn. Mặt trận Liên Việt vừa được nhen nhóm, mới thu hút được gần ba trăm hội viên tại thị xã Thái Nguyên (lúc đầu chủ trương Liên Việt tập hợp các thân hào, thân sĩ, công chức, tiểu thương), chưa có bộ máy mạnh và cơ sở rộng, lại thiếu nhân cốt là những hội viên trung kiên nên gặp khó khăn lớn nhất. Hội Cứu quốc các giới tuy không gặp khó khăn đến mức mất hẳn tổ chức bộ máy như Liên Việt nhưng nhìn chung cũng không phát huy được tác dụng. Hệ thống tổ chức Hội gần như tê liệt, Bộ máy các cấp tuy vẫn tồn tại nhưng tập hợp được quân chúng. Mọi công việc vận động, tổ chức quần chúng ở cơ sở gần như khoán trắng cho bộ máy Đảng và chính quyền. Vì thế, tổng kết chiến dịch Việt bắc, Ban chấp hành tỉnh đảng bộ Bắc Kạn cũng như Thái Nguyên đều rút kinh nghiệm về công tác mặt trận - dân vận và nêu quyết tâm mới gấp rút củng cố bộ máy, mà trước mắt là củng cố Hội cứu quốc các giới trong Mặt trận Việt Minh. Tại Thái Nguyên, triển khai nghị quyết hội nghị Tỉnh ủy (15-3-1948), toàn tỉnh đẩy lên sôi nổi phong trào củng cố và xây dựng mới các đoàn thể quần chúng. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy - “chi bộ phải luôn luôn sinh hoạt với các tổ chức quần chúng” - các chi bộ, tổ đảng trong toàn Đảng bộ cử nhiều cán bộ, đảng viên phụ trách đoàn thể quần chúng, tích cực khôi phục bộ máy các đoàn thể ấy và từng bước đưa quần

chúng hội viên vào rèn luyện trong phong trào cách mạng. Tháng 6 năm 1948, trong khí thế toàn dân tham gia xây dựng và củng cố bộ máy mặt trận - dân vận, Đảng bộ lãnh đạo tổ chức đại hội Việt Minh các cấp. Trong dịp này, toàn bộ các Ban Việt Minh được bầu lại. Bộ máy lãnh đạo mới sau khi ổn định đã cử nhiều ủy viên chấp hành trực tiếp làm bí thư Hội Cứu quốc các giới. Như vậy cùng với việc kiện toàn Ban chấp hành Việt Minh, bộ máy lãnh đạo Hội Cứu quốc các giới cũng được củng cố. Với quyết tâm cao và sự chỉ đạo chu đáo, chỉ một thời gian ngắn, Đảng bộ đã thành công trong việc xây dựng bộ máy mặt trận - dân vận từ tỉnh xuống tận các xóm bản hẻo lánh. Ở cấp tỉnh, khối mặt trận - dân vận gồm hàng chục đầu ngành khác nhau. Có nền tảng từ trước. Hội Cứu quốc các giới thuộc Mặt trận Việt Minh phát triển sôi nổi và rộng khắp. Thái Nguyên có 156.480 người dân thì các thành viên của Mặt trận Việt Minh đã bao gồm 92.122 người. Trong đó, đông nhất là Phụ nữ Cứu quốc (25.493 hội viên), Nông dân Cứu quốc (16.136 hội viên). Nhi đồng Cứu quốc (12.438 đội viên), Thanh niên Cứu quốc (10.739 hội viên)...Khối Liên Việt chưa được quản chúng tín nhiệm, nhưng các Ban chấp hành tỉnh và huyện cũng đã cố gắng hoạt động, thu hút được 2.106 hội viên. Ở Bắc Kạn, tuy có nhiều khó khăn khách quan, nhưng sau chiến thắng Việt bắc, Đảng bộ đã nỗ lực khôi phục hệ thống tổ chức khối mặt trận - dân vận. Trong phiếu họp mở rộng ngày 20 tháng 2 năm 1948, Ban chấp hành tỉnh đảng bộ nhất trí quyết nghị tiếp tục kiện toàn, củng cố bộ máy mặt trận - dân vận, trên cơ sở đó đưa phong trào quần chúng tiến lên những bước phát triển mới. Với tham vọng làm sống lại hình ảnh Mặt trận Việt Minh thời kỳ cao trào cách mạng Tháng Tám (1945), Hội nghị chủ trương trước mắt tập trung khôi phục, củng cố Phụ nữ Cứu quốc và Nông dân Cứu quốc, tạo điều kiện cho hai tổ chức này phát triển, Hội nghị nhất trí sát nhập Thanh niên Cứu quốc vào Nông dân Cứu quốc và không phát triển Liên Việt.

Triển khai nghị quyết nói trên, các Ban chấp hành Việt Minh tỉnh và huyện đã mở tất cả tám mươi bảy lớp huấn luyện đào tạo 1806 cán bộ cơ sở cho Hội Nông dân và Phụ nữ Cứu quốc. Trong đó, riêng Chợ Rã, do có nhiều

thuận lợi hơn các nơi khác, đã mở ba mươi sáu lớp cho 636 học viên. Đồng thời với việc tích cực đào tạo cán bộ, Đảng bộ xúc tiến lãnh đạo kiện toàn bộ máy mặt trận - dân vận các cấp và phát triển hội viên. Được các tổ chức cơ sở của Đảng chú ý, các mặt công tác nói trên đều đạt được những thành tích chưa từng có. Tính đến cuối năm 1948, Hội Nông dân Cứu quốc đã thu hút 22.489 người. Hội phụ nữ Cứu quốc cũng xây dựng được một đội ngũ đông đảo 18.255 hội viên. Ngoài ra, thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy còn quyết định thành lập Ban nông dân miền ngược làm chức năng tham mưu cho Đảng bộ trong việc triển khai chính sách và nghiên cứu các dân tộc ít người.

Với những thành tích to lớn và cơ bản đã đạt được, năm 1948 đối với tỉnh ta thực sự là năm thuộc về công tác mặt trận dân vận. Trên nền tảng này, thường xuyên rút kinh nghiệm, Đảng bộ không ngừng đưa công tác mặt trận dân vận tiến lên theo nhịp độ phát triển ngày càng cao của sự nghiệp kháng chiến. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, năm 1949, một số thiếu sót về nhận thức, cũng như về tổ chức thực hiện được uốn nắn. Bắc Kạn tạo điều kiện cho Liên Việt phát triển, thành lập lại bộ máy lãnh đạo thanh niên. Riêng Thái Nguyên, do Đảng bộ làm tốt công tác tư tưởng, nên hội viên Cứu quốc vượt qua được định kiến cũ, nhất trí cao với chủ trương hợp nhất Việt Minh - Liên Việt của Đảng. Sau năm 1950, trong phong trào thi đua chuyển mạnh sang tổng phản công, đặc biệt để chuẩn bị cho cuộc cách mạng ruộng đất, công tác mặt trận - dân vận trong thời kỳ mới có những thay đổi về hình thức cũng như về nội dung. Năm 1951, Nông hội được thành lập và là thành viên mới của Mặt trận dân tộc thống nhất. Được Đảng quan tâm, lại có nòng cốt là Hội Cứu quốc các giới, đặc biệt là Nông dân Cứu quốc, nên tuy là thành viên mới nhưng Nông hội phát triển nhanh và trở thành một trong những lực lượng nòng cốt trong khối mặt trận - dân vận của tỉnh. Thực hiện đường lối giai cấp của Đảng, nhiều quần chúng xuất thân từ các thành phần cơ bản được Đảng bộ bồi dưỡng thành những cốt cán, những cán bộ đặc lực điều hành Nông hội các cấp hoạt động. Ở đây, do những hạn chế về lịch sử và tình hình cụ thể, công

tác tổ chức chưa vượt qua được sự thiên lệch có tính chất xu thế chung. Đó là thiếu sót. Tuy vậy, nhìn chung từ sau năm 1948, công tác mặt trận - dân vận đã được chú ý đúng với vai trò và vị trí của



Thanh niên xã Hùng Sơn (Đại Từ)
xung phong lên đường nhập ngũ

nó trong cách mạng. Nhờ những thành tích về xây dựng tổ chức và củng cố bộ máy các đoàn thể quần chúng nên Đảng bộ đã thành công trong việc tổ chức, giáo dục, và động viên nhân dân vượt qua khó khăn, thử thách, đóng góp ngày càng nhiều sức người, sức của vào sự nghiệp kháng chiến vĩ đại của Tổ quốc.

Nhân dân ta đi vào cuộc kháng chiến chống bè lũ thực dân trong điều kiện những tiền đề về tinh thần và vật chất, mà chủ yếu là về vật chất, mới bước đầu được xác lập, nên công tác tổ chức giữ vị trí như là mặt trọng yếu nhất của sự lãnh đạo của Đảng bộ. Trong thực tế, công tác phát triển đảng, củng cố chính quyền, tăng cường bộ máy mặt trận - dân vận...là những vấn đề lớn, luôn luôn đòi hỏi Đảng bộ phải tập trung cao độ sự đầu tư trí tuệ cũng như cán bộ. Thế nhưng ngay trong thời kỳ này, Đảng bộ tỉnh ta đã không tách riêng công tác tổ chức, hoặc đối lập công tác tổ chức với công tác tư tưởng. Bản thân những thành tựu đạt được trong công tác tổ chức một phần cũng là có sự đóng góp của công tác tư tưởng. Nhận thức rõ công tác tổ chức và công tác tư tưởng là hai mặt của một vấn đề, nên trong cả quá trình lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh sự nghiệp kháng chiến, Đảng bộ luôn luôn chú ý cả hai mặt công tác này, vừa nỗ lực tăng cường công tác tổ chức, vừa chăm lo đẩy mạnh công tác tư tưởng, luôn luôn đặt công tác tư tưởng đúng với vị trí của nó.

Cuối năm 1946, sau ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ. Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, Đảng bộ tỉnh ta tập trung chấn chỉnh bộ máy làm công tác chính trị, tư tưởng. Trong hoàn cảnh các cơ quan chức năng của Đảng như tuyên truyền, huấn học...chưa hình thành thì bộ máy thông tin - văn hóa là cơ quan chịu trách nhiệm chủ yếu trước Đảng bộ về công tác tư tưởng. Để đảm bảo cho bộ máy này đủ sức hoạt động theo yêu cầu mới của cuộc kháng chiến, Tỉnh ủy cử ủy viên chấp hành trực tiếp phụ trách bộ máy thông tin- văn hóa và chỉ đạo các cấp huyện và xã cũng phải làm như vậy. Có sự quan tâm của Đảng, bộ máy thông tin - Văn hóa của tỉnh được củng cố. Cơ quan ty cũng như phòng thuộc huyện được tăng cường thêm cán bộ và ưu tiên một số kinh phí nghiệp vụ hơn hẳn một số ty chuyên môn khác. Khắp các xã

trong toàn tỉnh lập được Ban Thông tin. Tại các xã có cơ sở Đảng, chi bộ cử chi ủy hay đảng viên hăng hái, nhiệt tình, có trình độ văn hóa nhất định trong Hội Cứu quốc các giới phụ trách Ban Thông tin và cùng với chính quyền điều hành Ban này hoạt động. Với một bộ máy hoàn chỉnh từ tỉnh đến cơ sở và nhìn chung đủ mạnh, ngành thông tin - văn hóa đã đóng vai trò tích cực trong việc giúp Đảng bộ đẩy mạnh công tác chính trị tư tưởng, mà cụ thể trong thời kỳ đầu kháng chiến này là giáo dục lòng căm thù bè lũ thực dân cướp nước và bọn phong kiến bán nước; cổ vũ đoàn kết dân tộc; tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng và Chính phủ... Hình thức tuyên truyền cũng rất phong phú và sinh động. Để khắc phục những trở ngại khách quan như điều kiện miền núi đi lại khó khăn, thiếu phương tiện tuyên truyền, trình độ, năng lực của cán bộ, nhân viên có hạn... tỉnh thành lập các “đoàn tuyên truyền xung phong” gồm các cán bộ thông tin - văn hóa và một số cán bộ thuộc các cơ quan dân vận, đem theo tranh ảnh, tài liệu xuống với đồng bào các dân tộc, tổ chức triển lãm, hát múa, kết hợp với tuyên truyền chủ trương chính sách, tuyên truyền chiến thắng. Bên cạnh đó, để giáo dục quần chúng trong tỉnh và đồng chí trong Đảng mặc dù đứng trước rất nhiều khó khăn chồng chất Đảng bộ vẫn quyết định xuất bản báo địa phương. Thực hiện quyết tâm của Tỉnh ủy, Bắc Kạn ra báo “Đoàn kết”, Thái Nguyên ra báo “Tiếng loa” (1948 đổi là “Thái Nguyên kháng chiến”). Ngoài báo ra hàng tuần, Ty Thông tin tuyên truyền còn phát hành tờ “Tin tức”. Nhiều kỳ, các tờ báo hàng tuần và hàng tháng ra tới năm, sáu trăm số, phát thẳng xuống Ban Thông tin các xã. Những tội ác của thực dân Pháp, các thành tích kháng chiến của quân và dân ta được các cơ quan tuyên truyền của Đảng phổ biến sâu rộng trong nhân dân từ thành thị đến nông thôn, từ trung du đến các vùng cao xa, hẻo lánh. Như Đại hội đại biểu tỉnh đảng bộ lần thứ nhất đã đánh giá, trong thời kỳ này các cấp ủy Đảng nỗ lực rất cao đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và đạt được những kết quả rất rõ nét. Tuy vậy do ấu trĩ và phần nào vì thiếu kinh nghiệm, công tác tư tưởng đã để lại một số hậu quả đáng chú ý. Thời kỳ đầu xu hướng chung là cố gắng xây dựng không khí lạc quan, nên nặng về tuyên truyền

thuận lợi và thành tích của ta, khó khăn và thất bại của địch, ngược lại từ đầu năm 1947 do nhu cầu giáo dục chủ trương kháng chiến lâu dài, gian khổ tự lực cánh sinh... lại chỉ nhấn mạnh khó khăn. Sự không nhất quán này làm cho nhiều quần chúng hoang mang, thiếu tin tưởng ở sự nghiệp kháng chiến, ảnh hưởng xấu đến sản xuất và công tác. Sớm nhận rõ những lệch lạc trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, để thực hiện nghị quyết hội nghị cán bộ toàn quốc của Đảng, hè thu 1947 Đảng bộ mở chiến dịch lớn trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng. Phương pháp và mục đích của chiến dịch này là dùng những hình thức tuyên truyền phổ thông “dễ cảm và dễ hiểu mà giác ngộ nhân dân về mục đích cứu quốc, đề cao tinh thần dân tộc, lòng tin ở thắng lợi cuối cùng. Đề cao nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc của toàn dân”⁽¹⁾. Chuẩn bị ra quân triển khai chiến dịch nói trên, trong ba tháng quý hai năm 1947 Thái Nguyên mở liên tiếp nhiều lớp huấn luyện cho hàng trăm đảng viên làm nhiệm vụ “tuyên truyền viên chi bộ”. Bắc Kạn tiếp tục hình thức “tuyên truyền xung phong: Đảng bộ huy động các cán bộ thuộc nhiều cơ quan, trong đó chủ yếu là cán bộ thông tin và dân vận, tập trung về tỉnh huấn luyện, phân chế thành các đội, phân công đi cơ sở làm công tác tuyên truyền lưu động. Trong dịp này lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ngày 20 tháng 12 năm 1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh thần chỉ thị “toàn dân kháng chiến” ngày 22 tháng 12 năm 1946 của Trung ương đảng được các cơ quan tuyên truyền của tỉnh quán triệt lại cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Các khẩu hiệu “toàn dân đoàn kết, kháng chiến lâu dài”, “vừa kháng chiến, vừa kiến quốc”, “kháng chiến nhất định thắng lợi”, “Việt Nam độc lập, thống nhất muôn năm”... được các chiến sĩ thông tin tuyên truyền kẻ trên băng, biển, vách đá và cố gắng truyền thụ tinh thần của các khẩu hiệu ấy đến mọi người dân. Trong cả quá trình phát triển của Đảng bộ, đây là lần đầu tiên công tác tuyên truyền, giáo dục được triển khai rầm rộ và sâu rộng nhất. Nhân dân thị xã, thị trấn, các khu vực nông thôn tiện đường giao thông, cũng như trên vùng cao, xa xôi hẻo

⁽¹⁾ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: Văn kiện Đảng (từ 25-11-1945 đến 31-12-1947), Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội 1969, tr 82

lính đều được học tập chủ trương, đường lối kháng chiến, kiến quốc của Đảng. Kết hợp tuyên truyền giáo dục tư tưởng với vận động quần chúng thực hiện nhiệm vụ chính trị, trong dịp này, các cấp ủy Đảng, các hội quần chúng và chính quyền đã phát động nhân dân tăng gia sản xuất, giúp đỡ cơ quan, xí nghiệp, đồng bào các tỉnh bạn tản cư và đẩy mạnh các mặt công tác phục vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu khác. Cán bộ, đảng viên và toàn thể đồng bào các dân tộc trong tỉnh biểu thị sự nhất trí cao với đường lối kháng chiến, kiến quốc của Đảng, đã vượt qua nhiều khó khăn cả về chủ quan và khách quan như tình hình chiến sự diễn biến phức tạp, một bộ phận quan trọng lao động khỏe thu hút vào các nhiệm vụ trung tâm khác...vẫn phấn đấu hoàn thành gieo cấy kịp thời vụ, hết diện tích. Với tinh thần “tăng gia sản xuất để kháng chiến”, trong vụ sản xuất đầu tiên này, nhân dân vượt qua tập quán cũ, vừa sản xuất lúa, vừa cố gắng phát triển hoa màu. Các lĩnh vực hoạt động khác như xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang, phá hoại, giáo dục phổ thông, bình dân học vụ...đều đạt được những thành tích mới, vượt xa thành tích của cả hai năm đầu cách mạng. Nhưng đây cũng mới là sự biểu hiện có tính chất hình thức. Kết quả của quá trình giáo dục tư tưởng của Đảng bộ trong đó có chiến dịch tuyên truyền hè - thu nói trên phải kể đến những thành tựu trong các biến cố thu đông tiếp đó.

Trước khi tiến công Việt Bắc (thu đông 1947), thực dân Pháp đã mơ tưởng việc tái lập bộ máy tay sai vốn là một trong những hình ảnh sâu đậm của chúng về chế độ thuộc địa. Bọn thực dân tin rằng những người đã tham gia bộ máy tay sai các cấp vẫn nhớ chủ cũ, hơn thế với mảnh khoe tuyên truyền xuyên tạc về “Việt Minh cộng sản”, có thể lôi kéo không ít những người nhẹ dạ cả tin. Nhưng điều đáng tiếc đã không xảy ra. Cách mạng làm đảo lộn mọi sự suy tưởng chủ quan. Một số tên thực dân từng là quan cai trị cũ ở đây, nay chỉ huy các binh đoàn tinh nhuệ đánh lên, lại là những tên hoang mang dao động nhất. Nhân dân ta muôn người như một kiên quyết đứng lên kháng chiến bảo vệ độc lập, tự do. Tại thị xã Bắc Kạn, nơi có phần bất ngờ vì cuộc tiến công của địch, một số cán bộ, chiến sĩ và nhân dân không

kip thoát ra căn cứ. Một số người bị địch bắt và tìm cách khuất phục. Nhưng những người được Đảng giáo dục đã tỏ ra vững vàng. Một chiến sĩ cảnh vệ còn rất trẻ bị thương, bị bắt, không những không chịu xuống theo lệnh của tên xâm lược, mà còn hát vang quốc ca cổ vũ đồng bào, đồng chí và sẵn sàng nhận lấy cái chết bất khuất, kiên cường. Hàng trăm quân chúng bất chấp nguy hiểm, vượt qua mặt trận ra vùng tự do để được tham gia kháng chiến. Ở đây, hoàn cảnh éo le là hòn đá thử vàng đối với lòng yêu nước, tinh thần dân tộc và cách mạng, đồng thời cũng là thước đo kết quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng của Đảng bộ.

Sau chiến dịch Việt Bắc, cùng với những thành tựu mới trong công tác tổ chức, Đảng bộ có những cố gắng mới nhằm thúc đẩy công tác tư tưởng phát triển. Đầu năm 1948, cơ quan Tuyên huấn của tỉnh được thành lập. Tiếp đó Ban huấn luyện và trường Đảng cũng được xây dựng. Hoàn cảnh kháng chiến gian nan, điều kiện sinh hoạt, phương tiện học tập thiếu thốn, nhưng năm đầu xây dựng, trường Đảng tỉnh đã cố gắng, mở đồng thời ba phân hiệu: lý luận, văn hóa và nghiệp vụ. Ban huấn luyện cũng tổ chức lưu động các lớp ngắn ngày ở huyện và cơ sở. Với những cố gắng mới, trong khoảng thời gian từ Đại hội lần thứ nhất đến Đại hội lần thứ hai, Thái Nguyên mở được tất cả 31 lớp, trong đó có 30 lớp học tập lý luận chính trị cho chi ủy và đảng viên thường, một lớp cho bí thư chi bộ. Tổng số cán bộ, đảng viên được đào tạo văn hóa, lý luận và nghiệp vụ (tổ chức, tuyên huấn...) lên tới 978 người. Cũng trong khoảng thời gian ấy Bắc Kạn huấn luyện cho hơn 800 cán bộ, đảng viên, trong đó 3 lớp huấn luyện chương trình huyện ủy viên cho 60 cán bộ, 5 lớp khác đào tạo bí thư và tuyên huấn chi bộ cho 134 cán bộ, đảng viên.

Đồng thời với việc học tập lý luận, nghiệp vụ và văn hóa, trong thời gian này, toàn Đảng bộ tổ chức cuộc sinh hoạt chính trị lớn “kiểm thảo theo thư của Hồ Chủ tịch”.

Ngày 1 tháng 3 năm 1947 Chủ tịch Hồ Chí Minh viết thư “gửi các đồng chí Bắc Bộ”. Sau khi nêu lên tính chất cấp bách và tình hình khó khăn, gian khổ của sự nghiệp kháng chiến. Người chỉ ra những khuyết điểm cần phải “tẩy

sạch” là “Địa phương chủ nghĩa”; “Óc bè phái”; “ Óc quân phiệt quan liêu”; “Óc hẹp hòi”; “Ham chuộng hình thức”; “làm việc lười bàn giấy”; “Vô kỷ luật, kỷ luật không nghiêm”; “ích kỷ hủ hóa”. Người kêu gọi toàn Đảng kiên quyết khắc phục khuyết điểm để làm tốt những nhiệm vụ cấp bách; xây dựng Đảng; củng cố chính quyền; xây dựng và bảo vệ hệ thống thông tin, liên lạc giữa các cấp, các địa phương.

Ngày 7 tháng 7 năm 1947, Ban chấp hành Trung ương Đảng ra chỉ thị “về cách kiểm thảo theo bức thư của Hồ Chủ tịch”.

Do tình hình chiến sự lan rộng trong thu đông 1947, sang năm 1948 và nửa đầu năm 1949 tình ta mới có điều kiện tổ chức cuộc sinh hoạt chính trị nói trên

Căn cứ đề cương của Tỉnh ủy, tất cả đảng viên trong toàn Đảng bộ tiến hành học tập thư của lãnh tụ, trên cơ sở đó tổ chức tự phê bình và phê bình. Đề cao tính Đảng, tính giai cấp, toàn Đảng bộ mở cuộc tiến công vào những tàn dư của các hệ tư tưởng phong kiến và tư sản như “chủ nghĩa địa phương” dân tộc hẹp hòi, quân phiệt, quan liêu, thói tự do vô tổ chức, vô kỷ luật... Trong cuộc sinh hoạt chính trị này, Đảng bộ phát động học tập tác phẩm sửa đổi lối làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Các cố gắng nói trên tạo ra những tiền đề quan trọng cho công tác tư tưởng của Đảng bộ trong thời kỳ chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công. Để tạo điều kiện cho cán bộ, đảng viên tiếp tục nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, và nghiệp vụ, xây dựng được nền nếp và phong trào học tập trong thời kỳ mới, Đại hội đại biểu tỉnh đảng bộ lần thứ hai quyết nghị đưa dân việc học tập của cán bộ, đảng viên lên thành quy định thống nhất, chú trọng bồi dưỡng chính trị, lý luận đồng thời tích cực nâng cao trình độ văn hóa, cố gắng để sau một thời gian tương đối ngắn đạt được những mục tiêu cơ bản về mặt học tập. theo đó, trong khoảng thời gian từ một đến hai năm đảng viên thường phải có trình độ lý luận cơ sở, biết đọc biết viết, thành thạo những động tác cơ bản về quân sự. Đảng viên đảm nhiệm các cương vị lãnh đạo và chỉ đạo khác sẽ tùy theo mà nâng dần yêu cầu.

Triển khai phương hướng xây dựng Đảng về mặt tư tưởng trong tình hình mới, toàn Đảng bộ đẩy lên sôi nổi phong trào học tập, tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất chính trị, trình độ và năng lực công tác. Tại Bắc Kạn, đầu năm 1950, lập thành tích chào mừng hai mươi năm ngày thành lập Đảng, Ban chấp hành tỉnh đảng bộ phát động đợt giáo dục chính trị và học tập lý luận trong toàn tỉnh.

Thuộc phạm vi đợt phát động này sáu tỉnh ủy viên được cử đi học trường



Công nhân vận tải chở hàng
lấy tiền mua công trái quốc gia

Nguyễn Ái Quốc của Trung ương, bốn mươi bí thư chi bộ xã và cán bộ huyện được đi đào tạo lớp huyện ủy viên của trường Hoàng Văn Thụ, gần hai trăm đảng viên khác, gồm chi ủy viên các liên chi, các chi bộ cơ sở và ủy viên ban chấp hành các Đảng bộ huyện, được dự các lớp ngắn hạn của trường Phùng Chí Kiên thuộc tỉnh, Ở Thái Nguyên, cuộc “vận động đào tạo cán bộ, học tập lý luận” được phát động vào dịp kỷ niệm lần thứ sáu mươi ngày sinh của Bác Hồ kính yêu. Theo quyết nghị của Ban thường vụ tỉnh ủy, trong cuộc vận động này toàn Đảng bộ học các tác phẩm: Sửa đổi lối làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Cách mạng Tháng Tám của đồng chí Trường Chinh và tài liệu “Nhân loại tiến hóa luận”. Góp phần tích cực vào cuộc vận động trường Đảng tỉnh mở liên tiếp bốn lớp bồi dưỡng lý luận và văn hóa cho những cán bộ chủ chốt của các Đảng bộ cơ sở.

Đối với quảng đại quần chúng nhân dân, nội dung công tác tư tưởng trong thời kỳ này là thông qua việc giáo dục truyền thống, giáo dục thời sự, chính sách mà tiếp tục bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết quốc tế và khích lệ hành động cách mạng. Bên cạnh các hoạt động phong phú và đa dạng như tổ chức “Ngày hai Bà Trưng”, “Tuần lễ Trần Quốc Toản”, thành lập chi hội Văn hóa - Giáo dục, chi hội Việt - Xô hữu nghị...Đảng bộ tập trung lãnh đạo “tuần lễ thi đua giết giặc lập công”.

Ngày 2 tháng 9 năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh “huấn thị về chiến dịch Cao - Bắc - Lạng”. Bản huấn thị chỉ rõ: “Chiến dịch Cao - Bắc - Lạng rất quan trọng. Chúng ta quyết thắng trận này”⁽¹⁾. Để khích lệ toàn Đảng, toàn dân và toàn quân tiến lên hoàn thành nhiệm vụ, Người phát động “cuộc thi đua giết giặc lập công”.

Ngày 9 tháng 9 năm 1950 Bác Hồ gửi thư kêu gọi đồng bào Cao - Bắc - Lạng: “Quân ta mở chiến dịch trên mặt trận Cao - Bắc - Lạng. Chiến dịch này rất quan trọng cho Cao - Bắc - Lạng và cho cả toàn quốc...Đồng bào hãy làm

⁽¹⁾ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng: Bác Hồ với Bắc Thái, Ty văn hóa và thông tin Bắc Thái xuất bản, 1978, tr 19

gương kiêu mẫu cho nhân dân toàn quốc, giúp cho chiến dịch được thắng lợi”⁽²⁾

Ngày 10 tháng 9 năm 1950, Ban thường vụ Liên Khu uỷ Việt Bắc ra chỉ thị “tích cực chuẩn bị thi hành mệnh lệnh của Hồ Chủ tịch về tuần lễ thi đua giết giặc lập công”.

Triển khai cuộc vận động quan trọng này, hàng trăm cán bộ tỉnh và huyện được huy động xuống các xã, giúp Đảng bộ cơ sở tổ chức việc học tập lời huấn thị, cũng như thư kêu gọi của Bác Hồ và phát động “tuần lễ thi đua giết giặc lập công”. Trong lịch sử phát triển của công tác tư tưởng của Đảng bộ, đây là lần thứ hai triển khai một chiến dịch có quy mô lớn. Trong cuộc vận động chính trị này, Đảng bộ cố gắng làm cho mỗi người dân quán triệt lại nghĩa vụ, trách nhiệm, đồng thời cũng là vinh dự của những đóng góp đối với kháng chiến, trên cơ sở đó phát huy quyền làm chủ trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, trong xây dựng kinh tế, văn hóa và tổ chức đời sống.

Trước tình hình có rất nhiều khó khăn cả về chủ quan và khách quan, những thành tích bước đầu về công tác tư tưởng là cố gắng to lớn của Đảng bộ. Tuy vậy, như Đại hội đại biểu tỉnh đảng bộ lần thứ hai đã chỉ rõ mặt công tác này của tỉnh còn bộc lộ nhiều thiếu sót. Trong mấy năm đầu kháng chiến, nhất là hai năm 1947 và 1948, Đảng bộ phát triển rất nhanh về số lượng trong khi công tác tư tưởng không đáp ứng được nhu cầu nâng cao chất lượng đảng viên. Tình trạng “mù Hội” mà các nghị quyết Đại hội nêu lên chủ yếu là thiếu sót của công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Do thụ động nên công tác này thường tiến hành thành từng đợt theo sự chỉ đạo của Trung ương và Khu. Sự không liên tục ấy là điều kiện khách quan cho tư tưởng tiêu cực phát sinh và những khó khăn vốn có thêm trầm trọng. Kế hoạch tự học chính trị, lý luận của cán bộ, đảng viên được đề ra cụ thể, nhưng vì thiếu kiểm tra, đôn đốc lại thiếu điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần để thực hiện nên ít kết quả. Nhận xét những tồn tại về công tác tư tưởng, trong báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ hai, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Vì việc học

⁽²⁾ sách trên, tr 21.

tập chủ nghĩa còn kém, cho nên tư tưởng của nhiều cán bộ và đảng viên chưa thuần thực, trình độ lý luận còn non nớt. Do đó, trong khi thi hành chính sách của Đảng và Chính phủ, đã xảy ra những khuynh hướng sai lầm hoặc “tả” hoặc hữu (như chính sách ruộng đất, mặt trận dân tộc thiểu số, tôn giáo, chính quyền v.v...)

“Vì vậy, việc học chủ nghĩa, dồi mài tư tưởng, nâng cao lý luận, chỉnh đốn tổ chức - là những việc cần kíp của Đảng”⁽¹⁾

Dưới ánh sáng nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ hai và nghị quyết Đại hội tỉnh đảng bộ lần thứ ba, trong thời kỳ mới của cách mạng và kháng chiến, công tác tư tưởng hướng mọi cố gắng vào việc khắc phục tồn tại, đồng thời không ngừng vươn lên trong vai trò người hướng dẫn trước mỗi nhiệm vụ cách mạng cũng như mọi cuộc vận động chính trị. Song song với việc tăng cường giáo dục chính trị lý luận nhằm tiến công không khoan nhượng vào các hệ tư tưởng phong kiến và tư sản, xác lập vị trí chủ đạo của hệ tư tưởng vô sản với học thuyết Mác - Lê nin bách chiến, bách thắng, công tác tư tưởng trong thời kỳ mới tập trung phục vụ hai nhiệm vụ chiến lược: đẩy mạnh sự nghiệp kháng chiến, ra sức hoàn thành sứ mạng giải phóng dân tộc, đồng thời tiến hành phát động quần chúng giảm tô, thực hiện cải cách ruộng đất, mở màn sự nghiệp cách mạng dân chủ của cả nước.

Nhằm trang bị cho mỗi cán bộ, đảng viên vũ khí sắc bén trước tình hình và nhiệm vụ mới, thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng, đầu năm 1952 tỉnh ta tổ chức khóa chỉnh huấn đầu tiên, gọi là chỉnh huấn mùa xuân, khai trương cuộc vận động chính trị lớn của Đảng bộ, Đi đầu trong cuộc vận động này, ngày 20 tháng 2 năm 1952, Thái Nguyên khai mạc lớp chỉnh huấn cho các cán bộ chủ chốt của Đảng bộ. Theo kế hoạch, 314 cán bộ, trong đó có bảy mươi bí thư chi bộ xã sẽ dự lớp này, nhưng vì một số cán bộ được điều động đột xuất đi phụ trách dân công hỏa tuyến nên vắng mặt mười bốn đồng chí. Tại Bắc Kạn, lớp đầu tiên mở cho một trăm cán bộ xung quanh tỉnh và các

⁽¹⁾ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: Văn kiện toàn quốc đại biểu đại hội lần thứ hai của Đảng. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng xuất bản, Hà Nội, 1955, tr 35

huyện. Các lớp có tính chất thí điểm này được Trung ương và Khu rất quan tâm. Trong hai mươi năm ngày của một đợt chỉnh huấn, cán bộ, đảng viên được giới thiệu tương đối hệ thống về cách mạng Việt Nam; tình hình và nhiệm vụ mới, chủ trương kháng chiến lâu dài và tự lực cánh sinh; vấn đề chăm lo đời sống quần chúng; chính sách ruộng đất; các nguyên tắc xây dựng Đảng; tác hại của tham ô, hủ hóa, quan liêu; tiêu chuẩn của người đảng viên cộng sản...Đề cao tự phê bình một cách thành khẩn và phê bình trên tình hữu ái giai cấp, chỉnh huấn thực sự là một dịp để mỗi cán bộ, đảng viên lấy các mẫu mực về phẩm chất đạo đức của người cán bộ và tư cách của một đảng viên cộng sản làm tấm gương soi dọi bản thân, từ đó ra sức phát huy ưu điểm, kiên quyết gột rửa thiếu sót, khuyết điểm nỗ lực vươn lên đáp ứng đòi hỏi của tình hình và nhiệm vụ mới. Cũng nhằm mục đích này, các lớp chỉnh huấn đặc biệt chú ý bồi dưỡng nhân sinh quan và thế giới quan cộng sản, giúp cho mỗi cán bộ, đảng viên quán triệt nhiệm vụ và xác định rõ đối tượng của cách mạng trong thời kỳ mới. Sau khi bế mạc, những học viên của các lớp chỉnh huấn đầu tiên được tinh trung tập tham gia cuộc vận động chỉnh đốn cơ sở.

Rút kinh nghiệm các lớp khóa một, đầu xuân 1953, triển khai khóa hai, bên cạnh các lớp giành cho đảng viên gọi là chỉnh Đảng, có các lớp giành cho cán bộ ngoài Đảng gọi là chỉnh huấn. Ngoài nội dung như khóa một, các lớp chỉnh Đảng và chỉnh huấn khóa hai được học thêm đường lối cách mạng ruộng đất, phương hướng và biện pháp phát động quần chúng giảm tô. Nhiều cán bộ, đảng viên sau khi dự các lớp này trở thành lực lượng nòng cốt của đạo quân triển khai cuộc cách mạng dân chủ, giành lại ruộng đất về tay nhân dân lao động.

Sau khóa một và khóa hai, cuộc chỉnh Đảng và chỉnh huấn còn được tiếp tục cho đến đầu năm 1954. Hình thức và nội dung của các lớp chỉnh Đảng và chỉnh huấn của tỉnh tuy vẫn đảm bảo sự chỉ đạo thống nhất, nhưng nhìn chung phong phú và đa dạng. Truyền thống yêu nước, tinh thần cách mạng, ý thức giai cấp công nhân và lòng tin tưởng tuyệt đối ở sự lãnh đạo của Đảng là những điều kiện giúp cho các lớp chỉnh Đảng và chỉnh huấn vượt qua một số

thiếu sót về phương pháp, đạt tới mục đích xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng và tổ chức. Chính là nhờ những cố gắng và thành tựu này, Đảng bộ tỉnh ta đã đảm bảo lãnh đạo nhân dân các dân tộc vượt qua khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ mới: sản xuất tiết kiệm và thuế nông nghiệp; phát động quần chúng giảm tô và thực hiện cải cách ruộng đất; sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, đồng thời không ngừng vươn lên đóng góp ngày càng cao sức người, sức của, góp phần tích cực cùng toàn Đảng, toàn dân đưa cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp đến thắng lợi.

Tiếp theo thắng lợi vĩ đại Điện Biên Phủ (7-5-1954) ngày 22 tháng 7 năm 1954 hiệp định Giơ ne vơ được ký kết. Cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc ta kéo dài trong chín năm kết thúc. Một nửa đất nước từ vĩ tuyến mười bảy trở ra sạch bóng quân xâm lược.

Chào mừng thắng lợi vĩ đại của chín năm kháng chiến gian khổ và anh dũng, chào đón đoàn đại biểu Chính phủ đấu tranh ngoại giao thắng lợi trở về, Ban chấp hành tỉnh đảng bộ tổ chức một cuộc mít tinh lớn tại thị xã Thái Nguyên. Đồng chí Phạm Văn Đồng, trưởng đoàn đại biểu nước ta tại hội nghị Giơ ne vơ, thông qua mấy chục nghìn đồng bào các dân tộc có mặt tại cuộc mít tinh, báo cáo với nhân dân cả nước thắng lợi đạt được trong lĩnh vực đấu tranh ngoại giao. Thắng lợi năm 1954 tuy chưa trọn vẹn nhưng là thắng lợi to lớn và có ý nghĩa lịch sử sâu sắc. Với thắng lợi này nhân dân ta ghi thêm vào lịch sử chống ngoại xâm của Tổ quốc và lịch sử giải phóng dân tộc trên thế giới chiến công đánh bại tên đế quốc sừng sỏ cùng với chủ nghĩa thực dân cũ của nó, tạo ra cục diện và triển vọng mới của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do và tiến bộ xã hội.

Trong niềm vui chiến thắng của toàn Đảng, toàn dân, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh ta phấn khởi, tự hào về quá trình phấn đấu liên tục với nỗ lực cao nhất của cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ nhưng anh dũng của Tổ quốc.

Nằm ở trung tâm Khu giải phóng trong cách mạng Tháng Tám, có vinh dự được Trung ương Đảng chọn làm căn cứ địa của cuộc kháng chiến, Đảng bộ và nhân dân ta đã cố gắng khắc phục nhiều khó khăn do xã hội cũ để lại, ra sức xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, phát triển kinh tế, văn hóa, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự xã hội. Với sự nỗ lực cao trên mọi lĩnh vực suốt



Đảng chí Phạm Văn Đồng nói về thắng lợi của Hội nghị Giơ-ne-vơ tại cuộc mít tinh của nhân dân thị xã Thái Nguyên (1954)

những năm dài kháng chiến, Đảng bộ và nhân dân ta luôn luôn tỏ ra xứng đáng trong vai trò tỉnh căn cứ địa, vừa tích cực đóng góp sức người, sức của với Tổ quốc, vừa góp phần quan trọng vào việc bảo vệ các cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước.

Trong quá trình phấn đấu làm tròn trách nhiệm tỉnh căn cứ địa. Đảng bộ và nhân dân ta luôn luôn được Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ Tịch lãnh đạo sát sao được các cơ quan, đơn vị quân đội, các xí nghiệp của Trung ương giúp đỡ thiết thực. Do đó thành tích “vừa kháng chiến, vừa kiến quốc” mà Đảng bộ và nhân dân ta đạt được một phần nhờ ở vinh dự được chọn làm căn cứ địa cho cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp.

Nhận thấy hết vinh dự và trách nhiệm, được cổ vũ bởi chiến thắng vĩ đại của sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh ta càng xiết chặt đội ngũ, phát huy truyền thống tỉnh căn cứ địa, cùng với toàn Đảng, toàn dân phấn đấu cho những nhiệm vụ chiến lược trong giai đoạn mới; tiếp tục cuộc cách mạng ruộng đất, hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đồng thời ra sức đấu tranh thống nhất nước nhà, hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân trong cả nước.

HẾT TẬP 1

MỤC LỤC

	TRANG
<i>Lời giới thiệu</i>	3
Chương mở đầu	
TỈNH BẮC THÁI	5
<i>Chương I</i>	
CƠ SỞ ĐẢNG ĐẦU TIÊN	
I Sơ lược và hoàn cảnh xã hội tỉnh ta dưới ách thống trị của thực dân Pháp	20
II Mấy nét về tình hình giai cấp công nhân	29
III Xây dựng cơ sở Đảng đầu tiên	34
<i>Chương II</i>	
CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	44
I Củng cố, mở rộng cơ sở cách mạng và phong trào cách mạng	45
II Giành chính quyền bộ phận. Kháng chiến chống Nhật. Tổng khởi nghĩa, cách mạng Tháng Tám thành công	84
<i>Chương III</i>	
BẢO VỆ VÀ CỨNG CỐ THÀNH QUẢ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	128
I Sơ lược về những khó khăn lớn sau ngày cách mạng Tháng Tám thành công	128
II Bảo vệ và củng cố thành quả cách mạng Tháng Tám	131
1. Xây dựng Đảng	131
2. Bảo vệ và củng cố chính quyền cách mạng	135
<i>Chương IV</i>	
KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP	147
I Kháng chiến toàn quốc. Tỉnh ta chuẩn bị đối phó với tình hình chiến sự lan rộng	147

II	Cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương	156
1.	Quân và dân tỉnh ta trong chiến dịch Việt Bắc – thu đông 1947	156
2.	Chủ động đánh địch. Giải phóng toàn tỉnh	164
3.	Chống “chiến dịch chó biển” góp phần vào chiến thắng Biên giới	172
4.	Cuộc vận động tiêu phi	177
III	Đảm bảo giao thông, vận tải phục vụ tiền tuyến	190
IV	Khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa	201
1	Khôi phục và phát triển kinh tế	201
2	Phát triển y tế, văn hóa, giáo dục	222
V	Công tác tổ chức và công tác tư tưởng	232